

VIÊN GIÁC

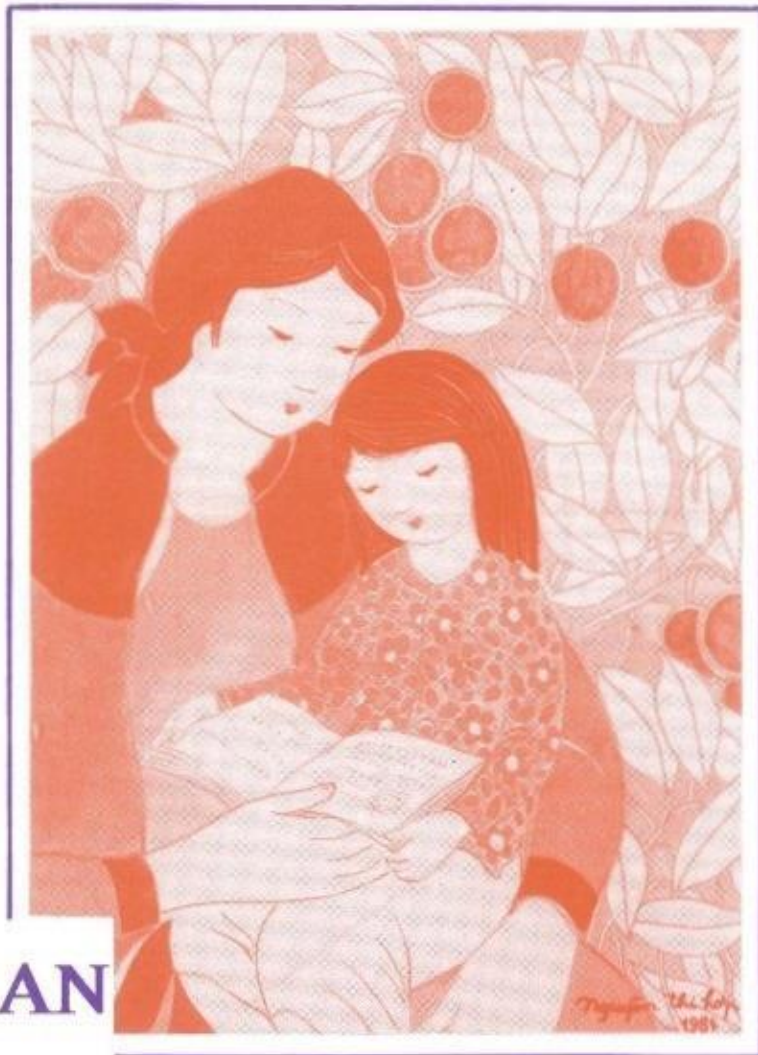
TẠP CHÍ CỦA KIỀU BẢO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TẠI CỘNG HÒA
LIÊN BANG ĐỨC • ZETTSCHRIFT DER VIETNAMESEN UND BUDDH.
VIETNAM-FLÜCHTLINGE IN DER BUNDESREPUBLIK DEUTSCHLAND



52

**THÁNG TÁM 1989
AUGUST 1989**

AUSGABE IN VIETNAMESESISCH UND DEUTSCH



VU LAN

ULLAMBANA 1989

THƯ TÒA SOẠN

Chẳng mấy ai trong chúng ta mà không biết đến câu ca dao này :

"Chiều chiều ra đứng ngõ sau

Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều"

Đây có thể là nỗi lòng của người con gái đi lấy chồng; nhưng bị gia đình chồng hắt hủi. Vì thế cứ mỗi buổi chiều người con gái ấy ra đứng sau nhà của chồng, với đôi mắt xa xăm nhìn về dĩ vãng, trong đó có nỗi nhớ niềm thương đối với mẹ hiền. Trong những lúc khó khăn như thế, ở nhà khi xưa đều được mẹ hiền giúp đỡ. Nhưng bây giờ đây chỉ có một mình nàng gánh chịu. Vì thế tình thương của người con gái đối với mẹ hiền lại dâng tràn lên tâm khảm lúc chiều sang.

Ngày nay chúng ta làm thân tỵ nạn, không mấy ai trong chúng ta lại không nhớ và nghĩ về quê mẹ, nhất là những lúc chúng ta gặp những cảnh đau lòng, xót dạ nơi đây. Mặc dù ở đây chúng ta cũng được đối đãi tử tế; nhưng nếu nghĩ cho cùng, chúng ta đâu có khác người con gái đi lấy chồng kia và mỗi chiều lại trông về cố quốc. Vì nơi đó có quê hương, tình người và bè bạn.

Đối với người Phật Tử, hơn lúc nào hết, Công ơn sanh thành dưỡng dục của mẹ cha, chúng ta không thể nào quên được. Vì thế chúng ta phải có bốn phận báo hiếu đáp đền công ơn cao dày đó. Chúng ta không phải chỉ khóc thương, nhớ nghĩ đến cha mẹ mà còn thể hiện sự nhớ thương hiếu dưỡng ấy bằng cách nhân ngày Vu Lan



về hãy làm những gì cho cha mẹ được hài lòng như dâng một chén nước, tặng một bình bông, chở cha mẹ đi chùa lễ Phật v.v.. tất cả đó phải nên làm. Không nên chờ lúc cha mẹ qua đời chúng ta mới cung kính, lễ bái và khóc thương cha mẹ.

Đức Phật có dạy rằng:

"Cha mẹ tại tiền như Phật tại thế".

Vì thế nếu ai biết hiếu kính với cha mẹ cũng có nghĩa là biết thờ cúng chư Phật rồi. Năm nay mùa Vu Lan đã về, xin gởi đến những ai còn mẹ một đóa hoa hồng tươi, hãy tự cài lên áo mình, để tự nghĩ rằng - mình điếm phúc còn có mẹ và xin gởi đến cho những ai không may mất mẹ một đóa hoa màu trắng - màu của trinh nguyên và buồn khổ, để biết rằng mình đã mất đi một tình thương cao quý nhất của cuộc đời.

Xin nguyện cầu cho người còn được an lạc và kẻ thác được siêu thăng.

Nam Mô Đại Hiếu Mục Kiền Liên Bồ Tát
Ma Ha Tát

Viên Giác

VIÊN GIÁC



Tạp Chí của Kiều Bào và Phật Tử
Việt Nam Tỵ Nạn
tại Cộng Hòa Liên Bang Đức

Zeitschrift der Vietnamesen und
Buddhistischen Vietnam-Flüchtlinge
in der Bundesrepublik Deutschland.

Chủ Trương: T.T. Thích Như Điển
Herausgeber

Chủ Bút và Kỹ Thuật: Thị Chơn
Redakteur und Layout

Cùng sự cộng tác của
Mitwirkung von
Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn
tại Cộng Hòa Liên Bang Đức
Vereinigung der Buddhistischen
Vietnam-Flüchtlinge i.d. BRD e.V

Tòa Soạn và Ấn Quán
Redaktion und Verlag
Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội
Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức
Vietnamesisch-Buddhistisches
Sozio-Kulturzentrum i.d. BRD

c/o Viên Giác Pagode
Eichelkampstr.35A, 3000 Hannover81
Tel.: 0511-864638

● Viên Giác phát hành mới 2 tháng,
vào tháng chẵn, nhằm mục đích phục
vụ lợi ích cho cộng đồng người
Việt tỵ nạn tại Tây Đức.

● Viên Giác bảo tồn và phát huy
truyền thống Văn Hóa Phật Giáo và
Dân Tộc Việt, cùng những sinh hoạt
Tôn Giáo, Xã Hội.

● Viên Giác hoàn toàn không có
tính cách thương mại, tuy nhiên mọi
ủng hộ qua hình thức cúng dường,
Viên Giác xin chân thành cảm tạ.

● Ủng hộ Viên Giác, quý vị sẽ nhận
được biên nhận để khai làm đơn xin
quản binh thuế cuối năm.

TRONG SỐ NÀY

Trang

Thư Tòa Soạn

Tôn Giáo

Tổ Thiển Tông	Thích Thanh Từ	2
Hương Quê Cực Lạc	Liên Du	5
Tương Lai Thiên Học Việt Nam	Nhất Hạnh	9
Sự Phục Hưng PG Tại Ấn Độ	Thích Trí Chơn	14
Tin Có Luân Hồi	Lưu Hoảng Nguyễn	15
Mua Vui	Thích Nữ Thế Quán	17
Đạo Phật Đi Vào Cuộc Đời	Tâm Như	19

Đức Ngữ - Ins Deutsch

Die Lehre Buddhas	B.Dendo Kyokai	20
Über Den Umgang Mit Den Sutra	Roland Berthold	23
Das Leben Eines Buddh. Mönches	Thích Bào Lạc	26
10 Tage In Der Oase Des Friedens	Martin Follert	28
Buddhistische Aktivitäten	Viên Giác	29

Chủ Đề

Bông Hồng Nào Cho Mẹ	Nhật Tiến	31
Những Người Mẹ Khổ Đau	Hạ Long	34
Người Hành Khất	Thích Như Điển	37
Tâm Sự Người Cha	Lê Thị Bạch Nga	40
Vườn Trầu Của Mẹ	Hồng Nhiên	41
Ngày Cho Mẹ	Tâm Thu - Hồ Thủy	45

Văn Nghệ

Bầy Cá Ròng Ròng	Phạm Thăng	47
Những Ngày Không Như Mọi Ngày	Thiện Trang	50
Những Văn Thơ Năm Trước	Người Làm Vườn	52

Sáng Tác

Khóc Mẹ	Tâm Hoan	53
Hối Tưởng Về Mẹ	Châu Bảo Chương	54

Trang Sen

Lá Thư Thiếu Nhi	Tâm Bạch	55
Ai Cũng Có Mẹ	Thích Tâm Quang	55
Sứ: Nhà Hậu Lý	Thiện Hạnh	57
Trại Lộc Uyển Giai Đoạn II	Thiện Căn	58
Cuộc Đời Đức Phật	Chùa Khánh Anh	62

Thế Giới Thời Sự

Vũ Ngọc Long phụ trách	63
------------------------	----

Cộng Đồng - Phật Sự

Diễn Đàn Độc Giả: Nhập Tịch... Việt Nam Ngày Nay...	Nguyễn Văn Thịnh	70
Tìm Hiểu Thế Giới Ngày Nay	Vũ Ngọc Long	72
Mary Kingstown - Cap Anamur V	Thị Tâm	75
Tin Thế Thao	Nguyễn Hữu Huân	76
Tin Xã Hội	Người Giám Biên	80
Tin Sinh Hoạt Cộng Đồng	Thiện Dũng	83
Tin Phật Sự	Viên Giác	84
Diễn Tiến Việc Xây Chùa Viên Giác	Viên Giác	85
Phương Danh Cúng Dường	Thích Như Điển	89
	Viên Giác	90

Thơ

Của các Thi hữu: An Lai Thôn Nữ, Hoài Việt, Hà Đậu Đồng,
Hoài Khê, Tùy Anh, Việt Chí Nhân, Thích Hạnh Tuấn, Đình Hùng

Phương Danh Cúng Dường	Viên Giác	90
------------------------	-----------	----

Hình bìa của: Nữ Họa sĩ Nguyễn Thị Hợp



ngồi dưới cây đại thọ. Khi ấy, Ngài lấy tay chỉ xuống đất bảo chúng :

- Khi nào đất này biến thành màu vàng, sẽ có một thánh nhơn vào hội. Ngài vừa nói dứt lời, đất liền biến thành màu vàng. Chốc lát có một thanh niên con nhà giàu tên Phú Na Đa Xa đến trước Ngài đứng chấp tay. Ngài hỏi :

- Người từ đâu đến ?
- Thanh niên thưa :
- Tâm con chẳng phải đến.
- Người dừng chỗ nào ?
- Tâm con chẳng phải dừng.
- Người chẳng định sao ?
- Chư Phật cũng thế.
- Người chẳng phải chư Phật.
- Chư Phật cũng chẳng phải.

Ngài nhơn đó nói bài kệ :

*Chơn thể tự nhiên chơn,
Nhơn chơn thuyết hữu lý.
Lãnh đắc chơn chơn pháp,
Vô hành diệc vô chí.*

Dịch :

Chơn thể đã sẵn chơn,
Bởi chơn nói có lý.
Hội được pháp chơn chơn,
Không đi cũng không dừng.

Truyện pháp xong, Ngài ngay nơi chỗ ngồi thị hiện các tướng rời vào Niết Bàn. Hòa táng thân Ngài xong có xá lợi nhiều vô số, chúng phải lấy y bọc đem về kính thờ cúng dường.

11. TỔ PHÚ NA ĐA XA (Punayayasas)

(GIỮA THẾ KỶ THỨ NĂM SAU PHẬT NIẾT BÀN)

Ngài dòng Cù Đàm ở nước Hoa Thị thân phụ là Báo Thân. Thân phụ sanh được bảy người con trai, Ngài là con út. Thuở nhỏ, Ngài tâm tư bình thản không tinh khổ loạn. Ngài thường nói với các anh :

- Nếu gặp bực đại sĩ ngồi nơi đạo tràng thuyết pháp, em quyết đến đó gần gũi tùy hỷ.

Khi Tổ Hiệp Tôn Giả đến nước này chốn hưng Phật pháp, Ngài liền đến dự trong hội ấy. Thấy Ngài ứng đối mẫn tiệp, ngôn ngữ hợp lý, Tổ độ cho xuất gia.

Sau khi đắc pháp nơi Tổ Hiệp Tôn Giả, Ngài một lòng tinh tấn, lấy sự giáo hóa làm trọng trách. Đạo đức Ngài vang khắp, số chúng qui ngưỡng đến ngàn vạn, những người được quả thánh tới năm trăm vị.

Về sau, Ngài đến nước Ba La Nại có một vị trưởng giả vào hội. Ngài hỏi đờ chúng :

- Các người có biết người mới vào đây chăng? Xưa Phật truyền ký rằng: "Sau khi ta diệt độ gần 600 năm, sẽ có một vị thánh nhơn ra đời hiệu Mã Minh, sanh trong nước Ba La Nại, nói pháp nơi thành Hoa Thị, bề đẹp các đạo khác, độ người vô lượng".

Mã Minh nghe Ngài nói trùng tên mình thì thán khen, bước ra danh lễ Ngài và hỏi :

- Tôi muốn biết Phật, thế nào là Phật ?

Ngài đáp :

- Ông muốn biết Phật, chẳng biết ấy là phải.

- Đã chẳng biết Phật thì đâu biết là phải ?

- Ông đã chẳng biết Phật, tại

TỔ THIÊN TÔNG

THÍCH THANH TỬ

Tiếp theo

10. TỔ HIỆP TÔN GIẢ (Parsvika)

(ĐẦU THẾ KỶ THỨ NĂM SAU PHẬT NIẾT BÀN)

Ngài tục danh là Nan Sanh, người Trung An. Thân mẫu mang thai đến 60 năm mới sanh ra Ngài. Lúc Ngài sắp sanh, thân phụ năm mộng thấy một con voi trắng to trên lưng có chở một bảo tọa, trong bảo tọa có hạt minh châu, từ ngoài cửa đi vào chiếu sáng khắp nhà. Ông giật mình tỉnh giấc thì Ngài ra đời.

Sau gặp Tổ Phục Đà Mật Đa độ cho xuất gia. Được xuất gia rồi Ngài cần mẫn tu học cho đến quên ăn bỏ ngủ, suốt ngày đêm chưa từng đặt lưng xuống chiếu, như thế mãi cả đời. Vì thế thời nhơn gọi Ngài là Hiệp Tôn Giả (Tôn giả hông không dính chiếu).

Lãnh thọ chánh pháp xong, Ngài đi vân du các nơi tùy cơ giáo hóa. Đến nước Hoa Thị, Ngài tạm

*Thử địa biến kim sắc,
Dự tri ư thánh chí.
Đương tọa bồ đề thọ,
Giác hoa nhi thành dĩ.*

Dịch :

Đất này hóa sắc vàng,
Biết có thánh nhơn sang.
Ngồi dưới cây bồ đề,
Hoa giác nở hoàn toàn.

Phú Na Đa Xa cũng đọc bài kệ :

*Sự tọa kim sắc địa,
Thường thuyết chơn thật
nghĩa.*

*Hồi quang nhi chiếu ngã,
Linh nhập tam ma đề.*

Dịch :

Thấy ngồi đất sắc vàng,
Thường nói nghĩa chơn thật
Xoay ánh sáng chiếu con,
Khiến vào nơi chánh định.

Ngài biết ý Phú Na Đa Xa lòng cầu đạo rất thiết tha, nên độ cho xuất gia và truyền giới cụ túc.

Một hôm, Ngài gọi Phú Na báo :
- Đại pháp nhãn tạng của Như Lai, nay trao cho người, người phải khéo lưu truyền chớ để đứt mất. Hãy nghe ta nói kệ :

sao biết chẳng phải ?

- Đây thật là nghĩa của.

- Đó là nghĩa cây. Ông nói nghĩa của là thế nào ?

- Tôi cùng thầy phân ra bằng nhau. Nghĩa cây của thầy nói là sao ?

- Người bị ta xé.

Mã Minh liền ngộ được thắng nghĩa của Ngài, vui thích cầu xin xuất gia. Ngài vì độ cho ông xuất gia và thọ giới cư túc.

Số chúng được Ngài độ, có đến hai trăm vì chứng quả A La Hán, ngoài ra còn vô số người phát tâm quý kính Tam Bảo.

Thấy cơ duyên giáo hóa sắp viên mãn, Ngài kêu Mã Minh lại dặn dò

- Người nên chuyển bánh xe pháp làm vị Tổ thứ 12. Xưa đại pháp nhãn tạng của Như Lai trao cho Tổ Ca Diếp lần lượt truyền trao nay ta trao cho người, người phải truyền tiếp. Nghe ta nói kệ :

*Mê ngộ như ẩn hiện,
Minh ám bất tương ly.
Kim phó ẩn hiển pháp,
Phi nhất diệc phi nhị.*

Dịch :

Mê ngộ như ẩn hiện,
Tối sáng chẳng rời nhau.
Nay trao pháp ẩn hiện,
Chẳng một cũng chẳng hai.

Ngài truyền pháp cho Mã Minh xong, liền hiện thân biến, rời lạng lẽ viên tịch. Mã Minh và đồ chúng xây tháp trùm trên chơn thân thờ Ngài.

12. BỒ TÁT MÃ MINH (Asvaghosha)

(CUỐI THẾ KỶ THỨ NĂM SAU PHẬT
NIẾT BÀN)

Bồ Tát người nước Ba La Nại, hiệu Mã Minh cũng có hiệu Công Thắng. Vì khi Ngài sanh ra, các con ngựa đều ré lên, nên gọi là Mã Minh. Lại cũng có thuyết nói, mỗi khi Ngài thuyết pháp, các con ngựa trong chuồng ở gần đều lạng lẽ lắng nghe, khi thuyết xong chúng lại hí vang, nên gọi Ngài là Mã Minh. Lúc chưa xuất gia, Ngài là một biên sĩ lỗi lạc, danh tiếng đồn đãi vang cả quốc nội và quốc ngoại.

Sau khi được Tổ Phú Na Đa Xa độ cho xuất gia và truyền tâm ấn, Ngài lại nổi tiếng là một nhà thuyết pháp tài tình. Bao nhiêu tà thuyết ngoại đạo đều bị Ngài bẻ dẹp. Chính Ngài là người thấp sáng ngọn đuốc Đại Thừa ở đầu thế kỷ thứ sáu sau Phật Niết Bàn. Ngài đi giáo hóa đến nước Hoa Thị, nơi đây ngọn đuốc pháp của Ngài càng sáng rực hơn. Một hôm có một ông già gầy ốm vào trong hội nghe pháp, bỗng nhiên ngã xuống đất. Ngài bảo chúng :

- Đây là việc phi thường, sẽ có tướng lạ.

Ông già kia liền biến mất. Chợt thấy dưới đất vọt lên một người con gái nhan sắc đẹp để thân như màu vàng, dùng tay chỉ Ngài nói kệ :

*Khế thủ trường lão tôn,
Dương thọ Như Lai ký.
Kim ư thử địa thượng,
Nhị độ sanh tử chúng.*

Dịch :

Cúi đầu lễ trường lão,
Hiện nhận lời Phật ghi.
Nay ở nơi xứ này,
Độ chúng khỏi sanh tử.

Nói kệ xong, trong chớp mắt không thấy cô nữa. Ngài bảo chúng :

- Giây lát đây sẽ có ngoại đạo đến đố sức với ta. Bỗng chốc gió mưa âm ỉ xối xả kéo đến, khiến trời đất mịt mù. Ngài bảo :
- Đây là báo hiệu ngoại đạo sẽ đến. Ta sẽ trừ chúng. Nói xong, Ngài chỉ tay lên hư không, hiện ra con rồng vàng to lớn, phẫn khởi oai thần, khiến pháp ngoại đạo tan biến.

Sau bảy ngày, có một con sâu nằm nép dưới tòa của Ngài. Ngài lấy tay nắm bắt con sâu ấy đưa cho đại chúng xem và nói :

- Con sâu này là trá hình của ngoại đạo, đến ẩn núp nơi đây dâng nghe trộm pháp của ta.

Nói xong, Ngài ném con sâu ra bảo: "đi ngay!". Nhưng con sâu sợ hãi nằm im không động Ngài an ủi :

- Ta không có hại người. Người hãy hiện lại bốn hình.

Ngoại đạo liền hiện bốn hình dâng lễ xin sám hối. Ngài hỏi :

- Người tên gì? Có bao nhiêu đồ đệ ?

Ngoại đạo thưa :

- Con tên Ca Tỳ Ma La, có đến ba ngàn đồ đệ.

Ngài hỏi :

- Tột thân lực của người biến hóa thế nào ?

Ngoại đạo thưa :

- Con hóa biến cả là việc chẳng khó.

Ngài hỏi :

- Người hóa tánh biến được chẳng ?

Ngoại đạo mở miệng không biết, thưa :

- Lời này con không thể biết.

Ngài vì giải thích :

- Tánh biến là núi sông quả đất đều y cứ nơi đó mà lập, tam muội lực thông do đây phát hiện.

Ngoại đạo nghe pháp ấy, liền khởi lòng tin mạnh mẽ, cùng ba ngàn đồ đệ đều cầu xin xuất gia.

Ngài vì họ cho cao đầu xuất gia rồi triệu tập năm trăm vị thánh tăng đến làm lễ thọ giới cư túc. Ngài bảo giới tử :

- Các người thủ hướng Bồ Đề sẽ

thành đạo thành. Ca Tỳ Ma La quả nhiên được giới thể, phát hào quang sáng, có mùi hương xa xông khắp.

Một hôm, Ngài gọi Ma La đến bảo :
- Đại pháp nhãn tạng của Như Lai, nay trao cho người, truyền bá chỗ để đoạn dứt. Nghe ta nói kệ :

*An hiển tức bốn pháp,
Minh ám nguyên bất nhị.
Kim phó ngộ liễu pháp,
Phi thủ diệc phi khí.*

Dịch :

An hiển vốn pháp này,
Sáng tối nguyên không hai.
Nay truyền pháp liễu ngộ,
Không lấy cũng chẳng bỏ.

Truyền pháp xong, Ngài vào chánh định hiện tướng viên tịch. Ca Tỳ Ma La và đồ chúng đem chơn thể của Ngài để vào khám thờ.

Ngài là vị Tổ thứ 12 của Thiên Tông, cũng là một vị pháp sư làm sáng tỏ giáo pháp Đại Thừa. Ngài sáng tác ba bộ luận :

- 1) Đại Thừa Khởi Tín Luận.
 - 2) Đại Tông địa huyền văn bốn luận.
 - 3) Sự sử pháp ngũ thập tụng.
- Nổi tiếng nhất là bộ Đại Thừa Khởi Tín Luận, đến hiện giờ những nước Phật giáo Đại Thừa vẫn truyền dạy bộ luận này.

13. TỔ CA TỖ MA LA (Kapimala)

(ĐẦU THẾ KỶ THỨ SÁU SAU PHẬT
NIẾT BÀN)

Ngài người nước Hoa Thị, ban đầu học theo ngoại đạo, giỏi các pháp huyền thuật, đồ chúng có đến ba ngàn.

Khi đến so tài với Tổ Mã Minh, bị Tổ hàng phục, liền cùng đồ chúng phát tâm xuất gia. Tổ Mã Minh độ cho Ngài xuất gia, sau lại truyền tâm pháp.

Sau khi được truyền tâm pháp, Ngài đi giáo hóa khắp nơi. Lần lượt đến nước Tây Ấn, nơi đây có Thái Tử tên Văn Tư Tai rất ngưỡng mộ Ngài. Thái Tử thỉnh Ngài và đại chúng vào cung cùng dưỡng, Ngài từ chối bảo :

Phật cấm Sa môn không được gần gũi vua quan những nhà có thế lực, nên tôi không dám nhận lời. Thái Tử bạch :

- Thưa Tôn giả! phía Bắc thành này có một hòn núi lớn, trong núi có hang đá yên lặng bất người thế tục, có thể ở nơi đó thiền định được. Tuy nhiên, trong đó có nhiều rắn và thú dữ, song tin tưởng đức cao dày của Tôn giả sẽ chuyển hóa chúng.

Ngài nhận lời, cùng đồ đệ tiến thẳng đến núi ấy. Vừa đến núi này quả gặp một con rắn lớn dài

gần một dặm, trốn mất nhìn Ngài. Ngài vẫn đi thẳng không ngó đến nó. Ngài đi đến phía Nam chân núi dừng nghỉ chỗ đất bằng, con rắn ấy đến quấn chung quanh Ngài. Ngài cũng chẳng đoái hoài, giầy lát con rắn bò đi. Ngài tìm lại chúng theo Ngài thì họ đã chạy tán loạn hết. Ngài một mình đi thẳng đến hang đá. Bỗng thấy một ông già mặc toàn đồ trắng đi ra chấp tay kính lễ Ngài.

Ngài hỏi :

- Ông ở đâu ?

Ông già thưa :

- Con xưa làm vị Tỳ kheo rất thích vắng lặng, bực người mới học đến hỏi, nhơn đó nổi sân; bởi duyên cố ấy khi chết đọa làm thân rắn ở trong hang này, đến giờ đã ngàn năm. Vừa gặp Tôn giả là bực thánh đức nên ra kính lễ Ngài hỏi :

- Núi này còn có người nào ở nữa chăng? Và họ theo đạo nào? Người chỉ cho ta biết?

Ông già thưa :

- Cách đây mười dặm về phía Bắc có một tàng cây thật to, dưới tàng cây có năm trăm vị nhântài ăn dật, vị lãnh tụ hiệu là Long Thọ, thường vì chúng nói pháp, con cũng thường đến nghe.

Ngài chờ đờ chúng tụ hội, cùng họ tiến đến phía Bắc. Vừa đến cây to, quả nhiên Long Thọ ra nghinh tiếp Ngài. Long Thọ vui vẻ đánh lễ thưa Ngài :

- Chỗ núi sâu vắng vẻ, nơi hang ở của thú dữ, đại đức chỉ tôn sao thương xót đến đây?

Ngài đáp :

- Ta không phải chỉ tôn, đến để phòng văn hiển giả.

Long Thọ lắng thính thầm nghĩ :

- Tôn giả này được tánh quyết định, đạo nhơn đã sáng chưa? Phải là người đại thánh, thừa kế chơn tông chăng?

Ngài biết liền bảo :

- Tuy tâm niệm của người, ta đã biết rồi. Chỉ cần xuất gia, lo gì ta chẳng phải thánh?

Bấy giờ Long Thọ sám hối tạ tội. Ngài liền độ cho xuất gia.

Một hôm, Ngài gọi Long Thọ lại bảo :

- Nay ta đem đại pháp nhântạng của Như Lai trao cho người, người phải truyền nối chớ dứt. Nghe ta nói kìa :

Phi ẩn phi hiển pháp,

Thuyết thị chơn thật tế.

Ngộ thừ ẩn hiển pháp,

Phi ngu diệc phi trí.

Dịch :

Pháp không ẩn không hiển,

Nói là mé chơn thật.

Ngộ pháp ẩn hiển này,

Chẳng ngu cũng chẳng trí.

Truyền pháp xong, Ngài trịnh thần biến rời tịch diệt. Long Thọ và đờ chúng hòa táng thân Ngài, lượm xá lợi xây tháp cúng dường

14. BỒ TÁT LONG THỌ (Nagarjuna)

(GIỮA THẾ KỶ THỨ SÁU SAU PHẬT NIẾT BÀN)

Ngài cũng có tên là Long Thắng, dòng Phạm Chí ở miền Tây Ấn. Thuở nhỏ, Ngài bảm tánh thông minh; vừa nghe Phạm Chí tụng bốn kinh Phệ Đà là Ngài thuộc lòng vanh nghĩa. Đến 20 tuổi, Ngài đi châu du khắp các nước tìm học các môn thiên văn, địa lý, toán số, sấm ký và các học thuật của ngoại đạo. Môn nào Ngài học đến đều xuất sắc hơn mọi người.

Nhơn một cơ duyên chẳng lành Ngài nhân thực được các pháp là vô thường đau khổ nên vào núi ở ẩn. Số người tìm đến cầu học với Ngài rất đông.

Sau khi gặp Tổ Ca Tỳ Ma La cảm hóa, Ngài xin xuất gia được Tổ độ cho và truyền cả tâm ấn. Từ đó, Ngài vẫn du thuyết pháp khắp nơi, lần lượt đến miền Nam Ấn. Dân chúng xứ này chỉ sùng phước nghiệp, từ Ngài đến đem pháp yếu chỉ dạy, họ tự bảo nhau: "Chỉ phước nghiệp này là việc tối thắng, nói về Phật tánh thì đâu thể thấy".

Ngài nhơn đó báo họ :

- Các người nếu muốn thấy được Phật tánh thì trước hết phải bỏ tâm ngã mạn đi, mới có thể thấy được.

Họ hỏi Ngài :

- Phật tánh lớn hay nhỏ?

Ngài đáp :

- Chẳng nhỏ chẳng lớn, không rộng không hẹp, không phước không báo, chẳng chết chẳng sống.

Dân chúng nghe Ngài nói tột lý, vui mừng nguyện học pháp ấy. Ngài liền ngay trên tòa hóathân như vắng mặt trăng. Dân chúng tuy nghe thuyết pháp mà không thấy có hình Ngài. Trong ấy có con một ông nhà giàu tên là Ca Na Đê Bà, khi thấy thế liền cảm ngộ.

Đê Bà bảo dân chúng :

- Biết tướng này chăng?

Dân chúng thưa :

- Chúng tôi không thể phân biệt được.

Đê Bà nói :

- Đây là Bồ Tát thị hiện để biểu thị Phật tánh, muốn chúng ta hiểu rõ vậy. Vô tướng tam muội giống như mặt trăng tròn là nghĩa Phật tánh rỗng rang sáng suốt.

Đê Bà nói dứt lời thì vắng trăng ẩn mất, Bồ Tát hiện ngồi an nhiên chỗ cũ, nói kệ :

Thân hiện viên nguyệt tượng
Đĩ biểu chư Phật thế.
Thuyết pháp vô kỳ hình,
Dụng biện phi tinh sắc.

Dịch :

Thân hiện tướng trăng tròn

Để nêu thế các Phật.

Nói pháp không hình ấy,

Dùng rõ phi tinh sắc.

Toàn chúng nghe xong, đều cảm ngộ cầu xin xuất gia. Ngài triệu tập các bậc thánh tăng đến truyền giới. Trong số xuất gia này, Đê Bà là người dẫn đầu.

Một quốc gia ở gần miền Nam Ấn, có đến năm ngàn người tu theo ngoại đạo được nhiều phép lạ, vua và quốc dân đều thọ giáo nơi họ, khiến đạo Phật mở tối. Ngài thấy thế cảm động, bèn đổi hình thức, mặc áo trắng dợt mới khi vua ra thành, Ngài cầm cây cờ đi trước, hoặc ăn hoặc hiện. Làm như thế đến bảy lần.

Hôm nọ, vua lấy làm lạ kêu lại hỏi :

- Người là người gì dám đi trước ta, mà bắt không được, thả chẳng đi?

Ngài đáp :

- Tôi là người trí, biết tất cả việc.

Vua nghe ngạc nhiên, muốn thí nghiệm, nói :

- Chư thiên nay đang làm gì?

Ngài đáp :

- Chư thiên đang đấu chiến với A Tu La.

Vua hỏi :

- Làm sao được biết?

Ngài đáp :

- Nếu bệ hạ muốn biết chốc lát sẽ thấy chứng nghiệm.

Quả nhiên, phút chốc thấy gươm giáo tay chơn ở trên không rơi xuống. Vua và quốc dân rất kính phục Ngài. Nhơn đó, Ngài chuyển họ trở lại quy y Tam Bảo.

Hôm nọ, Ngài gọi Ca Na Đê Bà đến dặn dò :

- Như Lai lấy đại pháp nhântạng trao cho Tổ Ca Diếp, cho đến đời ta, nay ta trao cho người. Hãy nghe kệ :

Vị minh ẩn hiển pháp,

Phương thuyết giải thoát lý

U pháp tâm bất chứng,

Vô sân diệc vô hý.

Dịch :

Vì sáng pháp ẩn hiển,

Mới nói lý giải thoát.

Nơi pháp tâm chẳng chứng,

Không sân cũng không hý.

Dặn dò xong, Ngài nhập nguyệt luân tam muội rồi hiện tướng thân biến vào Niết Bàn.

Ngài sáng tác rất nhiều bộ luận để xiển dương giáo pháp Đại Thừa

(Xem tiếp trang 8)

LONG THỌ BỒ TÁT

(Nhân vì ngài sanh dưới cội cây có rễ ở, lại đắc đao ở Long cung, nên gọi là Long Thọ, Bồ Tát giòng Phạm Chí, người xứ Nam Thiên Trúc, rộng hiểu các môn học thế gian, mới xuất gia ba tháng đã thông suốt tam tạng. Bấy giờ Long vương rước ngài xuống Long cung; trong chín tuần ngài xem Long tạng chưa đầy muôn một, liền ngộ vô sanh nhân. Khi trở về nhân gian, Bồ Tát hoảng truyền Phật giáo, tạo ra bộ Bà Sa Luận, trong ấy có khuyến người niệm Phật cầu sanh Tây phương. Sau ngài vào Nguyệt luân định mà tịch. Trong kinh Lăng Già đức Phật đã huyền ký: Sau xứ Nam Thiên Trúc. Có Long Thọ tỷ khưu Hay hiến nghĩa trung đạo. Chứng sơ Hoan hỷ địa. Sinh về cõi Cực Lạc).

Luận Đại Trí Độ nói: "Niệm Phật tam muội có thể trừ các thứ phiền não và tội đời trước. Lại nữa, niệm Phật tam muội có phước đức lớn hay độ chúng sanh. Cho nên các Bồ Tát muốn độ sanh nếu tu các pháp tam muội khác, tất không bằng môn Niệm Phật tam muội, vì môn này có phước đức lớn, mau diệt các tội. Phật là pháp vương, Bồ Tát là pháp tướng, chỗ Bồ Tát tôn trọng duy có Phật, Thế Tôn, Bồ Tát thường khéo tu nhân duyên niệm Phật, nên thường gặp chư Phật, như kinh Bắc Chu nói: "Bồ Tát vào tam muội này, liền hiện sanh về cõi Phật A Di Đà".

Luận Bà Sa nói: Đức A Di Đà có bản nguyện như thế này: "Nếu người xưng niệm danh hiệu và quy y nơi ta, kẻ ấy quyết được quả vô thượng Bồ đề". Cho nên, phải thường nhớ niệm Phật. Lại dùng kệ khen ngợi Phật rằng

Trí huệ sáng vô lượng,
Thân như tòa kim sơn,
Con dùng thân, miệng, ý,
Chấp tay cúi đầu lạy.
Chân Phật ngàn bức luân,
Sắc hoa sen mềm dịu,
Kẻ thấy đều vui mừng,
Cúi đầu lễ chân Phật.
Tướng bạch hào sáng đẹp,
Trong sạch như trắng thu,
Ánh tỏa khắp mặt vàng,
Nên con cúi đầu lạy.
Nếu người muốn thành Phật
Tâm niệm A Di Đà,
Theo thời vì hiện thân,
Cho nên con quy mạng.
Người xưng niệm nói Phật,
Sức công đức không lường,

Thì liền được vào định,
Cho nên con thương niệm.
Nếu người trồng căn lành,
Nghĩ thì hoa không nở,
Kẻ lòng tin trong sạch,
Hoa nở liền thấy Phật.
Do nhân duyên phước nấy,
Tất được đức thẳng diệu,
Nguyện các loài chúng sanh
Cùng đều được như vậy.

THIÊN THÂN BỒ TÁT

(Bồ Tát người xứ Thiên Trúc khi mới xuất gia học theo pháp Tiểu thừa, hủy báng kinh điển Đại thừa. Sau ngài nhớ anh là Vô Trước nhiều phen chỉ dẫn, mới hối ngộ sự lỗi lầm, muốn tự cắt lưỡi. Vô Trước Bồ Tát bảo: "Xưa em dùng lưỡi hủy báng pháp Đại thừa, nay phải dùng lưỡi mà tấn dương pháp ấy để chuộc tội. Việc sửa lỗi hãy còn chưa muộn, nếu

Vô Lượng Thọ kinh luận nói: "Nếu tu ngũ niệm môn thành tựu, kết quả sẽ được sanh về Cực Lạc, thấy Phật A Di Đà. Ngũ niệm môn là gì?

1. Lễ bái môn.
2. Tán thán môn.
3. Phát nguyện môn.
4. Quán sát môn.
5. Hồi hướng môn.

Lễ bái là thế nào? - Ấy là dùng thân lễ đức Phật A Di Đà, tỏ ý cung kính, cầu Phật nhiếp thọ.

Tán thán là thế nào? - Đây là dùng miệng khen ngợi sắc thân, danh nghĩa, ánh sáng, trí tuệ của đức Như Lai kia, muốn tu hành như thật cho được tương ứng.

Phát nguyện là thế nào? - Ấy là một lòng chuyên niệm vào nơi chánh định, nguyện sanh về Cực Lạc.

HƯƠNG QUÊ CỰC LẠC



Quán sát là thế nào? - Đây là dùng chánh niệm quán sát công đức trang nghiêm của cõi Cực Lạc, công đức trang nghiêm của Phật A Di Đà, và công đức trang nghiêm chư Bồ Tát, thánh chúng.

Hồi hướng là thế nào? - Ấy là tâm từ bi không bỏ những chúng sanh khổ não, nguyện đem căn lành công đức của mình, hồi hướng cầu cho tất cả loài hữu tình đều được sanh về Cực Lạc.

ĐÂM LOAN Đại Sư

(Đại sư người xứ Nhan Môn, thu nhỏ đao chơi non Ngũ Đài, cảm điểm linh di mà xuất gia. Ngài ưa thuật trường sanh, từng theo Đào An Cư thọ mười quyển Tiên kinh. Sau gặp ngài Bồ Đề Lưu Chi đại sư hỏi: "Đạo Phật có thuật trường sanh chăng?" Ngài Lưu Chi trao cho kinh Thập Lục Quán và bảo: "Đây là phép trường sanh của Phật giáo". Đại sư ca tụng, liền đốt kinh Tiên, chuyên tu tịnh nghiệp, dù đau yếu cũng không tạm nghỉ. Ngụ chưa nghe danh phong cho hiểu là Thần Loan. Khi lâm chung, đại sư kêu chúng lại dạy rằng: "Biên trần lao khổ nhọc, không biết đâu là bến nghỉ ngơi, cảnh địa ngục rất đáng

LIÊN DU

cắt lưỡi đi, nào có ích gì?". Vâng lời anh, ngài Thiên Thân từ đó đem hết tâm tư, tạo ra hơn 100 bộ luận Đại thừa. Trong ấy có luận Vãng Sanh, phát huy rõ ràng sự trang nghiêm lợi ích của cõi Tịnh Độ. Người niệm Phật nên chú ý đến luận này).

kính sợ, môn tịnh độ cần phải tu hành". Nói xong, bảo chúng cao tiếng niệm Phật, hướng về Tây cúi đầu mà tích. Khi ấy mọi người đều nghe tiếng thiên nhạc từ phía Tây trời đến, giây lâu mới dứt).

Đại sư dạy: "Ngoài bốn nguyện cầu sanh, lại cần phải phát lòng bố thí, được vãng sanh cùng không, lấy đây làm chỗ y cứ."

Thế nào là "thập niệm tương tục". -Đáp: Ví như có người ở nơi đồng vắng bị giặc cướp rút gươm rượt theo muốn giết, sợ hãi quá chạy thẳng miết đến một con sông. Đến đây người ấy thoáng nghĩ: "Nếu qua được sông này ta mới mong bảo toàn thân mạng, nhg bây giờ để y phục lội sang hay là cởi bỏ? Nếu để y phục sợ e sông rộng vướng mắc lợi không thoát, còn cởi bỏ thì không kịp vì giặc đuổi gần tới!". Bấy giờ người ấy chỉ có một niệm tìm phương tiện làm sao cho qua được sông thôi, tuyết không có ý nghĩ chi khác. Hành giả niệm Phật cũng lại như thế, chỉ chuyên thiết niệm, không có tạp tưởng, tâm tâm nối nhau cho đến mười niệm, gọi là "thập niệm tương tục"

Người niệm Phật khi bình thời nên ước hẹn với năm ba bạn đồng tu, đến lúc lâm chung nhắc nhở trợ niệm lẫn nhau. Như thế sự vãng sanh mới có phần vững chắc.

TRÍ GIÁ Đại Sư

(Đại sư húy là Trí Khải, vị sơ tổ của tông Thiên Thai. Ngài họ Trần, người đất Vĩnh Xuyên, khi sanh ra có thân quang chiếu sáng cả nhà. Năm 18 tuổi ngài xuất gia, tham học với Huệ Tư thiên sư. Thấy ngài đến, thiên sư nói: "Năm xưa ta với người đồng ở Linh Sơn pháp hội, tức duyên đeo đuổi, nay lại gặp nhau". Đại sư nương theo ngài Huệ Tư, chuyên tu không bao lâu chứng được Pháp Hoa tam muội, trí huệ biến tài vô ngại. Ngài có soạn ra bộ Tịnh độ thập nghi luận, khuyên người niệm Phật. Vua Tuyên đế nhà Trần mến đức, cất chùa thỉnh đại sư về trụ trì. Vua Dạng đế nhà Tùy cũng thọ giới cùng ngài, lại tứ hiệu là Trí Giả. Sau đại sư trở về núi Thiên Thai, pháp hoa càng thịnh. Mùa đông năm Khai hoàng thứ 17, ngài hướng về Tây niệm Phật tọa hóa, thọ được 67 tuổi).

Đại sư nói: Muốn quyết định được sanh về Tây phương cần phải đủ hai hạnh: yếm ly và hân nguyện.

Thế nào là hạnh yếm ly? - Phải quan sát thân này đầy đủ sự nhớ nhớt, chịu nhiều nỗi đau khổ, không có chi là vui, mà sanh lòng rất nhàm chán muốn thoát ly. Nghĩ tưởng như thế thì lửa dâm dục phiền não lần lần giảm bớt. Lại phát nguyện cầu được vĩnh viễn xa lìa cõi trần khổ lụy, không còn thọ cái nghiệp thân nam nữ, máu mù, tanh hôi, dấm mề theo ngũ dục, cầu được mau về tịnh độ chứng thân pháp tánh trong sạch quang minh. Đó là hạnh yếm ly.

Thế nào là hạnh hân nguyện - Trong đây có hai điều:

1) Nên nghĩ chúng sanh chìm trong biển khổ, mình là phàm phu không đủ sức cứu độ. Nay tha thiết muốn về Cực Lạc, gần gũi với Phật, tu hành chứng quả vô sanh, để đồ thoát lấy mình, báo đáp bốn ân, cứu chúng sanh khổ não. Đó là mục đích cầu sanh.

2) Duyên tướng báo thân của Phật sắc vàng sáng rỡ, có 84.000 tướng, mỗi tướng có 84.000 vẻ đẹp, mỗi vẻ đẹp phóng ra 84.000 tia sáng, soi khắp pháp giới nhiếp lấy những chúng sanh niệm Phật. Lại quán tưởng cõi Cực Lạc bảy báu trang nghiêm, đầy đủ sự an vui mẫu nhiệm, mà sanh ra lòng ưa thích. Do đó gắng sức bố thí trì giới, niệm Phật, tu các hạnh lành, rồi đem hồi hướng, nguyện mình cùng tất cả chúng sanh, đều được sanh về tịnh độ. Làm như thế thì quyết định được vãng sanh, và đây là hạnh hân nguyện.

ĐẠO XƯỚC Đại Sư

(Đạo sư họ Vệ, người ở Tỉnh Châu. Năm 14 tuổi, ngài xuất gia, học kinh luận, lại theo Toàn thiên sư tập tham thiền. Sau nhân về ở chùa Huyền Trung miền Bích Cốc, ngài mến hạnh nghiệp của Đàm Loan pháp sư, thường lễ niệm sáu thời, hướng về Tây ngôi tịnh tọa. Đại sư định khóa niệm Phật ngày đêm bảy muôn câu. Có một vị tăng nhập định, thấy ngài cầm chuỗi, chói sáng như hòn núi thất bảo. Ngoài ra, những điềm linh dị khác không thể kể xiết! Đại sư giảng Tịnh độ tam kinh gần vài trăm lượt, giảng xong đại chúng tán mác ra niệm Phật tiếng vang động khắp rừng núi. Cho đến mấy huyện ở gần, trẻ em từ bảy tuổi sắp lên đều biết niệm Phật. Lúc sư lâm chung, đại chúng thấy hóa Phật giữa hư không, hoa trời rơi xuống như mưa, xem lại ngài đã tịch).

Đại sư bảo: "Người tu tịnh nghiệp khi ngôi năm không được xây lũng về hướng Tây, cũng không

được hướng về Tây khác nhờ cùng đại tiêu tiện. Bởi đã quy y về liên bang, nên tôn sùng miền kim địa, nếu lòng không trân trọng, đâu phải là chí nguyện cầu sanh.

Hỏi: Niệm hồng danh đức A Di Đà, có thể tiêu trừ nghiệp Vô minh tam tử và được vãng sanh; sao có người xưng niệm mà vô minh vẫn còn, lại không mãn nguyện, là duyên cố gì? -Đáp: Do không như thật tu hành, cùng với danh nghĩa không hợp nhau, ấy bởi chẳng biết Như Lai là thân thật tướng, là thân vị vật. Lại có ba thứ không tương ứng, nên không được vãng sanh: 1) Lòng tin không thuần, khi còn khi mất. 2) Lòng tin không duy nhất thường đời thay không quyết định. 3) Lòng tin không tương tục, hằng bị tạp niệm làm cho gián đoạn. Cho nên khi niệm Phật phải nhiếp tâm đúng cho tán loạn, nếu niệm được tương tục tức là tin tâm, là nhất tâm, là thuần tâm. Niệm như vậy mà không vãng sanh, ấy là vô lý.

THIỆT ĐẠO Đại Sư

(Đại sư là tổ thứ hai trong Liên tông. Ban sơ, nhân thấy đạo tràng tịnh nghiệp của ngài Đạo Xước, sư mừng rỡ nói rằng: "Đây mới thật là nẻo bí yếu để thành Phật". Rồi đó ngài đến kinh đô khuyên chúng tu Tịnh độ, thường quý niệm Phật cho đến khi kiệt lực mới thôi.

Đại sư giảng môn Tịnh độ hơn 30 năm, tu hành chuyên cần, chưa từng ngủ nghỉ. Được bao nhiêu của thí, ngài dùng tá kinh Di Đà hơn mười muôn quyển, vẽ thánh cảnh Tây phương hơn ba trăm bức. Đại sư cảm hóa hàng đạo tục rất đông, trong ấy số người được tam muội sanh tịnh độ nhiều không xiết kể. Một hôm, ngài leo lên cây liễu, hướng về Tây, chú nguyện rằng: "Xin Phật tiếp dẫn tôi sanh về Tịnh độ". Nói xong gieo mình xuống rơi nhẹ nhàng như lá, ngôi kiết già mà tịch. Vua Cao Tông phục sự thần dị của Ngài, phong cho hiệu chùa là "Quang Minh".

Đại sư dạy: "Đấng đại thánh xót thương, khuyên người chuyên xưng danh hiệu, bởi vì phép xưng danh rất dễ, nếu có thể giữ mỗi niệm nối nhau, lấy suốt đời làm hạn, thì mười người tu, mười người vãng sanh, trăm người tu, trăm người vãng sanh. Tại sao thế? -Vì không có duyên tạp nên được chánh niệm, vì cùng với bản nguyện của Phật hợp nhau, vì khế trái với kinh giáo, vì thuần

trái với kinh giáo, vì thuận theo lời Phật. Nếu bỏ chuyên niệm mà tạp tu trong trăm người may ra được một hai người, trong ngàn người hy vọng được ba bốn người vãng sanh mà thôi".

Người niệm Phật khi lâm chung chớ nên sợ chết. Phải thường nghĩ rằng: thân này không sạch, chịu nhiều sự khổ, nếu được bỏ huyền thân mà sanh về Tịnh độ, chính là điều đáng vui mừng!

Lúc đau yếu, chỉ nghĩ đến sự vô thường, một lòng niệm Phật chớ chết. Nhớ dẫn người thân cận khi có ai đến thăm nên khuyên vì mình niệm Phật, đừng nói chuyện tạp ở thế gian. Nếu bệnh nặng sắp chết, người xung quanh không được khóc lóc, phải đồng thính niệm Phật, đợi chừng nào bệnh nhơn tắt hơi trong mình lạnh hết rồi mới nên cử ai. Như được người hiểu rõ lý Tịnh độ thường đến khuyên lớn nhắc nhở cho, đó thật là điều đại hạnh! Dùng theo phương pháp trên đây quyết định sẽ vãng sanh.

Việc sống chết luân hồi rất lớn lao, phải tự mình gắng sức mới được, nếu một niệm sai lầm để luống qua, thì nhiều kiếp chịu khổ, có ai thay thế cho mình? Nên suy nghĩ kỹ, nên suy nghĩ kỹ!!

Khi sắp đi nghỉ, lễ Phật quán tưởng, rồi đọc bài văn phát nguyện rằng: Con... là phàm phu trong vòng sanh tử, tội chướng nặng sâu, luân hồi sáu nẻo, khổ không nói được! Nay gặp trí thức được nghe thánh hiệu đức A Di Đà, cùng với bốn nguyện, công đức của Phật, một lòng xưng niệm, cầu nguyện vãng sanh. Nguyện Phật tử bị không bỏ, xót thương nhiếp thọ. Nay đệ tử con, chưa biết thân Phật, tướng đẹp quang minh, xin Phật hiện ra, cho con được thấy. Lại con chưa biết, Quan Âm, Thế Chí, các chúng Bồ Tát, tướng mẫu sáng rõ, và thế giới kia, trong sạch trang nghiêm, xin khiến cho con, thấy được rõ tướng...

Lại khi sắp đi ngủ, nên quán tưởng cảnh Tây phương, hoặc quán tưởng tốt của Phật, không được nói tạp tướng tạp, cũng không được cầu thấy điểm lành, chỉ một lòng chuyên tu, tự có lúc được thấy. Hoặc lại chỉ niệm Phật cho đến lúc ngủ quên. Máy điều trên đây, chuyên lấy một pháp, không nên tạp dụng. Và cần phải thật hành cho bền lâu, thì công phu tịnh nghiệp tất không luống uổng.

HOÀI CẢM Đại Sư

(Về lai lịch, chưa rõ đại sư xuất từ đâu. Chỉ biết ban sơ, sư cùng với ngài Huyền Trang, Từ An, đồng là người trong tông Pháp Tướng. Sư tánh tình cang nghị, tinh khổ siêng học, nghĩ rằng: niệm Phật trong thời gian ngắn, làm sao được sanh về Tây phương đem nghĩa này hỏi Tổ Thiện Đạo. Tổ bảo: "Đó là lời thành thật của chư Phật, đâu có giả dối ư?" Lại bảo ngài vào đạo tràng niệm Phật cầu chứng nghiệm. Đại sư y lời, tu hành 21 ngày không thấy điểm lành, hận mình chướng sâu, muốn tuyệt thực. Tổ không cho, khuyên tiếp tục tu hành. Sư tinh tu ba năm, cảm hóa Phật phóng kim quang, thấy được tướng bạch hào, liền chứng Niệm Phật tam muội. Nhân đó, ngài viết ra bài quyển "Tịnh độ thích quán nghi luận". Khi lâm chung, đại sư thấy hóa Phật đến rước, bèn hướng về Tây mà tịch).

Đại sư dạy: Chỉ tâm niệm Phật tức là ý nghiệp làm lành xưng danh hiệu Phật là khẩu nghiệp làm lành, chấp tay lễ bái là thân nghiệp làm lành. Do ba nghiệp này, làm lành, nên có thể diệt tội nặng sanh tử trong tám mươi ức kiếp, nhờ hạnh nguyện nương nhau, quyết định được vãng sanh.

Cần phải niệm Phật ratiêng thì tam muội dễ thành niệm thâm nhỏ phần nhiều bị tán loạn. Điều này riêng học giả tu biết, người ngoài không rõ thấu được.

Phương pháp niệm Phật ở trong nhà tối, trong thánh giáo không thấy nói. Nhưng người sơ học nếu ở trong nhà tối, tuyệt các việc thấy nghe, buông bỏ các duyên, chuyên như niệm Phật, hành trì như thế thì tam muội dễ thành. Ví như người đời khi nghĩ đến việc khó khăn mà không giải quyết được, là do vì loạn tưởng. Nếu kẻ ấy đóng cửa lại ở một mình, nhắm mắt ngồi yên, do tâm điểm tịnh nên lần lần nghĩ ra manh mối. Điều này, người chưa thật hành đến, hay sanh nghi, nhưng với kẻ đã từng tu tập thì đó là một điểm căn yếu.

(LỜI PHỤ: -Tổ thứ ba, thứ tư, thứ năm trong Liên tông là các ngài Thừa Viễn, Pháp Chiếu, Thiếu Khang, sự hành hóa rất thanh, song giáo pháp bị thất lạc chỉ còn có sự tích thôi. Riêng về Từ tổ là ngài Pháp Chiếu, tục truyền có "Ngũ hội niệm pháp" nhưng Ấn Quang đại sư không công nhận, cho là sự ngoa truyền của

đời sau. Vì muốn chọn phần tinh yếu, bớt sự rườm rà, nên trong đây không biên dịch ra).

VĨNH MINH Đại Sư

(Ngài là vị Tổ thứ sáu trong Liên tông, tục tánh họ Vương, người xứ Tiên đường. Thuở còn tại chức ở ngoài đời, ngài có lấy tiền thuê mua vật mạng phóng sanh, bị khép vào tử tội, song thần sắc không biến, nên được vua ân xá. Sau khi đó ngài xuất gia, trước y chỉ theo Thủy Nham thiền sư, kế tham học với Thiền quốc sư, nhờ đức Quan Âm dùng nước cam lộ rưới nơi miệng nên được trí huệ, biện tài. Đại sư có trừ tác bộ Tông cảnh lục gồm 100 quyển, lại viết ra bộ Vạn thiện đồng qui tập, khuyên tu Tịnh độ, Trung y vương mên hạnh đức, thỉnh ngài về trụ trì chùa Vĩnh Minh. Đại sư định khóa mỗi ngày làm 108 việc thiện, ban đêm lên chót núi niệm Phật, mọi người nghe tiếng thiên nhạc rền rang giữa hư không. Ngài tụng kinh Pháp Hoa đến một muôn ba ngàn bộ. Năm Khai báo thứ 8, đại sư đốt hương cáo từ chúng, rồi ngồi ngay mà hóa, thọ được 72 tuổi).

Đại sư dạy: Phải một lòng quy mạng, trọn đời tinh tu, khi ngồi năm thường hướng về Tây. Lúc lễ bái, niệm Phật, phát nguyện phải khẩn thiết chí thành, không xen lẫn tạp niệm trang nhưng người sắp bị hình phạt, như kẻ đang ở lao tù, như gặp oán giặc rượt theo, như bị nước lửa bức bách, một lòng cầu cứu, nguyện thoát khổ luân, mau chứng vô sanh, để nơi ngôi tam bảo, đến đáp bốn ân độ loài hàm thức. Chí thành như thế tất công phu không uổng. Trái lại, nếu lời và hạnh không hợp nhau, lòng tin không vững chắc, niệm lực thường gián đoạn không tương tục, đem sự biếng trễ ấy để mong vãng sanh thì e cho khi lâm chung khó gặp ban lành, bị sức nghiệp lôi kéo, sự đau khổ ép bức, mà không thành chánh niệm. Vì sao? Bởi việc hiện tại là nhân, lúc lâm chung là quả, nhân phải cho thật, quả mới không hư, như âm thanh lớn thì tiếng vang dội rền xa, như hình ngay bóng mới thẳng vầy.

Quả báo vui khổ đều do tâm tạo ra. Tâm nóng giận tà dâm là nghiệp Địa ngục, tâm tham lam bòn sẻn là nghiệp Ngạ quỷ, tâm ngu si hôn ám là nghiệp Súc sanh tâm ngã mạn cống cao là nghiệp Tu la, giữ tròn năm giới là nghiệp Người, tinh tu mười điều lành là nghiệp Trời, chứng ngộ

nhơn không là nghiệp Thanh văn,
rõ pháp nhơn duyên là nghiệp
Duyên giác, tu hành sáu độ là
nghiệp Bồ Tát, lòng chơn từ bình
đẳng là nghiệp Phật. Nếu tâm
trong sạch thì hóa sanh về Tịnh
độ, ở nơi bảo các, hương đài; tâm
dơ nhiễm thì gởi chất nơi uế
bang, ở cõi núi gò hăm hố. Muốn
cảnh đều do tâm tạo, lìa nguồn
tâm ra không có hình thể chi,
vậy muốn được quả lành, phải tu
nhân tịnh.

Tử liệu giàn nói :
Có thiện, không tịnh độ,
Mười người, chín ngai đứng.
Khi ấm cảnh hiện ra,
Chớp mắt đi theo nghiệp.

Không thiện, có tịnh độ,
Muôn tu, muôn người sanh.
Khi được thấy Di Đà,
Lo gì không tỏ ngộ!

Có thiện, có tịnh độ,
Cũng như cọt mọc sừng.
Đời nay làm thấy người,
Đời sau làm Phật, Tở.

Không thiện, không tịnh độ,
Giường sắt, cột đồng lửa.
Muôn kiếp lại ngàn đời,
Chẳng có nơi nương tựa!

(LỜI PHỤ : *Tĩnh Thường đại sư,
Tở thứ bảy trong Liên tông,
giáo pháp bị thất truyền, chỉ
có sự tích, nên không biên ra
đây*).

TUÂN THỨC Đại Sư

(Sư họ Diệp, quê quán ở Thái Châu
nhân bà mẹ lẽ cầu đức Quan Âm
mà sanh ra. Ngài thọ cụ túc giới
lúc 20 tuổi, ban đầu học luật, kế
lại vào chùa Quốc Thanh tập về
giáo quán Thiên Thai. Đại sư
chuyên chỉ cầu về Cực Lạc, tu
pháp Bát chu tam muội, khổ hạnh
đến mưa ra máu. Với lòng kiên
quyết, ngài lấy cái chết làm kỳ
hạn, không thôi nghĩ. Đêm lại, sư
mơ màng thấy Đức Quan Âm chỉ
tay vào miệng lời ra mấy con
trùng, đầu ngón tay của Bồ Tát
nước cam lộ tủa ra chảy vào cổ
họng mình, nhân đó mà hết bệnh.
Sau ngài ở Chùa Bảo Văn suốt
lãnh đại chúng đồng tu tịnh
nghiệp. Đại sư có trữ tác mấy
pho sách: *Di Đà sám pháp, Tịnh độ
quyết nghi, Thập niệm pháp, Vãng
sanh lược truyện lưu hành ở đời*.
Lúc lâm chung, ngài đốt hương lễ
tam bảo cầu chứng minh, rồi niệm
Phật mà thoát, hưởng 69 tuổi).

Đại sư nói : Người tu tịnh
nghiệp, khi làm công việc chi, dù
trái qua nhiều sự duyên phiền
nhọc, song trong tâm lúc nào cũng

NHỚ QUÊ (AN LAI THÔN NỮ)

*Thấm thoát thoi đưa Thu lại về,
Đoạn trường xin gởi tới sơn khê.
Hoài thương đất mẹ lòng xao xuyến,
Cảm nhớ quê cha dạ nào nề.
Gấm dệt non Nam bao núi hận !...
Hoa thêu bến Bắc bọc sông mê !...
Bình thường cách biệt du hồn mộng
Vỹ Dạ mây ngàn ruột tái tê
Bảy tám (78 tuổi) xuân thu thê hạc đồn,
Nói cười ngó bộ vẻ sần dòn.
Tha phương mãi nhớ niềm non nước
Viễn xứ nào quên cuộc bể cồn.
Phá tánh si mê dùi mõ cốc,
Nhẹ lòng phiền não tiếng chuông bong
Làm lành Phật độ nên điều tốt,
Hướng thiện trời cho thọ vẫn còn.*

không quên câu niệm Phật. Ví như
người đời khi có chuyện chi cần
yếu giải quyết chưa xong, bỗng
gặp duyên khác đến, tuy tới lui
ngồi đứng, giao tiếp nói cười,
làm việc nầy khác lẫn xăn, nhưng
trong tâm không ngớt lo nghĩ
đến chuyện trước kia. Người niệm
Phật phải tập tâm niệm của mình
cũng y như thế, nếu niệm có thất
lạc, phải thu nhiếp lại, lâu
ngày thành thói quen, chừng ấy
sự nhớ niệm được tự tại. Cho nên
kinh Lăng Nghiêm nói: "Nếu cứ
như thế mà nhiếp tâm, tự nhiên
có thể ngăn được niệm ác. Giả sử
muốn làm ác, do vì nhớ Phật nên
việc ác kia không thành, như
người trong thân thương có mùi
thơm, tự nhiên hơi hôi sẽ tan đi
mất".

Sớm mai thức dậy phục sức
xong rồi, nên chấp tay hướng về
Tây niệm Phật. Nên lấy hơi dài,
niệm liên tiếp luôn hết một hơi
kể là một niệm, niệm đủ mười hơi
là mười niệm. Nhưng đừng nên quá
cố gắng, hơi hoặc dài ngắn, tiếng
hoặc cao thấp, niệm hoặc chậm
mau, đều tùy tiện theo sức mình.
Niệm xong, phát nguyện vãn tất
câu sanh Tây phương. Nếu có thờ
Phật, nên đời trước Phật mà niệm
nhưng khi mới vào và lui ra, đều
phải lễ ba lạy. Pháp thập niệm
nầy rất tiện lợi cho người có
nhiều duyên sự. Nếu mỗi ngày đều
thất hành y theo đây, lấy trọn
đời làm kỳ hạn, thì quyết định
sẽ được vãng sanh.

TỔ THIÊN TÔNG (Tiếp theo trang 4)

- 1) Trung luận
- 2) Thuận trung luận
- 3) Thập nhị môn luận
- 4) Đại Thừa phá hữu luận
- 5) Lục thập tụng như lý luận
- 6) Đại Thừa nhị thập tụng luận
- 7) Thập bát không luận
- 8) Hồi tránh luận
- 9) Bồ Đề tư lương luận
- 10) Bồ Đề tâm ly tướng luận
- 11) Bồ Đề hạnh kinh
- 12) Thích Ma Ha điện luận
- 13) Khuyến phát chư vương yểu kệ
- 14) Tận pháp giới tụng
- 15) Quảng đại pháp nguyện tụng.

Bồ Tát Mã Minh là người kêu
mỗi ngọn đèn chánh pháp đại thừa
chính Ngài là người thập sáng
và truyền bá khắp nơi cho đến
vô tận ngọn đức Đại Thừa. Những
tác phẩm của Ngài, bộ Trung Luận
có giá trị nhất, đến hiện nay đã
dịch ra nhiều thứ chữ để truyền
bá khắp thế giới.

(còn tiếp)

Từ năm 1930 trở đi, giới tăng sinh ở nước ta thường ưa lập lại khẩu hiệu cách mạng giáo lý, cách mạng giáo chế và cách mạng giáo sản mà pháp sư Thái Hư ở Trung Quốc nêu ra, nhưng cho đến nay chưa có gì thực sự cách mạng đã được xây ra ở Việt Nam trong ba lĩnh vực giáo lý, giáo chế và giáo sản cả. Đó là lỗi của ai nếu không phải là của tất cả chúng ta? Đứng về phương diện giáo lý chúng ta vẫn giữ nguyên một thứ thiên học ồm yếu mà gốc rễ là Mật tông và Tịnh Độ tông. Chỉ có vài hơi gió thuận lợi mang đến chút ít sinh khí: đó là ý chí phục hưng thiên học và chí nguyện đem đạo Phật hiện đại hóa để đi vào cuộc đời. Tuổi trẻ hướng về thiên một phần cũng do phong trào học thiên ở Tây phương bộc phát. Tuổi trẻ chấp nhận đem đạo Phật đi vào đời một phần cũng do xã hội băng hoại vì chiến tranh và đói khổ. Cuốn Đạo Phật Áp Dụng Vào Đời Sống Hàng Ngày (xuất bản năm 73) mà Viện Hóa Đạo gọi là "cương lĩnh giáo lý nhập thế của Phật giáo Việt Nam hiện đại", đã đặt được nền tảng sơ khởi cho một nền giáo lý thực tiễn phối hợp được Đại thừa và Tiểu thừa, nhưng trên căn bản ấy chưa có được những xây dựng nào đáng kể. Đứng về giáo chế, các bản hiến chương của các hội và của Giáo Hội chỉ để cập tới mặt hành chánh và quản trị của đoàn thể mà không đề cập gì tới sự cải cách về giáo chế và giới luật của tứ chúng. Ngoài công cuộc thí nghiệm về dòng Tiếp Hiện, một cuộc thí nghiệm quá im lặng và lâu dài, ta không thấy có giác sắc gì mới trong phạm vi giáo chế. Về phương diện giáo sản, ta thấy có một vài tiến bộ nhỏ. Từ năm 1956 nhân dịp giảng dạy tại Phật Học Đường Nam Việt, tôi đã từng kêu gọi những nỗ lực xây dựng kinh tế tự túc cho tăng viện để đi đến sự phế bỏ chế độ cúng dường nhưng lời kêu gọi của tôi chỉ có ảnh hưởng nhiều trên sự sống của người học tăng mà rất ít trên lĩnh vực tổ chức. Học tăng và học ni từ đó có nhiều người ra hoạt động trên các lĩnh vực giáo dục và y tế để tự đảm nhiệm lấy sự sống vật chất của mình mà hành đạo. Các cơ sở kinh tế tự túc của các chùa như nhà in, nhà xuất bản, xưởng nhang, xưởng mì sợi, nhà máy vi trai và các xưởng tiểu công nghệ nhỏ đã được xuất hiện khá nhiều nhưng vẫn không đủ. Thiếu những ban hỗ trợ tam bảo, các Phật học đường không thể đứng vững được. Trường tư thục là một cơ sở hành đạo cung

TƯƠNG LAI THIỀN HỌC VIỆT NAM



NHẬT HẠNH

cấp khá nhiều việc làm cho giới tăng sĩ tân học, nhưng trong chế độ xã hội chủ nghĩa, những trường này không thể tồn tại. Những năm gần đây, dồn vào thế phải tự lực cánh sinh, tăng sĩ vác cuốc ra nông trường cũng nhiều; tuy vậy hiện tượng này là do hoàn cảnh bắt buộc chứ không phải là do ý chí cải cách. Tất cả chúng ta đều phải thừa nhận rằng nhịp đi của ta quá chậm và do đó ta đã không trấn ngự được tình hình khi nó xảy tới.

Chúng ta đi chậm vì trên lưng chúng ta mang nặng quá. Giáo lý nặng quá. Giáo chế nặng quá. Giáo sản nặng quá. Chúng ta hãy tưởng tượng một vị hành giả kia đang đi trên một con đường núi vai mang nặng nào kinh nào tổ. Bao nhiêu kinh là bấy nhiêu tổ. Chúng ta có tới hai ngàn năm trăm năm lịch sử, và các thiên tổ của chúng ta, kể từ Tây Thiên, Đông Độ qua tới bản quốc, có cả hàng ngàn vị, mỗi vị đều có trước tác kinh luận. Vị hành giả của chúng

ta là một người rất hiếu kính: ông ta không dám bỏ bớt một tờ nào xuống, cứ đem cả hai cái vai gầy và một cái lưng còm của ông ta mà chịu đựng hết toàn thể các tổ. Theo nguyên tắc, tổ nào cũng là người tu chứng, và lời dạy bảo của tổ nào cũng phù hợp giáo nghĩa. Cũng vì vậy cho nên vị hành giả của chúng ta suốt đời là một kẻ bị nô lệ. Ước muốn của chúng ta là thấy người ấy quăng bỏ tất cả hành lý trên vai và thành thoi rào bước trên con đường núi để khám phá được bao nhiêu hoa thơm cỏ lạ bên đường. Nhưng trút gánh đầu phải là chuyên để. Người bộ hành nào cũng cảm thấy cần có chút hành trang. Người tìm đạo nhiều khi cũng có thái độ như người làm giàu, cất giữ và chắt chừa bất cứ thứ gì họ nghĩ có thể chứa đựng chân lý, đầu biết sự góp nhặt đó là nguyên nhân của sự nghèo nàn của mình. Chúng ta ai mà chẳng trải qua kinh nghiệm đáng thương đó. Buông bỏ là một hành động khó khăn; nó đòi hỏi một đức dũng cảm lớn hoặc một sự bất bình lớn. Bất bình ở đây trước hết có nghĩa là bất bình với chính thái độ của mình. Lâm Tế đã từng dạy đệ tử buông bỏ cả Phật cả tổ ("phùng Phật sát Phật, phùng tổ sát tổ"). Nhưng từ ngày nền tổ sư của một thiền phái lớn, ông cũng đã bị chính con cháu của mình gánh tron trên vai. Uy tín của Phật và của tổ lớn quá cho nên lũ con cháu của các ngài ít kẻ đã có thể từ cứu non biển được thành sư tử. Phật và tổ đâu có muốn như vậy. Các vị đã biết trước điều đó, cho nên đã từng dặn dò con cháu là chớ nên làm kiếp gà què ăn quần cối xay.

Thiền học Việt Nam sẽ đi về đâu? Chắc thấy cũng nghĩ như tôi là hễ chúng ta đi về đâu thì thiền học sẽ đi về đấy. Thiền là một dòng sống linh động, một "sinh vật", chứ không phải là một hệ thống tư tưởng. Là một sinh vật, nó phải hô hấp. Trong thiền phòng

tại đây tôi có treo bức họa một chồi cây với mấy chữ "Respire, tu es vivant". Thờ di, người là một sinh vật. Gốc rễ của thiên là chính chúng ta. Thiên như một thân cây, lá cây và rễ cây thu hút tinh hoa của đất trời của ánh sáng để làm nên sinh lực của cây. Thiên không phải chỉ là những hình thái sinh hoạt tôn giáo. Những kỳ thi và đàn áp của các ý thức hệ độc tài không động được tới sinh mệnh của thiên. Họ chỉ có thể cấm không cho con người cùng lay nhưng không thể cấm con người thờ. Mà con người còn thờ được thì thiên còn sống. Phật giáo Việt Nam đang ở trong một giai đoạn thử thách. Những gì non yếu, giả tạo phải tan rã tàn lụi, nhưng những gì chân thực sẽ bền vững và chiếu sáng hoài hoài. Sau giai đoạn thử thách, thiên học Việt Nam sẽ lại rang ngời non bao giờ hết. Miến là trong giai đoạn thử thách, ta biết nhìn xa trông rộng và ý thức rằng chính kim cương cắt được những thứ kim khí khác mà không một thứ kim khí nào đập vỡ được kim cương.

Thiên là nhìn vào sự sống để biết mình là ai và đang đi về đâu. Điều này tôi đâu có cần nói với am chủ, tôi chỉ muốn nhắc lại để tất cả chúng ta cùng nhớ. Phần lớn, chúng ta mãi chạy theo danh lợi, ít có dịp ngừng lại để tự thấy mình, thấy được mình đang là gì và đang làm gì. Chính vì chúng ta không tự thấy được mình và không ý thức được mình đang đi về đâu cho nên chúng ta đang lâm vào tình trạng hiểm nghèo chưa từng có như bây giờ. Hiểm họa về sự tiêu diệt nhân loại đang đè nặng trên đầu ta; vũ khí nguyên tử trên trái đất vẫn còn được tiếp tục chế tạo thêm nữa để cái chết càng ngày càng chính xác và càng mau lẹ. Mỗi năm trên mặt trái đất chúng ta ở, mười bốn triệu trẻ em chết đói ở các nước chậm tiến. Mặt đất, lòng biển và bầu khí quyển bị ô nhiễm trầm trọng. Nếu ta ví trái đất như một cơ thể, thì ta thấy loài người chúng ta là một loài vi khuẩn có sức tàn phá lớn lao, hơn hết tất cả các loài vi khuẩn khác. Tình trạng đen tối như vậy mà ta vẫn chưa thức tỉnh: chúng ta tiếp tục tàn phá lẫn nhau. Kinh Pháp Hoa đem ví ba cõi với một ngôi nhà bốc cháy và loài người chúng ta những đứa trẻ con khờ dại đang chỉ chóc tranh giành đồ chơi với nhau trong ngôi nhà đang bốc cháy đó. Thiên là "nhìn thấy tự tính và thành Phật". Một người không nhìn thấy mình và không nhìn thấy hoàn cảnh mình thì làm sao nhìn thấy

tự tánh? Tự tánh đâu phải là 1 ý niệm trừu tượng chẳng có liên hệ gì đến sự sống của bản thân và của vạn hữu? Làm sao thấy tánh được khi chính những cái trước mắt mà cũng không thể nhìn thấy? Thành Phật là gì nếu không phải là bừng tỉnh dậy để nhìn thấy sự sống, biết mình là ai và đang đi về đâu?

Mấy chục năm qua, chúng ta từng bị đốn vào cái thế "gà một nhà bới mắt đá nhau". Vũ khí giết người, chúng ta mang từ bên ngoài về, và với sự thúc đẩy bên ngoài chúng ta giết nhau, chúng ta tàn phá nhau, nghĩa là chúng ta tự tàn phá xứ sở và dân tộc của chúng ta.

Trong khói lửa mịt mù, một nhạc sĩ trẻ đã đau khổ thốt lên: "Ôi đất nước u mê ngàn năm". Trong một hoàn cảnh như đất nước mình cái thân bé bỏng của một nhạc sĩ trẻ có thể bị cả đôi bên đâm nát tan tành vì anh đã dám hát lên câu hát ấy. Ai u mê? Người cộng sản cho rằng người quốc gia u mê, người quốc gia cho rằng người cộng sản u mê. U mê là kẻ kia, chứ không phải là ta. Thật khó mà nhận rằng sự u mê nằm trong mỗi chúng ta, với một mức độ cao thấp khác nhau. Sự u mê đó được biểu hiện bằng niềm cuồng tín và sự hẹp hòi. Là người cộng sản, ta nghĩ rằng chủ nghĩa Mác Lê-nin là "đỉnh cao của trí tuệ loài người", rằng không có con đường yêu nước nào ngoài con đường cộng sản. Thái độ đó của ta vừa què vừa hẹp hòi, do đó ta trở nên tàn ác. Tàn ác vì tổ quốc, tàn ác vì xã hội chủ nghĩa. Ta đã kích mọi nền văn hóa, ta bóp chết mọi tư duy tự do không phù hợp với ý thức hệ ta. Ta nghĩ rằng vì tổ quốc xã hội, ta có quyền giết đồng bào ta sau khi dán lên trên thân hình họ những nhãn hiệu nguy và phản động. Ta bắt mọi người phải hô hời phấn khởi trong khi trên thực tế không có gì đáng hời phấn khởi cả. Ta ghét sự bóc lột lao động nhưng ta lại cố tình khai thác lao động của đồng bào ta cho đến mức họ rã rời chân tay sau mỗi ngày làm việc, cho đến nỗi họ không còn có chút thì giờ nào để nghĩ đến chuyện chống đối ta nữa. Ta nói không có gì quý bằng tự do, nhưng ta tước đoạt tự do của đồng bào ta ngay trong phạm vi tình cảm và tư duy cá nhân nữa. Ta cười người có tôn giáo là mê tín nhưng thái độ của ta với giáo điều Mác Xit còn khấp khểnh cường tín hơn nhiều. Ta dựa vào Liên Xô, gọi đó là thành đồng cách mạng, nhưng không cho phép đối phương dựa vào một đồng minh

của họ mà ta gọi là đế quốc. Là người quốc gia, ta chỉ biết cây vào tiền bạc và súng ống để củng cố quyền bính ta, mà than ôi, tiền bạc và súng ống ấy lại là từ bên ngoài đưa tới. Ta sử dụng tiềm lực quốc gia để xây dựng địa vị và tôn giáo ta. Ta kết bè kết phái để tung lưới tham nhũng vơ vét trong ngoài, trong khi con em ta đang bỏ mình ngoài trận địa. Ta thù tiêu những người quốc gia có lòng và đàn áp tiếng nói của những ai muốn nói lên tình dân tộc và hòa giải. Ta yên trí rằng tất cả những đau khổ mà ta đang gánh chịu là do người cộng sản gây nên mà cứ quên rằng chính ta đã gây ra hầu hết những khổ đau đó cho ta. Ta quên rằng chính vì sự tham nhũng ích kỷ và ác độc của ta mà cơ hội của những người quốc gia đã bị tiêu trầm. Là bộ trưởng, là tướng lãnh, là giám đốc cảnh sát công an, ta buộc cấp tỉnh trưởng và quận trưởng vơ vét của dân mà đóng góp cho ta, nếu không, ta làm cho họ mất chức. Là thương gia, ta chỉ biết làm giàu trên chiến tranh, mặc ai đang chết ngoài trận địa, và mặc đồng bào đang tan xương nát thịt trong những vùng bom đạn. Làm giáo sĩ, làm trú trì, chúng ta chỉ muốn xây chùa, xây nhà thờ cho thêm lớn, thêm cao, gây uy tín cá nhân và hễ ai không theo mình thì chup mũ cho là cộng sản. Ta tiếp tục đè nén nhau cho đến nỗi qua đến trai ty nạn hoặc định cutại một nước thứ ba rồi mà ta vẫn còn bới xấu, chup mũ và đâm chém nhau. Đó, cái hoa không phải đã do một người hoặc một nhóm người gây ra mà là do tất cả chúng ta kẻ nhiều người ít. Thức tỉnh trước hết là thức tỉnh về có một nhà độc tài nhỏ nhỏ bên trong, và ai cũng cần tu học để trở thành sáng suốt hơn, bao dung hơn, khiêm nhường hơn và tinh thức hơn.

Không phải là trong chúng ta không có người tỉnh. Nhưng số lượng những người thức tỉnh còn ít ỏi quá. Tiếng nói của họ bị chúng ta bóp chết và bịt lấp. Họ không yểm trợ cuộc tranh chấp, cho nên chúng ta đã đè nén và tiêu diệt họ. Tiêu diệt họ tức là chúng ta tiêu diệt sự tỉnh thức. Nếu thiên không phải là cái thấy của sự tỉnh thức và tiếng nói của sự tỉnh thức thì thiên là gì? Tại sao trong cuộc tranh chấp, tiếng nói và hành động của người Phật Tử lại bị cả hai phía tranh chấp đàn áp một lần? Thiên duyệt am chủ ơi, cái nhà cháy của bọn trẻ con trong kinh Pháp Hoa làm sao so

sánh được với cái biển lửa của cuộc tranh chấp trong đó chúng ta đã và đang vùng vẫy. Bọn trẻ con trong cái nhà cháy chỉ cần bỏ cuộc chơi chạy ra ngoài là có thể thoát được nạn thiêu thân. Còn chúng ta, chúng ta chạy đi đâu? Thế giới chia thành 2 khối lớn và chúng ta bị dồn vào ngay giữa vùng hòa tuyến. Tại sao chúng ta vô phương như thế? Tại sao chúng ta bắt buộc phải chọn lựa giữa hai khối? Tại sao chúng ta đã không khôn ngoan mà thoát ra khỏi vòng tranh chấp của các khối như 1 số các dân tộc khác?

Đất nước và dân tộc ta càng ngày càng bị ràng buộc. Ta tự ràng buộc lấy ta và ta chịu sự ràng buộc của người. Thống nhất và đoàn kết chỉ là những danh từ : trong thực tế, dân tộc ta bị chia rẽ một cách trầm trọng. Chia rẽ vì sự áp bức, vì sự kềm chế, vì sự thù hận. Chưa bao giờ người dân bỏ xứ mà đi đông đảo như vậy, bất chấp mọi hiểm nguy, bất chấp cả cái chết. Ở đất nước ta ngày nay, chúng ta bị buộc phải sống bằng những thùng khẩu hiệu và danh từ hơn là sống bằng cơm gạo và khí trời. Chiến tranh nói là đã chấm dứt nhưng chiến tranh trong lòng ta chưa chấm dứt. Cả hai bên, hận thù vẫn còn bốc cháy trong lòng. Nếu có bom nguyên tử trong tay, có lẽ chúng ta sẽ không ngần ngại gì mà khế ném vào kẻ địch, bất chấp cái gì sẽ xảy ra sau đó. Am chủ ơi, thấy và tôi đã từng đau khổ và chúng ta hiểu tâm trạng những người đã trải qua khổ đau. Khổ đau có khi làm cho chúng ta mất hết sáng suốt và bình tĩnh. Vì vậy mà ta cần đến sự thanh tịnh và tĩnh táo của thiền. Vì đói khổ, vì áp bức, mức sống đạo đức của chúng ta càng ngày càng suy sụp. Đau khổ đưa nhiều người tới chùa tháp và thánh đường : ở đây nhu yếu tôn giáo chỉ mới là nhu yếu của sự an ủi chứ chưa phải là nhu yếu của sự tỉnh thức.

Tôi biết có bao nhiêu người đã ngã quy trong đời sống. Thật khó mà chịu đựng nếu không có một niềm tin ở tương lai. Tuy nhiên tôi cũng biết rằng ngay trong các trại học tập cải tạo, có người vẫn đứng vững được nhờ thiền tập và do đó còn có thể mạnh dạn đi tới. Nhiều người đã luyện thêm được các đức kiên nhẫn và tử bi, thấy được cái đẹp và niềm hy vọng ngay trong những hoàn cảnh khổ nhục nhất. Thiền phải cắm rễ được vào trong mọi hoàn cảnh khó khăn nhất của sự sống: nó phải nuôi dưỡng sự tỉnh táo, đức kiên nhẫn và niềm hy vọng. Sự mạng của các bạn lớn

lao biết bao, bởi các bạn biết rằng thiền không phải chỉ là 1 môn thuốc thoa dịu khổ đau trong chốn lát, thoa dịu bằng sự quên lãng.

Mùa hè năm ngoái, có mười mấy em thiếu nhi Việt Nam từ sáu đến mười hai tuổi tới am Phương Vân để "học thiền". Những đứa trẻ này thơ dai và tươi mát lắm. Tuy vậy những đau khổ và hận thù của lớp người lớn tuổi đã ít nhiều được truyền xuống chúng, và tôi đã tìm cách đưa chúng trở về với cái nhìn biết xót thương và chấp nhận. Tôi đưa chúng vào rừng làm quen với các loại cây cỏ, chim, sóc và côn trùng, dạy cho chúng quán niệm về từng tờ lá, từng con sâu, chỉ cho chúng thấy liên hệ mật thiết giữa chúng và mọi loài. Tôi đã chẳng dùng danh từ thiền học hay Phật học nào cả. Vậy mà bọn trẻ và tôi đã thông cảm được nhau một cách sâu xa.



Có một lần tôi đưa chúng xuống núi để đi vào một siêu thị cách đây chừng mười lăm cây số để tìm mua một ít đinh ốc về đóng bàn. Chúng tôi đã đi vào siêu thị như đi vào trong một trận địa. Tôi đưa bọn trẻ đi qua hàng ngàn món hàng trưng bày trong đó, chỉ cho chúng thấy những món hàng nào đã được làm nên bằng sức lao động bán rẻ của người lớn và trẻ em tại các nước nghèo đói, những món hàng nào mà dân bản xứ chỉ được phép sản xuất nhưng không được phép tiêu thụ. Trong những ngày ở lại am Phương Vân, các em được ăn cơm gạo Thái Lan rất thơm và rất ngon do ba má các em đem tới và tôi cũng thế. Bọn trẻ này đã từng bị ăn đói và bị ăn dọn nhiều lần cho nên chúng hiểu ngay điều tôi muốn nói: gạo thơm mà chúng tôi đang ăn, hầu hết trẻ em tại các nước nghèo đói đâu có được ăn. Gạo này chỉ là để xuất cảng cho người ngoại quốc ăn để mà lấy ngoại tệ. Thấy, Tôi muốn các cháu sống tỉnh táo và thấy được vào chiều sâu của cái thế giới trong đó chúng đang bơi lội. Tôi chỉ

cho các cháu thấy bao nhiêu là hóaphảm không thực sự cần thiết cho đời sống. Các cháu may mắn hơn bọn trẻ tây phương ở chỗ chúng đã chứng thực được thiền là đời sống cơ cực ở các nước nghèo khổ cho nên chúng đã hiểu được một cách dễ dàng rằng bị cuốn hút vào trong mê cung của sự tiêu thụ là bất chấp sự đau khổ thiếu thốn của các bạn cùng lứa ở quê nhà. Thấy biết không, chúng tôi đã rời siêu thị ra về với một chiến thắng lớn : chúng tôi đã không mua gì hết, ngoại trừ mấy cái đinh ốc đã dự định. Qua cuộc chiến tranh giai đẳng, chúng ta đã bị tổn thất quá nhiều và không ai trong chúng ta mà không mang thương tích. Tôi thấy chúng ta phải gây lại vốn người : chúng ta không có quyền đưa thế hệ trẻ này vào con đường hận thù. Các bạn tôi, gần hay xa, trong đó có thấy còn trẻ nhiều hay còn trẻ ít, xin hãy dồn hết vốn liếng đầu tư vào tuổi thơ. Đó là vốn liếng quý hóa nhất còn lại. Các bạn biết rằng điều đó không dễ thực hiện. Hiên thời ai cũng muốn đem nhuộm tâm hồn thiếu nhi với nước sơn thù hận, cái nhìn và mưu đồ chính trị của mình.

Thiền duyệt am chủ ơi, từ 6 tuổi trở lên các em đã có khả năng học Thiền và tập Thiền rồi, điều đó tôi thấy rõ. Các cháu thông minh lắm. Ngồi bên bờ giếng tôi chỉ cho chúng một chiếc lá xanh đang lọc ánh sáng mặt trời, và chúng tôi cùng nhìn để thấy rằng chiếc lá chứa đựng cả mặt trời, đám mây và dòng suối. Các cháu thấy rõ là nếu không có mặt trời thì cũng không có chiếc lá, không có đám mây thì không có dòng nước, và không có dòng nước thì cũng không có chiếc lá. Mỗi cháu cầm trên tay một chiếc lá, nhìn ngắm nó và tìm thấy mặt trời, đám mây và dòng suối trong chiếc lá đó. Chúng tôi đã không dùng danh từ trùng trùng duyên khởi của kinh Hoa Nghiêm mà vẫn thấu hiểu được lý trùng trùng duyên khởi của kinh Hoa Nghiêm. Các cháu biết được rằng sự ăn, sự học, sự chơi và sự ngủ của các cháu có liên hệ tới đời sống các bạn cùng lứa tuổi với các cháu bên nhà. Ngày đầu mới lên am Phương Vân, một cháu đã nhận xét rằng ở đây cái gì cũng hợp ý cháu hết, chỉ có một điều cháu tiếc là ở đây không có máy vô tuyến truyền hình. Vậy mà sau mười hôm cư trú, chính cháu đó đã nói là cháu không còn thấy thiếu máy truyền hình nữa, và dù có máy truyền hình ở đây, cháu cũng không xem. Học thiền và tập thiền vui lắm. Một con ốc sên

NGÀY MẸ VỀ

*Viết Bình thanh trang
mùng 4 tháng 11 năm Bính Thìn*

*mẹ về đây,
mẹ về đây trên làn mây huyền ảo,
gặp lại con yêu sau mấy chục năm dài
mẹ đây con
mẹ đây con
như cánh nhạn trời cao
vượt sông núi,
vượt hàng rào lý tưởng
hai chục năm qua ngăn cản mẹ con mình
đừng khóc con,
đừng khóc con
có diệt mới có sinh
vứt bỏ thân già
mẹ sang thăm con mẹ*

*...
con thấy không,
mẹ vẫn vui, vẫn cười
như lúc con còn bé
tay trong tay, mẹ con mình chậm rãi
đi đến chùa lạy Phật nghe kinh..*

*....
không còn Việt Nam
không còn thế giới
không còn mẹ
không còn con
con với mẹ hòa mình cùng vũ trụ.*

*(Trích trong tập thơ
Ngày Mẹ về
Lá Bối - Paris xb.1978)*

HOÀI VIỆT

hoặc một con sâu do cũng có thể trở thành một đê tài thiện quán cho chúng tôi. Phía sau am Phương Vân có mấy cánh dơi, trên cánh dơi bên trái có một cây thông rất xanh và rất đẹp, loại pinus nigra austria, chúng tôi đặt tên cho nó là cây thông Thanh Từ. Ngày nào chúng tôi cũng thiện hành lên tới cây thông này; trong chuyến đi lên, các em theo tôi đi chậm để tập thở và chuyển đi xuống các em có thể cười nói chạy nhảy đùa nghịch. Cây thông cách nhà chừng hơn cây số. Các em tự ý bảo nhau đi cẩn thận để

dừng đạp chết ốc sên và côn trùng. Tự các em bảo nhau như thế chứ không phải tôi bảo đâu. Trước đó, tôi chỉ có dịp dạy cho các em quán niệm về con sâu và con ốc mà thôi, để các em có thể thấy rằng con sâu con ốc cũng có sinh mạng, có mẹ cha, có anh chị em, có vui buồn và lo sợ...

Các em được ngồi thiền, và thời gian ấn định là một phút. Ngồi để thở. Xong một phút, em nào muốn thôi thì đứng dậy, đi kinh hành một vòng. Em nào muốn ngồi thêm thì cứ ngồi. Vậy mà có em

ngồi tới mười lăm hay hai mươi phút.

Thiền không phải là công chuyện riêng của người xuất gia, của các ông thầy tu. Thiền phải là nếp sống tỉnh thức của mọi người. Tôi có cảm tưởng là tuổi trẻ rất dễ thực hành thiền tập. Không phải là vì các em còn ngây thơ mà ta dễ nhớ số các em đâu. Cái nhìn của các em trực tiếp và lời lẽ của các em ngay thẳng hơn người lớn chúng ta nhiều. Tôi kỳ nhất là việc người lớn nhớ số các em bằng các tín hiệu của họ. Tôi chỉ muốn chỉ cho các em thấy rõ thêm về vạn hữu vũ trụ mà thôi. Các em có thì giờ nhiều hơn người lớn cho nên tu thiền dễ hơn người lớn. Tuy vậy người tại gia dù bận đến mấy cũng có thể thực tập Thiền trong đời sống hàng ngày. Nói tới sự bận rộn, tôi thấy nhiều vị xuất gia còn bận rộn vướng víu hơn cả người cư sĩ. Có nhiều vị cư sĩ có tín tâm và khả năng tập thiền rất cao, nhiều người xuất gia không bì kịp. Bên này tôi biết có hàng ngàn gia đình người Tây phương đang thiền tập theo những chỉ dẫn của cuốn Phép Lạ Của Sự Tỉnh Thức, phần lớn những gia đình này không phải là Phật tử. Có lẽ chúng ta phải đề nghị những phương pháp thiền tập trong đời sống gia đình, phù hợp với thời đại mới. Xin thấy và các thiện hữu bạn bè nhà chú tâm về vấn đề này cho.

Trong khoảng từ năm 1968 đến 1970, tôi thường nghĩ tới sự thành lập những cộng đồng trong đó mọi người có thể vừa sản xuất kinh tế vừa thực hành thiền tập. Những cộng đồng này có thể được mệnh danh là làng thiền hay thôn thiền trong đó dân làng sống bằng nông nghiệp và công nghiệp theo hình thức hợp tác xã. Làng có xóm Thượng, xóm Hạ và xóm Ngoài. Tại xóm Thượng có thể có tầng xá cho giới xuất gia. Giới này cũng tham dự vào công tác sản xuất, nhưng vì ít cần tiêu thụ cho nên họ có nhiều thì giờ tu tập hơn. Lại có cư xá cho các anh các chị dòng Tiếp Hiện, cho các bạn trẻ chưa lập gia đình, và cư xá cho những gia đình đồng con. Mỗi gia đình có quỹ kinh tế riêng biệt, tuy nhiên công tác sản xuất được điều hợp chung. Vì đây là một cộng đồng thiền tập nên nếp sống vật chất chỉ đơn giản thôi và dân làng không tiêu thụ những hóa phẩm không cần thiết ở thị trường. Làng có máy cày, xe hơi để cho dân làng sử dụng khi cần đến. Trong làng có mấy mẫu đất và một xí nghiệp nhỏ mà lợi tức hoàn toàn để dành

cho quý cứu trợ xã hội, giúp đỡ cho trẻ em đói và những người bệnh tật hoặc tứ cố vô thân trú những thôn làng lân cận. Trong xóm có thiên đường, có thư viện, có nhà văn nghệ, có vườn trẻ, có công viên, có lối thiên hành. Lại có cư xá dành cho khách tăng và các bạn bè thân thích của dân làng. Đời sống của làng được đặt trong chính niệm: mỗi nửa giờ đại hồng chung của xóm Thượng điểm vài tiếng để nhắc nhở quán niệm: bất cứ ai đang làm bất cứ gì nếu không an trú trong chánh niệm thì nhớ đó mà trở về chánh niệm. Trẻ em và người lớn đều được hướng dẫn thiên tập trong đời sống hàng ngày. Xóm Ngoài là tên gọi tổng quát những cư dân tới lập nghiệp gần làng nhưng chưa sẵn sàng chấp nhận tham dự nếp sống kinh tế cộng đồng của làng. Tuy vậy họ có thể tham dự vào mọi sinh hoạt thiên tập và văn hóa của làng.

Tôi nghĩ nếu rải rác trong đất nước mà có những cộng đồng như thế thì thiên sẽ đi sâu vào đời sống đại chúng, và đất nước sẽ đi rất mau trên con đường tiến bộ văn minh. Thấy và các vị cao đệ chắc ít nhiều cũng đã thực hiện điều đó trong quý viện rồi. Chúng ta hãy nghĩ đến sự thiết lập những làng Thiên như vậy ở mỗi tỉnh để thiên có thể cắm rễ trở lại sâu xa trong mảnh đất dân tộc. Trong hoàn cảnh hiện tại của đất nước, tôi biết khó mà thực hiện chương trình này. Nhà nước xã hội chủ nghĩa sẽ không để cho chúng ta làm. Tuy nhiên, tôi biết các bạn bên nhà dẫu có bó tay. Họ đang làm những gì họ có thể làm được. Am chủ cũng vậy "Thế gian vô thường, quốc độ nguy thúy", có chế độ nào mà không có ngày sụp đổ. Ta phải chuẩn bị cho tương lai. Tại vì tadd không chuẩn bị từ trước cho nên đất nước mới rơi vào giai đoạn thảm khốc vừa qua. Ta phải kiên nhẫn ương hạt từ bi và độ lượng trong lòng người. Ta phải kiên nhẫn tiêu diệt những hạt giống cuồng tín và căm thù trong ta và trong người đồng loại. Chỉ có con đường ấy, chỉ có một con đường ấy thôi mới có thể đưa ta ra khỏi giai đoạn u tối này.

Như tôi đã từng nói, tuy ở đây mà tôi cứ cảm thấy không xa các bạn. Tại hoàn cảnh nào, chúng ta sống và hành động theo hoàn cảnh ấy. Tôi mới vừa đi hướng dẫn một lớp thiên tập tại Amsterdam về. Thiên sinh ở đó toàn là người Hòa Lan, phần lớn thuộc giới trẻ. Mùa Xuân tới tôi sẽ qua giảng dạy cho các tăng sĩ trẻ tuổi

người Hoa Kỳ tại thiền viện Tas-sajara. Ở đây, làm được gì thì tôi làm. Tôi đặt niềm tin nơi thầy và các bạn bên nhà. Tôi không tin vào quý vị thì còn biết tin vào ai? Tôi thường hộ niệm cho các bạn. Cái ta của chúng ta thật ra rộng lớn vô cùng. Tôi xin chép và kèm theo đây một bài thơ mà tôi đã đọc tại thiền viện Mount Tremper cho các thiênsinh bên ấy để thầy đọc cho vui. Có dịp sẽ lại xin viết tiếp về Tương Lai Thiên Học ở châu Âu và châu Mỹ.

HÃY GỌI ĐÚNG TÊN TÔI

*đừng bảo ngày mai tôi đã ra đi
bởi vì chính hôm nay tôi vẫn
còn đang tới
hãy ngắm tôi thoát hình trong
từng phút từng giây
làm giọt lá trên cành xuân
làm con chim non cánh mềm
chiêm chiếp vui mừng trong
tổ mới
làm con sâu xanh trên cánh hoa
hồng
làm gân viên ngọc trắng tượng
hình trong lòng đá.*

*tôi còn tới để khóc để cười
để ước mong để lo sợ
sự xuất nhập của tôi là hơi thở
nhịp sinh diệt của tôi cũng là
tiếng đập một lần
của hàng triệu trái tim*

*Tôi là con phù du thoát hình
trên mặt nước
và là con chim sơn ca mùa xuân
về trên sông
đón bắt phù du*

*tôi là con ếch bơi trong hồ thu
và cũng là con rắn nước trườn
đi tìm cách nuôi thân
bằng thân ếch nhái*

*tôi là em bé nghèo Uganda, bao
nhiều xương sườn
đều lộ ra, hai bàn chân
bằng hai ống sậy
tôi cũng là người chế tạo bom
đạn
để cung cấp kịp thời cho các
dân tộc Á Phi
tôi là em bé mười hai bị làm
nhục nháy xuống biển sâu
tôi cũng là người hải tặc sinh
ra với một trái tim*

*chưa biết nhìn biết cảm
tôi là người dâng viên cao cấp,
cầm quyền sinh sát trong tay
và cũng là kẻ bị coi là có nợ
máu nhân dân
đang chết dần mòn trong
trại tập trung cái tạo
nổi vui của tôi thanh thoát như
trời Xuân,
ấm áp có hoa muôn lối*

*niềm đau của tôi đọng thành
nước mắt, ngập về bốn đại dương
sâu*

*hãy nhớ gọi đúng tên tôi
cho tôi được nghe một lần tất
cả những tiếng tôi khóc tôi cười
cho tôi thấy được nỗi đau và
niềm vui là một
hãy nhớ gọi đúng tên tôi
cho tôi giật mình tỉnh thức
và để cho cánh cửa lòng tôi để
ngó
cánh cửa xót thương*

Chủ đề

Viên Giác số 53, tháng 10.89,
sẽ mang chủ đề:

Thân phận
người Việt tỵ nạn

Bài vở xin quý Văn, Thi hữu
gửi về cho tòa soạn trước
ngày 5.10.1989 để kịp thực
hiện. Xin thành thật cảm tạ.

Tòa soạn

THÔNG BÁO

Cúng dường định kỳ xây Chùa
VIÊN GIÁC, kính xin Quý vị đến
nhà Bank của Quý vị làm đơn
chuyển tiền tài theo lối:

DAUBRAUFTRAG

vào trường mục của Chùa
như sau:

Congregation der Vereinigten
Vietn. Buddh. Kirche e.V.
Deutsche Bank Hannover
Bankleitzahl: 250 700 70
Konto-Nr.: 8657470 01

Xin cảm tạ Quý vị.

Chùa VIÊN GIÁC -Hannover.

SỰ PHỤC HƯNG PHẬT GIÁO TẠI ẤN ĐỘ

THÍCH TRÍ CHƠN

(tiếp theo)

Gandhi cũng kịch liệt đả kích sự diễn tả quá ưu tiêu cực về Niết Bàn, mục đích con đường giải thoát của Phật Giáo như sau :

"Niết Bàn hẳn chắc không phải là sự hủy diệt hoàn toàn. Theo chỗ tôi biết về đời sống đức Phật, Niết Bàn là sự đoạn diệt hoàn toàn tất cả những hành động bất thiện, tôi lối nơi chúng ta: những điều khiến chúng ta trở nên hư hỏng xấu xa. Niết Bàn không giống như trạng thái yên lặng âm thầm, chết chóc nơi nghĩa trang, nhưng là sự an tĩnh hạnh phúc sống động của một bản ngã biết tự giác và ý thức tầm cầu cho nó (bản ngã) một nơi an trú trong Bất Biến. Điều vĩ đại đức Phật đóng góp cho nhân loại là sự đặt Thần Linh (Thượng Đế) vào ngôi vị vĩnh cửu của nó, và còn vĩ đại hơn là sự đóng góp của đức Phật cho loài người trng sự quan tâm chân chính của Ngài đến mọi cuộc sống, dù nó thấp hèn đến đâu".

Tin đồ Thiên Chúa cũng cần nên giải đáp lại trước những lý luận này của Gandhi. Mặt khác, người ta biết rằng các nhân vật đại diện cho Phật Giáo Nguyên Thủy chính thống Tích Lan và Miến Điện đều phủ nhận mạnh mẽ ý tưởng gán cho đức Phật như đấng Tiên Tri, đã đặt Thần Linh (Thượng Đế) vào ngôi vị vĩnh cửu của họ. Tuy nhiên, quan niệm sắp xếp Phật Giáo vào vị trí cổ truyền (Vedas) và Áo Nghĩa Thư (Upanishads) này đã được sự tán đồng rộng rãi trong xã hội Ấn Độ ngày nay Ông Radhakrishnan (69), học giả và chính khách Ấn Độ, trong dịp viếng thăm Trung Hoa đã tuyên bố rằng sự phục hưng Phật Giáo như nền tảng cho công cuộc gặp gỡ giữa những tâm hồn các dân tộc Á Châu. Ông nói với các Phật Tử Trung Hoa: "Hiện nay chúng tôi đang phục hưng sự lưu tâm

Giới thiệu Tác giả:

Ernst Benz, giáo sư môn "Lịch Sử Giáo Hội và Giáo Điều" (Church and Dogmatic History), nguyên Giám Đốc trường Toàn Thể Giáo Hội (Ecumenical Institute) thuộc Đại Học Marburg, Tây Đức. Năm 1957-1958, ông được mời qua dạy tại Đại Học Doshisha ở Kyoto (Nhật Bản). Giáo sư Ernst Benz, nhiều năm nghiên cứu Phật Giáo, đã từng đi tham khảo, gặp gỡ các lãnh tụ những Đoàn thể Tân Phật Giáo ((Neo-Buddhism) ở Ấn Độ; và tìm hiểu sinh hoạt, tổ chức Phật Giáo tại các quốc gia Á Châu như Miến Điện, Tích Lan, Đại Hàn, Hồng Kông và Phi Luật Tân.

(Ghi chú của người dịch)

đến Phật Giáo. Trong sự đánh thức dậy đời sống tinh thần của Ấn Độ ngày nay, đức Phật và bức thông điệp của Ngài là chính của Ấn Độ. Đức Phật ngày càng được người ta chấp nhận như nhà cải cách chứ không phải chống đời Ấn giáo. Giáo lý căn bản của Ngài đã bắt nguồn từ Áo Nghĩa Thư. Nhiều chùa và tịnh xá Phật Giáo đang được xây cất khắp nơi tại Ấn Độ. Có nhiều lý do hy vọng Ấn Độ lớn nữa sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc phục hưng đời sống tinh thần của Á Đông.

Ý tưởng xem đức Phật là "nhà cải cách chứ không phải đối thủ của Ấn Giáo" đã trở thành đề tài chính cho nhiều cuộc hội thảo, thuyết trình và các sách báo do chính phủ ấn hành trong dịp đại lễ 2500 năm đức Phật nhập Niết Bàn. Lễ kỷ niệm này được tổ chức vào năm 1956 tại nhiều trung tâm văn hóa khắp Ấn Độ, cùng lúc với đại hội kết tập kinh điển Phật Giáo kỳ 6 tại thủ đô Rangoon (Miến Điện). Sự kiện này khiến phần đông các nhà trí thức Ấn Độ tuyên bố rằng sự sai biệt giữa Ấn và Phật Giáo là vô nghĩa. Giáo lý của đức Phật và các đề từ của Ngài đã nảy sinh từ lòng đất Ấn, hòa lẫn cùng máu và nước mắt. Nay là lúc đức Phật cần được hồi phục và trả lại cho Vạn Thần Miếu của quốc gia Ấn Độ (Indian pantheon).

Mọi tài liệu chính thức do Bộ Thông Tin Ấn Độ phổ biến vào dịp trên đều nhấn mạnh đến phương diện đạo đức xã hội của Phật Giáo. Nhất là ở tuyên tập "2500 năm Phật Giáo" (2500 Years of Buddhism) do chính phủ Ấn phát hành tại New Delhi (Tân Đê Li) năm 1956. Nó mong làm giảm bớt những mâu thuẫn giữa Phật và Ấn giáo cùng thích ứng hóa Phật giáo vào đại truyền thống tinh thần của Ấn Độ. Phật giáo được trình bày như không có gì chống đối lại Ấn giáo mà là một

"ly giáo hoặc dị giáo" vốn bao hàm trong giáo lý đại cương của Ấn giáo.

Trong lời nói đầu của tác phẩm trên, học giả Radhakrishnan nhấn mạnh rằng những lý thuyết siêu hình và đạo đức của đức Phật đều căn bản phù hợp với Ấn Độ giáo vốn là di sản tinh thần của Ngài và đức Phật chỉ chống đối một vài sự thực hành của Ấn Giáo đang thịnh hành thời đó. "Mục đích chính của đức Phật là nhằm cải cách những phương pháp tu hành đạo giáo và thực hiện sự quay trở về với những giáo lý căn bản". Đức Phật đã "làm đầy đủ chứ không phải tiêu diệt Ấn giáo". Vì vậy, trong tuyên tập trên có một phần đề cập đến sự cải cách xã hội của Phật giáo. Điểm chính của những điều này là sự hủy diệt giai cấp trong đoàn thể Tăng Già Phật Giáo. Nó ảnh hưởng mạnh mẽ đến kiến thức của hàng Phật Tử tại gia và cấp thời khiến các tín đồ Ấn giáo ý thức được kết quả tai hại xã hội của hệ thống giai cấp. Thật vậy "một vài tư tưởng gia tự do trong những người theo Ấn giáo bắt đầu chú ý đến vấn đề cải cách xã hội với mục đích cải thiện sự đoàn kết giữa các đoàn thể Ấn giáo".

Nhiều cuộc tấn công hệ thống giai cấp khác nhau này đã gắn liền với ảnh hưởng liên tục của đạo đức xã hội Phật giáo. Một đoạn sách trong tuyên tập trên trình bày các phong trào này cho đến thời hiện đại và kết luận với lời phát biểu: "Ngọn lửa đã được duy trì đến khi những nhà cải cách hiện đại bắt đầu một cuộc đả kích quy mô nhằm hủy diệt hoàn toàn mọi sự kỳ thị giai cấp. Ngày nay rõ ràng đức Phật chứng tỏ đã sáng suốt biết bao khi dạy rằng cuộc sống Phật giáo Ngài chứng ngộ phải được rộng truyền cho khắp mọi giai cấp quần chúng".

Radhakrishnan bảo rằng sự tiêu

diệt giai cấp của Phật giáo chỉ thực hiện trong các đoàn thể Giáo Hội và tín đồ Phật giáo. Trái lại, Gandhi tiến xa hơn ghi nhận giáo lý đức Phật đã chống đối trực tiếp sự hiện diện của giai cấp trong tất cả mọi xã hội. Ông diễn tả đức Phật như nhà đại cách mạng xã hội, chống đối hệ thống giai cấp thịnh hành đương thời lúc Ngài đang sống. Thuyết trình trước một nhóm Ấn Kiều tại Colombo (Tích Lan), Gandhi bảo: "Điều khác mà đức Phật đã dạy là tất cả mọi giai cấp được nói đến ngày nay - cũng như vào thời kỳ đức Phật - là hoàn toàn sai lầm. Nghĩa là đức Phật đã hủy diệt mọi kỳ thị giữa hạng người cao quý và thấp hèn vốn đã ăn sâu vào xương tủy của Ấn giáo. Các ban phủ nhân Phật giáo, các ban tử bỏ nhân loại chừng nào các ban còn xem những người cùng khổ như hạng người không thể tiếp xúc".

Thật là ý nghĩa khi quân phủ của quân đội Cộng Hòa Ấn Độ bao gồm cả mẫu hình bánh xe Pháp của đức Phật. Khoảng gần 100 năm trước, Phật giáo đã bị lãng quên tại quê hương cội gốc của nó. Nếu nhớ kỹ lại, Phật giáo được xem như điều không thích hợp, nhưng may mắn từ lâu nó là một di giáo chiến thắng đã dấn đường đấu với tổ chức tự tin của Bà La Môn giáo. Hiện nay, trên chỗ ngồi của Tổng thống Cộng Hòa Ấn Độ là thông điệp "Dharmacakra-pravarttanaya" (Chuyển Pháp Luân được tạo thành bởi những chữ đèn sáng nê-on. Nó được treo tại tòa nhà Thượng Viện Quốc Hội Ấn trong khi hình ảnh bánh xe Pháp chiếm khoảng giữa của quốc kỳ Ấn Độ.

Tương tự như thế, hình tượng "đầu sư tử" của vua A Dục biểu dương sự truyền bá Phật giáo khắp bốn hướng không gian ngày nay được dùng làm khuôn mẫu chính thức của chính phủ Cộng Hòa Ấn Độ. Sự dùng các biểu tượng Phật giáo này không phải là hành động của tư tưởng lãng mạn. Chúng trình bày - ít nhất cho những nhà sáng lập tân quốc gia Ấn Độ - một vài phương diện Phật giáo đã sâu xa thấm nhuần vào mọi kiến trúc xã hội và đạo đức chính trị của xứ sở.

Vì vậy, sự đòi hỏi tận diệt hệ thống giai cấp đã thấy ghi trong bản tân Hiến Pháp và Lập Pháp của Ấn Độ. Đức Phật được tán dương như nhân vật tiên phong trong nỗ lực này - và có nhiều lý do chính trị đặc biệt để làm như thế. Không riêng Tăng Già Phật giáo mà cả đến tân quốc gia Ấn Độ đã trở thành người phát ngôn cho những nguyên tắc đạo đức của đức Phật. Không còn lâu

nữa, mọi người Ấn Độ phải trở thành Phật Tử để thu hưởng các nhân quyền đó, những điều mà họ đã bị hệ thống giai cấp Ấn giáo thời xưa tước đoạt và chỉ có thể tìm thấy trong đoàn thể Tăng Già Phật Giáo.

Tuy nhiên, sự tiêu diệt giai cấp đang còn là vấn đề mới chỉ được phổ biến rộng rãi trên giấy tờ. Nó chưa có phương tiện thực hiện trong đời sống của dân chúng Ấn đặc biệt trong các họ tộc, gia đình và cả đến trong những đoàn thể Ấn Độ theo Thiên Chúa Giáo. Những lễ cưới Thiên Chúa đang còn được tổ chức phần lớn dành cho các gia đình giàu sang. Và sự phân chia giai cấp giữa đôi nam nữ hoặc cha mẹ của họ trong buổi lễ rửa tội đang còn được mạnh mẽ duy trì. Cũng không có sự liên tục tuyên truyền của chính phủ nhằm hủy diệt những thành kiến cố hủ chống đối hạng dân chúng "không thể tiếp xúc". Mặc dù đã có cơ quan lập pháp lưu tâm, nhưng thực tế quyền bình đẳng của họ vẫn không được bảo đảm. Thánh Gandhi đã mở cửa các chùa Ấn giáo cho hạng dân Harijans (thuộc giai cấp hạ tiện mà trước kia họ bị nghiêm nhốt xưa dưới khỏi những nơi này; nhưng bước tiến căn bản trên vấn đề thực hành rất ít trong việc nâng cao cuộc sống của hạng người "không thể tiếp xúc" (the Untouchables). (còn tiếp)

Trích tác phẩm "BUDDHISM OR COMMUNISM WHICH HOLDS THE FUTURE OF ASIA" (Phật Giáo hay Cộng Sản sẽ nắm giữ Tương Lai của Á Châu).

(69) **RADHAKRISHNAN** : Sarvepali Radhakrishnan (1888-1975), sinh ngày 5.9.1888 tại Tiruttani, tiểu bang Andhra Pradesh, miền đông nam Ấn Độ. Từ năm 1918-1921, ông làm giáo sư dạy Triết tại trường đại học Mysora (tiểu bang Mysore, miền Tây Ấn) và tại đại học Calcutta (tiểu bang West Bengal miền đông Ấn Độ) vào những năm 1921-1931 và 1937-1941. Ông cũng được mời làm giáo sư dạy môn đạo đức và tôn giáo Đông Phương (Eastern Religion and Ethics) tại đại học Oxford (Anh quốc) vào những năm 1936-1952. Radhakrishnan giữ chức Phó Viện Trưởng đại học Benares Hindu tại thị trấn Varanasi (tiểu bang Uttar Pradesh, miền bắc Ấn) từ năm 1939-1948; đại sứ tại Liên Xô (1949-1952); Phó Tổng Thống Ấn Độ (1952); Viện Trưởng đại học Delhi, tiểu bang Uttar Pradesh (1953-1962) và Tổng Thống Ấn Độ (1962-1967). Ông là tác giả của nhiều sách Anh văn giá trị: "Indian Philosophy" (Triết Học Ấn Độ), 2 tập (1923-1927); "The Philosophy of Upanishads" (Triết lý Áo Nghĩa Thư), 1924; "Eastern Religions and Western Thought" (Các Tôn Giáo Đông Phương và Tư Tưởng Tây Phương), 1939; và "East and West" (Đông và Tây Phương), 1955 v.v... Radhakrishnan mất tại Madras (tiểu bang Tamil Nadu, miền nam Ấn Độ) ngày 16.4.1975 (Dịch giả).

tin có luân hồi

tiếp theo

Dôi lúc sự tư duy gây trở ngại cho sự hiểu biết : đó chính là trường hợp con người nhận thức về thời gian. Vì tư tưởng vốn có tính cách liên tục, nên nó trình bày thế giới ba chiều này theo thuật ngữ Quá khứ, Hiện tại, Vị lai, dù sao cũng là một lối giải thích khá tiên lợi đối với thế giới hữu thể này. Nhưng vì là sản phẩm của ý thức trần tục của loài người, nên thời gian cũng chỉ là một ảo tưởng tiên lợi. Những ai đã trải qua giai đoạn Trung âm, như ta đã biết, đều ý thức rõ rằng Thời gian chẳng thực sự

hiện hữu. Tạm thoát cõi trần, họ thấy rằng mọi thứ đều xảy đến một lượt. Nó rời rã giống như việc một người già nua đang xem thời gian tíc tắc trôi qua ở chiếc đồng hồ bên trên một đèn đài có tính cách lịch sử của địa phương, mọi việc đều xảy ra trong giây phút hiện tại. Do đó, các tiến kiếp xảy đến cùng một lúc. Nói cách khác, tư tưởng nhận thức theo đường lối nào thì ta hiểu thế giới như thế đấy. Cho dù các nhà hiền triết từ Huang Po đến Thánh Augustine đã bàn về tính cách hư ảo của thời gian, lý trí luôn luôn ngăn ngại tư bỏ cái nhìn một chiều. Trong quyển The Spectrum of Consciousness, Ken Wilber viết :

CHƯƠNG IX

BÓNG MA CỦA VỊ LAI, QUÁ KHỨ

Nguyên tác: The Case for REINCARNATION

Tác giả: Joe Fisher

Bản dịch: HOÀNG PHI LỮU HOÀNG NGUYỄN

"Tư tưởng có tính cách liên tục nối đuôi nhau, một chiều, trong khi thế giới thực sự lại đa phương, không tiếp nối nhau, cực kỳ phong phú và đa dạng cùng một lúc. Và việc muốn làm thực thể này hiểu được thực thể khác giống như khi muốn thưởng thức phong cảnh đẹp xinh bằng cách nhìn qua một khe nhỏ hẹp nơi hàng rào, hoặc toan hiểu tranh Renoir bằng cách dùng kính hiển vi".

Chỉ khi nào ký ức thời tưởng tượng rằng nó chính là kiến thức chân thực của quá khứ, mà thực ra là kinh nghiệm hiện tại lúc đó ảo tưởng về thời gian sẽ tan biến. Vì giây phút hiện tại chứa đựng tất cả Thời gian, cho nên nó phi thời gian. Và đặc tính phi thời gian là sự vĩnh cửu. Dĩ nhiên là quan niệm phân biệt quá khứ, hiện tại, tương lai rất dễ dàng, không làm ta nhọc trí, tuy nhiên muốn hiểu biết sâu xa hơn về luân hồi cần phải có tầm nhìn phóng khoáng hơn. Như René Guénon nói: "Người nào cứ khẳng khái cho rằng thời gian tiếp nối nhau, sẽ chẳng thấy được vạn vật vạn hữu hiện hữu đồng thời, tất không hiểu nổi chuyện siêu hình".

Cô Joan Grant, một thiếu nữ Anh có được ký ức xa xưa, hồi tưởng lại một chuỗi dài tiền kiếp, đã cố gắng gián lược ý niệm Đồng thời cho dễ hiểu bằng cách giả dụ rằng hãy xem Thời gian như là trung tâm của một trái cam, nó cách đều với các múi cam, giống như các kiếp khác nhau của một người. Cho nên, theo cô Grant, "Việc nhớ lại một chuyện xảy ra cách đây mấy nghìn năm cũng dễ dàng như khi hồi tưởng một sự việc của thế kỷ này hay ở thế kỷ trước".

Qua một trình độ nào đó, bạn thấy cái Ngã của mình không chuyển động theo thời gian. Thời gian mô tả các kiếp, những sự thay đổi đáng về bề ngoài.

RAM DASS

Nhiều người được đưa lui về tiền kiếp cũng thấy rằng hiện kiếp không sống động hoặc gây xúc cảm mãnh liệt hơn các kiếp xa xưa. Seth, một linh hồn hướng dẫn nơi âm cảnh (đã được đề cập đến ở chương trước) nhấn mạnh đến mối liên quan giữa hiện tại vĩnh cửu và luân hồi qua những lời truyền thông sau đây:

"Vi bị ý tưởng quá khứ, hiện tại vị lai ám ảnh, nên các người bị buộc phải nghĩ rằng những sự

tái sinh tiếp nối nhau. Thực vậy ta nói về các tiền kiếp vì các người quen thuộc với khái niệm Thời gian nối tiếp nhau... Các người có bản ngã vượt trội, tất cả là một phần của thực thể sâu kín, vượt trội trong nhiều kiếp. Nhưng các kiếp riêng rẽ hiện hữu cùng một lúc. Chỉ có những cái ngã đó phân biệt thời gian, Năm 145 trước Tây lịch, năm 145 sau Tây lịch, một ngàn năm trước một ngàn năm sau - tất cả đều hiện hữu ngay lúc này đây".

Bản chất huyền ảo của Thời gian có lẽ được nhận thức rõ hơn bằng cách nghĩ đến các giấc mộng: Mộng có thể thấu tóm những việc xảy ra trong nhiều năm thành có vài giây. Đối với người nằm mộng không có thời gian nào đã trôi qua. Cùng như nó chẳng trôi qua đối với người đang ngủ hoặc đang bị thôi miên. Tại sao vậy? vì cái Chân ngã nó sống ngoài thời gian. Tương tự như vậy, người phi công trực thăng sống bên ngoài chiếc ô tô mà anh ta đang quan sát trên một xa lộ bị nghiền xé ở tít bên dưới. Giả sử người phi công là đại ngã và mỗi người lái xe là những tiểu ngã riêng biệt đang sống các cuộc đời khác nhau. Cái đại ngã, vì ở trong

hiện có ở đây và đã luôn luôn hiện hữu. Vì vậy những người có thiên nhãn thông có thể tiên tri các việc sẽ xảy ra. Họ có thể thấy được hiện tại vĩnh cửu bằng cách rà bắt các tần số tâm linh cao hơn. Alan Vaughan, chủ bút tờ Reincarnation Report, trong bài báo tháng 2/1983, lập luận rằng càng biết nhiều về tương lai ta càng có cơ may chọn kỹ ở giây phút hiện tại:

"Càng hiểu biết về phần kế hoạch vô thức của đời sống, ta càng thấy những lý do tại sao mình chọn lựa để được sinh ra ở kiếp này. Tôi hoài nghi rằng mình chẳng bao giờ biết hết tất cả các kế hoạch, vì như vậy mình đâu còn hứng thú để sống. Thực ra, lý do có sự ngăn cách giữa tâm ý thức và vô thức có lẽ cốt nhằm ngăn cản sự biết trước, vì sự biết trước sẽ cướp đi hết trọn những hồi hộp của cuộc sống hằng ngày".

Kiếp sau:

Dù vậy, sự thôi miên có thể phá vỡ bức tường ngăn cách cõi vô thức và ý thức. Điều này có nghĩa, về mặt lý thuyết, đối với nhà thôi miên rành nghề, có thể thấy được các kiếp trước cũng như các kiếp sau. Nhưng trên thực tế, việc thôi miên đưa tới kiếp sau (progression) không được thực hiện nhiều như việc đưa lui về tiền kiếp (regression). Chẳng thể thu thập tài liệu về các kiếp sau. Các tin tức không tuôn ra một cách trôi chảy. Những đối tượng nghiên cứu, một khi ở cõi vị lai, thường có khuynh hướng đột nhiên chuyển từ cảnh này sang cảnh khác. Có lẽ vì tâm ta bị điều kiện hóa để không thấy được chuyện tương lai, nên nó cố gắng ngăn chặn hoặc xáo trộn kho hình ảnh.

Tiến sĩ Helen Wambach mới đây vừa thực hiện cuộc nghiên cứu dọn đường, đặt tên là: "Tập Thể Mơ Chuyện Tương Lai" trong đó nhiều người được thôi miên đưa đến năm 2100 và 2300. Trong số 1100 người tham dự, có 89 người thấy mình đầu thai ở một hoặc

cả 2 thời kỳ và mô tả rất nhiều chuyện giống nhau. Tiến sĩ Wambach còn cho biết có nhiều người muốn đi vào tương lai, song họ thấy rằng vào các thời đó, họ không mang kiếp người.

Có lẽ họ không sống chính vì chẳng có đủ thân thể thích ứng với họ. Cuộc nghiên cứu cho thấy vào khoảng năm 2100, dân số thế giới giảm đến 95%, khi các đối tượng được nghiên cứu báo cáo rằng họ sống sót sau một cuộc tàn phá rộng khắp. Trái đất trở nên cần cỗi, bị nhiễm độc. Gần phân nửa những người sống vào năm 2100 nói rằng họ sống trong các thành phố có vòm kín bao phủ (domed cities). Muốn ra ngoài họ phải mang mặt nạ phòng chống hơi ngạt. Họ cho biết có một thành phố như vậy ở Arizona, và một cái nữa ở Tunisia. Số phân nửa kia sống ở những thuộc địa trong không gian. Họ ăn các thức ăn nhân tạo, mềm, xốp, với một dung cụ kỳ hoặc muỗng nĩa phối hợp. Tất cả rau cỏ đều biến mất kể cả sự đau đớn, bao đông và bệnh tật. Các đối tượng nghiên cứu xác nhận rằng vào khoảng năm 2300, rau cỏ lại tái xuất hiện, nhân loại sống khắp cùng thái dương hệ và dân số địa cầu tăng gấp đôi.

Các cuộc đưa vào tương lai của tiến sĩ Bruce Goldberg, một nhà thôi miên trị bệnh ở Baltimore, không ghi nhận những chuyện như vậy, ít ra, mãi đến thế kỷ thứ hai mươi lăm, khi có một cuộc chiến tranh hạch tâm quan trọng xảy ra khiến dân số thế giới bị giảm thiểu kinh khủng. Trong quyển "Tiền kiếp, Hậu kiếp" (Past Lives, Future Lives) của ông, Goldberg thuật lại nhiều sự quan sát rõ ràng, từ những thay đổi to lớn về địa lý trong thế kỷ 21 chỉ đến những thành phố dưới đáy biển và những "viên tin tức" (information pills) ở thế kỷ thứ 26. Ngày 2.2.1981, Goldberg thời miên Harry Martin, xướng ngôn viên đài truyền hình ở Baltimore và yêu cầu ông ta "đọc" bản tin của tuần tới. Bản tin của đài WBAL ngày 9.2.81 cho thấy Martin đã tiên đoán đúng một số điểm nhỏ, kể cả việc mô tả gần như y hệt một tai nạn lưu thông trong vùng Baltimore. Sau này, Harry Martin được đưa về kiếp sống ở thế kỷ 22, ông thấy mình là một nhà khoa học đang làm việc trong một kim tự tháp bằng kính và xử dụng năng lượng mặt trời. Ba trăm người sống trong đó, và không ai nói với nhau một lời. Nhiệm vụ của họ là nghiên cứu về tha tâm thông (truyền thông với nhau bằng tư tưởng). Được đưa tới tận ngày cuối cùng của nếp sống vị lai này, Martin

mô tả cái chết tàn kỳ chẳng đau đớn mà ông ta biết rằng nó sẽ đưa đến tái sinh :

Goldberg : Hiện ông ở đâu?
Martin : Tôi đang trình diễn ở phòng kết liễu.
Goldberg : Ông vẫn còn ở trong kim tự tháp ?
Martin : Còn.
Goldberg : Tại sao ông ở phòng kết liễu ?
Martin : Vì đến phiên tôi phải đổi đơn vị.
Goldberg : Ông có thể mô tả tiến trình ?
Martin : Tôi nằm dài trên một cái bàn và họ đặt một vật trên các ngón tay tôi, và tôi ngủ thiếp đi.
Goldberg : Cái đó đối với ông như thế nào ?
Martin : Nó rút tất cả năng lực ra khỏi thân tôi.

Việc dừng lại khá lâu ở để tài thời vị lai càng làm rối trí. Dick Sutphen, người từng đưa thân chủ mình đi xa đến tận năm 4000, có lần suy tưởng rằng : Thiên hạ, trong những thân xác khác nhau sống rải rác trong tương lai, ắt sẽ tác động với nhiều linh hồn từng chung sống với họ trong những kiếp quá khứ hay hiện tại. Vào năm 1976, ông suy đoán :

"Có thể là vào một thời điểm nào đó, hậu kiếp của tôi được đưa lui về năm 1976 để tìm ra nguồn cội tinh thần của nó? Tôi tự hỏi...".
Thời gian được biểu không cho những ai chấp nhận thuyết luân

hồi. Và điều này rất hấp dẫn riêng đối với những người quá ý thức về các giới hạn của khả năng và các nhược điểm của mình. Vì nếu sự toan hao vượt quá mọi niềm ước ao hợp lý trong kiếp này, như vậy luôn luôn là có kiếp sau, và kiếp sau nữa... Khi thời gian và tái sinh hoạt động đồng bộ với nhau cái trước cái sau (in tandem), ắt không có mục tiêu nào chẳng đạt được, không đức tính nào chẳng thể có. Một chuyên cơ Phật giáo ám chỉ đến thời lượng không lẽ dùng để trải qua vô lượng kiếp. Đó là hình ảnh một ngọn núi đá hoa cương cao 6 dặm, dài 6 dặm, rộng 6 dặm. Cứ mỗi một trăm năm, có một con chim ngậm nơi mỏ một khăn lụa. Chim bay ngang núi, kéo lê chiếc khăn khắp cả mặt núi đá. Thời gian để chiếc khăn lụa làm mòn hết ngọn núi bằng khoảng thời gian luân hồi của mình từ hình dạng này sang hình dạng khác, từ cảnh giới này sang cảnh giới khác.

Tuy nhiên nếu thời gian chẳng hiện hữu, có cái gì thực sự đã đổi thay hay không? Tri giác, chỉ có thế. Việc trật tự thuận lý tan biến đi trước khái tượng vĩ đại nhất, là điều có thể tưởng tượng được. Và cát bụi của vĩnh cửu xem ra mệnh mông, vô lượng so với cát bụi của thời gian.

Đón xem kỳ tới : Chương X.- HẠ SINH : THÁC SINH VÀO NHỮNG CẢNH GIỚI THẤP KÉM (Lesser Lives : Rebirth in the Lower Kingdoms).



VUI là một bí quyết để sống. Quả thế, nếu sống mà không có một nguồn vui, thì cuộc đời buồn tẻ biết chừng nào. Nó sẽ nhốt trọn con người trong ngục tối đen đáng sợ. Cho nên người ta cần vui cũng như cá cần nước vậy. Mà muốn vui, tức nhiên phải tìm những trò chơi để vui. Bởi thế từ khi ta sanh ra, đương còn trứng nước, đáng làm cha mẹ, ngoài cái lo no ấm cho con, còn lo làm sao cho con vui, hình như phải vậy mới tròn bổn phận và khỏi thức mắc trong lòng.

Ngày em tôi mới 6,7 tháng, khuya nào mẹ tôi cũng bảo thấp sắp lên cho em chơi. Em tôi nằm trong nôi, trắng như bột, tròn như hột mít, ngày thơ nhìn ngọn đèn bạch lập lờ lờ chớp chớp, em tôi cong cả bốn chân, tay như chụm bắt bóng sáng, chốc chốc

MUA VUI

THÍCH NỮ THỂ QUÁN

lai cười, đôi mắt tròn xoe, đen nhánh trông thật đến yêu; nhưng bà tứ mẫu nghèo ở thôn quê, không có tiền mua bạch lập cho con chơi đêm, họ cũng tìm một nắm hàng vun xanh xanh, đỏ đỏ, treo tòn teng giữa 4 tao nôi. Các em bé ấy cũng cong cả 4 chân tay, chốc chốc ngoảnh miệng cười trông thích thú lắm.

Rồi lớn lên 6,7 tuổi nghèo cực thì chơi đất chơi cát, đá kiến, đá cẩu; giàu sang thì xe 3 bánh, ngựa hai chân, cha mẹ dám

bỏ cả nghìn bạc để mua búp bê, ô tô cho con chơi.

Lúc trưởng thành, tự mình có thể tìm những thú vui để chơi tùy theo sở thích, nên ta thường gọi những trò chơi ấy là "mua vui". Bây giờ mới bạn lại đây, lại nói con đường có hai lối rẽ để xem thiên hạ mua vui. Bạn đứng đây một chốc, chỉ một chốc thôi, những người đi mua vui ấy sẽ trở lại, và họ sẽ trả lời cho bạn nghe, hoặc bằng lời, hoặc bằng cử chỉ, dáng điệu, bạn dù biết kết quả của những cuộc mua vui ấy như thế nào.

Bạn trông, đoàn người thứ nhất ra đi, háng hái chưa? phục sức dàng hoàng; diêm trang cẩn thận. Bà xách bóp, ông cầm cane, ríu rít bên nhau, coi bộ tâm đầu ý hiệp quá. Tay cầm tay, cùng đi đến nơi định đến. Chủ nhân đón tiếp niềm nở, sẵn 4, 5 ông bà ngồi đợi, gặp nhau mừng như cá gặp nước, chuyên như pháo nổ, nhấp chút nước chỉ sơ sơ rồi họ phân công ngay: Bà xếp bẻ he bên bộ ngựa này. Ông treo căng lại ở bàn bên kia.

Họ nhập cuộc liền, thua một ván, còn cười ha hả, thua hai ván mặt cũng còn tươi, thua ba bốn ván: Người được chuyện nở như bắp rang, kẻ thua mặt xiu như pháo xép. Thua luôn một hội mặt đỏ ngầu, thua tiếp hai hội mặt tái mét. Người thua trưng cầu ý kiến "xin đổi chỗ, nhưng than ôi! giờ đây đầu còn như khi mới gặp ý kiến bị bác ngay, nổi xung họ xì, họ xà, hăm hăm đứng đây lấy vat áo quet qua, quet lại:

Chào, đen như lo nghe, đỡ yêu, đỡ quý... rồi họ huì họ phà để tổng cổ con ma đen. Mặc cho bụi trần tự do bay vào ai, rần mà chiu lấy. Tinh thể mỗi lúc một gay cấn, hết cười hết nói, mặt nào mặt nấy, nhất tể chặm bầm...

Mặt máu tăt nhiên xanh mặt, trên đường về, đoàn người mặt xanh, thất thểu đi dưới nắng vàng.

Ông phở phạc xách cane đi trước, bà xơ rơ lê guốc theo sau

*Ôi! mua vui chẳng thấy vui đâu!
Tang thương đồn cả lên đầu hai
ta.*

Đoàn người thứ hai, nhì nữ ít, anh hùng nhiều, ra đi áo xống bánh bao, họ nện mạnh gót giày tò ra hiên ngang như một đội quân say chiến. Kẹp tay nhau cùng vào quán rượu, chén chủ, chén anh chén tôi, chén bác, rót đầy ly cạn, uống cạn ly đầy. Rượu vào lời ra, bao niềm tâm sự, bao chuyện riêng tây; hết chuyện nhà

ra chuyện người. Ma men chệnh choáng, nhiều đoạn ý kiến bất đồng. Chủ kẻ nhè, anh cũng kẻ nhè thiếu đường ném chai vào mặt, người ta phải đến can thiệp và giải tán. Trên đường về, đoàn người mặt đỏ, khệnh khang diu nhau ngang nhiên đi chính giữa đường, ô tô cũng chả sợ, tài xế có ló mặt ra la, họ trốn mất đó ngấu la lại:

"Ai biểu xe anh chạy bậy".
Có đàn con trẻ reo lên: bay ơi!
ra coi: hai anh diu một bác,
hai bác vác một ông, vui he, vui he.

*Ôi! mua vui nhăm chụt the the
Ai hay cố sự "trông tre giữa
đường".*



Thứ ba, đoàn người mặt trắng. Trái với trên, đoàn này trưng phu ít, nhì nữ nhiều, họ sống say trong cuộc đời trắc tang, không hen ngày mai. Tuy sống trong xa hoa ở ạt, mà đời họ lại tăm tối cô đơn.

Họ là người đáng thương, tại sao lại chọn lấy cái nghề khốc hại ấy nhỉ? Họ gieo bao nhiêu tai hại cho gia đình người để rồi họ cũng gặt bấy nhiêu tai hại về cho chính họ. Sao biết? Thì đây:

Hôm ấy, tôi được hân hạnh ngồi nghe một Sư Cô tiếp cô em gái. Cô em là một nữ Trưng sư như nói về chuyện phụ nữ. Cô em kể cho Sư Cô nghe câu chuyện cô Cẩm Nhung bị vợ cả ghen tạt át xít vào mặt, bị mù cả hai mắt, mất cả tai mũi. Và bà vợ cũng bị tổng giam vào ngục tối. Rồi có tiếp: Thưa chị, Cẩm Nhung là một danh hoa xuất sắc trong trường vũ nữ. Thế mà hôm ấy khi thấy người ta dặt cô vào trong phiên tòa, em nhìn không được. Chị thứ

tưởng tượng mặt cô không có mất tai, mũi, chỉ thấy từng lỗ hổng, còn da cô ta, thì nhàn nhún như... ỗ để sợ quá. Cô em ôm mặt, nhắm mắt... chỉ ơi trông cô ta như một quái thai, rồi cô kết luận:

- Chúng sanh khổ quá chị hý!

Sư Cô thở dài:

- Em ơi! Nếu chúng sanh đừng tà hạnh thì đâu đến nỗi thế.

Tôi liên tưởng trên đường đời cô Cẩm Nhung xuân sắc hôm kia, đang quở quang lẩn từng bước một, đi dưới trời trong; đồng thời nhân vật (bà vợ cả) ngồi trong ngục tối tuy có mắt, nhưng vẫn thấy cả trời tối đen.

*Ôi! mua vui một phút cuồng điên
Ôm bao uất hận huỳnh tuyến chưa
tan.*

Bạn đã mời chân chưa? Rán chụt nửa hý, còn một đoàn thứ tư là hết.

Bạn tôi phi cười: Chỉ làm như đi xem xe hoa. Bồng xa xa ho đã tiến đến, trông họ thiếu nao làm sao, áo xống xốc xịch, lưng còm vai rụt, sắc diện mất hết tinh thần. Họ đi thua thốt rả rơi lè tè không thành đoàn. Họ vốn là những người trưng phu, song cũng chỉ vì một phen mua vui, cái vui ư làm ông tiên nhỏ, nhưng kết quả tạo thành cái hại rất to. Đây phần nhiều tôi dám chắc là tại ác hữu cá chí a. Chính tôi được nghe họ than trong hồi hạn:

Nhất thất cước thành thiên cổ
lụy,
Hối đầu tiện thị bách niên xuân
Tam dịch:

*Ôi! một phen lối bước sâu muôn
thuở*

*Ngoảnh lại thiếu quang tuổi
ngập đầu (1).*

Vậy bạn có chồng, có con lớn, có anh v.v.. thì bạn hãy coi chừng, đừng cho họ gần ác hữu. Ác hữu thật nguy hại, thật đáng ghê sợ.

Lật trang sách trước, ta thấy từ khi còn trứng nước, ngo ngoe chơi ngọn đèn khuya, cho đến khi lên 5 lên 6 cũng toàn chơi những trò chơi vô sự. Thế mà lớn lên, vì không biết thận trọng chọn bạn mà chơi, để gần gũi bạn bè không tốt, nên cơ bạc rượu chè v.v.. do đó sanh ra. Ban đầu ai cũng vì nể bạn, tưởng mua vui chốc lát không ngờ tai hại đến thế...

Thôi bây giờ ta tạm chia tay, hôm nào thứ tha tôi sẽ dặt chị đi xem một đoàn người nữa.

- Ủa, sao chị nói hết?

(1) Câu này của SBDH dịch.

Đạo Phật đi vào cuộc Đời

TÂM NHƯ phụ trách

Hỏi 80 :

Trong Đạo Phật có phép mẫu nhiệm nào không? theo Duy Tâm và Duy Vật hiện chứng thì như thế nào ?

Đáp :

Đức Phật vẫn thường bảo với đệ tử của Ngài rằng: "Ta chẳng phải là một vị Thần, chẳng phải là một Bà La Môn, chẳng phải kẻ tiên tri. Mà ta chỉ là một sa môn, biết và hiểu chân lý về sự khổ của cuộc đời". Nếu đọc kỹ câu này ta thấy không lạ; nhưng có nhiều người hỏi tại sao Đức Phật có thần thông? điều đó có phải là một phép nhiệm mẫu? Thật ra đó chỉ là do công năng tu hành mà có được, chứ tuyệt nhiên không do một phép mẫu nào cả. Tuy nhiên thỉnh thoảng chúng ta vẫn được nghe Đức Quan Âm ứng hiện ở chỗ này, hay chỗ nọ v.v.. đó chẳng qua là việc hiện thân độ đời của các vị Bồ Tát mà thôi.

Bạn có để cập đến vấn đề Duy Tâm và Duy Vật - Về Duy Tâm, theo các tôn giáo khác Tâm Như tin là có; nhưng về Duy Vật thì có lẽ hoàn toàn họ không tin. Đạo Phật thì khác, chưa hẳn không, mà cũng chưa hẳn có.

Hỏi 81 :

Giáo lý nào có thể truyền dạy cho người Phật tử một niềm tin vững chắc ?

Đáp :

Đức Phật ví như một vị Thầy giỏi, biết chỉ đường dẫn lối cho khách bộ hành; nhưng khách bộ hành có đi theo người dẫn đường kia hay không lại là một chuyện khác. Cũng như thế ấy, Đức Phật giống như một vị Thầy thuốc giỏi biết chữa bệnh, cho thuốc; nhưng bệnh nhân chê thuốc đắng, không chịu uống thuốc thì biết bao giờ mới lành bệnh, lối ấy không tại vị Thầy thuốc, mà tại bệnh nhân. Chúng ta cũng giống như thế ấy, học Phật rất nhiều; nhưng tin Phật thì hơi hợt, do đó làm sao có thể đi sâu vào sự giải thoát sanh tử luân hồi được. Nhưng nếu

bạn muốn học giáo lý căn bản để củng cố niềm tin thì Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo, Thập Nhị Nhân Duyên v.v.. nói thêm, có thể gọi là 37 phẩm trợ đạo, thì niềm tin của bạn được vững chắc vô cùng.

Hỏi 82 :

Trên thế giới có bao nhiêu di tích lịch sử về Đạo Phật ?

Đáp :

Tâm Như nghĩ rằng mỗi một nước theo Phật giáo đều có nhiều di tích khác nhau; nhưng có thể đơn cử tại Ấn Độ để bạn để nắm vững hơn. Tại Ấn Độ từ chỗ hạ sanh của Thái Tử Tất Đạt Đa ở vườn Lâm Tỳ Ni, đến nơi xuất gia thành đạo, thuyết pháp, nhập Niết Bàn v.v.. tất cả những nơi này đều thuộc về các Thánh tích của Phật Giáo và ngày nay các Phật tử Âu Mỹ đến đây chiêm bái rất nhiều.

Hỏi 83 :

Người đứng đầu Giáo Hội Phật Giáo thế giới do cơ cấu tổ chức nào có trách nhiệm cử ra.

Đáp :

Có 2 cơ cấu tổ chức lớn của Phật giáo thế giới là : Hội Phật Giáo thế giới gồm cả hai giới tại gia và xuất gia; trụ sở chính đặt tại Bangkok, Thái Lan. Chủ tịch danh dự là Hoàng Hậu và Quốc Vương Thái Lan. Hội này do các thành viên các nước Phật giáo trên thế giới bầu ra. Hội thứ 2 có tính cách tinh thần gọi là Tăng Già thế giới, gồm chỉ thuần chư Tăng, không có cư sĩ Phật tử. Hội này do Hòa Thượng Bạch Thánh, người Đài Loan làm chủ tịch và Ngài cũng mới viên tịch, đúng 86 tuổi trong tháng 3 năm 89 vừa qua. Mỗi nước cử ra một vị phó chủ tịch. Trước đây Hòa Thượng Thích Tâm Châu đã làm phó chủ tịch trong nhiều nhiệm kỳ của Tăng Già thế giới và trong hiện tại Hòa Thượng Thích Thiên Định, viện chủ chùa Pháp Hoa, Marseille - Pháp quốc làm phó chủ tịch Hội Phật Giáo thế giới.

Hỏi 84 :

Thế nào là một Tôn giáo ? Đạo Phật có phải là một tôn giáo không? Đạo Phật có phải là một triết học không ?

Đáp :

Muốn có đủ yếu tố để gọi là một Tôn giáo phải gồm có 3 điểm sau đây : Giáo chủ, giáo lý và giáo hội. Giáo chủ là vị sáng lập ra Tôn giáo ấy. Giáo lý là những lời dạy của vị giáo chủ và giáo hội là Tăng, Ni và Tín Đồ trong cộng đồng ấy. Nếu hỏi Đạo Phật có phải là một tôn giáo không? - Chúng ta có thể trả lời là phải. Nhưng nếu hỏi Đạo Phật có phải là một triết học không? - Chúng ta cũng có thể trả lời là: Đạo Phật không những là một triết học mà còn là một Tôn giáo nữa. Nếu người nào đó chỉ nhìn Phật giáo thuần về triết học thì Phật giáo chỉ là triết học dưới cái nhìn của người đó. Ngược lại nếu ai đó có một cái nhìn toàn thế, thì Đạo Phật là một sự tổng hợp, khó có thể phân chia ra được.

Hỏi 85 :

Cách dùng chữ Tôn giáo, Phật giáo, Đạo Phật, Đạo Hữu, Phật Tử như thế nào trong khi nói hoặc trong khi viết. Mong Tâm Như giải thích cho.

Đáp :

Khi chúng ta nói chuyện với một tôn giáo khác thì chúng ta gọi là tôn giáo của chúng tôi tin theo, tôn giáo của chúng tôi tin tưởng v.v.. Khi dùng chữ Phật giáo là để ám chỉ cho chính mình là một tín đồ của Phật Giáo. Khi nói đến chữ Đạo Phật, tức nói đến phương pháp tu hành và con đường đi đến sự giác ngộ, giải thoát. Đạo Hữu có nghĩa là những người bạn đạo, cùng sinh hoạt trong chùa chiền hay một hội Phật giáo tương đối có tuổi. Phật Tử nói chung là những người con Phật; nhưng ngày nay người ta hay dùng danh từ này để chỉ cho những người trẻ tuổi.

Trên đây chỉ là một số điểm căn bản mà Tâm Như tạm trả lời đến bạn. Mong bạn đọc và góp ý thêm nếu thấy những gì còn thiếu sót. Cầu chúc bạn và đồng bào hiện còn ở trong trại gặp được nhiều sự may mắn trên con đường tỵ nạn, sớm đến được các nước để tam quốc gia.

Tâm Như xin thành thật cảm ơn bạn và mong các bạn hữu xa gần liên tiếp gửi các câu hỏi về mục này để Tâm Như bắt chung nhịp cầu tình thương, trí tuệ với quý bạn.

(còn tiếp)

DIE LEHRE BUDDHAS

BUKKYO DENTO KYOKAI
gesellschaft der buddhist.förderer
3-14,4-chome, Shiba
Minato-ku, Tokyo, Japan
Telephone: (03) 455-5851

ERSTE AUFLAGE 1982

Druck
Kosaido Printing Co.,Ltd.
Tokyo, Japan

Buddhas Weisheit ist so unendlich wie der weite Ozean und sein Geist ist von großem Mitleid erfüllt. Buddhas hat keine Gestalt, aber er offenbart sich auf erhabene Weise und führt uns mit seinem ganzen mitfühlenden Herzen.

Dieses Buch ist kostbar, da es das Wesentliche der Lehren Buddhas enthält, die einst in über fünftausend Bänden niedergeschrieben wurden, sich seit mehr als 2500 Jahren bis auf den heutigen Tag erhalten haben und über die Grenzen aller Länder und Rassen der Welt hinaus an uns weitergegeben wurden.

Die in diesem Buch enthaltenen Worten Buddhas offenbaren und erläutern auf wunderbare Weise wirkliche Geschehnisse des menschlichen Lebens und Geistes.

INHALT Buddha

Erstes Kapitel: SHAKYAMUNI BUDDHA

- I. Das Leben des Buddha
- II. Die letzte Lehre des Buddha

Zweites Kapitel: DER UNENDLICHE UND
VERKLÄRTE BUDDHA

- I. Sein Mitgefühl und Sein Gelübde
- II. Buddhas Hilfe, Seine Mittel und Wege der Erlösung
- III. Der unendliche Buddha

Drittes Kapitel: DIE GESTALT VON
BUDDHA UND SEINE TUGENDEN

- I. Drei Wesenszüge von Buddha
- II. Die Erscheinung Buddha
- III. Buddhas Tugend

Dharma

Erstes Kapitel: DIE WIRKUNGEN DER
URSACHEN

- I. Die vierfache Edle Wahrheit
- II. Die Wirkungen der Ursachen
- III. Die Kette der Verursachungen

Zweites Kapitel: DAS REIN GEISTIGE
UND DIE WIRKLICHKEIT ALLER DINGE
I. Unbeständigkeit und Ichlosigkeit
II. Die Tatsache des "Rein Geistigen"
III. Der wirkliche Stand der Dinge
IV. Der Weg der Mitte

Drittes Kapitel: DAS WESEN BUDDHAS

- I. Das menschliche Geist
- II. Das Wesen Buddhas
- III. Das Buddhawesen und die Selbstlosigkeit

Viertes Kapitel: IRDISCHE LEIDEN-
SCHAFTEN

- I. Die Menschliche Natur
- II. Das Wesen des Menschen
- III. Das Leben des Menschen
- IV. Die Wirklichkeit des menschlichen Leben

Fünftes Kapitel: DIE HILFE, DIE VON
BUDDHA ANGEBOTEN WIRD

- I. Die Rettung durch Buddha
- II. Amida Buddhas, Land der Reinheit

Der Weg der Übung

Erstes Kapitel: DER WEG DER

LAUTERUNG

- I. Die Läuterung des Geistes
- II. Der Weg des richtigen Verhalten
- III. Die Lehre in alten Fabeln

Zweites Kapitel: DER WEG Z. PRAKT.

ERKENNTNIS

- I. Die Suche nach der Wahrheit
- II. Die Wege der Übung
- III. Der Weg des Vertrauens
- IV. Tugendhafte Grundsätze

Die Brüderlichkeit

Erstes Kapitel: PFLICHTEN D. BRU-
DERLICHKEIT

- I. Brüder der Hauslosigkeit
- II. Laienanhänger

Zweites Kapitel: PRAKTISCHER WEG-
WEISER ZUR WAHREN LEBENSWEISE

- I. Das Familiensleben
- II. Das Leben der Frauen
- III. Im dienst

Drittes Kapitel: AUFBAU EINES

BUDDHA-LANDES

- I. Die Harmonie der Brüderschaft
- II. Das Buddha-Land
- III. Über diejenigen, die im Buddha Land die Herrlichkeit genießen

Anhang

- I. Kurze Geschichte des Buddhismus
- II. Die Überlieferung der Lehre Buddhas
- III. Die Geschichte des Buches "Die Lehre Buddhas"
- IV. Index zu "Die Lehre Buddhas"
- V. Sanskrit Glossar
- VI. Dhammapada

Buddhistische Gesellschaft zur
Förderung und Verbreitung der
Schrift "Die Lehre Buddhas".

Zweites Kapitel DER WEG ZUR PRAKTISCHEN ERKENNTNIS

II. DIE WEGE DER ÜBUNG

1. Für diejenigen, die Erleuchtung suchen, gibt es drei Arten des Übens, die verstanden und befolgt werden müssen. Zuerst die Disziplinen für praktisches Benehmen, zweitens, die richtige Konzentration des Geistes und drittens, Weisheit.

Was sind Disziplinen? Jeder Mensch ob er ein gewöhnlicher Mensch ist oder einer, der auf der Suche nach dem Weg ist, sollte die Gebote für gutes Benehmen befolgen. Er sollte sowohl seinen Geist als auch seinen Körper kontrollieren und die Tore zu seinen fünf Sinnen bewachen. Er sollte selbst vor einem geringen Übel Angst haben und sollte, von Augenblick zu Augenblick, danach streben, nur gute Taten zu vollbringen.

Was ist mit der Konzentration des Geistes gemeint? Es bedeutet, daß man schnell von habgierigen und schlechten Wünschen abkommt, sobald sie aufkommen, und daß man den Geist rein und ruhig hält.

Was ist Weisheit? Es ist die Weisheit, die Vierfache Edle Wahrheit vollkommen zu verstehen und geduldig zu akzeptieren, um die Tatsache des Leidens und sein Wesen zu erkennen, um zu wissen, was das Ende des Leidens ausmacht; um den Edlen Pfad zu kennen, der zum Ende des Leidens führt.

Diejenigen, die ernsthaft diesen drei Wegen der Übung folgen, können wirklich als Jünger Buddhas bezeichnet werden.

Nehmen wir an, ein Esel, der keine schöne Gestalt hat, keine Stimme und keine Hörner wie die, welche eine Kuh hat, würde einer Herde Kühe folgen und ausrufen: "Seht, ich bin auch eine Kuh!" Würde irgendjemand ihm glauben? Es ist genauso töricht, wenn ein Mensch den drei Wegen der Übung nicht folgt, sondern damit prahlt, daß er ein Suchender oder ein Jünger Buddhas sei.

Bevor ein Bauer im Herbst die Ernte einfährt, muß er zuerst den Acker pflügen, den Samen säen, ihn bewässern und das Unkraut, das im Frühjahr aufsprießt, jäten. Ähnlich muß derjenige, der die Erleuchtung sucht, den drei Wegen der Übung folgen. Ein Bauer kann nicht erwarten, heute die Knospen zu sehen, morgen die Pflanzen und am darauffolgenden Tage die Ernte einzuholen. So kann ein Mensch, der die

Erleuchtung sucht, nicht erwarten, daß er heute alle irdischen Wünsche fallenläßt, sich morgen von den Neigungen und üblen Wünschen befreit und dann am nächsten Tage erleuchtet sein wird.

Genauso wie Pflanzen die geduldige Pflege des Bauern erhalten, nachdem die Saat gesät worden ist, während der Klimaänderungen und des Wachstums von der Pflanze bis zur Frucht; so muß derjenige, der nach der Erleuchtung sucht, geduldig und beständig den Boden der Erleuchtung pflegen, indem er den drei Wegen der Übung folgt.

2. Es ist schwierig, auf dem Pfade, der zur Erleuchtung führt, fortzuschreiten, solange man nach Wohltaten und Luxusgütern gierig Ausschau hält, und der Geist durch die Wünsche der Sinne getrübt ist. Es gibt einen großen Unterschied zwischen dem Genuß des Lebens und dem Genuß des Wahren Pfades.

Wie schon erwähnt, ist der Geist die Quelle aller Dinge. Wenn sich der Geist irdischer Dinge erfreut, werden Illusionen und Leiden unweigerlich folgen. Aber wenn der Geist sich des Wahren Pfades erfreut, werden Glück, Zufriedenheit und Erleuchtung genauso sicher folgen.

Deshalb sollten diejenigen, die Erleuchtung suchen, ihren Geist reinhalten und geduldig auf den drei Wegen bleiben und sie üben. Wenn sie die Gebote einhalten, werden sie selbstverständlich die Konzentration des Geistes erwerben. Wenn sie die Konzentration des Geistes erworben haben, wird es für sie genauso natürlich sein, nach der Weisheit zu streben, und diese wird sie zur Erleuchtung führen.

In der Tat sind diese drei Wege (nämlich die Gebote einhalten, die Konzentration des Geistes trainieren und beständig weise handeln) der Wahre Weg zur Erleuchtung. Dadurch, daß die Menschen ihnen nicht gefolgt sind, haben sie eine ganze Zeit lang geistige Irrtümer angehäuft. Sie dürfen sich nicht mit irdischen Menschen auseinandersetzen, sondern müssen geduldig in dieser inneren Welt aus reinem Geist meditieren, um zur Erleuchtung zu gelangen.

3. Sobald die drei Wege der Übung analysiert worden sind,

werden sie den Vierfachen Edlen Pfad enthüllen, die Vier Gesichtspunkte, die beachtet werden müssen, die Vier Richtigen Verhaltensweisen, die Fünf Fähigkeiten der Kraft die angewendet werden müssen und die Vollendung der Sechs Praktiken Der Achtfache Edle Pfad verweist auf Vollkommene Erkenntnis, Vollkommene Gesinnung, Vollkommene Rede, Vollkommenes Tun, Vollkommenen Lebensunterhalt, Vollkommene Anstrengung, Vollkommene Achtsamkeit und Vollkommene Sammlung.

Die Vollkommene Erkenntnis beinhaltet das grundlegende Verständnis von der Vierfachen Wahrheit, das Akzeptieren des Gesetzes von Ursache und Wirkung, sowie sich nicht durch das Äußere und die Wünsche trügen zu lassen.

Die Vollkommene Gesinnung bedeutet den Entschluß, keine Bedürfnisse zu hegen, nicht habgierig zu sein, und keine Tat zu vollbringen, durch die jemand geschädigt werden kann. Unter der Vollkommenen Rede ist die Vermeidung von Lügen, eitlen und verachtenden Worten sowie Doppelzüngigkeit zu verstehen.

Das Vollkommene Tun bedeutet, kein Leben zu zerstören, nicht zu stehlen und keinen Ehebruch zu begehen. Der Vollkommene Lebensunterhalt

betrifft die Vermeidung einer Lebensführung, durch die einem Menschen Schaden zugefügt werden könnte.

Die Vollkommene Anstrengung beinhaltet den Versuch, fleißig sein Bestes in die richtige Richtung zu tun.

Die Vollkommene Achtsamkeit bedeutet, einen reinen und besinnlichen Geist zu bewahren.

Die Vollkommene Sammlung bedeutet, den Geist ruhig und in rechter Weise für die Konzentration zu halten, indem man versucht, das wahre Wesen des Geistes zu verwirklichen.

4. Die Vier zu berücksichtigenden Gesichtspunkte sind: Erstens, in Betracht zu ziehen, daß der Körper unrein ist und danach zu trachten, alle Bindungen an ihn fernzuhalten. Zweitens, die Sinne als eine Quelle des Leidens zu betrachten, wie auch immer ihre Gefühle von Schmerz oder Freude sein mögen. Drittens, den Geist als etwas zu betrachten, das dauernder Veränderung ausgesetzt ist. Viertens, alles auf der Welt als eine Folge von Ursachen und Bedingungen anzusehen und zu verstehen, daß nichts für immer unverändert bleibt.

5. Die Vier Richtigen Verhaltensweisen sind: Erstens, jedes Übel am Auftreten zu hindern. Zweitens, jedes Übel zu beseitigen, sobald es beginnt. Drittens, zu veranlassen, daß gute Taten vollbracht werden. Viertens, den Wachstum und das Fortdauern der guten Taten, die schon begonnen wurden, zu fördern. Man muß sich bemühen, diese Vier Verhaltensweise beizubehalten.

6. Die Fünf Fähigkeiten der Kraft sind: Erstens das Vertrauen zu stärken. Zweitens der Wille, sich anzustrengen. Drittens die Fähigkeit der zuverlässigen Erinnerung. Viertens die Fähigkeit seinen Geist zu konzentrieren. Fünftens die Fähigkeit, tiefe Weisheit zu bewahren. Diese Fünf Fähigkeiten sind notwendige Kräfte, um die Erleuchtung zu erlangen.

7. Die Vollendung der Sechs Praktiken, um die andere Küste der Erleuchtung zu erreichen, sind: Der Weg des Schenkens, der Weg, Gebote einzuhalten, der Weg der Ausdauer, der Weg des Bemühens, der Weg der Konzentration des Geistes und der Weg der Weisheit. Indem man diesen Pfaden folgt, ist es möglich, von der Küste des Irrglaubens sicher zur Küste der Erleuchtung hinüberzugelangen. Durch die Praxis des Schenkens wird die Selbstsucht beseitigt. Die Ausübung der Gebote trägt dazu bei immer an die Rechte und das Wohlbefinden anderer zu denken. Die Praxis des Erduldens hilft, einen ängstlichen oder zornigen Geist unter Kontrolle zu halten; die Praxis des Bemühens hilft, fleißig und aufrichtig zu sein; die Praxis der Konzentration hilft, einen umherirrenden und oberflächlichen Geist zu kontrollieren; und die Praxis der Weisheit verhilft einem dunklen und verwirrten Geist zu klarer und scharfsinniger Einsicht. Das Geben und das Einhalten von Geboten sind das Fundament, das nötig ist, um darauf ein großes Schloß zu bauen. Erdulden und Bemühung sind die Mauern dieses Schlosses, die es gegen äußere Feinde schützt. Konzentration und Weisheit sind die persönlichen Waffen, die vor den Angriffen des Lebens und des Todes schützen. Macht man ein Geschenk nur, wenn es zweckdienlich ist, oder weil es leichter ist, zu geben als nicht zu geben, so ist dies natürlich ein Schenken, aber es ist keine echte Gabe. Wahres Schenken kommt von einem mitfühlenden Herzen, bevor irgendeine Bitte ausgesprochen wurde, und das Wahre Geschenk ist dasjenige, welches nicht nur gelegentlich, sondern ständig gegeben wird.

Es handelt sich auch dann um kein Wahres Geschenk, wenn nach der Tat Gefühle des Bedauerns oder des Eigenlobes entstehen. Ein Wahres Geschenk ist jenes, welches mit Freude gemacht wird, indem man sich als den Schenkenden, den anderen als den Beschenkten und das Geschenk selbst vergißt.

Das Wahre Schenken entspringt spontan dem reinen, mitfühlenden Herzen, ohne Gedanken an irgendeine Rückgabe, und mit dem Wunsch, gemeinsam in ein Leben der Erleuchtung einzutreten.

Es gibt sieben Arten von Opfern, die sogar von jenen Menschen gebracht werden können, die nicht wohlhabend sind.

a) Das physische Opfer. Es bedeutet, daß man seine Dienste mit seiner Hände Arbeit anbieten soll. Die höchste Stufe dieser Opferweise ist dann erreicht, wenn man ein eigenes Leben, wie in der folgenden Geschichte gezeigt wird, hingibt.

b) Das geistige Opfer, d.h., daß man ein mitfühlendes Herz für andere Menschen haben soll.

c) Das Opfer, das man mit den Augen bringt, d.h., daß man anderen Menschen einen warmen Blick schenken soll, der sie beruhigt.

d) Das Opfer, das man mit dem Gesichtsausdruck bringt, d.h., daß man andere Menschen mit einem milden Gesichtsausdruck und einem Lächeln betrachten soll.

e) Das mündliche Opfer, d.h. man soll freundliche und warme Worte an andere Menschen richten.

f) Das Opfer seines Platzes. Man soll anderen seinen Platz anbieten.

g) Das Opfer, Obdach zu gewähren. Man soll Menschen in seinem Hause übernachten lassen.

Diese Opfer können von jedem Menschen in täglichen Leben gebracht werden.

8. Es war einmal ein Prinz namens Sattva. Eines Tages gingen er und seine beiden älteren Brüder in einen Wald um zu spielen. Dort sahen sie eine halb verhungerte Tigermutter, die offensichtlich den Versuch unternahm, ihre eigenen sieben Jungen zu verschlingen, um ihren Hunger zu stillen. Die älteren Brüder rannten vor Furcht weg, aber Sattva kletterte auf eine Felsenklippe und warf sich über die Tigermutter, um das Leben der Tigerbabies zu retten. Prinz Sattva vollbrachte spontan diese Tat der Nächstenliebe, aber in seiner Seele dachte er: "Dieser Körper ändert sich und ist nicht von Dauer. Ich habe diesen Körper geliebt, ohne daran zu denken, ihn wegzuerwerfen, aber nun werde ich ihn dieser Tigermutter schenken, um zur Erleuchtung zu gelangen".

9. Es existieren Vier Unbegrenzte Geisteszustände, welche der nach Erleuchtung Suchende hegen sollte: Mitgefühl, Güte, Freude und Gleichmut. Man kann die Habgier beseitigen, indem man das Mitgefühl hegt. Man kann den Zorn abschaffen durch Güte. Man kann das Leiden durch Freude und die Gewohnheit, Feinde und Freunde geringzuschätzen, dadurch aufheben, daß man einen gleichmütigen Geist pflegt. Es zeugt von großem Mitgefühl, Menschen glücklich und zufrieden zu machen. Es zeugt von großer Güte alles, was Menschen nicht glücklich und zufrieden macht, zu entfernen. Es ist eine große Freude, jedermann glücklich und zufrieden und mit fröhlichem Sinn zu erleben. Es herrscht eine große Friedlichkeit, wenn jeder glücklich und zufrieden

ist, und man dann gegenüber einem jeden gleiche Gefühle empfinden kann.

Nur mit Sorgfalt kann man diese Vier Unbegrenzten Geisteszustände pflegen und Habgier, Zorn, Leiden und die Gesinnung der Haßliebe loswerden. Dies ist aber keine leichte Angelegenheit. Einen üblen Geisteszustand wird man so schwer los wie einen Wachhund, einen guten verliert man degen so leicht, wie einen Hirsch in einem Wald. Oder ein übler Geisteszustand ist so schwer zu beseitigen wie Buchstaben, die in einen Stein geritzt sind, und ein guter ist dagegen so leicht zu verlieren wie Worte, die in Wasser geschrieben sind. In der Tat ist es wohl das Schwierigste im Leben, für die Erleuchtung zu üben.

10. Es war einmal ein junger Mann namens Srona, der in einer wohlhabenden Familie hineingeboren aber von schwacher Gesundheit war. Er war sehr bestrebt, die Erleuchtung zu gewinnen und wurde deshalb ein Jünger des Erhabenen. Er übte so hart, daß schließlich seine Füße bluteten.

Der Erhabene bemitleidete ihn und sprach: "Srona, mein Junge, hast du zuhause jemals auf der Harfe geübt? Du weißt, daß eine Harfe keine Musik von sich gibt, wenn die Saiten zu fest oder zu locker gespannt sind, sondern nur, wenn diese richtig gespannt sind.

"Die Übung für die Erleuchtung entspricht dem Spannen der Harfensaiten. Man kann die Erleuchtung nicht erwerben, wenn man die Saiten des Geistes zu locker oder zu fest anzieht. Man muß umsichtig sein und weise handeln". Srona fand diese Worte sehr nützlich und erwarb schließlich, wonach er suchte.

11. Es war einmal ein Prinz, der in der Anwendung der fünf Waffen sehr geübt war. Eines Tages kehrte er von seiner Übung nach Hause und traf ein Monster, dessen Haut unverletzlich war.

Das Monster ging auf ihn los, aber nichts schüchterte den Prinzen ein. Er schoß einen Pfeil auf ihn, der, ohne ihn verletzt zu haben, herunterfiel. Dann warf er seinen Speer, dem es jedoch nicht gelang, die dicke Haut zu durchdringen. Dann warf er eine Stange und einen Wurfspieß, aber es mißlang ihnen, das Monster zu verletzen. Dann benutzte er sein Schwert, aber dieses zerbrach. Der Prinz griff das Monster mit seinen Fäusten und Füßen an, aber es war zwecklos, denn das Monster umklammerte ihn mit seinen riesigen Armen und hielt ihn fest. Dann versuchte der Prinz, seinen Kopf als Waffe zu benutzen, aber es war vergebens.

Das Monster sagte: "Es ist zwecklos für dich, dich zu widersetzen. Ich werde dich verschlingen". Der Prinz antwortete: "Du magst glauben, daß ich alle meine Waffen benutzt habe und hilflos bin, aber

ich habe noch eine Waffe. Wenn du mich verschlingst, werde ich dich aus deinem Mageninneren heraus zerstören".

Der Mut des Prinzen beunruhigte das Monster, und es fragte: "Wie willst du das anstellen?" Der Prinz erwiderte: "Durch die Kraft der Wahrheit".

Daraufhin ließ das Monster von ihm ab und bat um seine Unterweisung in der Wahrheit.

Die Lehre dieser Fabel soll die Jünger ermutigen, trotz vieler Widersacher in ihren Bemühungen fortzufahren und unerschrocken zu sein.

12. Beides, widerliche Selbstbestätigung und Schamlosigkeit verletzen die Menschheit, aber Schmach und Schande schützen menschliche Lebewesen. Die Menschen achten ihre Eltern und alte Leute, sie achten ihre älteren Brüder und Schwestern, denn sie sind sensibel für Schmach und Schande. Nachdem man über sich selbst nachgedacht hat, verdient es Anerkennung, wenn man von der Ehre Abstand nimmt, die einem selber zuteil wird und sich beschämt fühlt, sobald man sich über andere Menschen negativ äußert.

Wenn ein Mensch einen reumütigen Geist besitzt, wird sein Karma verbrennen, besitzt er aber einen reulosen Geist, so wird es fortbestehen und ihn für immer verdammen. Nur derjenige, der die wahre Lehre richtig vernimmt und ihre Bedeutung und Beziehung zu sich selbst erkennt, kann sie empfangen und Nutzen aus ihr ziehen.

Hört ein Mensch die wahre Lehre jedoch nur, ohne sie zu erwerben, wird er auf der Suche nach ihr fehlschlagen.

Vertrauen, Demut, Bescheidenheit, Anstrengung und Weisheit sind die großen Quellen der Stärke für denjenigen, der die Erleuchtung sucht. Unter diesen Eigenschaften ist die Weisheit die größte, und die übrigen sind nur einzelne Aspekte derselben. Wenn ein Mensch während seiner Übung an irdischen Dingen haftet, sich eitlen Geschwätzer erfreut oder gar einschläft, wird er sogleich vom Pfad zur Erleuchtung abkommen.

13. In der Übung zur Erleuchtung können einige schneller Erfolg ernten als andere. Deshalb sollte man nicht entmutigt werden, falls man sieht, wie andere zuerst die Erleuchtung erlangen.

Wenn ein Mann das Bogenschießen übt, erwartet er keinen schnellen Erfolg, sondern er weiß, daß er bei geduldiger Übung immer genauer trifft. Ein Fluß beginnt als Bach, wird ständig größer und fließt in den großen Ozean.

Diesen Beispielen gemäß wird ein Mensch, der mit Geduld und Ausdauer übt, sicher die Erleuchtung erlangen.

Wie bereits erwähnt, hält man seine Augen offen, wird man der Lehre

überall begegnen, und somit sind die Möglichkeiten für die Erleuchtung unendlich.

Es war einmal ein Mann, der Weihrauch anzündete. Er bemerkte, daß der Duft weder kam noch ging, weder auftrat noch verschwand. Dieser geringfügige Zwischenfall ließ ihn zur Erleuchtung gelangen.

Ein anderer Mann bekam eine Dornen in seinen Fuß. Er fühlte den scharfen Schmerz, und ihm kam der Gedanke, daß Schmerz nur eine Reaktion des Geistes sei. Dem folgte ein tieferer Gedanke, nämlich daß der Geist aus der Hand gerät, wenn es einem mißlingt, ihn zu kontrollieren; daß der Geist rein werden kann, wenn einem dies gelingt. Durch diese Gedanken kam ihm wenig später die Erleuchtung.

Ein weiterer Mann war sehr habgierig.

Eines Tages gedachte er seinem habgierigen Geist, als ihm der Gedanke kam, daß habgierige Gedanken nichts als Späne und Zündstoff seien, welche die Weisheit verbrennen und verschlingen können. Dieser Gedanke war der Anfang zu seiner Erleuchtung.

Es gibt ein altes Sprichwort: "Halte deinen Geist ausgeglichen. Wenn der Geist ausgeglichen ist, wird die ganze Welt ausgeglichen sein". Achte auf diese Worte. Erkenne, daß alle Unterschiede der Welt allein durch die unterschiedlichen Sehweisen des Geistes verursacht werden. Gerade in diesen Worten liegt ein Pfad zur Erleuchtung. In der Tat sind die Wege zur Erleuchtung unbegrenzt.

(Fortsetzung folgt)

ÜBER DEN UMGANG MIT DEN SUTRAS

TÙ XƯNG
Roland Berthold

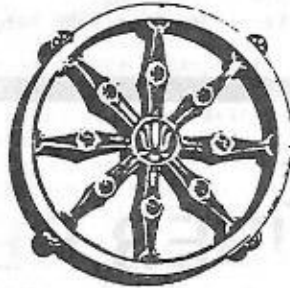
Seit Bekanntwerden der buddhistischen Literatur in Europa in der Mitte des 19. Jhdts. hat es hier eine fast ausschließliche Hinwendung zu der Schrifttradition der Theravadin in der mittelindischen Pali-Sprache gegeben. Die im allgemeinen nüchterne Diktion der Pali Texte des Tripitaka kam den rationalistischen Bedürfnissen des beginnenden technischen Zeitalters entgegen. Demgegenüber empfand man die in Sanskrit, Tibetisch und Chinesisch tradierten Mahayana Sutras als Ausgeburt asiatischer Fabuliersucht, die man achselzuckend entweder wohlmeinend als spätere Weiterentwicklung eines vermeintlichen "reinen" Buddhismus, oder übelwollend als Fälschungen und Produkte geistiger Verirrung buddhistischer Mönche abtat.

Inzwischen habe neuere Untersuchungen der Indologie die Mahayana Sutras in ihrer ideengeschichtlichen Bedeutung für die Entwicklung des buddhistischen Denkens zwar aufgewertet. Aber immer noch stehen viele Abendländer der Fülle von Bildern und Symbolen in den Mahayana Sutras, etwa den gewaltigen Wortgemälden des Saddharmapundarika Sutra, ratlos gegenüber. Selbst wenn ihnen die philosophischen Aussagen dieser Texte zugänglich sind, können sie nicht begreifen, warum nach der Schilderung jener Sutras etwa der lehrende Buddha

von zahllosen Wesen aus allen Himmelsrichtungen umgeben ist, warum ein Licht von der Stelle zwischen seinen Augenbrauen ausgeht, das unendlich viele Weltsysteme erhellt und Himmel und Höllen sichtbar werden läßt, warum Bodhisattvas aus anderen Weltsystemen auf magische Weise herbeieilen, um die Botschaft des in überirdischem Glanz erstrahlenden Buddha zu vernehmen. Vielen Abendländern bereitet es auch nach wie vor Schwierigkeiten, vom Wirken von Buddhas und Bodhisattvas zu hören, deren Geschichtlichkeit von keinem Historiker nachgewiesen werden kann. Die Kluft in der Bereitschaft zur Akzeptanz, die hierbei zwischen geborenen und konvertierten Buddhisten besteht, ist erheblich. Sie überbrücken zu helfen, sollte Aufgabe kreativer europäischer Buddhisten sein. Dabei kann jene kleine Zahl von Europäern übergangen werden, die zwar alle christlichen Bilder und Legenden entrüstet zurückweisen, entsprechende Berichte aus dem tibetischen Kulturkreis aber völlig kritiklos und unreflektiert akzeptieren und damit die eine spirituelle Abhängigkeit durch eine neue ersetzen. Der Buddha hat seine Schüler lebenslang zu einer kritischen Grundhaltung angehalten, in welcher gläubiges Vertrauen immer mit kritischer und selbstkritischer Distanz verbunden ist. Wir würden heute sagen: er ermutigte seine Jünger zu kritischer Solidarität im Umgang mit dem von ihm dargelegten Dharma. Die wohl bekannteste dieser Ermahnungen

finden wir in einer Ansprache an die Kalamas: "Richtet euch nicht nach Hörensagen, nicht nach einer Überlieferung, nicht nach einer bloßen Behauptung, nicht nach der Mitteilung heiliger Schriften, nicht nach bloßen Vernunftgründen und logischen Deduktionen, nicht nach äußeren Erwägungen, nicht nach der Übereinstimmung mit euren Ansichten und Grübeleien, nicht nach dem Scheine der Wirklichkeit. ..Sondern, wenn ihr, Kalama, selbst erkennt, daß diese oder jene Dinge schlecht und verwerflich sind, von Verständigen getadelt und, ausgeführt oder begonnen, zum Unheil und zum Leiden führen, so sollt ihr sie verwerfen". (Ang.Nik.III,65). Der Buddhismus ist kein Dogma, das einmal exakt formuliert dann für alle Zeiten bis in kleinste Detail absolute Gültigkeit hätte. Wiederholt verglich sich der Buddha mit einem Arzt, der die Krankheiten der Lebewesen diagnostiziert hat und nun die passenden Heilmittel verschreibt. Dabei setzt seine Heilmethode an den Wurzeln der Krankheit an und kuriert nicht nur deren Symptome. Allerdings darf der Weg des Buddha nicht mit einer der vielen heute so beliebten "Selbsterfahrungstherapien" mehr oder weniger kompetenter Psychotherapeuten, die selbst vor dem Mißbrauch buddhistischer Meditationsmethoden zum Zwecke des Broterwerbs nicht zurückschrecken, verwechselt werden. Begehren, Haß und Verblendung sind im Buddhismus nicht bloß psychologische, sondern vor allem existenzielle Kategorien. Die "Therapie" des Buddha ist deshalb ein ganzheitlicher Läuterungs- und Wandlungsprozeß, an dessen Ende nicht einfach bessere Sozialisation, sondern aus Erkenntnis resultierende endgültige Leidfreiheit und Befreiung von den Zwängen der Wiedergeburt und die liebende Hinwendung zu allen Wesen stehen. Dieser Prozeß trägt dabei immer auch individuelle Züge. Wie jeder von uns eine unverwechselbare, einzigartige Identität als Resultat einer spezifischen karmischen Vergangenheit besitzt, so ist auch die Methode des Buddha trotz aller allgemeingültigen und verbindlichen Züge immer auf den einzelnen lebendigen Menschen abgestimmt. Und wie der gute Arzt die Mitarbeit des Patienten fordert und dieser in sich hineinläuscht und das Heilungsergebnis erfühlt und ertastet und sich immer wieder korrigiert, so kann auch der buddhistische Lehrer nur dann eine wirksame Medizin verschreiben, wenn der Schüler seinen Wandlungsprozeß immer wieder selbst korrigiert, variiert, modifiziert. Das setzt voraus, daß wir uns allmählich in die verschiedenen Dimensionen des Dharma einfühlen und vor allem die Sprache der buddhistischen Lehrübermittlung verstehen lernen. Zunächst müssen wir begreifen, daß die Botschaft des Buddha kein nur mit dem Verstand erfassbares philo-

sophisches System, sondern vielmehr eine existenzielle Aussage ist, welche die Menschen in der Berührung mit ihr erschüttern und verwandeln will. Da das Ziel der buddhistischen Aussage die Überwindung der Leidenserfahrung des Menschen ist, wollen die Sutras uns weder bloß philosophische Aufschlüsse über die Welt und das Individuum geben, noch dienen sie nur der religiösen Erbauung. Ihre Absicht ist es vielmehr, einen gangbaren Heilsweg aufzuzeigen, der uns die Ursache unserer existenziellen Situation erhellt wie auch eine Medizin zu deren Bewältigung in die Hand gibt.



Die Leidenserfahrung ist kein bloß denkerisches Problem; sie ist vielmehr eine existenzielle Verstrickung, aus der wir uns durch reine Denkkakte und bloßes Wollen nicht befreien können. Die Sprache der Sutras kann deshalb auch keine bloß intellektuelle sein. Selbst da wo Texte scheinbar eindeutig und nüchtern sind, wie etwa in vielen Teilen des Pali-Kanons, sollten wir uns davor hüten, die Sprache hier auf eine einzige Dimension zu reduzieren. Echte religiöse Sprache ist immer multidimensional. Sie ergreift den Zuhörer bzw. Leser auf den verschiedensten Erfahrungssebenen, von denen das Denken nur die oberflächlichste ist. Voraussetzung dafür ist eine wachsende innere Freiheit von vorgefaßten Ansichten und Meinungen. Nur wenn wir das Maß von Begehren, Ablehnung und Verblendung, das unseren Blick auf das Leben einengt und uns im Meer des Lebens hin- und herwirft, allmählich reduzieren und zurückdrängen, werden wir in die Lage versetzt, wirklich zuzuhören. Wer sich einmal vorurteilsfrei auf die Literatur des Mahayana einläßt, wird bald erkennen, daß die Sutras des Großen Fahrzeugs dem Leser spirituelle Dimensionen eröffnen, die zwar das Denken einschließen, doch in ihrer Universalität weit darüber hinausreichen. Nicht der philosophische Exkurs berührt und verwandelt uns. Wenn uns etwa jemand im Stile statistischer Aufzählungen über Bevölkerung, Bodenbeschaffenheit und Ökonomie eines fernen Landes berichtet, werden wir daraus zwar viel lernen können. Ein wirkliches Bild können wir uns davon jedoch nur

machen, wenn uns ein Freund, der dort gewesen ist, einen lebendigen Reisebericht vermittelt, wenn er uns von Begegnungen mit Menschen und Tieren, von bestandenen Abenteuern und überwundenen Gefahren, von Bergen und Wäldern, von Flüssen und Seen berichtet. Solch eine lebendige Erzählung, so subjektiv dieser Bericht auch sein mag, wird uns das ferne Land näher bringen als alle noch so exakten Aufzählungen und Daten. Wir sehen, daß Sprache uns höchst unterschiedlich zu berühren vermag. Die rein intellektuell formulierte Aussage vermag nur das Denken zu bewegen. Das Sprachbild, die Poesie, aber berührt und bewegt unsere gesamte Persönlichkeit.

Dabei haben wir Menschen der Gegenwart jedoch mancherlei Schwierigkeiten. Durch die moderne Technik und durch größere Mobilität ist die Anzahl der im Leben aufzunehmenden Bilder ins Unermeßliche gestiegen. Während Menschen früherer Zeiten zumeist nur eine vertraute Umwelt sowie gelegentliche zusätzliche visuelle Eindrücke aufzunehmen hatten und sie sich dadurch zeitlebens in einer ihnen vertrauten Welt bewegten, bringt uns heute fast jeder Augenblick eine Fülle neuer Sinneswahrnehmungen, die uns manchmal schier zu erdrücken scheinen. Wir müssen also erst lernen, selektiv Schwerpunkte in unserer individuellen Bilderwelt zu setzen. Und wir müssen die Sprache der religiösen Bilder wieder erlernen.

Als die Sutras des Großen Fahrzeugs schriftlich fixiert wurden, taten die Menschen jener Zeit dies in einer ganz bestimmten geistigen Haltung. Sie setzten ihre Erfahrung mit dem Buddha und seiner Lehre in Sprache um. Dabei drückten sie mit den von ihnen formulierten Bildzyklen weit mehr aus, als uns heutigen Lesern dies mit unserer rein semantischen Betrachtungsweise, die auf den intellektuellen Zugang eingeengt ist, auf den ersten Blick erscheint.

Natürlich sind wir heute nicht mehr in der Lage, so einfach zur Sprache der Bilder jener ersten Jahrhunderte des Buddhismus zurückzugehen. Das kollektive Bewußtsein des Menschen hat sich seitdem auf mannigfache Weise gewandelt. Nur dadurch wurden die großen technischen Entwicklungen möglich. Aber wie der Mensch die gesamte Geschichte des Lebens atavistisch in sich birgt, so tragen wir auch die Fähigkeit zum Verständnis spiritueller Bilder in unserer Wesenstiefe mit uns, auch wenn sie uns scheinbar verloren gegangen ist. Der meditative Prozeß, zu dem uns der Dharma anleitet, fördert diese Fähigkeit wieder zu Tage. Im Maße der Intensivierung unseres inneren Lebens werden sich uns auch in den Sutras immer neue Dimensionen und Zusammenhänge eröffnen. Diese Erfahrungen werden wir dann in der intellektuellen Sprache unserer

Zeit formulieren, wodurch wir die alten Texte in der zeitgenössischen Interpretation immer wieder zu neuem Leben erwecken. Ein bloß gläubiges Wiederholen von nicht selbst Erfahrenem und Erlittenem würde die religiösen Texte dagegen absterben und wertlos werden lassen. Das Tripitaka wird solange lebendig bleiben, wie praktizierende Buddhisten es lebendig erhalten. Nicht die intellektuell begreifbaren Worte machen die Sakralität einer "Heiligen Schrift" aus, sondern deren tiefere Dimensionen, die an den Urgrund des Lesers rühren und ihm Anstoß zu existenzieller Verwandlung geben. Am Anfang steht jedoch ein denkendes Verstehen, eine Einsicht in den Gehalt des Sutra vermittelt des Intellekts. Die vietnamesischen Lehrer unserer Zeit legen deshalb Wert auf eine Übertragung der buddhistischen Texte in die Landessprache. Nur was wir auch verstanden haben, kann Anlaß zu dauerhafter innerer Bewegung werden. Unreflektierte Gefühle dagegen sind selten von Dauer. Die immer wieder neue Beschäftigung mit den Texten setzt dann in uns einen Prozeß in Gang, der zu immer tieferem Verständnis, zu immer umfassenderen Dimensionen der Sutras führt. Einsicht und Gefühl werden dabei eine unlösbare Verbindung eingehen. In ganz besonderer Intensität fördert die Rezipitation von Sutras im Rahmen von rituellen Handlungen bestimmte Wirklichkeiten des Textes zu Tage, die weit über ein bloß intellektuelles Verständnis hinausreichen. Gerade aus diesem Grunde haben unsere spirituellen Vorfahren die häufige Rezipitation des Herz Sutra (Maha Prajnaparamita Hridaya Sutra) in den Kult eingeführt, faßt es doch die unterschiedlichsten Ebenen der Wirklichkeit in einem erleuchtend kurzen Text zusammen. Im Laufe der Zeit werden dem Rezipitierenden diese verschiedenen Ebenen und ihr inneres Bezugsgeflecht immer deutlicher. Das Mantra am Ende des Sutra faßt alle diese zahllosen Bedeutungsebenen in einer an die Grenzen des Wortes rührenden Form zusammen und löst letztlich die Dualität zwischen Rezipitierendem und Text auf. Solch ein Umgang mit dem Herz Sutra ist in gewisser Weise exemplarisch für unseren Umgang mit den Sutras überhaupt. Bei unserer ersten Begegnung mit ihnen sollten das möglichst vorurteilsfreie Hören auf die Belehrung durch den Buddha und eine im Denken verwurzelte Antwort stehen. Im Verlaufe immer erneuter Begegnung mit dem Wort des Buddha wird sich dann die Qualität des Hörens und der Reaktion auf das Gehörte immer mehr vertiefen und ausweiten. Das in der griechischen Philosophie so genannte "Auge des Herzens" wird sich öffnen und eine gesamtpersonale Bewegung initiieren, durch welche uns immer neue Bedeutungs- und Erfahrungsdimensionen des Textes zuwachsen.

Irgendwann einmal aber mag es geschehen, daß die Sprache der Sutras

unsere einige innere Wirklichkeit formuliert.

MAHA PRAJNAPARAMITA HRDAYA SUTRA

Als der Bodhisattva Avalokitesvara die tiefgründige Prajnaparamita (1) verwirklichte, erkannte er alle fünf Skandhas (2) als leer und überwand daraufhin alles Leiden und alle Bedrängnisse.

"Sariputra! Form ist nicht verschieden von Leere (3), und Leere ist nicht verschieden von Form. Gleiches kann von Empfindung, Wahrnehmung, Bildekräften und Bewußtsein gesagt werden.

Sariputra! Alle Dharmas (4) sind von Leere gekennzeichnet. Sie entstehen nicht, und sie vergehen nicht. Sie sind weder befleckt noch rein. Sie wachsen nicht, und sie schwinden nicht. Deshalb gibt es in der Leere keine Form, keine Empfindung, keine Wahrnehmung, keine Bildekräfte und kein Bewußtsein; kein Auge, kein Ohr, keine Nase, keine Zunge, keinen Körper und keinen Geist (5); keine Formen, keine Töne, keinen Geruch, keinen Geschmack, kein Tastbares, keine Geistobjekte (6);

nicht den Bereich des Sehbewußtseins bis hin zum Bereich des Geistbewußtseins (7).

Da gibt es keine Unwissenheit und kein Aufhören der Unwissenheit bis hin zu Alter und Tod und dem Aufhören von Alter und Tod (8).

Da gibt es kein Leiden, kein Entstehen des Leidens, keine Aufhebung des Leidens und keinen Weg zur Aufhebung des Leidens (9). Es gibt keine Erkenntnis und kein Erreichen. Weil es nichts zu erreichen gibt, ist der Bodhisattva, der sich auf die Prajnaparamita stützt, ohne Hindernisse in seinem Geist. Und da es keine Hindernisse in seinem Geiste gibt, ist er furchtlos und ohne falsche Ansichten und erreicht das Höchste Nirvana. Alle

Buddhas der drei Zeiten erlangen die Höchste Vollkommene Erleuchtung, indem sie sich auf die Prajnaparamita stützen. Deshalb erkenne die Prajnaparamita als das große Mantra, das Mantra der großen Weisheit, das höchste Mantra, das unvergleichliche Mantra, das alles Leiden beseitigen kann. Es ist wahr und nicht falsch.

Dies ist das Mantra der Prajnaparamita, nämlich :

gate gate paragate parasamgate bodhi svaha.

Anmerkungen :

- 1) Die Übung der Vollkommenheit der Weisheit, die zur Befreiung führt.
- 2) Die fünf physischen und mentalen Komponenten, die nach buddhistischer Analyse das Erlebnis der Persönlichkeit ausmachen, und die unter dem Eindruck von Unwissenheit das Ich-Erlebnis hervorrufen: körperliche Form, Empfindung, Wahrnehmung, Bildekräfte und Bewußtsein.
- 3) skrt: Sunyata; diese ist kein Absolutes sondern Existenzweise und Merkmal aller Dinge.
- 4) Alle bedingten und nicht bedingten Daseinsfaktoren
- 5) Die sechs Sinnesorgane (einschl. des Denkkorgans).
- 6) Die sechs Sinnesobjekte (einschl. des Denkbaren).
- 7) Die aus dem Zusammentreffen von Sinnesorganen und Sinnesobjekten entstehenden sechs Bewußtseinsarten.
- 8) Die 12-gliedrige Kette des Entstehens in Abhängigkeit (skrt : pratityasamutpada).
- 9) Die Vier Edlen Wahrheiten.

(Nach der chinesischen Übersetzung von Hsüan-Ts'ang aus dem Englischen übersetzt und mit Anmerkungen versehen von Roland Berthold).



Das Leben eines buddhistischen Mönches

Von

Ehrw. Thích Bảo Lạc
Ehrw. Thích Như Điền

Deutsche Übersetzung von
Nguyễn Ngọc Tuấn und Nguyễn Thị Thu Cúc

(Fortsetzung)

Aufgrund Ihrer Familienbindungen haben sie nicht so viel Zeit zu meditieren wie die Mönche. Wie können Sie es schaffen, wenn Ihnen Zielstrebigkeit und Geduld fehlen? Viele von Ihnen meinen, daß sie sich jedesmal leichter fühlen und klarer denken können, wenn sie hierher kommen. Diese Ansicht ist sehr gut, aber sie reicht noch nicht aus, denn der Geist der Meditation muß schon durch das Atmen, Sprechen und Lachen widergespiegelt werden. Kurzum, allein in den vier Stellungen des Gehens, Stehens, Liegens und Sitzens müssen Sie vollständig die leere Stille darstellen. Dies ist es, was wir vor allem bewußt lernen müssen. Ich erinnere mich an folgende Verse aus dem Gedicht "ME MOC" (Mutter Moc) von NGUYEN KHUYEN:

"So danh giá ai bằng Mẹ Mốc,
Ngoài hình hài gấm vóc cũng
thêm ra
Tâm lòng nhan đẽm bôi lãm xóa
nhòa
làm thể dễ cho qua mắt tục.
Ngoại mạo bắt cầu như mỹ ngọc
Tâm trung thưởng thủ tứ kiên
kim".

Wer ist ehrwürdiger als Mutter Moc,
außer der mit Brokat und Seide
gekleideten Gestalt?
Ein gutes Herz ist versteckt
hinter einem beschmutzten Außen-
ren,
damit es gewöhnliche Augen
nicht erkennen.
Das Aussehen braucht nicht
schön zu sein wie ein Edelstein
Doch das Herz bleibt treu und
fest wie ein Diamant.

Wie wundervoll! Alles Äußerliche wird nicht so sehr geachtet

Wichtig ist nur das Herz, das so hart ist wie Stein und Gold. Das ist ein Zeichen für die feste Entschlossenheit, das Ziel zu erreichen, und für die Hoffnung auf das Gelingen. Wenn wir so etwas sagen, meinen wir damit daß man solch ein Herz haben muß, und als weiteres die vier Stellungen Gehen, Stehen, Liegen und Sitzen, die für uns noch kompliziert sind. Wir dürfen aber nicht vergessen, daß in der Kunst gerade die Nebenlinien dazu dienen, den Kontrast zu den Hauptlinien herzustellen. In diesem Punkt unterscheiden sich unsere Augen von denen eines erfahrenen Künstlers. Im "PHAP BAO DAN KINH" (Dharma Ratna Sutra) pflegte Hui Neng, der 6. Patriarch der CHAN Schule, zu sagen:

"Betrübnis ist die höchste Erkenntnis".

Wenn wir uns von der Betrübnis trennen wollen, in der Hoffnung Erkenntnis zu erlangen, dann sind wir nicht anders als jemand, der versucht, eine Nadel im Ozean zu finden. Es gibt vielleicht Leute, die den Sinn dieses Gedankens nicht ganz verstanden haben. Sie werden wie folgt argumentieren:

"Es genügt, daß man die Lehre zu Hause praktiziert, die Sutras rezitiert, den Namen des Buddha murmelt und tief in sich geht. Wozu muß man sich die Mühe machen, in die Lehrgebäude zu gehen, um eine Buddha-Statue zu sehen und den Mönch in seiner braunen Robe, der morgens und abends die Gebetszeremonien leitet?" Meine lieben Freunde, so einfach ist das nicht; ich meine, wenn Sie die Maxime "Betrübnis ist das höchste Bodhi" nicht genug gelesen haben, dann sollten Sie dies so lange wiederholen, bis Sie müde werden, dann erst wird Ihnen die Bedeu-

Es folgen Werke des Ehrwürdigen THICH BAO LAC, meines älteren leiblichen und gleichzeitig Gemeinde Bruders, Abt der "PHAP BAO" - Pagode in Sydney, Australien.

Bei der Lektüre dieses Buches werden Sie Gelegenheit haben, das innere Leben eines Mönches beim "In das Leben gehen" sowie beim "Führen des tugendhaften Lebens" und beim "Praktizieren des Dharma" sowie beim Meditieren zu erfahren.

So hoffen wir, daß Sie sich gedanklich vertiefen und verinnerlichen, um Erkenntnis über sich selbst und andere zu erlangen.



tung dieser Worte einfallen, die sich insgeheim dahinter verbirgt. Eine ganze Philosophie auf dem höchsten Niveau der Meditationslehre werden Sie wunderbarerweise entdecken. An dieser Stelle erinnere ich mich an eine Sitzung während des Meditationskurses im Dezember 1982. Ich wurde gefragt, wie ein Obermönch tagein, tagaus die Einfachheit des Lebens ohne Abwechslung ertragen kann, während draußen das Leben der Jugend alle Attraktionen, wie Fußball, Kino, Disco-Tänze, mit Menschen des anderen Geschlechts plaudern, Weintrinken, Kartenspielen, anbietet. Ich lächelte und wußte daß sie sich getäuscht hatten. Denn alle Annehmlichkeiten des Lebens, die sie genießen, vergehen. Und was kommt danach? Für einen Mönch, der ein gewisses Niveau erreicht hat, gibt es nur ein Spiel, und zwar seine Neigung zum Universum. Seine Gedanken verhalten sich harmonisierend mit der Natur. Nun sagen Sie mir, welche der beiden Arten der Unterhaltung edler und welche gewöhnlicher ist. Es gibt manche Klöster in abgelegenen

Orten, weit von der Welt entfernt, in hohen Gebirgen, in denen es kein elektrisches Licht, keine Fernseher und auch keine Zeitung gibt... Und die dortigen Mönche halten durch. Stellen Sie sich vor, Sie müßten in dieser von der Außenwelt abgeschiedenen Gegend leben. Was meinen Sie, wie lange Sie durchhalten können? Meines Erachtens werden Sie nach 24 Stunden den Versuch unternehmen, den Ort zu verlassen und auf demselben Weg zur Gesellschaft zurückkehren. Davon bin ich überzeugt.

Wie bereits erwähnt: Ohne Willensstärke wird jeder Meditationspraktizierende leicht aufgeben und dem Weg der bösen Geister folgen. Wille und Standhaftigkeit sind die beiden wichtigsten Faktoren der geistigen Sammlung. Dieses zuletzt Erwähnte ermöglicht uns die Erkenntnis über die Vergänglichkeit aller Dinge.

"Thế gian vô thường, quốc độ nguy thù

Tử đại khổ không, ngũ ấm vô ngã
Sinh diệt biến dị, hư nguy vô chủ

Tâm thị ác nguyên, hình vi tội tâu

Như thị quán sát, tiêm ly sinh tử".

= "Unbeständig ist die Welt, zerbrechlich ist jedes politische System. Strukturell leer sind die 4 Elemente, Ursache menschlicher Leiden.

Das Herz ist die Quelle der Bosheit, der Körper das Sammelbecken aller Sünde; so betrachtet, werden wir uns allmählich von Geburt und Tod lösen.

.) (1. Erwägung aus dem "Sutra der acht zur Erleuchtung führenden Erwägungen"

Es sind die vier Elemente: Erde, Wasser, Feuer und Luft, die diese Welt bilden. Auch diese vier Grundelemente entwickeln sich in vier Phasen: Gestaltung, Dasein, Formänderung und Niedergang.

Da jedes politische System zeitlich veränderbar ist (es befindet sich beispielsweise in der Blüte oder im Verfall), ist es unbeständig.

Auch die Menschen leben in Frieden oder in Unruhe. Es gibt Zeiten des Aufstiegs und Krisenzeiten. Während kriegerischer Auseinandersetzungen fallen unzählige Menschen schon in jungen Jahren, und ihre Familien werden auseinandergerissen. Dies ist auch unsere Situation; wir leben hier scheinbar in Frieden und Freiheit, aber innerlich sind wir voller Bitter-

keit und Unzufriedenheit. Denn unsere Verwandten sind in alle vier Himmelsrichtungen verstreut. Der Tag der Vereinigung ist weit entfernt und ungewiß. Sogar unser Körper wird aus den vier Elementen gebildet. Haare und Haut, Knochen und Fleisch sind aus dem Grundelement Erde; Rotz, Harn, Schleim und Tränen sind aus Wasser; der Atem besteht aus Luft; die Körperwärme aus Feuer. Auch diese vier bildenden Elemente des Körpers unterliegen ständigen physiologischen Veränderungen.

Außer den vier materiellen Elementen, welche die Zusammensetzung des Körpers bilden, sprechen wir von den nicht materiellen Faktoren, deren Zusammenwirken die Entstehung des menschlichen Daseins, der Persönlichkeit, konstituiert. Es sind die fünf Daseinskomponenten: Form (rupa), Empfindung (vedana) Wahrnehmung (sanja), Bildekräfte (Sankhara) und Bewußtsein (vijñana). Da sie aus einzelnen Teilen bestehen, machen sie keine "Selbstnatur" (Entität) aus, sie sind also letztlich nicht-existent (nichtig).

Form (rupa) ist etwas, was durch das Sehen der Augen Kontakt aufnimmt, um das Angenehme vom Unangenehmen zu unterscheiden. Empfindungen (vedana) sind Eindrücke und Reize auf Grund von Sinneserfahrungen. Wir können sie mit Dingen, die im Haus gelagert oder gesammelt werden, vergleichen. Wahrnehmung (sanja) ist sowohl psychisch als auch physisch. Psychisch bedeutet dies Wahrnehmungen von Gefühlsregungen wie Freude, Trauer, Fröhlichkeit, Zorn, Haß, Zuneigung, Liebe. Sie sind innerlich durch Gefühlsäußerungen und äußerlich durch bestimmte Dinge wie z.B. Geschenke und Andenken, dargestellt. Eine besondere Art der Wahrnehmung, die weder psychisch noch physisch ist, ist Habgier. Gerade das Anhaften an Objekten erweckt das Innere, das wiederum aufgrund der Sinneserfahrung sich nach dem Äußeren schnt. Hier spielt die Phantasie die Schlüsselrolle. Je größer die Vorstellungskraft, desto mehr setzt sich das Individuum durch, um nach Erfolg zu greifen. Mißliche Vorstellungen führen meist zum Scheitern.

Gestaltung (Sankhara) ist Verhalten und Handlung gleichermaßen. Sie wird durch die Triebkraft hervorgerufen. Jeder kann richtig oder falsch handeln. Nur durch das Bewußtsein (vijñana) der Kontrolle aller Gedanken kann man das Für

und Wider einer Sache abwägen, um dann eine falsche Handlung auszuschließen. Wer also nicht bewußt das Gute vom Bösen unterscheidet, kann viel Schaden anrichten.

Da diese physischen Faktoren sich unaufhörlich verändern, besitzen sie keine eigene Natur. Sie verkörpern die Eigenschaften der Leere, der Scheinwelt, der Unbeständigkeit und der Auflösung. Unser Dasein ist die Konsequenz des Bewußtseins, das uns wiederum als Motivator für alle guten und schlechten Taten dient. Das Resultat dieser Taten führt uns weiter in der Unendlichkeit des Kreislaufs der Wiedergeburten. D.h. also, wir kreisen wieder und wieder durch die sechs Lebensbereiche (Hölle die Sphäre der hungrigen Geister, Preta, das Tierreich, die Sphäre der Naturgeister, asuras, den Zustand als Mensch und dem Zustand als Gott) und um die vier Geburtsformen:

1. andaja: Lebewesen, die als Ei gelegt werden, wie bei den Oviparen (Fische, Vögel, Insekten etc...).

2. jarayuja: Lebendig gebärend wie bei den Viviparen (Menschen und fast allen Säugetieren).

3. samsvedaja: In Sumpf und Gewässern sich entwickelnde Lebewesen wie bei niederen Tieren, Amphibien, Würmern und Insekten.

4. aupapaduka: Spontane Verwandlungsgeburten bei Lebewesen, die im Anfangsstadium als Puppe gelegt werden und die dann nach der Metamorphose die Endform erreichen, wie bei Seidenraupen und Schmetterlingen.

Im "Dhammapada" wurde über das Herz wie folgt geschrieben:

"Unter den Dharmas tritt an die erste Stelle das Herz: es führt und dominiert alle Taten. Wenn das Individuum mit beflecktem Herzen spricht oder handelt, folgt Leiden, genau wie die Räder den Füßen des Zugtieres folgen".

Dann weiter:
"Unter den Dharmas tritt das Herz an die erste Stelle, es führt und dominiert alle Taten. Wenn das Individuum mit reinem Herzen spricht oder handelt, folgt Glück, wie der Schatten einem Körper".

Verhält sich aber ein Individuum blindlings nach der aufsteigenden Bosheit des Herzens, verursacht es nur Unheil. Daraus schließen wir, daß das Herz gleichzeitig die Quelle aller

Sünde, der dämonischen Bosheit und auch der Kern der Vollkommenheit ist. Es ist für jeden notwendig, daß er ein vollkommenes Wissen erreicht, um die himmlische Welt zu betreten und den Geist des Buddhismus zu erlangen.

Das Herz ist oft unruhig, schwer zu beherrschen, zu besiegen, der Weise lenkt das Herz auf den rechten Weg wie der gute Handwerker den Pfeil spitzt. Das Herz ist schwer erkennbar und nimmt Einfluß auf die Zuneigung. Der Weise beherrscht sich selbst. Das Herz ist ruhig und erfreut sich friedlich.

(Sutra der goldenen Worte, vietnamesisch von T.M.C. Thich Minh Chau)

Wenn man sich klar dartüber ist daß das Herz Unheil verursacht, und daß der Körper Sammelbecken aller Sünde ist, dann kann man die Kette der Geburt und des Todes allmählich zum Aufhören bringen. Je mehr man seine Verpflichtungen gegenüber seiner Familie, seinem Staat und seinem Glauben erkennt, umso mehr sollte man meditieren, was dazu führt, daß man die höchste transzendente Intelligenz erreicht. Es schließt natürlich nicht aus daß manche zu Ihnen sagen werden, daß es für Sie nicht notwendig sei, so früh zu üben. Dies ist falsch, denn wir wissen daß der Tod ganz plötzlich ohne jegliche Vorankündigung eintritt. Worauf wollen wir also warten, bevor wir mit der Selbstverwirklichung anfangen? Es handelt sich hier um Leute, die das Wort "tu" (= tugendhaft leben, sich selbst verbessern, enthalten leben) falsch verstanden und einen falschen Eindruck davon bekommen haben. Durch ihre Aussage, die ohne eine gründliche Reflexion ist, merken wir, wie oberflächlich diese Leute denken. Wie können solche Leute Ihr Vertrauen erwecken und sich bei Ihnen Respekt verschaffen, wenn sie so unüberlegt sprechen. Im Leben kann niemand einem anderen den Weg bestimmen, sondern nur sich selbst. Ich hoffe, daß Sie diesen Satz als Maxime und als Gepäck für unsere Reise annehmen. Um uns herum gibt es zahlreiche gute Theoretiker, die nicht praktizieren wollen. Wir können sie mit denen vergleichen, die stapelweise Geld hin-

ter dem Bankschalter zählen und dennoch keinen Pfennig in der Tasche haben, oder mit jenen, die in einem Wirtshaus den Gästen vorzügliche Speisen servieren, während sie selbst mit leerem Magen von Tisch zu Tisch pendeln. Was nützen diesen Theoretikern ihre Diskussionen,

wenn keine einzige ihrer Ideen realistisch umgesetzt wird? Wie können Pädagogen andere erziehen, wenn sie selbst in ihrer Lebensführung kein Musterbeispiel sind?

(Fortsetzung folgt)

10 Tage in der Oase des Friedens

Martin Follert

Fortsetzung

Gerade das Meditieren fiel mir am Anfang sehr schwer. Mit fast gleichbleibender Regelmäßigkeit schliefen mir dabei die Beine ein. Thien Tin erklärte mir später wie man eine bessere Sitzposition finden kann und diese Unannehmlichkeit vermeiden könnte.

Nach dieser ersten allabendlich stattfindenden Meditation, machte mir der Abt Thich Nhu Dien das Angebot, jeden Tag 1 Stunde mit mir über die Dinge die mich an meinen "Landsleuten" interessierte zu sprechen und zu diskutieren. Am meisten interessierte ihn, was ich über seine Bücher dachte, die er geschrieben hatte. In den 10 Tagen, die ich in Hannover verbrachte, sprachen wir häufig über sein Buch "Der Weg ohne Grenzen". Dieses Buch war mehrfach Ausgangspunkt für interessante Gespräche. Was ich besonders am Abt Thich Nhu Dien schätzte war, daß er bei diesen Gesprächen und Diskussionen nicht nur seinen Standpunkt gelten ließ, sondern auch Kritik zuließ und darüber sprechen konnte. Die Themen dieser Gespräche waren sehr unterschiedlich und erstreckten sich vom derzeitigen politischen Zustand Vietnams, bis hin zur aktuellen Lage der vietnamesischen Landsleute in der Bundesrepublik Deutschland, sowie über die Zukunft des buddhistischen Zentrums in Hannover und über vieles mehr. (Man möge mir an dieser Stelle verzeihen, daß ich nicht über alles ausführlich berichten kann)

Die meiste Zeit in den 10 Tagen, verbrachte ich jedoch zusammen mit dem Architekten und dem Novizen um mit ihnen die Beschriftung und das Aufzeichnen der Pagode auf der Holzwand fertig zu stellen. Diese Aufgabe machte mir viel Freude (wenngleich ich auch jeden Abend ein wehes Kreuz hatte) und der Novize Thien Tin und ich haben dabei häufig über den Buddhismus gesprochen.

Während dieser Zeit machte die Fertigstellung der Zeitschrift weitere Fortschritte. Die Blätter der Zeitschrift wurden zu Stapeln zusammengelegt und anschließend von hinten verleimt.

Überhaupt nahmen die Aktivitäten im Laufe der Tage innerhalb der Pagode immer mehr zu. In 3 Tagen sollte das "Vu Lan" Fest stattfinden. Dieses Fest ist ein Fest für die Lebenden und verstorbenen Mütter. (Aber auch für beide Elternteile). An diesem Festag sollen die Kinder und Jugendlichen besonders an ihre Mütter denken und ihnen für das Gute, was diese für sie getan haben danken.

(Ich werde im Verlauf meiner Geschichte noch einmal darauf eingehen)

Dieses Fest findet meistens Ende August oder Anfang September in der Pagode statt. Zu diesem Fest kommen jedes Jahr etwa 1500-2000 Vietnamesinnen und Vietnamesen nach Hannover.

Die Pagode wurde in diesen Tagen der Vorbereitung zum Proben benutzt. Eine Mädchengruppe probte einen vietnamesischen Tanz und eine Jungengruppe übte den vietnamesischen Drachentanz. Die Jungen waren eingeladen worden, ihren Drachentanz bei der Einweihung eines Kinderspielplatzes aufzuführen. Man konnte ihnen ansehen, daß es ihnen viel Spaß machte aber für sie auch sehr anstrengend war. Einen Tag vor Beginn des Festes baute eine Hilfsorganisation 2 große Zelte auf dem Innenhof der Pagode auf. Dort sollten die Gäste sich tagsüber aufhalten und verpflegt werden.

Am Nachmittag dieses Tages wurde auch das Bild der Pagode auf der Holzwand fertig. Wir waren mit unserer Arbeit zu Frieden. Viele Vietnamesen hatten schon während wir noch an der Arbeit waren, zugeschaut. Und jetzt wo es fertig war, standen sie drum herum und schauten es sich an. Auch der Abt Thich Nhu Dien kam hinzu. Es schien ihnen alle zu gefallen.

Am Nachmittag begannen der Novize Thien Tin sowie einige Nonnen und Novizinen aus anderen Pagoden der Bundesrepublik Deutschland Blumengestecke für die Pagode anzufertigen. Außerdem wurden eine Reihe von Schalen mit Früchten dekoriert um sie zusammen mit den fertigen Blumengestecken an die einzelnen Altäre zu stellen.

(Fortsetzung folgt)

MOM'S HEART

Mom !

No one else has a sweet heart like you.

Mom !

I am so proud of you.

No one knows you

better than I,

And no one knows me

better than you

And no one can give me things more than
what you given

Mom !

The only human being

in this lovely earth, the green planet.

Whom I can die for because of

no major or minor reason of dying

Mom !

I need you

I know exactly you also need me.

Without you, I am going to die,

Without me, you have nothing to survive.

I pray to Buddha for you, Mom

You ! O Lord, Buddha !

Don't let her die before me.

I promise that I will die with

my lovely Mom at the same moment

And you and I will stay in the same coffin.

Mom !

You promise. When I am hungry, I cry for

Food

Water

Candy

For every thing that I need,

You ! Mom immediately come over with

the full hand with things that I cry for

I, your lovely baby so lucky.

I am full, I am full, I am happy,

I am not going to cry anymore.

I smile, You smile also. This planet becomes
the heaven.

Mom !

I am cold, I am cold! Hug me, hug me, hug me! Bring me

Clothes

Caps

Shoes

Socks

Sweater

Here every things that you need, my baby !

Hey! My lovely baby!

I can stay outside under the sunshine with high heat

To be a shade of the tree to shade you

I can get hot but you can't, my baby

I can die for you but you have to be alive, my sweetheart

Hey ! My lovely baby !

Here my hands

Let I bring you on the long pathway.

You, My baby ! I walk for you

I want you free and relax

My baby ! Lovely son !

I won't get angry if you break my heart

Don't live far from me, don't live far from our house

Don't get away from me.

I invite you, invite you with my soft voice.

Here my arms, come closer and closer.

Let your ears touch my chest hearing my heartbeat

It is pounding faster because I care of you

My baby ! Lovely son !

Don't walk outside alone

Some strangers might hurt you

Walk with me anywhere

With my strong hands,

I can cover you, so

No one can't hurt you

My baby ! Lovely son !

Don't you know ?

You are my sunshine !

Thích Hạnh Tuẩn

BUDDHISTISCHE AKTIVITÄTEN IN DEUTSCHLAND



Allgemeine Buddhlehre in Oberreifenburg

In der Zeit, vom 22 bis 25. Juni 89, haben die Ortsvereine der VBVF aus Wiesbaden und Frankfurt einen Kurs über die Allgemeine Buddhlehre in Oberreifenburg, etwa 40km von Frankfurt entfernt, veranstaltet. Dieser stand unter der Leitung vom Ehrw. Thich Nhu Dien und von Ehrw. Nonne Thich Nu Dieu Tam. 35 Laien, im Alter von 13 bis 82, haben an diesem Kursus teilgenommen.

Buddhlehre für deutsche Schülern(inen) in der VIENGIAC - Pagode

Am 29.6., 4.7., 12.7 und 13.7.1989 kamen verschiedene Gruppen von deutschen Schülern(inen) in die VIENGIAC-Pagode, um die Buddhlehre, die vietnam. Kultur und das Leben der Vietnam-Flüchtlinge kennenzulernen. Diese Veranstaltungen wurden vom Ehrw. Thich Nhu Dien, dem Novizen Thien Tin und Buddhist Thi Chon geleitet. Das jeweilige Programm dauerte etwa 2 Stunden und beinhaltete das Vernehmen der Rezitation der Herzen-Sutras (Prajna Paramita Sutra), die Übung der Dhyana (Zen) und eine Fragestunde. Das Programm wurde wie immer mit einem vegetarischen Mahl beendet. Diese Veranstaltungen ermöglichten einen regen Kultur- und Religionsaustausch zw. den Deutschen und Vietnamesen.

Dialog zwischen Christen und andere Religionen

Auf Einladung vom Prof. Dietrich, Universität Hannover, Fakultät für Religionswissenschaft, kam der Buddhist Thi Chon am 27. Juni 1989 in die Universität, um mit d. hiesigen Studenten(inen) über den Buddhismus zu diskutieren.

Tagung des Leitersaus- schusses der Jubfa in der BRDeutschland (LAS) in Jülich

Die Mitglieder des LASs haben vom 1. bis 2. Juli 1989 beim Herrn Nhat Dinh Nguyen Kim Son, Hauptleiter des LASs, in Jülich getagt. Das Tagungsprogramm umfaßte die Bilanzziehung der geleisteten Aktivitäten der Jubfa und die Erstellung des Aktivitätenprogramms für das Kalenderjahr 1989.

Camping von den Jubfa

Hannover. Vom 7. bis 9. Juli hat die TAM MINH Jubfa eine Campingwochenende für ihre Mitglieder in Birkensee, etwa 9 km von der VIENGIAC Pagode entfernt, veranstaltet. Daran haben 25 Mädchen und Jungen teilgenommen.

Führt. Auch eine Campingwochenende wurde in Führt von der CHANH DUNGI Jubfa aus Führt-Erlangen-Nürnberg veranstaltet. Dieses fand vom 14. bis 16. Juni 1989 statt und an der haben etwa 35 Mitglieder deren Jubfa teil genommen.

Gastmönche in der VIENGIAC - Pagode

In der diesjährigen WAS-Klausur, Ende Juli bis Anfang August, haben 2 ehrw. Mönche aus Amerika die VIENGIAC Pagode besucht, Rev. Thich Minh Thong - Abt der QUAN AM Pagode in Montréal-Canada und Rev. Thich Hanh Tuan von der TU QUANG Pagode in San Francisco.

11.100 Tiefverbeugungen vor Buddha

Auch während der diesjährigen WAS-Klausur haben ehrw. Mönche, Nonnen und Laien der VIENGIAC - Pagode eine besondere Puja (buddh. Zeremonie), die Rezitation der "Zehntausend Buddhasnamen" Sutras, durchgeführt. Die Rezitation der "Zehntausend Buddhasnamen" Sutras schloß eine Tiefverbeugung nach dem Aufsagen eines Buddhasnamen ein. Um die 11.100 Tiefverbeugungen zu vollbringen, dauerte diese Zeremonie 3 Monate. Jeden Abend wurden 200 Tiefverbeugungen durchgeführt. Dies war ein großer geistiger Verdienst von ehrw. Mönche, Nonnen und Laien der VIENGIAC-Pagode.

ATTHANGA-SILA Klausuren

4 ATTHANGA-SILA Klausuren wurden auch in der diesjährigen WAS-Klausurzeit in der VIENGIAC-Pagode organisiert. 10 bis 30 Laien haben an den jeweiligen Klausuren teilgenommen. Diese meditative Übung war eine von vielen, regelmäßig in der Praxis der Buddhalehre stattfindenden Übungen, die von Laien d. VIENGIAC-Pagode ausgeübt werden.



ULLAMBANA - Fest

Mönchengladbach. Unter der Leitung vom Ehrw. Thich Minh Phu, und unter der Bezeugung vom Hocherhw. Thich Thien Dinh aus Paris, Ehrw. Thich Nhu Dien und ehrw. Mönche und Nonnen der CVBD, fand das ULLAMBANA-Fest am 5. August 1989 in Mönchengladbach statt. An diesem Fest haben viele Laien und Freunde in und um Mönchengladbach teilgenommen.

Hannover. Am 6. August 1989 haben sich Laien und Freunde des Hauses in der VIENGIAC-Pagode zusammengetroffen, um die technische Organisation für das ULLAMBANA-Fest in Hannover zu besprechen. Diese Feierlichkeit wird vom 18. bis 20. August 1989 in der VIENGIAC-Pagode in Hannover veranstaltet. Darüber wird Ihnen in der nächsten Ausgabe der VIENGIAC-Zeitschrift, Nr. 53/ Okt. 89, berichtet.

Hamburg. Die BAOQUANG-Nonnenpagode in Hamburg hatte das ULLAMBANA-Fest am 12. August 1989 organisiert. Unter der Leitung von Ehrw. Nonne Thich Nu Dieu Tam, Abtin der

BAO-QUANG - Nonnenpagode, unter der Bezeugung von Ehrw. Thich Nhu Dien sowie Mönche und Nonnen der CVBD fand diese Feierlichkeit statt. An diesem Fest haben zahlreiche Laien in und um Hamburg teilgenommen. Diese feierliche Veranstaltung wurde mit einer schönen musikalischen Kulturdarbietung, unter Mitwirkung von Kulturgruppen der Jubfa CHANH NIEM aus Berlin und der Jubfa TAM MINH aus Hannover, beendet.

Vor dem ULLAMBANA-Fest in Hamburg, fand ein dreitägiger Kursus in "Allgemeine Buddhalehre", vom 9. bis 11. Aug. 1989, in der BAO QUANG-Nonnenpagode statt.

München. Unter der Leitung und Bezeugung von Ehrw. Thich Nhu Dien fand das ULLAMBANA-Fest am 13. Aug. 1989 in der TAMGIAC-Buddhasstätte in München statt. Neben dieser Feierlichkeit hat der VBVF-Ortsverein in München einen Essensverkauf zugunsten der VN-Flüchtlinge in den südostasiatischen Flüchtlingslagern organisiert.

Thị Chơn

IMPRESSUM

VIENGIAC

Die Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhisten
Vietnam-Flüchtlinge in der Bundesrepublik
Deutschland

c/o VIENGIAC Pagode

Eichelkampstr. 35A, D-3000 Hannover 81

Tel.: 0511 - 864638

Herausgeber: Ven THICH NHU DIEN

Redaktion: Vietnamesisch-Buddhistisches Sozio-Kultur
Zentrum in der BRDeutschland (VIBUS)

VIENGIAC Pagode

Chefredakteur: NGO NGOC DIEP, Dipl. Ing.

Erscheinungsweise: alle zwei Monate

Druck: VIBUS, Hannover

Satz und Layout: VIBUS, Hannover

Diese Zeitschrift wird kostenlos verschickt.

Nachdruck nur mit schriftlicher Genehmigung der
Redaktion erlaubt

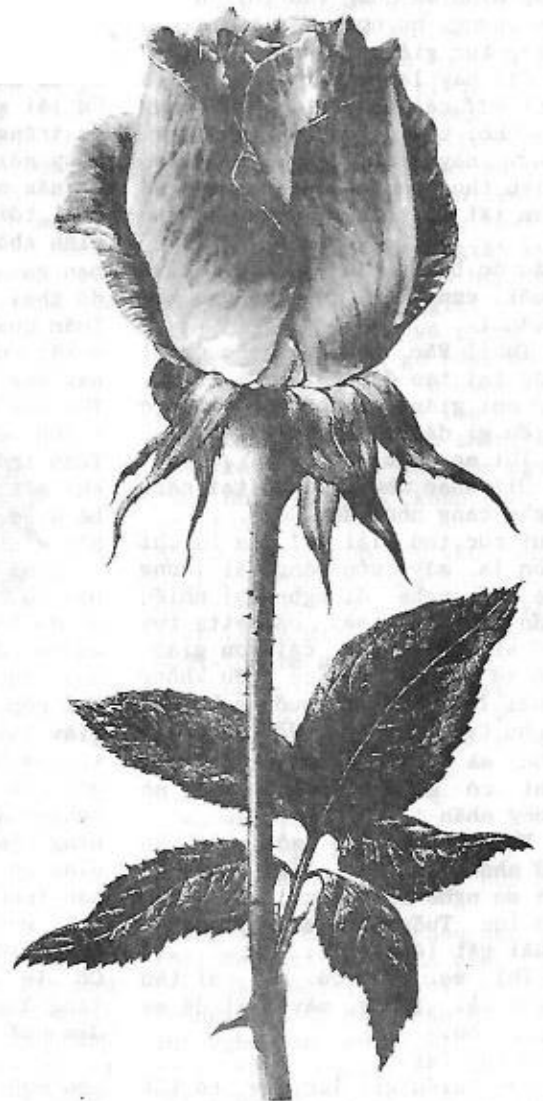
BÔNG HỒNG NÀO CHO MẸ

NHẬT TIẾN

LTS:

NHẬT TIẾN, tên thật là **BÙI NHẬT TIẾN**, sinh năm 1936 tại Hà Nội. Di cư vào Nam 1954, cư ngụ tại Sài Gòn. Viết văn, dạy học và tham gia các hoạt động văn hóa, giáo dục. Giải Văn chương toàn quốc 1961 với tác phẩm *Thềm Hoang*. Phó Chủ tịch Trung Tâm Văn Bút Việt Nam (1968-1975), Hội viên Hội Đồng Văn Hóa Giáo Dục VNCH. (nhiệm kỳ 2, 1974). Giảng viên trường Cán Bộ Chiến Tranh Chính Trị Quân Lực VNCH (1966-1975). *Chủ Biên Cơ Sở Ấn Loát và Xuất Bản Huyền Trân* (1959-1975). *Chủ bút tuần báo Thiểu Nhi* (1971-1975). Đã in ở quê nhà 19 tác phẩm gồm truyện dài, tập truyện, bút ký và tiểu thuyết kịch.

Vượt biển tháng 10-1979, tạm trú 1 năm tại trại tỵ nạn Songkhla Thái Lan và định cư ở Hoa Kỳ. Hiện cộng tác với báo chí Việt ngữ tại Hoa Kỳ, Canada, Pháp, Tây Đức và Úc Đại Lợi. Ủy viên Báo chí Hội Ái Hữu Cựu Giáo Chức Việt Nam tại Hải Ngoại. Thành viên của Ủy Ban Báo Ngụy Giúp Người Vượt Biển (Boat People S.O.S Committee).



Biang sơn của cụ Giáo Thịn bây giờ chỉ thu vào đúng hai khoảnh nhỏ: một đèo đất hẹp chạy dọc theo bờ tường của cái garage và một vùng trí nhớ lằng lằng với một mớ kỷ niệm xô bồ, không thứ tự, dấu hiệu của sự phai nhạt trước tuổi già.

Về cái đèo đất hẹp thì phải nói rằng đó là kết quả của một công trình chăm sóc tuyệt hảo. Bể ngang đầu được hai thước, bể dọc cỡ độ bảy thước, cụ Thịn đã để gần như tất cả thời giờ trong một ngày của mình vào đó để vun sới. Có ba cây ớt, một khoai ngò, một khoảnh họ, răm bảy gốc tía tô, chừng mười gốc húng và một nhúm hành ta. Đủ lệ bộ cho một đĩa rau thơm và cái hóm mà cả nhà muốn ăn món bò nhúng giấm hay món gỏi cuốn chấm mắm nêm. Đó là những dịp duy nhất mà cả nhà đều lên tiếng khen bà cụ do công trình tưới bón, chăm sóc của bà. Tuấn nói :

- Tụi bay còn cứ chê "mom" trông trọt lăm cãm làm gì nữa đi. Sao bảo mấy thứ đó chạy ào ra chợ là có, đâu thấy có đĩa nào vác xác ra chợ đâu!

Thúy nhìn anh, bĩu mồm:

- Tụi này đã không đi thì sao anh không đi, ở đó mà nói.

Thu họa theo:

- Nói cho hay, anh mà không chuẩn bị cơm nước chờ búa trước, tới chừng lấy chị Hương xong rồi, ở đó mà chờ cái cảnh cơm bưng nước rót.

Tuấn cãi lại:

- Tao chờ chứ sao không! Tao lấy vợ Việt Nam chờ đâu phải lấy vợ Mỹ.

Thu trợn mắt nhìn anh :

- Á, thế ra cứ lấy vợ Việt Nam là bắt vợ làm mọi cho mình đấy có phải không. Xí ! Còn lâu!

- Thì mày hỏi mẹ coi. Từ đức, tam tông, công, dung, ngôn hạnh là những thứ hàng đầu của con gái, phải không mẹ?

Bà cụ nhìn mấy đứa con nhưng không lên tiếng. Bà chẳng còn thói quen lên tiếng phát biểu ý kiến riêng của mình từ ngày di tản qua đây. Mọi thứ chung quanh đối với bà đều trở nên choáng ngợp, vượt tầm tay, bứt rời mọi kinh nghiệm sống mà bà thu lượm được trong suốt cả gần một đời người. Nghĩa là đứng trước điều gì ở đây bà cũng đều bỏ ngỡ, rụt rè, nói ra cái gì là sai lăm cái đó, rút cục lại bà chỉ như một thứ trẻ nít trong nhà đi đâu phải có người dẫn đi, làm gì phải hỏi ý kiến con cái, có những điều mà cả lũ con đều xúm lại giải thích cho bà nghe, bà cũng ù ù cạc cạc, chẳng hiểu mô tê gì hết ráo. Từ ngày tháng Tuấn kiếm được việc làm, nó đổi cái ti vi cũ để thay bằng một cái mới toanh. Tuấn dặn mẹ :

- Cái này có *remote-control*. Mẹ muốn coi thì đừng rờ mó gì vào những cái nút ở ti vi cả. Ho

set-up đầy đủ hết rồi. Chỉ cần ngồi ở salon mà nhìn những cái nút ở trên cái này thôi.

Tuấn trao cho bà cụ cái remote-control. Bà đón lấy nó bằng tất cả sự rụt rè, tưởng như bàn tay của mình mà dùng vào thì nó sẽ dở chừng, hư ngay lập tức. Tuấn tiếp tục giảng :

- Cái này là nút *on*, cái này là nút *off*, cái này là *volume* tiếng to nhỏ, cái này để đổi đài, cái *mute* này lúc đang xem mà có điện thoại muốn cho âm thanh nó tạm tắt đi thì chỉ nhấn khẽ vào ...

Đầu óc bà cụ bấn loạn cả lên, và cuối cùng bà dúi trỏ vào tay Tuấn :

- Thôi! Rắc rối quá, tao chịu! Máy lại tao đâu thiết gì ti vi, nó nói giảng nói cuội tao có hiểu gì đâu mà coi.

- Thì mẹ nghe nhạc.

- Ôi! Nhạc như đâm vào tai, càng nghe càng nhức đầu.

Rút cục, thú giải trí của bà chỉ còn là mấy cuộn băng cái lương mà đã nghe đi nghe lại nhiều lần trên cái máy cassette tuy cũ sì nhưng được cái đơn giản, dễ xử dụng. Chỉ có điều không phải lúc nào bà muốn nghe thì nghe. Con Thúy còn đỡ, chỗ con Thu mà thấy mẹ vặn cái lương khi có mặt nó thì bao giờ nó cũng nhấn :

- Thôi tắt bớt đi một chút cho đỡ nhức đầu. Nhạc lái nhài thế mà mẹ nghe mãi được.

Có lúc Tuấn cảm thấy bất nhẫn, phải gắt lên :

- Thì mẹ còn có mỗi cái thú nghe cái lương, mà phải để mẹ nghe chớ.

Thu cãi lại :

- Thì thiếu gì lúc mẹ có thể nghe được. Chớ cả nhà đi học đó, tha hồ mẹ nghe.

Dĩ nhiên rằng bà Thìn chẳng bao giờ muốn chính mình trở thành cái duyên cớ để anh em nó cãi nhau, nên bà thò tay nhấn cái nút ở máy để cho cuộn băng ngừng lại. Bà nhìn các con bằng đôi mắt buồn thảm rười rượi mở cửa ra đứng ở sân sau. Qua một cái sân cỏ nhỏ là một dãy bờ tường chắn ngang tầm mắt của bà. Dãy tường quét bằng màu vôi hồng sẫm, dưới ánh nắng chói chang của mặt trời tháng sáu làm bà thấy nhức mắt. Bà lại nhớ đến cái giang sơn nhỏ bé của mình. Khu vườn nhỏ, một thước hai bề ngang, bảy thước bề dài có hệ, có húng, có ngò, có tía tô. Mấy tuần lễ trước gặp Cụ Cả Phong ở ngoài chợ. Cụ có hứa sẽ bứng cho bà mấy rế rau rớp cá khi bà tới chơi. Bà hoan hỉ báo tin cho lũ con ở nhà với lời để nghị rụt rè :

- Bữa nào rảnh, có đứa nào lái xe đưa mẹ tới lấy rau rớp cá về

trồng.

Thúy rùn vai, lè lưỡi :

- Eo ơi! Rau rớp cá thì con chào thua. Chỉ nghĩ là đã muốn xiu rồi.

Thu nói :

- Mẹ too ! Rau gì mà thấy ớn. Lại đến lượt Tuấn phải can thiệp vào :

- Tui mà không ăn nhưng mẹ ăn. Cứ lái xe đưa mẹ tới xin về để mẹ trồng.

Thúy nói :

- Tuấn này em có hen! Thứ bảy phải tới phụ đấng con Liễu làm sinh nhật của nó. Chủ nhật thì bạn của anh có party, mới cả em đó thôi.

Tuấn quay sang Thu:

- Vậy con Thu đưa mẹ đi. Weekend này mà làm gì?

Thu hỏi ngay lại :

- Thế còn anh làm gì ?

Tuấn trừng mắt nhìn em, trong khi mặt con nhỏ vênh lại. Thế là bà Giáo Thìn lại vội vã xen vào hòa giải :

- Chẳng tuần này thì tuần sau. Đầu có vội. Nhưng cái tuần sau đó đã trôi qua cả tháng nay rồi mà bà vẫn chưa có dịp ghé lại được đấng Cụ Cả Phong. Cẩu chuyện rau rớp cá chỉ thoáng qua trong giây lát rồi mọi người quên đi, trừ bà Giáo.

Hồi còn ở quê nhà, bà là người nghiện ăn trầu, xía thuốc lá vào hạng nặng. Khi còn sinh thời, Ông Giáo ưu ái trồng riêng ở vườn sau trong căn nhà khang trang ở Sài gòn cho bà một giàn trầu không leo kín cả một mái liếp. Có lẽ trong cái vùng trí nhớ lằng lằng của bà, hình ảnh sâu đậm nhất đối với bà, nó không chỉ là kỷ niệm của một thời

còn nghiện trầu và được ăn trầu mà còn là sự gợi nhớ lại tất cả tấm lòng yêu thương mà Ông Giáo đã dành cho bà. Khi Ông Giáo mất đi, giàn trầu vẫn xanh tốt, nhiều hôm ra hái trầu bà đứng nép ở sau giàn cây khóc sùi sụt một mình. Đến lúc vô nhà, mắt của bà còn đỏ hoe. Hồi đó cái Thu mới lên năm, cái Thúy lên tám và thằng Tuấn thì mới hai. Tất cả còn bé dại và bà đã dành tất cả quãng đời còn lại của mình để yêu thương và chăm sóc chúng nó. Khi lớn lên được một tí, cái Thu và cái Thúy tranh nhau học tằm trầu cho mẹ. Nhìn những bàn tay xinh xinh bận bịu của hai đứa trịnh trọng xếp từng nếp trên lá trầu để hoàn tất những miếng trầu méo mó, xô lệch bà cảm thấy lòng hết sức thoải mái và yên vui. Nhưng từ ngày qua tới đây, cả hai đứa đều đồng thanh để nghị mẹ phải bỏ cái thói quen nhai trầu. Thu giải thích :

- Ăn trầu ở bên này không được đâu. Mồm miệng đỏ lòm, người ta

nghĩ mình *savage* !

Thúy phụ thêm :

- Đấy, mẹ coi đàn bà cả nước Mỹ này đâu có ai nhai trầu. Mẹ mà ra phố nhai trầu, cả nước Mỹ này nó sẽ xúm lại ngó mẹ cho mà coi! Tuấn tuy cảm thông với mẹ hơn, nhưng chàng cũng phải đồng tình với các em :

- Thôi để chúng nó mua chewing-gum cho mẹ đỡ buồn mồm. Cái Thu chiều nay đi học về tạt qua đâu đó mua cho mẹ loại chewing-gum có quế đó, mẹ để ăn.

Lần đầu tiên Thu không phản đối gì ông anh về đề nghị đó cả. Có lẽ vì nhiệm vụ tiêu diệt cái thói quen nhai trầu của bà giáo là một nhiệm vụ trọng đại mà tất cả mọi người trong nhà đều phải xúm lại, góp công vào để quét ngã nó. Cho nên Thu sốt sắng khuôn vẽ đủ loại kẹo cao su thứ đẹp và dài có, thứ viên vuông vuông màu trắng có, dĩ nhiên có cả loại Dentyl mùi quế mà Tuấn để nghị nữa. Bà giáo thấy con mua tốn tiền giấy nẩy lên :

- Làm gì mà mà khuôn vẽ lăm thứ thế. Bỏ thì bỏ chớ việc gì phải nhai kẹo cao su.

Rồi bà nói tiếp, giọng buồn buồn: - Nhập gia cũng phải tùy tục chớ !

Quả nhiên bà giáo bỏ dứt cái thói quen ăn trầu. Bà cũng chẳng dùng đến một chiếc kẹo nào do Thu mua về. Thói quen của bà có thể đã bị tiêu diệt, nhưng còn giàn trầu không xanh um trong trí nhớ thì chẳng bao giờ bà có thể quên. Những hôm cả nhà đi vắng hết, bà ngồi thu lu trên bộ salon ở phòng khách nhìn ra khung cửa kính lòa. Thân hình còm cõi của bà co gọn trên chiếc sofa rộng thênh thang trông lạc lõng và cô đơn như một con mèo già. Mái tóc của bà đã rời đó có vài năm đã bạc trắng ra. Bà giương cặp mắt hấp háy nhìn ra sân sau, lòng thì nghĩ như mình đang ngồi trong căn phòng khách nhỏ bé ở Sài gòn nhìn ra khoảng vườn có giàn trầu không leo lên những tấm nan tre do chính bàn tay của Ông Giáo đã dựng lên. Bà nghe như ở phía bên kia bờ tường có tiếng động cơ xích lô máy chạy qua con đường bên hông chợ. Bà như nghe thấy cả tiếng ồn ào từ cái máy nước công cộng, tiếng hàng quà rao lãnh lót, có cả tiếng con tàu từ Biên Hòa chạy qua cống xe lửa vang lên xầm xịch. Quê hương thật đã xa tít mù, và chỉ còn tồn tại trong cái khoảng trí nhớ lằng lằng của bà. Những ngày mới qua Mỹ, lúc bốn mẹ con ngồi ăn cơm với nhau, mỗi người thì nhau nhắc chuyện dĩ vãng. Kỷ niệm cũ với Ông Giáo. Kỷ niệm cũ với Sài gòn,

trường học, đường phố, bà con, bạn bè. Lâu dần, rút cục chỉ còn có mỗi bà giáo là thích nghe và thích kể về chuyện quê nhà. Mà những dịp này thì cũng hiếm hoi dần đi. Bữa cơm trong nhà không còn là một cái gì gọi là sinh hoạt thường nhật. Buổi trưa, lũ trẻ ăn ở trên trường. Đến tối, mỗi đứa về một giờ giấc. Thu về sớm nhất, háu ăn nhất vào bếp nấu một tô súp rau (loại súp bán sẵn trong những cái túi bằng nhựa) và một vài lát sandwiches. Bà giáo kêu ca :

- Ăn cái gì nhẹ nhẹ thôi. Để đến tối, cả nhà cùng ăn cơm ngồi đông đủ.

Ăn cơm ngồi đông đủ! Đó là niềm hạnh phúc và sự ước mơ nhỏ bé cuối cùng của bà trong căn nhà này. Nhưng trong thực tế, thật khó mà kiếm được dịp cả nhà ngồi chung với nhau, trừ một hai bữa trong những ngày cuối tuần. Khi Tuấn về đến nhà thì Thu và Thủy đã rút võ trong phòng riêng, đóng kín cửa lại. Bà giáo ngồi thiu thiu trên ghế chờ con về. Mâm cơm nguội lạnh đã bày sẵn. Có dưa muối. Có thịt kho. Có canh cải hay nước rau rền. Tuấn ngồi vào bàn, nể mẹ sôi được lòng bát cơm. Sau đó chàng ăn tiếp một tô mì gói. Tuấn có thể ăn mì gói kinh niên mà không bao giờ ngán. Những hôm ăn một mình, Tuấn bụng nguyên cả tô mì ra ngồi salon, vừa ăn vừa coi tivi. Thành ra nổi cơm trắng phau, tuy sốt rèo như thế mà bao giờ cũng ế. Cơm ế, không bao giờ bà giáo đem đồ đi. Bà cất tủ lạnh để sáng hôm sau hâm lại làm bữa trưa cho mình. Nhiều hôm bà đổ thêm nước vào để nấu thành cháo. Riết riết bà cũng mặc nhiên trở thành một người kinh niên ăn cháo. Trong cuộc đời của bà giáo bà sợ hãi nhất hai tiếng "đồ đi" ngay cả khi ở Sài Gòn, vào thời kỳ bà giàu có, sung túc nhất. Các con của bà luôn luôn được nghe câu nói "Phí của giới mười đời không có", bà làm như lúc nào cũng có con mắt của Trời, Phật ngó vào khi bà đánh rớt một hạt cơm hay gạo. Cho nên cái gì dư thừa, bao giờ bà cũng cất vào tủ lạnh, từ một chén mắm ăn dở cho đến đĩa đậu tằm rang mặn hay những mẩu thừa vụn vặt của một nồi cá kho. Có lần con Thủy phải kêu lên :

- Mẹ suốt đời ăn đồ thiu! Đồ ở bên này có thiếu gì.

Bà giáo cãi lại :

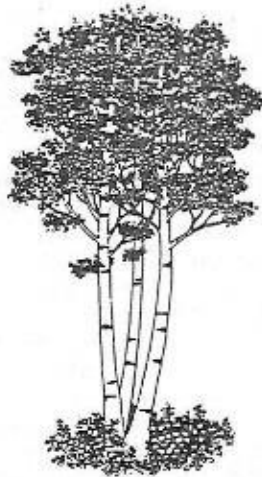
- Mẹ mày, thiu ở đâu mà thiu.

Thu chen vào :

- Không thiu thì cũng đun đi đun lại cả tuần. Mẹ không đỡ đi con đỡ cho mà coi.

Và Thu làm thật. Chờ lúc bà giáo lui hui ở vườn sau, Thu dọn sạch

banh cái tủ lạnh. Ít lắm thì Thu cũng lôi ra được nửa song cháo, một tô cơm nguội, một đĩa cải sào, một chén mắm rước kho khô và một lúng cải niêu nhỏ chứa gì "đen sì sì" thịt không ra thịt, mỡ không ra mỡ lại lẫn lộn cả mấy cọng râu tôm. Nhưng rồi chỉ tuần lễ sau, mọi sự đâu vào đấy. Chán rồi tất cả để mặc cho bà tự do ăn uống theo ý mình, giống như Thu thì thích súp rau, Thủy thì thích bún với thịt nướng, còn Tuấn thì ôm tô mì ra ngồi ở salon trước máy ti vi. Ăn xong, đứa nào về phòng của đứa đó. Trong căn nhà của xã hội Mỹ có những cánh cửa



phòng khi đóng lại thì kín như bưng đã là cái hình ảnh khủng khiếp nhất đối với tâm trạng của bà giáo. Khi các con của bà rút võ phòng rồi thì bà không biết chúng nó đang làm gì ở trong đó. Đứng ở ngoài hành lang thấp thoáng bóng đèn vàng vọt héo úa, bà với chúng nó tuy thật gần nhau về không gian nhưng những cái cánh cửa đã làm cho bà có cái cảm giác bị cắt lìa ra khỏi cuộc đời của chúng nó. Chúng nó không thể bao giờ biết được rằng rất nhiều hôm mũi lòng, bà đã tua đầu vào vách gỗ để sùi sụt khúc ruột.

Ngày xưa, bà có thể nắm vững tình hình sinh hoạt hằng ngày của từng đứa. Về quần áo, mỗi đứa có những bộ nào, chiếc quần nào của Tuấn có vết mang, cái áo nào của Thủy hay Thu sứt chỉ hay được đem khâu lại, vết sước trên tay Thu khởi sự từ bao giờ và hôm nào thì liền da, bong vẩy, thậm chí đến những cái răng lược bị gãy, cái quai dép bong keo hay chiếc khăn tay bị ở mẩu mực tím, nhất nhất bà đều nắm vững như tất cả những thứ đó nằm trên đường chỉ tay của bà.

Bây giờ bà rất hiếm có dịp bước chân vô phòng của cả mấy đứa. Muốn kêu đứa nào, bà phải đứng ngoài gõ cửa. Nhiều hôm cái Thu hay Thủy chỉ hé một chút xíu cánh gỗ rồi thò đầu ra, trao đổi một vài câu ngắn với bà rồi khép sập lại. Bà thấy rõ các con đã vượt xa tầm tay của bà. Mỗi đứa đều có thể giới riêng kể cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng.

Một lần Tuấn đau, nằm liệt trên giường, ba ngày liền. Bà giáo thấy mình linh hoạt hẳn lên. Bà lẳng xằng nấu cháo nóng, thái củ hành, vắt nước cam, giặt khăn mặt nước nóng, pha sữa hộp, quơ đồ cũ của Tuấn đi giặt và đem phơi. Bà tự do ra vô phòng của Tuấn mà không cần gõ cửa. Bà có thể ngồi hàng giờ ở cuối chân giường của Tuấn, lâu lâu lại sờ đầu, sờ chân, kéo mép chân, cẳng vạt trái giường, và nghe ngóng từng hơi thở khó khăn nặng nề của Tuấn.

Nhưng sự bận rộn đầy yêu thương và hạnh phúc đó cũng chỉ kéo dài được ba ngày. Sau hôm Tuấn khỏi bệnh và đã đi làm được ngày đầu, buổi tối bà giáo tiến lại cánh cửa đóng kín mít của phòng Tuấn với dáng điệu rụt rè. Rồi bà ngập ngừng gõ nhẹ lên phiến gỗ. Tuấn hỏi ra :

- Ai đó ?

- Mẹ đây !

- Có việc gì không hả mẹ?

- Không! Mẹ hỏi thăm xem hôm nay có khá hơn chưa.

Giọng Tuấn đáp to "khỏe như voi rồi. Mẹ khỏi lo!". Bà giáo đứng tần ngần một lát rồi quay ra. Trong lòng bà dâng lên một niềm vui nghe con khỏi bệnh, nhưng đồng thời cũng xen vào đó là cái cảm giác tiếc nuối, nồn nao như bà vừa bị mất một cái gì thân thương, khó tả. Bà lại ra ngồi ở trên ghế salon, thu mình như một con mèo ốm yếu, già nua. Phía bên kia cửa kính là khoảng trời sâu hia hút điếm mấy visao thưa. Bà nghe văng vẳng hình như có âm thanh của những bản nhạc vọng lại từ rất xa, phát ra từ những cánh cửa phòng các con của bà. Bà hồi hân ngay với ý nghĩ điên rồ của bà : "Con Thu, con Thủy chẳng bao giờ thấy chúng nó ốm đau cả !"

(California, Mùa Vu Lan 1983)
(Một thời đang qua - xb.1985 -
Tủ Sách Cảnh Nam)

NHỮNG NGƯỜI MẸ KHỔ ĐAU

HẠ LONG

Tặng H.Thảo (N.Mexico) và Ilse để cùng thương mẹ.

Tiếng chân chạy dồn dập, cùng tiếng mở cửa vội vàng. BỐ! BỐ! Bà nội con Thủy làm biếng thờ má ơi! Vũ đang nằm đọc báo trong phòng, bỏ tờ báo xuống nhìn con. Rồi ôn tồn nói: Con làm gì mà ồn quá vậy. Bị bố mắng làm bé Diễm su mất xương, hai con mắt long lanh đen huyền như hai hột nhãn, ngấn lệ. Thấy con gấn khóc, Vũ diu giọng nắm tay con kéo ngồi bên cạnh, ày ưỡm vuốt tóc con. Qua xứ Đức này được hơn 5 năm Vũ trong cảnh gà trống nuôi con, Vũ và hai con đã may mắn thoát chết trên chuyến tàu vượt biên. Vợ Vũ cùng các người đàn bà con gái khác đều bị hải tặc Thái Lan bắt đi mất. Tuy tới được vùng đất tự do nhưng hai con Vũ đã mất mẹ. Hơn 5 năm sống nơi xứ người, Vũ đã sống bên hai con nhỏ như một người cha lẫn một người mẹ. Ngoài những giờ phải đi làm hằng ngày, Vũ thường quần quít đưa giốn với hai con, để con không cảm thấy tui thân là không có mẹ.

Bé Diễm suốt ngày cũng quần quít bên Vũ mỗi khi Vũ đi làm về, hoặc trong những ngày nghỉ. Bé Diễm mỗi lần chạy đi chơi hàng xóm thấy chuyện gì lạ, lại chạy về hỏi Vũ. Như sáng nay bà cụ Tám, mẹ của cặp vợ chồng anh Ba Lùn ở cùng dãy lầu lên cơn suyễn ngộp thở. Cụ Tám hơn 70 tuổi nghe nói qua Đức thời gian cũng xấp xỉ như cha con Vũ. Cụ được một người con trai du học trước 1975 bảo lãnh qua cùng cụ ông và gia đình người con trai lớn là vợ chồng Ba Lùn. Tuy người con thứ bảo lãnh qua nhưng vì anh này có vợ Đức nên không được bố mẹ về ở chung mà để hai cụ sống cùng vợ chồng Ba Lùn ở trong 1 trại ty nạn. Cụ Tám ông thì từ ngày mới qua Đức, phần vì tuổi tác, phần vì mấy năm tù

tôi tại quê nhà sau khi Công sản chiếm miền Nam. Qua Đức chỉ hơn một năm, trong một lần đi tắm, cụ trượt chân té và từ đó cụ Tám ông trở thành người tàn phế, không đi lại được. Cụ Tám bà tuy đáng người ốm o, lưng đã cong nhiều nhưng cụ vẫn còn nhanh nhẹn và hoạt bát. Nhờ vậy cụ Tám ông cũng còn được nhớ nhiều, hàng ngày cụ bà thay quần áo, lau chùi và cho cụ Tám ông ăn. Nhưng tuổi già cũng oan nghiệt thay, cụ Tám bà lại mắc chứng bệnh suyễn nặng, nên cụ cũng thường nay ốm mai đau luôn. Tuy bảo lãnh cha mẹ qua nhưng đứa con trai thứ của hai cụ xuân thu nhị kỳ mới dẫn vợ về thăm cha mẹ. Còn vợ chồng Ba Lùn thì bỏ mặc hai cụ sống ra sao thì sống. Cụ Tám ông thì năm một chỗ không làm lung gì được, có mấy lần thấy vợ cực khổ với mình, còn con cái thì bỏ bẻ, Ba Lùn nghe vợ nạt cha, cụ Tám ông cắn lưỡi tự tử mấy lần nhưng có cụ Tám bà phát hiện ra kịp cứu sống. Qua nay trời đổ lạnh bắt thường nên bệnh suyễn hành cụ Tám bà nằm co một góc không đi lại được, để săn sóc cho cụ Tám ông. Mấy đứa cháu nội con Ba Lùn thì bị mẹ cấm không cho lai vãng tới gần hai cụ, nói sợ lây bệnh. Sáng sớm nay khi Vũ ra bếp nấu ấm nước sôi, thấy cụ Tám bà hai tay đang lẩn tuồng đứng gần cửa bếp, miệng mấp máy cố nói từng tiếng ông... ông... Vũ làm ơn nấu đùm tôi nôi cháo.

Vì sống ở trại nấy mấy năm và biết rõ hoàn cảnh của hai cụ nên Vũ đã chẳng lấy làm thối mắc về việc nhớ và này của cụ Tám bà.

Vũ chỉ hỏi, hai cụ dùng cháo trắng hay cháo thịt? Cháo có sẵn thịt trong tủ lạnh.

Cụ Tám bà giàn dựa nước mắt nói:

Không dám! Cám ơn ông, nhớ ông nấu đùm nôi cháo trắng. Có tở cơm nguội hôm qua còn ông để vào nấu đùm.

Thôi cụ! để cháu lấy gạo nấu cho cụ. Cụ về phòng nằm nghỉ đi lát nữa cháo chín cháu mang vào cho. Sau khi cháo chín Vũ mang

vào để trong phòng cho hai cụ Tám. Trong gian phòng có hai chiếc giường nệm bằng sắt kê ở hai góc. Chiếc giường cụ Tám ông thì được vắn cao hẳn phần đầu, để cụ có thể nằm dựa lưng, nhìn được ra khung cửa sổ có lùm cây phía ngoài rù vào. Cụ Tám ông nằm bất động, hai mắt ướt rượt, có lẽ cụ mới khóc. Bên góc đối diện cụ Tám bà đang nằm co quắp như con cuốn chiếu gọn lòn trên chiếc giường sắt. Thấy Vũ bung nôi cháo vào cụ Tám bà cố gượng ngồi dậy. Vũ tính lấy chén múc cháo nhưng cụ bà nhất định từ chối.

Cám ơn ông Vũ thật nhiều, xin ông để tôi làm. Vì giờ ông nhà tôi đang đọc kinh sáng chưa ăn. Vũ nghe nói vậy đóng cửa lại và lui ra. Tuy già yếu nhưng hai vợ chồng cụ Tám rất ngoan đạo, lúc nào cũng thấy cụ Tám bà lẩn chuỗi hạt miệng lẩm bẫm mỗi khi thấy cụ ngồi không. Vũ về phòng uống café nằm đọc báo chưa được 1 tiếng, thì bé Diễm con Vũ chạy về báo cụ Tám bà làm biếng thờ. Nghe tiếng người huyền não Vũ biết chắc đã nhiều người tới phòng cụ Tám, nên Vũ ngồi nói chuyện với con không ra, phần Vũ chẳng muốn dung mặt với vợ chồng Ba Lùn, vì một lần cụ Tám bà nhớ Vũ vắt ráo nước một chiếc khăn lông, vợ chồng Ba Lùn nhìn thấy, vợ Ba Lùn nói bóng nói gió Vũ là người nhân nghĩa giả.

Bố ơi! bố sao bà nội con Thủy hay làm biếng thờ thế hở bố. Sao ba má con Thủy không thương ông bà nội nó gì hết hở bố?

Vũ hỏi con. Sao con biết?

Bé Diễm được bố hỏi, nên mặt tươi hẳn lên

Con biết nhiều lắm cơ bố. Vậy con biết gì nói bố nghe coi. Nè nhà. Ba má con Thủy cấm không cho nó và mấy đứa em của nó được vào phòng ông bà nội nó. Cấm không cho tui nó ăn cái gì của ông bà nội nó cho này nhé - nói tui nó ăn là lây bệnh, mai một cũng không đi được như ông nội nó này nhé, và mai một lưng cũng gù như bà nội nó này nhé...

Thế mai một bố già tui con có thương bố không?

Bé Diễm nũng nịu sà vào lòng Vũ.

Con thương bố nhất! nhất! to bằng cả ông trời này nhé! Chứ mai một VN hết CS con về gặp ông nội bà nội tui con có thương không? Bé Diễm chớp chớp mắt, cũng thương nhiều lắm chứ bố. Như nhớ ra điều gì bé Diễm liền hỏi Vũ, ông nội bà nói già lắm chưa hở bố? Sao con chẳng còn nhớ ông nội bà nội như thế nào cả? Hơn 5 năm trước khi rời VN ra đi lúc đó 2 đứa con Vũ đứa 3 tuổi đứa 2 tuổi, mấy năm sống xứ

MÙA VU LAN CẢM NHỚ MẸ

Mẹ ! Mẹ ơi !
Mẹ thương con biển hồ lai láng,
Con nhớ Mẹ ngày tháng không nguôi.
Đêm đêm tất dạ bồi hồi,
Ước mơ thấy mẹ đứng ngồi bên con.
Lời hiền dịu thiết hơn Mẹ dạy,
Con lắng nghe như hây còn đây!..
Đời nhiều phiền não đắng cay,
Công danh phú quý như mây đó mà..
Và huyền hóa như là bọt biển,
Kiếp phù sinh con miễn mê say.
Con nên biết đủ là hay,
Dạ!, lời Mẹ dạy con nay nằm lòng.
Con nguyện cố thoát vòng sân hận,
Và nguyện sau khỏi những mê si..
Học theo Phật Pháp từ bi,
Thưa Mẹ khó lắm!...để chi thật hành.
Mẹ giúp con tâm linh thực hiện,
Con chỉ thành hướng thiện tư duy.
Tâm đường chân chánh nghĩ suy,
Đáp đền ơn Mẹ đã vì thương con..
Ôn đức Mẹ cao non dám sánh,
Cảm thương con tỏa ánh lung linh.
Đưa đường chỉ lối quang minh,
Dạy con chánh hạnh trung trình làm đầu..
Và chữ hiếu đi sâu tâm não,
Để rồi đây Mẹ đảo thăm con..
Mơ màng Mẹ ắp đầu non,
Buông khuâng tìm Mẹ mộng hồn bơ vơ!..
Còn nuôi tiếc giấc mơ êm đẹp,
Tiếng chuông chùa ngân tiếp bên tai.
Nhớ lời Mẹ dạy ngắn dài,
Vươn mình trời dạy ai hoài giấc mơ.

AN LAI THÔN NỮ

người, ngoài ba cha con, không thân thích họ hàng. Nhiều lúc trong cảnh gà trống nuôi con, Vũ mơ ước, giá Vũ có được cha mẹ ở bên cạnh như nhiều gia đình ở trong trại này. Mỗi lần nhắc tới mẹ là nước mắt Vũ muốn tuôn chảy. Là con út trong một gia đình hai gái hai trai, hai chị Vũ lấy chồng đi ở riêng sớm, anh Vũ lính tráng, cả năm mới về thăm nhà một lần. Bao nhiêu tình thương yêu mẹ Vũ dồn dập cho Vũ hết. Năm 26 tuổi sau khi hoàn tất bậc đại học được 2 năm Vũ lập gia đình và ra ở riêng. Nhưng không vì thế mà tình thương của mẹ Vũ dành cho Vũ vơi bớt. Để có công việc khuây

khỏa trong tuổi già, mẹ Vũ mở một tiệm tạp hóa ngay tại nhà, công việc buôn bán bận rộn suốt ngày. Nhưng chiều nào nếu Vũ đi làm mà không ghé về nhà, trước khi về nhà mình, là thế nào cũng vừa chợp tới là mẹ Vũ cũng leo xích lô ghé tới nhà hỏi lý do. Biết mẹ lo lắng, săn sóc mình nên bất kỳ dù bận rộn mấy mỗi khi tan sở Vũ đều xẹt về nhà mẹ khoảng năm mười phút. Hoặc có những khi hẹn hò bạn bè Vũ cũng phải dặn mẹ trước để mẹ yên tâm. Mấy năm Vũ tù tội, có lẽ mẹ Vũ là một trong những bà mẹ Việt Nam thương nhớ con nhiều nhất. Vũ nhớ ngày gặp mặt thăm nuôi sau hơn hai năm biệt giam.

Nhìn thấy mẹ tay xách chiếc giỏ cói đựng đồ, tóc mẹ bạc trắng, hai mắt thâm quầng trũng sâu, dáng mẹ già đi thật nhiều. Vừa được dẫn ra phòng gặp mặt thân nhân, Vũ gặp mẹ, nước mắt không cầm được chảy ướt sũng vai áo mẹ, lưỡi Vũ cứng đờ không nói được lời gì. Mẹ Vũ khóc thật nhiều vì thấy được lại Vũ. Tên công an đã lấy khẩu AK gạt phần Vũ ra một bên, mẹ Vũ cố lặn vào cầm tay Vũ. Trước những lời nạt nộ và hăm dọa, mẹ Vũ đành gạt nước mắt đứng nhìn Vũ, bị tên công an cắt ngang giờ gặp mặt bắt Vũ phải vào phòng. Hơn 1 tuần lễ Vũ đã mất ngủ, hình ảnh tiêu tụy của mẹ luôn luôn ám ảnh không làm sao Vũ chợp mắt được. Khẩu súng AK lạnh lùng chia cắt mẹ con Vũ đã làm kỷ ức Vũ in hằn một niềm đau xót. Lần gặp mặt mẹ đầu tiên và cũng là lần cuối sau hơn 5 năm tù tội. Thế rồi ngày Vũ được ra tù, về gặp lại mẹ, mắt mẹ nay đã mờ nhiều, dáng mẹ đã chậm chạp và tóc mẹ bây giờ đã toàn một màu bạc trắng. Hơn 5 năm lưu lạc xứ người, thật nhiều đêm Vũ nhớ tới ngày ra tù về gặp mẹ. Hình ảnh có lẽ cả chuỗi ngày còn lại của đời Vũ sẽ không bao giờ nhạt nhòa. Hôm đó trời thật nắng của mùa hè miền Nam, Vũ được thả về bất ngờ như một phép lạ. Sau những chuyến quá giang xe, về tới nhà, xuống xe nơi đầu rẫy, Vũ cầm đầu chạy như một tên điên, mặc cho đàn chó của các nhà hàng xóm đuổi theo sủa inh ỏi, bầy ngỗng của nhà cha mẹ Vũ, đang ăn cỏ bên đường giết mình kêu quăng quắc vỗ cánh bay tán loạn. Về tới sân nhà thấy mẹ đang ngồi rửa rau bên bờ giếng, Vũ chạy tới ôm choàng cổ mẹ, chẳng nói ra lời. Hai mẹ con ôm nhau khóc mãi một lúc sau mẹ Vũ mới cất lên được lời,
Vũ ! Vũ! con được thả bao giờ vậy?

Gần hai năm sau thêm lớn nữa Vũ đã nhen ngào khóc lúc bỏ mẹ lên đường ra đi tìm tự do. Nhưng hình ảnh mẹ luôn luôn lặn quẩn trong ký ức Vũ. Nhất là từ ngày ba cha con Vũ về trại ty nạn này sống. Vũ đã chứng kiến nhiều cảnh con cái chửi mắng bố mẹ. Hoặc hình ảnh hai vợ chồng cụ Tâm ở cùng dãy với cha con Vũ, cũng như bà Bảy móm mẹ của một tên làm cùng hàng với Vũ. Bà Bảy tuổi gần 60, tóc tuy chưa bạc, nhưng răng đã rụng hết, dáng người nhỏ, mặt nhăn nheo nhiều nếp như chứng tích của một thời nhiều vất vả khổ đau. Nghe nói bà Bảy móm goa bua từ khi bà được gần 30 tuổi, tuy vậy bà Bảy vẫn tho chóng thu tiết nuối con. Bà Bảy qua xứ Đức được gần 7

nằm do đũa cháu gái, con lớn của Hai Bier bảo lạnh qua. Khác với cha mẹ, hiếm khi con cái có mình Hai Bier là con trai, vợ chồng Hai Bier có tới 7 đứa con cả trai lẫn gái. Tuy chỉ mới qua xứ Đức nay được có mấy năm nhưng nhà Hai Bier khá sung túc, con cái xe cộ chạy tứ tung. Vì vợ chồng Hai Bier xoay sở, buôn bán dù thử. Ngoài những giờ đi làm vợ chồng Hai Bier tuy đã dọn ra nhà riêng không còn ở trong trai ty nạn nữa. Nhưng hầu như cả hai vợ chồng thương tới lui trai mang dù các thứ từ lonbia, hộp cola, tới cái áo, cái quần hay có khi Hai Bier đi mách mung mua thuốc lá ở PX Mỹ, cá tươi, vịt sống... ôi thôi, không thiếu thứ gì vợ chồng Hai Bier không buôn bán cả. Nghe nhiều người đồn, cũng như vợ chồng Hai Bier thường khoe khoang, hồi xưa ở VN là chủ một hàng tạp hóa lớn nhất nhì miền Tây. Nhờ buôn bán mách mung nên gia đình Hai Bier có vẻ khá giả hơn nhiều gia đình ty nạn khác. Bà Bảy móm có mình Hai Bier là con trai, bà thường khóc lóc kể lể với mọi người ở trong trại.

Tôi tưởng nó dân tôi qua đây, được sống chung với vợ chồng con cái nó, không dè nó mang tôi gởi cho một gia đình người Đức. Bà con biết không? Tôi tiếng tăm không biết một chữ, còn ăn uống thì tụi Đức nó ăn bánh mì, nó cũng bắt tôi ăn, lâu lâu nó nấu cho được một nồi cơm. Thú thật tôi biết qua đây vợ chồng thằng Hai nó đối xử với tôi thế này, tôi ở VN đi kinh tế mới cho muối mòng nó cắn chết còn sướng hơn. Bà Bảy móm gặp ai cũng phàn nàn kể lể, câu chuyện thường kết thúc với con khóc rú rượi hay có những lần như cổ dẫn đau túi bà Bảy móm ôm đầu ngồi rú bất động cả giờ. Theo như 1 số người cho biết thì vợ chồng Hai Bier muốn đẩy mẹ ra ở riêng để bà Bảy có thể lãnh được tiền xã hội hàng tháng cấp. Còn nếu như ở chung thì vợ chồng Hai Bier phải nuôi. Vì sự tính toán hơn thiệt nên Hai Bier, chẳng còn nghĩ tới tình máu mủ mẹ con. Nhìn bà Bảy, Vũ lại hình dung dáng dấp như mẹ Vũ, có một lần ngồi nói chuyện với Hai Bier, Vũ đã nửa đùa nửa thật nói thẳng với Hai Bier về sự bất hiếu với mẹ.

- Bác Bảy năm nay bao nhiêu tuổi rồi hả anh Hai?

- Bà già "moa" nghe đâu gần 60.
- Bác Bảy nhỏ tuổi hơn má tôi. Trời! cha con tôi ở đây mà có được bà già như anh Hai thì hết sảy. Ủa: sao bác Bảy không ở chung với vợ chồng anh?

- À! à! "toa" biết không, bà già

"moa" thích ở chung với người Đức cho vui và để mau biết tiếng Đức.

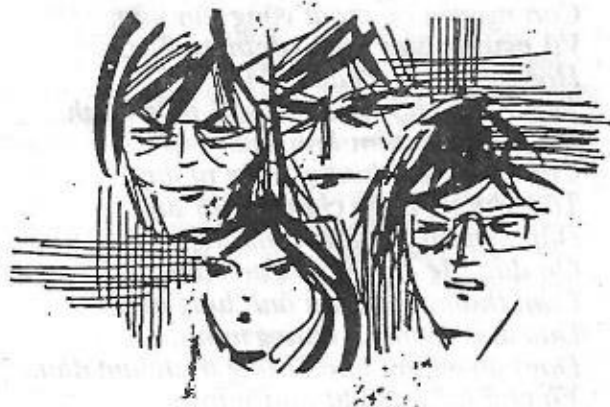
- Chu chaitôi mới nghe anh nói! mẹ nào không muốn ở với con cháu, lại thích đi ở riêng với người ngoài mà ngôn ngữ không rành.

- Anh Hai Bier à - bữa rồi tôi thấy bác Bảy lang thang đi thơ thẩn trong khu vườn ở chung quanh trại thấy bác buồn quá à, gặp tôi nói một hai câu, bác khóc quá trời. Nhìn bác tui lại nhớ tới mẹ tui, thương muốn đứt ruột vậy đó.

- Hai Bier ngồi im lặng, một lúc sau nói qua chuyện khác, được vài câu rồi nói bàn việc phải đi.

- Ai có sơ diên thoại của bà xã hồi? tiếng hỏi trống không của một thanh niên. Không có tiếng người trả lời thanh niên lại nói tiếp, phải báo bác sĩ hay cảnh sát liền ngay để mang ông cụ đi nhà thương chứ.

- Nhà thương! nhà ghét gì nữa, ông già đi đứt từ giấc khuya, mặt đã thâm tím lại rồi, còn chữa chạy gì nữa. Tiếng của một người khác chen góp ý. Không khí mỗi lúc thêm ồn ào, người bàn ra tán vào về cái chết của cụ Tám ông. Chợt có một ông già hồ lớn anh Ba Lùn đầu, cho hạ cái giường xuống chứ để ông già nằm thế kia, rồi nó cứng đờ ra làm sao cho vào hòm được. Nghe tiếng



Hôm nay mùa đông về sớm, mới đầu tháng 11 tuyết đã đổ vung vãi khắp nơi. Những cơn gió lạnh, lê thê tiếp nối nhau thổi về thành phố này. Cảnh vật im lìm trong lạnh giá, hàng phong cao lêu nghêu cuối trại, đứng trở xương như thách đố với cái lạnh cắt thịt. Tỉnh thoảng một cơn gió thổi qua, những cành khăng khịu lại lay động, rung rinh và rùng mình khe khẽ. Không khí của trại tynan giờ cũng như chim lẳng trong cái lạnh khó thương này. Vài con chim sâu chúi rúc trong những tầm sáo che cửa buồng tiếng kêu ai oán, như trách trời đất sao sinh chỉ cái lạnh quái ác. Sáng nay Vũ đi làm "ca sớm", đồng hồ vừa báo thức, mới đánh răng vừa xong, đang sửa soạn uống café, thì nghe tiếng ồn ào phía cuối dãy lầu cha con Vũ ở. Chẳng cần phải ra xem Vũ cũng biết chuyện gì đã xảy ra. Chỉ một lúc sau có tiếng trẻ con khóc, rồi hòa lẫn tiếng kể lể nghe quen thuộc của vợ Ba Lùn. Ba ơi! sao ba bỏ tui tui ba địa nước chúa chỉ sớm dậy ba ơi! hu hu! Tiếng kể lể át tiếng khóc và tiếng ồn ào của lũ trẻ nghe ồn ào đây sớm.

nói của ông già, mọi người nhón nhác bu quanh ở cửa phòng ngó thấy cụ Tám ông hai mắt trợn ngược, lưỡi thò dài ra ngoài bê bết máu; cổ gục qua một bên, cụ nằm trong thế đầu dựa cao. Cụ đã chọn cái chết bằng cách cắn đứt lia lưỡi.

- Ba Lùn đang vò đầu gãi tai phân bua,

- Thiệt ông già tui ông ấy hại tui. Bà con cô bác biết không? Vợ chồng tui đâu có nói năng nhe gì đâu, mà ông ấy lại làm thế này. Trời ơi! khổ cho tui, biết "đây" hồi đó để ông ở VN cho rồi.

- Hầy! "pầy" nà thằng con "pất hiệu", cái cha pầy nó chết mà pầy không bóp con mắt cho nó, pầy còn "lói" tùm lum hà! Một ông tẩu già ở trong trại, nghe những lời Ba Lùn nói chắc thấy ngứa tai nên lên tiếng. Hai thanh niên cùng Ba Lùn cho ha phần đầu giường thấp xuống và cả ba cùng cố vượt nấn để cho cụ Tám ông nằm xuống cho thẳng người, thật là khó khăn, vì xác đã cứng đờ, nhưng mọi chuyện đầu công vào đó. Cụ Tám ông đã được nằm chết trong một thế thoải mái, mắt đã được Ba Lùn cố vượt

cho nhắm lại, tuy nhiên vẫn không kín được, còn cái lưới thò ra ngoài gần đứt lìa làm sao dút vào miệng lại được thật là cả vấn đề khó khăn. Chiếc mền dày cộm bằng lông vịt của trại phát được kéo lên che khuất mặt cụ Tám ông. Đám đông bu quanh hành lang giờ đã tàn mát, cuối góc bàn cụ Tám bà ngồi co ro trên chiếc ghế salon cũ, toàn thân co rúm lại như một con mèo ướt, mắt khô hoèn, nhưng đờm về buồn khó tả. Miệng cụ lâm râm cầu nguyện, chuỗi tràng hạt đều đều vắn vể trên những ngón tay teo tấc khô cằn, thỉnh thoảng cụ lại làm dấu...

Cái chết bất đắc kỳ tử của người ban đường, làm cụ Tám bà đã tiêu tụy lại thêm tiêu tụy. Cụ cũng ít đi lại, thường ngồi co trên chiếc ghế ở cuối hành lang mắt lim dim miệng luôn luôn lầm bầm cầu nguyện hay nói gì chẳng ai biết. Vũ cũng như mọi người ở tầng lầu này ai cũng thông cảm cho nỗi đau khổ của cụ, nên chẳng ai để ý đến cụ nữa.

Hà ngày tháng trôi qua sau mấy ngày ổn ào người tới lui nhộn nhịp tham dự buổi văn nghệ tết nguyên đán, do công đồng người Việt tỵ nạn ở tỉnh này tổ chức. Vào buổi trưa cuối đông, trời vẫn còn thất lạnh, nhiều đồng tuyết chưa tan hết đã đổi màu nhưng những u dết trên dọc con đường dẫn vào trại. Một chiếc xe hồng thập tự, trên thấy ngoài tài xế, một nhân viên xã hội người Đức, thông dịch người Việt và bà Bảy móm. Bà xã hội và cô thông dịch vừa xách đố vừa đi từng bước cụ Tám bà lên xe. Hai người đàn bà đau khổ hy vọng tìm được chút niềm vui nào trong 1 căn phòng ở một trại dưỡng lão của thành phố? Nhìn xe lăn bánh khuất dần cuối đường, Vũ đứng trên lầu ngó xuống bằng khung cửa sổ. Điều thuốc tàn trên tay lúc nào không biết, đầu óc miên man nhớ tới mẹ Vũ nói quê nhà, nhớ tới những giọt nước mắt hoen mí của cô bạn người Đức khi nghe Vũ kể về những người mẹ Việt khổ đau hiện đang sống trên xứ Đức. Xa xa vọng lại tiếng nhạc từ cuối hành lang trong căn phòng của cô sinh viên trẻ. .. "Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình... dat dào... những lời hát trong bàn lòng mẹ của Y Vân này, Vũ đã nghe cả ngàn lần, nhưng luôn luôn làm Vũ xúc động mỗi khi nghe lại. Khói thuốc quyen bay, Vũ đang thả hồn theo khói nhớ tới mẹ tại quê nhà, bỗng tiếng bé Diễm kêu bố! bố! có thư bà nội này... Bố ơi!

Hạ Long - Vu Lan 89

Chùa Viên Giác thường hay đón khách thập phương đủ mọi thành phần, nam, phụ, lão, ấu như : Người Nhật, người Mỹ, người Âu Châu, Phi Châu v.v.. đủ mọi sắc dân và đủ mọi ngôn ngữ. Nhưng chưa có một vị khách nào có một đặc điểm đáng lưu ý như một người hành khất đã đến thăm chùa trong tháng 3 năm 89 vừa qua, mà tôi sắp kể cho quý vị nghe đây :

Thật ra trong chữ Bikkhu tiếng Phạn dùng để chỉ cho các vị tỳ kheo thọ độ 250 giới, trong đó có bao gồm 3 nghĩa là : Khất sĩ, Bồ Ma và Phá ác. Khất sĩ là

NGƯỜI HẠNH KHẤT

THÍCH NHƯ ĐIỂN

người đi xin vật dụng của đàn ma thí chủ về nuôi mạng sống của mình; trên cầu dao giác ngộ, dưới cứu độ quần sanh. Nguyên ngữ của nó, người đi tu chính là người đi thực hiện hạnh nguyện vì người và quên mình và tự hạ mình xuống để sự cống cao ngã mạng không còn tồn tại trong người tu nữa; nên Đức Phật mới chế cho các Thầy Tỳ Kheo như vậy.

Bản thân tôi cũng chỉ thế thôi, như bao nhiêu vị Tăng Sĩ khác trên quả địa cầu này; nhưng điều tôi muốn trình bày ở đây với quý vị là một người cư sĩ tại gia, chứ không phải là một Tăng Sĩ, mà đi thực hiện hạnh nguyện của một người hành khất.

Vào một buổi chiều đầu xuân có người khách lạ Âu châu vào chùa tìm tôi và muốn nói chuyện với tôi. Tôi đã tiếp chuyện với người khách lạ này giống như bao nhiêu người khách khác đã đến chùa và đây là những câu đối thoại :

- Xin cô cho biết, cô muốn gặp tôi có điều gì?

- Tôi, một người không nhà, không cửa, không cha, không mẹ, không bạn bè, đã sống đời hành khất suốt 2 năm nay; nhưng bây giờ tôi muốn dừng chân tại đây.

Mong Thầy tế độ. Cô ta chậm rãi trả lời bằng tiếng Đức như thế. Tôi vừa muốn trả lời, tự nhiên có một vài suy nghĩ chợt đến. Lẽ nào tại xứ Âu châu này lại có những người như thế ư? Đầu tiên tôi tưởng cô ta là người mồ côi; nhưng không phải, có lẽ cô ta còn cha mẹ và họ hàng; nhưng họ hàng không nhìn cô ta, hoặc chính cô ta đã không nhìn họ hàng của mình. Vì cô muốn tự chọn cho cô một lối đi. Tôi ngồi trầm ngâm một chút rồi hỏi tiếp :

- Cô quốc tịch gì và tại sao cô chọn cuộc sống ấy?

- Tôi không có quốc tịch, tôi cũng không có tên tuổi, và giấy tờ tôi cũng đã mất hết tại Hồng Kông và số dĩ tôi chọn cuộc

sống khất thực vì tôi muốn mình có một sự tự do nào đó không bị lệ thuộc vào ai cả.

Nói chuyện với cô ta một hồi tôi thấy cô ta biết nhiều về Phật Giáo, hiểu rất nhiều về cách sinh hoạt của các chùa, viện ở Á châu. Cô ta đã quy y với Phật Giáo Tây Tạng và pháp danh cô đã có, nhưng cô không còn nhớ nữa, ngay cả chính tên của cô ta. Tôi tin rằng tự cô muốn thế. Vì cũng có nhiều người trên đời này muốn quên tất cả và cô đã thực hiện được điều đó. Tôi nghe cô nói về chữ vô quốc tịch tự nhiên lại nghĩ đến thân phận mình cũng như của bao nhiêu người tỵ nạn Việt Nam khác đang sống cuộc đời trôi nổi trên khắp năm châu bốn bể này. Nghĩ người mà ngắm đến ta, tự nhiên tôi thấy có cái gì lảng sâu vào tận đáy lòng, xót thương thân phận của người khách ngồi đối diện, có lẽ cũng chính là xót thương thân phận cho chính mình vậy.

Tôi hỏi cô tiếp.

- Vậy ăn uống và ngủ nghỉ của cô ra sao?

- Cô ta trả lời rằng việc ăn uống ở Đức hay ở bất cứ nơi đâu cũng không khó khăn gì lắm, vào bất cứ nhà hàng nào, nhất là những nhà hàng Á châu, xin canh thưa, cơm cần để ăn qua ngày, đối với tôi chuyện ấy không khó. Còn

ngủ thì tôi đã có tấm nhựa nylon và mền, tôi thường hay ngủ trên các chòi canh của những người săn thú ngoài rừng và đôi khi tôi vào trong những ngôi nhà hoang vắng trong vườn trồng cây để ở lại. Sáng hôm sau lại tiếp tục đi nữa.

Tôi tự nhiên suy nghĩ thật nhiều. Ở đây vào đông trời quá lạnh, làm sao chịu đựng được nổi, mà có người đã chịu đựng được. Tôi tin rằng cô ta đã nói thực điều đó. Có những người đã có chăn êm nệm ấm rồi còn đòi có nhiều tiện nghi khác. Có nhiều người đã và đương sống trên giàu sang phú quý với trần hào hải vị trong các bữa ăn; nhưng vẫn chưa vừa lòng không biết ai đó có bao giờ nghĩ đến những người hành khất sống, ăn, ở như thế chẳng? Một người đàn bà nhất là một người đàn bà Âu châu lại có thể làm được việc đó.

Trông cô ta không phải là người bất bình thường, chẳng phải là người không có học thức. Vì qua cách đối đáp cũng như phong diện của cô ta, người ta có thể hiểu được điều đó, chỉ thỉnh thoảng cô ta có chêm thêm vài câu trả lời không đầu vào đầu cá, biểu tượng cho tánh xá kỷ của cô thì phải. Tôi trở lại lời yêu cầu đầu tiên của cô ta để tiếp tục câu chuyện.

- Ở đây chùa Tăng, vì thế chúng tôi không thầu nhận giới Ưu Bà Di trẻ ở lại chùa. Nếu được, mỗi tháng vài lần cô có thể đến đây để nghe kinh và dùng cơm chay, chứ chúng tôi không thể giúp được lời yêu cầu của cô. Cô ta có vẻ nghĩ ngợi sau câu trả lời của tôi, một cái buồn nhẹ tênh bao phủ chung quanh người hành khất ấy. Lòng tôi cũng chùng xuống; nhưng đâu có phương tiện nào khác hơn để có thể giúp cô ta. Tôi quay sang cô ta để hỏi :

- Cô có cần ăn gì không và ngay cả tiền nữa?

- Tôi không cần ăn nhiều. Thức ăn của tôi chỉ cần nước canh và bánh mì, đôi khi thêm một ly sữa. Như thế đủ lắm rồi. Nhưng giờ này tôi không đói. Xin cảm ơn Thầy. Còn tiền, tôi không cần đâu. Tôi đang còn 3 DM trong túi. Như thế quá dư dãi với tôi. Đây có lẽ là một câu trả lời mà trong đời tôi chưa bao giờ được nghe ai nói như thế cả, mà câu trả lời ấy lại thốt ra từ miệng của một người Âu châu, tôi kinh ngạc lắm sao. Trong một xã hội mà người ta đang đua đòi về mọi mặt; trong khi đó có những người đang sống giữa xã hội này mà

không cần đến một phương tiện tài chánh nào. Quả thật là điều khó làm, mà cô ta đã làm được. Điều đó cũng đã nhắc nhở cho chính tự thân của tôi là không hờn trách, không oán than, không bất mãn bất cứ một chuyện gì đã đương và sẽ xảy đến cho mình dưới bất cứ một hình thức nào cả. Tôi cảm thấy đã đầy đủ tất cả từ hồi nào. Tôi cũng là một người khất sĩ, đầy đủ trọn vẹn ý nghĩa của nó. Bởi vậy cho nên chú Tổ Sư mới dạy :

*"Có thời có tự mây may
Không thời cá thể gian nấy cũng không
Cho hay bóng nguyệt giòng sông
Nào ai hay biết có không là gì"*

Danh mà chi, lợi mà chi, bãng cấp, địa vị, tiền tài, của cải... có đó rồi mất đó. Nếu ai trong chúng ta cũng đều ý thức được sự vô thường của cuộc đời thì sẽ không đau khổ nữa.

Có nhiều người sẽ tự hỏi chính mình tại sao phải theo đuổi một mục đích lớn như thế? và theo đuổi để làm gì? - Dĩ nhiên câu hỏi nào đặt ra thì phải có câu trả lời tiếp đó, đầu hay hoặc dở. Nhưng điều ở đây có cái gì đặc biệt của một người Âu với một người Á như chúng ta. So ra chúng ta vẫn có đầy đủ phúc duyên hơn nhiều người khác. Vậy cũng không nên đi tìm cái biết đủ đâu xa là hãy tự tìm lại cái chân ngã của mình.

Tôi hỏi tiếp :

- Với chúng ấy tiền làm sao có có thể đi xe Bus hoặc xe lửa?

- Cô ta trả lời rằng : Nếu lỡ bị phạt, họ sẽ ghi giấy cho tôi; nhưng như tôi đã nói, tôi không có nhà, do đó làm gì có địa chỉ để họ gửi tới và họ cũng có thể khám xét tôi, tôi cũng chẳng có thêm một đồng nào. Cuối cùng rồi cũng thôi. Tôi sẽ bảo với họ "tôi là người hành khất". Nếu đi lên xe lửa, điều đầu tiên là tôi nói sự thật với người soát vé là tôi không có tiền, nếu họ cho đi thì tôi đi tiếp tục. Nếu không, ít nhất tôi cũng đi trên xe được một đoạn đường.

Không biết có ai trong chúng ta đã làm việc ấy chẳng? Nếu có làm, có lẽ mục đích không giống như cô ta, vì cô ta không còn gì tất cả. Ngay cả tên của chính cô ta còn muốn quên đi, hưởng gì nhớ đến tiền bạc hay những loại vật vãnh tùy thân khác.

Sau khi nói chuyện xong, cô ta từ giả mọi người ra đi trong thẳm lặng và chẳng biết đi về đâu. Lòng tôi lại chùng xuống khi nghĩ về "người hành khất" ấy. Tối hôm đó, trong bữa cơm, tôi đã đem câu chuyện này nói lại

cho Tăng chúng trong chùa nghe và tôi được biết thêm một vài chi tiết khác nữa.

Một chú tiểu trình bày :

"Trong khi Thầy vắng chùa cách đây mấy tháng, cô ta cũng đã đến đây một lần và cô ta cũng đã thuật lại câu chuyện ở tù của cô ta tại Irak, chỉ vì lý do không có giấy tờ, và trong thời gian ở tù đó, cô chỉ được cho uống nước lạnh và ăn bánh mì khô. Do đó bây giờ cô không quen ăn những loại cứng, khó tiêu, mà tốt nhất là canh hoặc Soupe. Cô ta cũng đã kể rằng cô muốn đi khắp nơi trên thế giới chỉ một tấm lòng thanh thản, không muốn làm phiền ai và cũng không muốn ai bận tâm đến mình" Một vị lớn tuổi thêm vào.

"Trông cô ta ăn cơm với canh không, mà ăn được tới 4,5 chén cơm và mồ hôi ra như mưa, thấy mà cảm động vô cùng".

Nghe những người trong chùa tường thuật lại, tôi cũng được biết là cô ta đã tìm đến chùa này lúc 2 giờ sáng, cô sợ quấy rầy giấc ngủ của những người trong chùa; nên đã đi ra ngoài vườn bông để nghỉ ở đó cho đến sáng hôm sau mới trở lại chùa. Ở chùa ai cũng thức mắc, nhưng ít phẩm bình. Vì có nhiều người cũng giống cô ta hay lui tới chùa; nên ít có người để ý.

Riêng tôi, mỗi một lần tiếp xúc với một người khách, tôi sẽ giúp họ giải quyết những điều họ cần đến và ngược lại từ trong sự giúp đỡ đó tôi cũng đã tìm hiểu được đối tượng rất nhiều. Ở đây tôi muốn nói, cách cho một lời nói hay một món đồ rất đáng quý trọng hơn là cái của đem cho mà không mang một ý nghĩa thực tâm nào cả. Nếu những bậc lãnh đạo tinh thần có được nhiều thì giờ cũng nên cố gắng nghe những tiếng nói nhỏ nhất, thấp nhất, mà vang vọng vô cùng. Tôi nghĩ rằng dấu kẻ đi xin, hay những người ăn cướp đi chằng nữa vẫn còn một chút gì quý báu của lương tâm. Vì thế nên chúng ta đừng ý giàu khinh nghèo, ý mạnh hiếp yếu, cậy mình đẹp, chê kẻ kia xấu v.v... giàu nghèo, mạnh yếu, đẹp xấu nó chỉ có giá trị thực sự khi con người tự biết cái chơn ngã của nó mà thôi.

Tôi cũng đã gặp rất nhiều người hành khất trên vĩa hè Paris, Frankfurt, New Dehli, New York v.v... nhưng tôi chưa thấy được một người hành khất nào có được một đời sống giải thoát như người hành khất tôi vừa kể bên

THỜI TRANG TUỔI TRẺ

Tôi đã gặp người thanh niên trẻ tuổi
Mắt tròn xanh, tóc búi vắt sau lưng
Áo lụa tua nịt thắt nửa lưng chùng
Anh có vẻ rất mừng vui cuộc sống

Tôi đã gặp nàng, quần cao áo rộng
Tóc muôn màu chẳng giống thiết một ai
Hút thuốc thuốc thở khói một hơi dài
Nhìn sau trước như hài lòng tự bảo.

Tôi đã gặp chàng chân đi lảo đảo
Chiếc đầu tròn vừa cao trọc hôm qua
Đôi kính nhâm trông dáng dấp hiền hòa
Anh có vẻ thiết tha nghề nhảy múa.

Tôi đã gặp anh hay nàng đôi lúa
Đũa quá gãy, quá mập, đũa quá cao
Đũa hoa tai, đũa tóc dựng lông mào
Cả hai đũa tự hào về sắc đẹp.

Tôi đã gặp nàng, chít chằng đôi dép
Miệng vo tròn nhóp nhoép kẹo cao su
Trời không mưa không nắng vẫn che dù
Trông thật lạ, có lẽ tự đời xưa thượng cổ ?

Tôi đã gặp chàng, quần ngâu loang lổ
Mấy chiếc vòng đeo cổ râu qua tai
Tóc nửa thắt nửa buộc nửa kẹp gài
Anh vẫn khoan thai nhìn thiên hạ ngắm

Tôi đã thấy nàng, áo lông chồn da rắn
Dáng dấp đi oăn ẻo cổ làm duyên
Đôi kính to đeo nặng sợi giây chuyền
Cứ nhún bước giữa rừng người huyền ảo.

Những cảnh ấy trên phố phường đông đảo
Ta rảo mắt nhìn ta rảo bước đi qua
Ta l: ta, ta không bắt chước mù lòa
Ta không kết án ai hay ai giờ.

Con đường ta đi ngàn năm vạn thuở
Ta lắng tai nghe, ta ngược mắt nhìn lên
Cái gì đẹp, cái gì quý lâu bền
Ta tự kén chọn làm của riêng ta vậy.

Hà Đâu Đồng.

(Trích báo Dân Chúa Âu Châu
số 84, tháng 07 năm 1989, trang 8)

trên. Tiền bạc, cơm nước chẳng cần. Ngay cả tên gọi cũng không buồn phải nhớ nữa, quà là một người đi xin mà chẳng xin cái gì của thế gian cả và người cho cũng chẳng có cái gì để cho cả. Cả người nhận lẫn người cho không biết ai là kẻ nghèo hơn ai?

Tôi viết bài này điều cần bàn là để tự nhắc nhở mình, chính mình cũng là người sống cuộc đời khất sĩ, cũng giúp đỡ tha nhân và cũng nhận được của tha nhân. Nhưng tôi mong rằng sự nhận và sự cho đó không còn biên giới nữa để đừng bị trói buộc vào cái chấp có, chấp không thường tình của nhân thế và điều kế tiếp là để gợi đến tất cả mọi người một sự suy nghĩ nhỏ nhỏ khi gặp những người hành khất như tôi đã có lần gặp trong thời gian vừa qua.

Tôi chợt nghĩ biết đâu hình ảnh cô gái hành khất đó chẳng phải là hóa thân của một vị Bồ Tát hay một vị Phật nào đó đã hiện ra để theo dõi lòng người, thử thách tấm lòng bác ái của tha nhân, như những mẩu chuyện cổ tích của Phật Giáo vẫn thường hay kể như thế.

Hôm nay trời trong quá, tôi ghi lại mấy giòng này trên bàn giấy trong phòng đọc sách. Để kết thúc bài này, tôi nhìn lên từ dung của Đức Bốn Sư đang đặt ngay trước mặt. Tôi mỉm cười và tự nói với mình là " biết đâu ... biết đâu đó là một trợ duyên cho nhiều kẻ tu hành".

Viên Giác tự,
mùa Xuân năm Kỷ Ty

THÔNG BÁO

Cúng dường định kỳ xây Chùa
VIÊN GIÁC, kính xin Quý vị đến
nhà Bank của Quý vị làm đơn
chuyển tịnh tài theo lối:

DAUERAUFTRAG

vào trường mục của Chùa
như sau:

Congregation der Vereinigten
Vietn. Buddh. Kirche e.V.
Deutsche Bank Hannover
Bankleitzahl: 250 700 70
Konto-Nr.: 8657470 01

Xin cảm tạ Quý vị.

Chùa VIÊN GIÁC -Hannover.

TÂM SỰ NGƯỜI CHA

LÊ THỊ BẠCH NGÀ
(Mùa VU LAN 89)

Chính thẳng Nam phản ứng một cách bất bất nhất. Từ mấy tháng nay hai vợ chồng chúng tôi sửa soạn chia tay. Chúng tôi đồng ý với nhau đợi cho những ngày lễ tết, giáng sinh, năm mới qua đi đã rồi vào một đêm nọ, trong phòng khách còn vương tiếng nhạc giáng sinh, giữa không khí êm đềm của gia đình, chúng tôi cùng thông báo cho các con quyết định của chúng tôi.

Con Liên lúc này đã 11 tuổi, ngồi im lặng nghe chúng tôi nói, con mắt đỏ lữa, rồi nó nhón tí tóc lông mày lại, cố gắng phát biểu một cách vụng về để giải bày cho cha mẹ hiểu đó là một quyết định điên khùng... Còn thẳng Nam em nó chỉ mới 9 tuổi, lặng cảm ngồi không nhúc nhích, bỗng nhiên thẳng bé đẩy ghế đứng bật dậy và bước giắt lùi về phòng nó.

Tôi kêu lên :

- Nam, con nghĩ thế nào ??

- Con nghĩ là con đã đánh mất mái ấm gia đình.

Nói xong nó quay lưng, leo tuốt lên lầu, vào phòng, và đóng cửa lại.

Cùng với mùa xuân, niềm đau đớn đã gieo sâu vào tâm hồn trẻ nhỏ bắt đầu nảy nở và lớn dần lên.

Con Liên suốt ngày chú ý đầu vào sách vở, không phải để học mà để bôi kín những trang giấy bày la liệt khắp phòng, tờ nào cũng có hình ảnh một gia đình hạnh phúc có mẹ có cha cùng với trẻ con đùa vui trên thảm cỏ xanh, và bầu trời màu hồng, màu thiên thanh thắm thiết.

Còn thẳng Nam thì chẳng tỏ lộ dấu hiệu gì đặc biệt, nó không vẽ nhì nhằng cũng chẳng phát biểu ý kiến. Thẳng nhỏ ít nói lại và yên như tảng đá... Tôi có cảm tưởng rằng các con tôi chẳng còn thương tôi nữa.

Vào đầu tháng năm, vợ tôi đơn ra ở riêng. Từ đó trong mấy bức hình của con nhỏ chẳng còn thấy bóng dáng của các bà mẹ nữa, còn hình mấy ông cha thì chẳng có nư cười. Ngày nọ, trong khi ba cha con đang ngồi nói chuyện với nhau trong phòng khách bỗng nhiên con Liên nấc lên khóc.

- Tôi nghiệp ba quá !

Nó kêu lên như vậy trước khi chạy ù ra khỏi phòng.

Tôi thấy tình trạng khẩn cấp quá rồi, có lẽ ba cha con tôi cần thay đổi không khí hay làm một cái gì khác mới được, nếu không sẽ điên lên mất.

Tôi thu xếp nghỉ một cuối tuần và chọn một miền quê yên tĩnh để ba cha con đi nghỉ ngơi.

Trời mùa hạ dài và rất nóng. Khi chúng tôi đến nơi thì đã quá giờ dùng cơm tối, vì vậy mấy cha con ghé phố mua bánh kẹo, càrem, nước ngọt rồi lên phòng khách sạn.

Sau khi tắm rửa thay quần áo, chúng tôi lăn ra giường vùi nhăm nhừ vừa xem một phim ti vi, cười đùa với nhau một chút rồi mấy đứa nhỏ lăn ra ngủ mệ.

Tôi nằm trằn trọc trong đêm, nói thì thật buồn nhưng quá thật từ lâu lắm rồi, tối nay tôi mới tìm thấy lại cảm giác thoải mái một chút, và các con thì cười vui như vậy.

Ngày mai lại, tôi cho các con đi thăm thành phố, tôi bắt chước đóng trò như mấy hướng dẫn viên du lịch kể chuyện lu bù, giải thích đủ thứ, chỉ chỗ lung tung ... nhưng rồi tụi nhỏ mệt rất mau và đâm chán những di tích lịch sử.

Bữa cơm tối trôi đi trong yên lặng, tụi nhỏ cũng như tôi mỗi người đều đắm chìm trong suy tưởng riêng tư. Tôi nản quá, tưởng chừng như có thể buông trôi tất cả.

Chiều chủ nhật, chúng tôi chỉ quanh quẩn bên hồ bơi, tôi đọc báo, hai đứa nhỏ bơi lội, có lúc chúng chụm đầu vào nhau thì thăm to nhỏ với nhau có vẻ bí mật và quan trọng. Tôi thắc mắc không biết cô cậu bàn soạn

chuyện gì ??

Cứ 4 giờ chiều, hai chi em xin phép tôi cho đi chơi riêng một vòng. Phần tôi có lẽ tôi cũng cần được ở riêng một mình trong một lúc.

- OK, cho các con đi chơi, nhưng phải trở về lúc 6 giờ tối để ăn cơm. Ba chờ các con ở dưới phòng ăn nhé.

6 giờ đúng, tôi xuống phòng ăn ngồi chờ các con.

6 giờ 15, 6 giờ rưỡi tụi nhỏ vẫn chưa về. Từ bụng mình, tôi đâm ra lo lo trong bụng... Đến 7 giờ tối tôi đành phải báo tin cho ông quản lý khách sạn hay rằng chúng tôi sẽ ăn cơm trễ và định trở về phòng. Nhưng ông quản lý đã nhanh nhẩu cản lại và đưa tôi đến một bàn cạnh cửa.

- Tôi chắc chắn là các cháu sẽ xuống đến ngay mà, vừa nói ông vừa kéo ghế mời tôi ngồi.

Khi tôi đang gọi một ly rượu khai vị thì hai cô cậu đi vào, áo quần lảng cuống bành bao. Tôi nghiêm mặt, hai đứa nhỏ mắt sáng lóng lánh, rụt rè, bước nhẹ nhẹ cố để đừng làm chọc giận tôi thêm.

Tôi cất giọng hỏi xẵng :

- Trời đất ! Tụi bây làm cái trò gì vậy hử ??

Hai đứa lắc đầu nhìn nhau, rồi lấy hết can đảm, con Liên mở lời trước.

- Chúng con xin lỗi ba, nhưng tại vì tụi con bị lạc, phải tìm đường cả buổi mới về được Hotel. Chúng tôi ăn cơm tối mà không nói chuyện. Hai đứa nhỏ ăn lệ lệ và tránh nhìn cha nó. Đến lúc ăn tráng miệng tôi đưa tay gọi bới. Bỗng nhiên, cậu bới bàn tiến đến và nói :

- Thưa ông, tối nay chúng tôi có một món đặc biệt mời ông thưởng thức.

Và rồi, một người bới khác từ bếp tiến ra đẩy tới một bannhò, trên đó chêm chệ một tác phẩm đặc biệt phủ khăn đỏ. Khi cái món ăn đặc biệt đó đến gần tôi và được trình trọng giới lên...Ồ thì ra đó là một cái bánh kem lạnh khá to (thứ mà tôi rất thích) được trình bày hoa lá rất đẹp và có hàng chữ màu hồng.

BONNE FÊTE DES PÈRES - NGƯỜI CHA TUYẾT VỚI NHẤT TRONG CÁC ÔNG CHA

- LIÊN VÀ NAM -

- Fêtes des pères hồi nào ? Tôi hét lên !

- Đứa nào bày chuyện hử ???

- Tụi con bày chuyện đó ba, hai đứa đi phố rồi bỗng nhiên tụi con tìm được một tiệm bánh ở góc đường mở cửa ngày chủ nhật. ..

Thắng Nam nhanh nhẩu tiếp lời :
- Rồi thì, rồi thì...tụi con bị lạc đường...rồi thì tụi con về trễ...

Câu chuyện chỉ có vậy, trong khi người bới cắt bánh, tôi ngồi nhìn hai con, hai đứa nhìn tôi cười...mọi người nhìn chúng tôi cười ...

Tôi ăn bánh, cố giữ yên lặng.

- Ngon không ba? Con Liên cất giọng hỏi nhỏ nhỏ, có vẻ lo lắng. Thắng Nam trấn an chị.

- Món này ba thích nhất mà! Phải không ba ?

Tôi quay lại nhìn hai con, tôi cảm nghe tất cả lòng yêu thương hiện diện trong giọng nói của lũ trẻ, và thật sâu trong hai

đôi mắt đen lay láy, tôi tin rằng có nhìn thấy cái gì thật lóng lánh, chiếu sáng lung linh...

- Ủ thiệt, món này ba thích nhất đó Nam của ba ạ, và ba cũng thấy ngon quá Liên ạ.

Tôi cười với mọi người chung quanh đang chăm chú theo dõi bộ ba chúng tôi và nháy mắt với hai con.

Vâng, chúng tôi, ba cha con chúng tôi vẫn còn có mái ấm gia đình.

Peter C Carennie
Selection 6/89

Trích lục và lược dịch
Lê Thị Bạch Nga
(Mùa Vu Lan 89)

tàng, mỗi lần hái cũng cả năm ba chục trái. Đến mùa trái chín, chỉ tôi chờ đến ngày 14 hoặc 30 âm lịch thì hái Thanh Long. Chỉ để lại một chuc cùng Phật và ông bà, số còn lại chỉ mang ra chợ bán. Trái Thanh Long đỏ tươi, to hơn cái chén ăn cơm và hình tròn hai đầu hơi dài; ruột mềm, trắng điểm lấm tấm hạt đen như hạt é; ăn mát, thỉnh thoảng có những trái nhỏ hoặc "có tật" má bảo "những trái này cúng Phật không tốt" nên má tôi để lại chung với đường phèn và phơi sương. Má bảo "đàn bà con gái ăn rất tốt", nhưng thật ra ruột Thanh Long đã ngọt mà còn thêm đường vào nữa thật là khó ăn. Chị em tôi nuốt còn khó hơn uống thuốc Bắc nhưng vì nể công lao mẹ vất vả từng miếng đều đặn, chắt mót từng cục đường phèn và chung trong một cái tô riêng nên chị em tôi cố ăn cho má vui lòng.

Má tôi thường lệ thức dậy khoảng 6 giờ sáng. Sau khi súc miệng, rửa mặt, má lại tằm ngay miếng trầu. Tôi hỏi :

- "Sao má dậy sớm quá, giờ này con ngủ ngon nhưng má đã dậy rồi !

Má chậm rãi

- Con còn nhỏ, không lo lắng nên ngủ ngon. Má già rồi, ít ngủ và lo nghĩ nhiều. Các con càng lớn mỗi đứa có gia đình một nơi lúc nào má cũng nhớ. Còn anh con đi lính không biết nay sống mai chết như thế nào. Đêm nào nghe tiếng bom đạn nổ đùng đùng là má tôi thức luôn tới sáng.

HỒNG NHIÊN Lingen

Kính dâng Từ Mẫu

Wớ chớng tôi kẻ xối đất, người lượm đá sỏi và đổ phân vào cho đất thêm màu mỡ. Sở dĩ tôi muốn căn nhà này không phải vì phòng khách rộng lớn và phòng ăn sạch sẽ thoải mái hơn căn nhà cũ, mà vì: một mảnh vườn. Nói là mảnh vườn nghe cho "le lói" chứ khoảnh đất chỉ hơn 6 mét vuông đất. Chớng tôi bàn với tôi:

" Dù rồi em ạ, anh sợ không tìm ra giống để trồng hết đất".

- Anh đừng lo, em có đủ hết.

Miệng thì nói vậy chứ trong bụng tôi lo lắng vô cùng. Tôi nghĩ nhà mình chỉ có một chậu rau bắp cá thôi. không có húng cây, húng hui... phải chỉ như ở nhà má tôi, ngôi nhà nằm giữa vườn, chung quanh là vườn cây, vườn rau thì hay biết mấy. Nhớ con đường vào nhà má, một bên ruộng đào hằng ngày nước lớn, rông hai lượt. Một bên là vườn chuối, ôi thì đủ thứ: chuối già, chuối tiều, chuối cao, chuối xiêm ngay cả chuối dong cũng được má tôi ưu ái đến. Muốn vào nhà má tôi phải đi ngang qua một vườn trầu, lá trầu vàng ánh và non mượt. Má tôi cho trầu bò leo quanh những cây dong, lá dong dùng để gói nem, thỉnh thoảng má tôi ngắt đọt để luộc ăn trị bệnh mắt ngù. Vào mùa Xuân, cây dong thường trở bóng màu đỏ, đỏ còn hơn hoa phượng vĩ trông rất đẹp mắt. Trên những ngọn dong còn lá rời gặp gió của loài chim sẻ kêu ríu rít suốt ngày. Vườn trầu được má tôi dẫn chuối cây tấn chung quanh.

Má nói: "cho gà khỏi bươi tróc góc dong, cho nước thấm vào gốc để cho cây dong lẫn dây trầu đều tươi tốt". Vườn trầu có hơn mấy chục gốc má tôi ăn gì hết nên mỗi tuần má và chị tôi hái lá xếp lại thành chuc đem ra chợ bán, hôm nào hái trầu má tôi dậy thật sớm, má nói "hái trầu vào buổi sáng cho lá còn tươi, để trưa nắng lên trầu héo, ăn mất ngon". Hái trầu cũng có kỹ thuật, nhà tôi đông người nhưng chỉ có má và chị tôi biết hái, còn những người khác ngay đến tôi má bảo "xếp trầu thì được chứ con hái trầu má không hái lòng". Tôi không biết lý do nhưng cảm thấy mừng vì khỏi phải leo

VƯỜN TRẦU CỦA MẸ

trèo trên cây thang cao lên ngẫu nhiên. Chung quanh vườn trầu mọc nhiều ngò gai, giống này chịu nước và cũng thừa hưởng từ vườn trầu nên càng ngày mọc càng nhiều. Ngò gai để nấu canh chua, làm rau sống không những cho nhà má tôi mà cả những bà con lân cận cùng hưởng. Một cây ớt hiếm lâu năm không biết mọc đời nào ngay trên dây ngò gai, trái nhỏ và sai quăn, tôi thiếu vài ba trăm trái. Canh gọc vườn trầu hưởng vào sân lát gạch là một cây Thanh Long; mới trồng năm đầu có độ năm ba trái, cây thật mau lớn độ vài năm sau đã lớn

Phải, má tôi thức để rồi má lục đục quét sân nhổ cỏ, tưới rau. Tôi thấy má tôi không bao giờ được rảnh rang thong thả như các bà khác. Tôi còn nhớ, có một hôm mới 6 giờ sáng đã có một bà hàng xóm tới, tiếng má tôi hỏi: "Tối sớm vậy có việc gì không? Tiếng bà ban trả lời: "Có gì đâu, thêm miếng trầu nên tới chị. Số là hồi hôm đi ngủ sớm quên ăn trầu, nửa đêm sợ nhớ thêm ăn một miếng, nhìn lại rở trầu không còn lá nào nên tới ráng đi ngủ để sáng dậy sớm lại đây."

Má tôi nhẹ nhàng
- *Tội dữ hôn ! bà tới nửa đêm thì kêu cửa. Ban ăn trầu nên tôi biết quá mà.*

Nói xong má tôi lại đi ra vườn trầu hái vào một nắm lớn thật ngon. Má lại tằm sẵn 1 lá trầu kèm theo mảnh cau cho bà ban. Hai bà thì thắm nói chuyện hồi lâu, đến khi bà hàng xóm ra về má tôi còn biếu mấy trái cau và nắm trầu vừa mới hái.

Tôi hỏi má
- *Sao trầu có sẵn má không đãi khách còn hái lá mới làm gì? Sao má không để người ta hái mà má dành đi?*

Má tôi giải thích
- *Trầu trong khay đã héo rồi, má hái trầu mới ăn cho thơm ngon. Còn hái thì vườn trầu nhà mình, mình biết cách hái. Hái trầu con không được ngắt đọt mà phải hái lá thứ ba, thứ tư cho trầu khỏi hư. Người ta không biết, hái bậy là hư vườn trầu của mình.*

Tôi còn thắc mắc
- *Sao con thấy có khi má và chị hái đọt trầu ?*

- *Ủ, thì nhánh trầu dài quá phải ngắt đọt cho trầu nhậy ra nhánh mới nhiều lá; còn nhánh cụt mà ngắt đọt nữa thì dây trầu trụi lụi, hư luôn.*

- *Thôi con hiểu cách hái trầu rồi. Giờ tới sau con hái và tằm trầu cho má ăn được không?*
Má tôi cười.

- *Thôi đi con út của má: Má còn mạnh khỏe thì để cho má hái, lúc nào già yếu bệnh hoạn đi đứng không nổi thì con lo cho má.*

Vào những lúc nhiều gió, má tôi thường ra đứng trước sân thắm chừng hàng cau. Nhìn hàng cau ngay hàng thẳng lối và khoảng cách đều nhau, má tôi trông dọc theo cái mường đào thẳng hướng về phía ranh vườn, tôi không hiểu những cây cau này má tôi trồng từ lúc nào mà bây giờ nó đã cao nghệu. Giống cau này mỗi năm trở hai quày. Má nói

- *Giống cau này chỉ có hai lần hái quả mỗi năm khoảng tháng tư và tháng mười, trái tuy nhỏ nhưng thật sây (nhiều trái). Còn những gốc cau kia là cau giống, má trồng cách đây vài ba năm, trái tròn to nhưng không sây mấy, nó cơ bướng vào trước Tết. Gần Tết mà bán cau trầu đực lắm con ạ !*
Tôi còn nhớ một hôm vào ngày 28 Tết, chỉ tôi bè được 2 quày cau, má tôi ngắm nghía mãi, tay má cầm một cái dao nhỏ cắt tỉa những cành nhánh nhỏ chung quanh trái cau, tay của má tôi thật nhẹ nhàng và cẩn thận. Má nói :

- *Mạnh tay thì mùi dao trúng trái, trái trụa bán mất giá. Ngày Tết dù nghèo họ cũng mua cau tươi mà ăn, các cô gái trẻ*

họ cũng tranh nhau mua về để làm quà đầu năm cho mẹ.

Má tôi vừa nói tay vừa đếm, hai quày có hơn 50 trái.

Tôi hỏi.
- *Má chưa lại bao nhiêu để ăn ?*
Má tôi ngập ngừng

- *Má định bán hết để mua đường đậu làm bánh cúng ông bà trong ba ngày Tết, Má ăn cau khô cũng được cần gì phải cau tươi.*

- *Má nói gì kỳ vậy, chẳng lẽ có đồ tươi đem bán hết còn má ăn cau khô à! Cau khô cũng ngắt má ăn có ngày gãy hết răng đó !*
Má mắng tôi

- *Con nầy khờ quá, bộ má không biết ngâm cau khô trong nước nóng cho mềm rồi xắt nhỏ ra. Ăn cau khô cũng có mùi vị thơm của nó chớ.*

Chị tôi này giờ đang bận rộn xếp những thử trái cây vào giỏ lớn, buổi màu vàng ánh, chuỗi xiêm trái no tròn, đu đủ xiêm trái dài và trên cùng chỉ xếp những trái Thanh Long. Chị nhìn tôi như ngăm bào "thôi đừng nói nữa". Tôi nghe lời chị và nghĩ chắc chị đã tỉnh già rồi.

Đến lúc má tôi đi ngủ thì chị tôi mới cắt bớt một nhánh cau, chị nói

- *Em đem dấu đi, đến trưa ngó chừng thấy chị về thì đem ra cho chị... Tôi cười.*

Trưa hôm sau, tôi làm theo lời chị. Má tôi nghe chị đi chợ về, má chạy ra.

- *Bán hết đồ không con ?*
- *Con bán hết má a, nhưng... còn ế nhánh cau này.*

Má ngạc nhiên
- *Ủa, sao kỳ vậy, mà nghe người ta nói "Chợ Tết bán cau đực còn hơn tôm tươi".*

Chị tôi ngập ngừng, chị em tôi cứ nhìn qua lại. Má thấy

- *Thôi, má hiểu rồi. Phải rồi tụi bây âm mưu để gạt má không? Chị em tôi cùng cười. Tôi nói*

- *Tai má đó! Cau tươi ngon, má không ăn mà đòi ăn cau khô. Của nhà mình chớ có mua chất gidâu! Má tôi xách nhánh cau ra khỏi giỏ, đếm được gần 20 trái. Má để một ít còn lại chia ra tặng mấy bà hàng xóm.*

- *Má không ăn hết sao? Chị tôi hỏi*

- *Thôi thì má tặng cho mỗi bà vài ba trái cùng một ít trầu tươi, quà Tết ăn lấy thảo mà con.*

Tánh của má tôi thích biếu xén, chớ không giữ lấy ăn một mình. Nhắc đến hàng cau tôi nhớ hồi còn nhỏ má kể chuyện "Tấm Cám" cho tôi nghe:

"Ngày xưa có cô Tấm mồ côi mẹ. Cha cưới kẻ mướn. Bà nấy cũng có một cô con gái riêng bằng tuổi Tấm, tên là Cám. Tấm đẹp mặn mà hiền dịu; trái lại Cám xấu xí lại

kiêu căng. Một hôm, mẹ Cám bả hai đứa cùng đi xúc tép, đứa nào mang về nhiều thì được làm chị. Tấm, Cám vàng lời mẹ. Tấm siêng năng nên xúc được nhiều tép; trái lại Cám ham chơi nên chẳng xúc được con nào. Cám bả Tấm ngồi nghỉ mệt để có ta mang rổ của Tấm về trước. Cám nghe lời, không ngờ cô ta về nhà nói với mẹ là xúc được nhiều tép còn Tấm ham chơi nên về sau. Tấm mang rổ của Cám về tới nhà bị mẹ ghè rầy la. Biết mình bị gạt, cô ra vườn ngồi khóc, cô chợt nhìn lại trong rổ thấy có con cá bóng mù, cô thả xuống ao để nuôi. Hàng ngày cô mang cơm thừa cho bóng mù ăn. Con bóng mù lớn nhanh và để thương, mỗi lần Tấm mang cơm thừa tới gọi "Mù ơi, mù ơi! lên ăn nè", tức thì cá mù nổi lên để ăn. Cám nhìn thấy tức giận, liền lên Tấm mang cơm ra gọi Mù lên ăn, cá mù nổi lên có thừa cơ hội bắt Mù làm thịt ăn và xương chôn ở góc vườn. Hôm đó như thường lệ, Tấm gọi cá Mù lên ăn, không thấy cá nổi lên, Tấm biết có kẻ hại Mù rồi. Cô ngồi khóc, có một bà Tiên hiện ra bảo cô chờ đến ba tháng mười ngày ra sau vườn đào lên sẽ thấy. Cô chờ đúng hẹn ra vườn đào lên thấy một bộ áo mao thật đẹp và một đôi hài. Cô đem vào nhà dấu cất áo mao, còn đôi hài hăng ngày đi chân trần cô đem theo mang ở hai bên sừng trâu. Một hôm cô đang cời trên mình trâu chợt có một con chim thật lớn tha mất của cô một chiếc hài. Cô không đuổi theo chim kịp nên buồn bã trở về nhà. Con chim tha chiếc hài của Tấm bay ngang qua Cung và làm rơi trước cung Thái Tử. Thái Tử lượm được chiếc hài xinh xắn và từ đó sinh ra ngăn ngờ, buồn bã. Vua cha và hoàng hậu biết chuyện nên truyền rao trong nước kén chọn một cô gái mang vừa chiếc hài thì được làm vợ Thái Tử. Tấm và Cám cũng tham dự buổi kén chọn này. Cám đành đi trước, còn Tấm thì bị bà kế mướn bắt phải lựa hết thúng đậu trộn mè rồi mới được đi. Tấm ngồi khóc, may nhờ có bà Tiên sai đám bô cầu tới giúp. Khi đậu mè lựa xong, Tấm thay quần áo của bà Tiên cho khi trước và cũng không quên xách theo một chiếc hài. Tấm chạy tới Hoàng Cung và cũng may mắn là người sau cùng trong cuộc tuyển chọn. Nhớ mang vừa chiếc hài Tiên nên Tấm được chọn làm vợ Thái Tử. Cám âm ức trở về kể lại cho mẹ nghe, hai mẹ con tìm mưu hại Tấm. Bà bảo chồng già đau đay sai người vào triều cho Tấm hay. Nghe cha già lâm trọng bệnh, Tấm vội vàng về thăm cha, cô gặp ngay kẻ mướn ra đón, bà nói "cha chẳng bệnh hoạn gì cả,

nhưng vì thèm ăn trâu với cau tươi nên bảo mẹ gọi con về hái" Tắm nghe lời kể mẫu, thay vôi quần áo và leo cau. Chờ Tắm trèo lên gần tới ngọn cau, bà kể mẫu cùng với con gái lấy sào quơ cho Tắm té xuống. Tắm chết, hai mẹ con đào lỗ để chôn và Cám mặc y phục của Tắm để vào hoàng cung, Thái Tử biết không phải Tắm nhưng sợ vua cha và hoàng hậu buồn nên đành ngậm miệng làm thinh. Tắm chết đi biến thành chim Hoành Hoạch. Thái Tử đi săn, bắt được chim Hoành Hoạch nói được tiếng người nên Thái Tử thương yêu và nuôi trong lồng sơn. Một hôm Thái Tử vắng nhà, chim Hoành Hoạch thấy Cám phơi đồ của Thái Tử trên hàng rào nên kêu lên "Hoành Hoạch, hoành hoạch giặt áo chống tào cho sạch. Phơi thì phơi ở sào, đừng phơi hàng rào rách áo chống tào".

Cám nổi giận, giết chim làm thịt ăn, mang lông chim chôn ở vệ đường. Thái Tử thấy mất Hoành Hoạch tức giận vô cùng. Lông chim là hiện thân của Tắm biến thành cây thi, cây chỉ có một trái lơ lửng trên ngọn. Một hôm có bà già ăn xin ngồi nghỉ một dưới gốc cây, bà mơ ước "trái thi rơi bị bà già về vú ăn chơi". Lời ước nầy bỗng nhiên hiệu nghiệm và quả thi rơi vào bị bà già. Bà mừng rỡ, mang quả thi về vú trong thạp gạo. Một hôm, bà vắng nhà, đến chiều trở về bà ngạc nhiên thấy nhà cửa sạch sẽ và một bữa cơm cao lương mỹ vị đã dọn sẵn trên bàn. Không ngần ngại bà ăn hết. Qua hôm sau, bà già bỏ đi xin ăn, đi một đời bà quay trở về và rình ở cửa, bà ngạc nhiên thấy một thiếp nữ đẹp như tiên nga từ trong hủ gạo bước ra. Bà lên bước vào nhà và nắm tay cô gái. Tắm liền kể hết lai lịch cho bà nghe và thương tình bà nhận làm nghĩa nữ. Một hôm, Thái Tử đi săn ghé ngang nhà bà, Tắm ăn mất. Bà già mang miếng trâu tằm sẵn mới Thái Tử ăn, Thái Tử ngạc nhiên nhìn miếng trâu, ngài nhớ hồi xưa Tắm đã tằm trâu giống hệt như vậy. Thái Tử bảo bà già tằm thêm một miếng nữa, đến khi bà tằm có con ruồi đậu trên tay, miếng trâu cũng khéo và giống như trước. Thái Tử để ý con ruồi và bắt bà tằm thêm miếng nữa, lần nầy Thái Tử đuổi con ruồi bay đi. Miếng trâu vùng vẫy không giống như trước, Thái Tử tra hỏi, dọa bắt bà đem về triều xử tội. Tắm thấy vội chạy ra, Thái Tử mừng rỡ và quyết định rước Tắm cùng bà lão về kinh thành. Cám ra đón Thái Tử gặp lại Tắm thật ngỡ ngàng, nhưng Tắm vẫn tỏ ra như tình em chị. Cám thấy Tắm xinh đẹp hơn nên

hỏi "em làm sao mà được trắng da dày tóc". Tắm trả lời "hàng ngày em tắm bằng nước đun sôi". Cám tưởng thật và nấu một chảo nước sôi nhào vào tắm. Cám chết ngay lập tức. Thái Tử biết được liền bảo cung nữ làm mắm gỏi về cho nhạc mẫu. Mẹ của Cám thấy quân của Triều đình mang tặng bà một hủ mắm, bà mừng rỡ lên chống ăn một mình. Đang ăn, bỗng có một con chim đậu ở cành cây kêu lên "ăn thịt con còn khen ngon, khen béo". Bà nổi giận lấy đá ném chim. Đến khi bà ăn gần hết hủ mắm thì thấy đầu con gái bà, bà té ra chết giắc. Khi tỉnh dậy bà quyết vào triều kiến vua. Đi dọc đường bà bị thiên lôi đánh chết". Má tôi kết luận "Ác nhân ác báo" đẩy con a.

Tôi hỏi má

- Tằm trâu mà cũng khéo, vụng sao má?

A mà Tắm có ăn trâu dậu, sao tằm khéo vậy?

Má nói

- Tằm là tiên nữ, chứ có phải người thương dậu! Người tiên làm cái gì mà không khéo.

Ngoài một vườn trâu, một hàng cau phía ngoài cái sân hình chữ nhật, má tôi trồng một vạt rau đủ loại, húng cây, húng lủi, bắp cá, tía tô, rau quế... thứ nào cũng xanh mượt. Cạnh vườn rau là một vạt đất trồng gừng, nghệ và bac hà, má tôi cần thận rào lại. Má nói!

- Gừng để Tết làm mứt, củ nghệ để pha làm bột bánh xèo còn bạc hà nếu không rào lại để gà nháy vào bươi, cần mớ rách lá và phân gà làm cho mình ăn bạc hà bị ngứa miệng. Cạnh vạt gừng, má tôi làm một cái giàn cao độ một thước, chung quanh tấn bằng gốc tre chẻ ra. Cần thận hơn, má tôi lấy lá dứa nước đan thành vĩ tấn chung quanh và đỡ dây phân để trồng he luôn cả cái xà lách son, hai thứ nầy cần nhiều nước mới tốt và xanh. Má tôi còn trồng thêm một bụi hành hương trong cái nơi bẽ dáy để gắn vạt he. Ngoài những thứ rau nầy là những cây ăn quả nào mận, bưởi, dứa xiêm, dứa ta mấy gốc xu chẻ lớn tảng và khoảng hơn mười gốc xoài các lần xoài tượng. Một cây vú sữa to đứng giữa vườn. Cạnh cây vú sữa là một cái ao nuôi cá. Bên mé ao có một bãi đất lạn má tôi trồng mấy bụi lá dứa, một đám rau om, cần nước và rau muống non mượt. Giữa ao nổi lên những bụi bông súng, vào mùa hè là nơi ăn nấp mát mẻ cho các loại cá mè, cá sặc, cá dòn đuôi... Nhân ngày lễ Vu Lan cách đây bốn năm về trước, tôi kính hoàng nhận được điện tín của chị tôi báo tin má tôi từ già cõi đời. Tôi khóc nhiều và ăn hận không

báo đáp ân nghĩa sanh thành, nhất là chưa hái cho má tôi được lá trâu tươi tằm sẵn. Lá thư mà tôi nhận được gần đây nhất, có một đoạn cháu tôi viết "di ơi, từ ngày ngoại mất cây trái mất mùa, mận, xoài, bưởi ra bông đều rụng hết, vạt trâu, vườn rau hành he... cũng không còn tươi tốt như xưa. Di Ba nói chắc tại lúc ngoại mất vì nhiều bận rộn nên quên để tang cho cây trái trong vườn!"

Tôi không biết đó có phải là một sự thiêng liêng huyền diệu không? Nhưng thực tế tôi nghĩ vì má tôi mất rồi thiếu người vun phân tưới nước nên vườn cây không còn sây quả như xưa..

- Làm gì mà ngăn ngó vậy?

Tiếng nói của chồng tôi làm cho tôi sực tỉnh, một dĩ vãng đã trôi qua không bao giờ trở lại.

- Em đang nhớ tới vườn cây, vườn rau nhà má. Tôi trả lời.

- Ủ! anh hiểu rồi, nhắc tới vườn cây anh nhớ hồi còn ở nhà, mỗi lần vợ chồng mình về quê là ăn trái cây gần ngắt ngư. Trưa trời nắng ửng nước dứa xiêm thì "đá khát" vô cùng.

- Anh còn thích một thứ trái nữa, nhớ không?

- Trái cây nào anh chẳng thích? Tôi cười

- Anh không nhớ tới mùa vú sữa là anh đòi về quê thăm má đó sao?

- Ủ! nhớ hồi đó mỗi lần anh ăn gần hết một chục...

Chẳng lẽ miếng vườn nhỏ của tôi chẳng trồng được gì. Tôi liền mua ngay mấy cây cà chua, một gói hạt mướp Đức và mấy bụi cần tàu về trồng. Đến khi cây lớn xanh rờn, thẳng con út tôi nói.

- Mẹ ơi! có vườn sao không trồng rau giống như nhà ngoại?

Còn những cà chua, mướp Đức ở Siêu thị bán thiếu gì! Mẹ mua lúc nào cũng có. Quả thật con tôi nói đúng, tôi trồng cho xanh vườn chứ chẳng ăn uống gì.

Dần dần tôi rút kinh nghiệm, bỏ hết giống rau của Đức. Năm nay tôi chuẩn bị sẵn các giống rau Việt Nam từ lúc thời tiết còn lạnh. Tôi chia mảnh vườn ra thành 3 liếp, một liếp rau bắp cá, một liếp rau húng và rau răm còn lại một liếp tôi gieo cải xanh và ngò rí. Mới có hai tháng mà vườn rau xanh mượt, tốt tươi. Tôi cũng một phần nào giống tính má tôi. Trồng rau ăn thì ít mà còn để biếu cho ban bè, hàng xóm và còn để

"Chiều chiều ra ngắm vườn rau
Nhớ thương tứ mẫu, ruột đau chín chiều".

VÀO ĐỜI

Để chia xẻ các nỗi vui buồn với các bậc *phụ*
huynh tại quốc nội có những người con *tuần* kiệt
tỵ nạn tại hải ngoại đang xây đắp tương lai.

Một sáng mùa thu
Nhận được tin con
Bước vào đại học
Giữa tuổi đôi mươi
Đất lạ quê người
Ôi, cái tin thương yêu biết mấy
Có chiều dài chiều rộng của đời con
Được đo bằng những kích thước núi non
Mỗi bước con đi mang hài bầy dặm
Từ già quê hương muôn trùng sóng gió
Con vững tay chèo, con vượt đại dương
Chiếc thuyền bé trong tay người chí lớn
Mười đứa bạn bè ùn tũng vây quanh
Con hiên ngang làm một kẻ độc hành
Có Trời Phật chờ che
Có cha mẹ theo dõi
Từng bước con đi.. từng bước con đi..
Con là thế, hành trang không dính túi
Hai bàn tay với khối óc bằng vàng
Một trái tim hồng bắt khuất con mang
Con đặt chân lên những miền đất lạ
Từ đảo Bi đông đến xứ Canada
Từ cái nóng nung người đến mùa đông tuyết phủ
Không một đặc ân, trăm bề khổn khó
Con làm cây thông đứng vững giữa quê người
Tám tiếng mù sinh con bước vào đời
Sáu tiếng đến trường xây đắp tương lai
Mười bốn tiếng một ngày dài trọn vẹn
Sức mạnh nào đã chấp cánh cho con
Những bức thư dài viết lúc đêm hôm
Những món quà gói về vội vã
Cha mẹ mừng trong nước mắt reo vui
Như người tù trong những lúc thăm nuôi
Đây áo em trai quần em gái
Hãy mặc vào em cho quần áo em lành
Hãy giữ tuổi thơ mãi mãi tươi xanh
Và chóng lớn theo anh, em đi tới
Từ nửa địa cầu con mời cha chất khói
Điều thuốc tàn tất lậm ở trên tay
Ngon gió nào đem khói thuốc đến đây
Cha những tưởng đang cùng con trò chuyện
Tân tào chất chiu mẹ nhận quà tiết kiệm
Suối ấm cuộc đời lạnh giá mùa đông
Tiền bạc qua mau trên bếp than hồng
Đã bao lâu rồi không son không phấn
Con đi lên theo triều dâng gió cuốn
Tận đỉnh cao rực rỡ của vinh quang
Chiến thắng nào mà chẳng có gian nan
Và phần thưởng thuộc về người con thép
Con đi lên như là con đã biết
Khi quê hương đang cần thuốc hồi sinh
Khi nhân dân đang khao khát thanh bình
Con đi lên nghĩa là con sẽ tới !

HOÀI KHÊ

HOÀI TƯỚNG

Tùy Anh

Như con nước
cuồn trôi
về phiêu lãng
Như mây trời
gió bạt
nẻo hư không
Nghe nuối tiếc
ngọt bùi
thời dĩ vãng
Lời mẹ ru đêm ấm
bếp lửa hồng.

Thôn xóm cũ
đất thơm mùi nòng ải
Vỡ luống cày
mặn chát giọt mồ hôi
Trong lam lũ
phải mua dầm nắng dãi
Đời thêm cay
hiu hắt nước mắt người.

Người vẫn đợi
trên tròng khơi
nỗi nhớ
Mẹ vẫn chờ
trong mòn mỏi niềm thương
Nghe lưu lạc
từ ngọn nguồn
thác lũ
Lời ca dao
từ nếp cũ
phai hương.

Xin hồi hương
những ân tình trao gửi
những tin yêu
mùa lá rụng về nguồn
Xin hồi tưởng
về tình sông nghĩa núi
lời dặn dò
mẹ dạy nghĩa yêu thương.

Nơi xú lạ
dù xa vòng tay mẹ
lòng vẫn vui
theo đợt khói lam chiều
Thêm nòng ải
ngờ thấy mình còn trẻ
để nòng nân
khi thăm nói : - Mẹ yêu !
(Tháng 7-89, Vu Lan)

NGÀY CHO MẸ

TÂM THU - HỒ THỦY

Kính dâng hương hồn Mẹ

Trời vào Thu, với bao lá vàng rơi rụng-Những chiếc lá cô đơn, đang xoay tít trên bầu trời lộng gió, hình như, đang cố kiếm tìm trong khoảng không trống vắng ấy, một sắc hương quen thuộc, một nét dáng dịu hiền, một hạnh phúc giản dị, và luôn cả... một tình yêu !!! Mùa Thu là khởi thủy giao thời giữa hai mùa mưa nắng, mùa mà thiên nhiên có dịp trở về với bản sắc hiền hòa muôn thuở, mùa của tình yêu và của hạnh phúc; Hơn nữa, mùa Thu còn là mùa mà mỗi người con Phật, mỗi người Việt Nam chúng ta; quay về với cội nguồn, đến cùng tình yêu thương của Mẹ !

Ngày của Mẹ - Ngày Rằm Tháng Bảy - Ngày Vu Lan tháng Hội-Hay còn gọi là ngày cho những người con trên muôn vạn nẻo đường đời, đều hướng về Quê hương yêu dấu; nơi đã được sinh ra và lớn lên nhờ tình thương của Mẹ !

Mẹ ! Tiếng Mẹ muôn đời vẫn là một âm hưởng ngọt ngào êm ái nhất ! Tiếng nói đầu đời của loài người khi mới bắt nhịp câu ngôn ngữ, cũng là tiếng nói sau cùng, trước khi từ bỏ cõi đời ! Trong quyển sách nhỏ "Bông Hồng Cài Áo" Thiển Sư Nhất Hạnh đã ví Mẹ là "chuối ba hương, là xôi nếp ngọt, đường mía lau", và nói đến Mẹ, là nói về "bầu trời, là mặt đất, là quê hương". Bởi, khi nhìn vào mắt Mẹ là thấy một dòng suối êm đềm xuôi chảy, được nắm vào lòng Mẹ là thấy cả một khung trời phẳng lặng yên vui !!!

Đã nói về Mẹ - Cái ấn tượng đầu tiên của mỗi chúng ta đều liên tưởng đến vườn rau, bãi mía, luống cà, hoặc những mái nhà tranh nấp mình dưới những rặng tre xanh mát; là con đường làng be bé xinh xinh; hoặc con suối nhỏ len mình theo ven sườn đồi thoải thoải. Xuôi dòng về nguồn, nơi xuất phát từ thưở mới khai Thiên.

Mẹ !

Tôi gọi Mẹ vạn lần trong niềm thương kính vô bờ, trong muôn nơi thương đau đoàn đoàn, trong khắc khoải mong chờ, trong cơn vắng lặng. Tôi gọi Mẹ, để được nghe lại tiếng Mẹ ngày nào, để được cái hạnh phúc, cùng Mẹ đi trên con đường quê nhỏ bé ngoằn ngoèo, để cùng Mẹ đến Chùa lễ Phật, và được Mẹ kể cho nghe gương hiếu tử Mục Kiến Liên. Chuyện được Mẹ kể bằng một âm thanh khoan thai trầm bổng. Chuyện rằng : "Thuở ấy, khi Thế Tôn còn tại thế, Mục Kiến Liên vốn là con một gia đình khá giả; nhưng Ngài đã rời bỏ gia đình, theo Phật, học đạo Bồ Đề. Đến ngày Ngài trở về, thì mẫu thân đã vắng số, vì quá nhớ thương Mẹ, Mục Kiến Liên tìm kiếm Mẹ khắp nơi. Vì Mẹ - Bà Thanh Đề - vốn tham lam, bủn xỉn, keo kiệt khi xưa; nay phải dọa dũa ngục làm thân nga quỷ; chịu bao cực hình tra tấn, cùng đói khát, khổ đau. Khi ấy, Mục Kiến Liên, liền vận thần thông, đem dâng cho Mẹ chén cơm - Nhưng; chưa đến miệng, đã hóa thành than đỏ. Quá xót thương Mục Kiến Liên khóc than và trở về xin cùng Phật, cứu độ cho Mẹ. Cảm tấm lòng hiếu tử - Phật dạy; Đến ngày Rằm tháng Bảy - là ngày Tự Tứ - Ngày mà Chư Thánh Chủng hoan hỷ, sau 3 tháng nhập hạ an cư, nhằm nương vào oai lực Chư Phật, giải thoát cho Mẹ. Chớ không một ai giải nỗi oan khiên kia. Dấu cho Mục Liên - Vì Đại đệ tử của Đức Phật, Ngài đã chứng được Lục Thông, một mình Ngài vẫn không cứu được Mẹ, phải nhờ vào thần lực các chư Tăng và lòng hiếu hạnh của Ngài. Bà Thanh Đề thoát khỏi địa ngục - Sanh Thiên !

Nhân đây, Thế Tôn đã dạy hàng Phật Tử, hãy lấy ngày đó - làm ngày báo hiếu cho Ông Bà, Cha Mẹ cùng những vong linh cô hồn tử sĩ, dấu còn hiện tiền hay đã khuất núi.

Vilé đó, là một người con Phật; ai trong mỗi chúng ta, đều ý

thức được rằng: Hiếu kính với từ Đường là hiếu kính với chư Tăng, bởi "Phụ Mẫu tại tiền như Phật tại thế" và trong muôn hạnh của kiếp nhân sinh thì "Hiếu vi vạn hạnh vi tiên". Thì cái hạnh hiếu là hạnh đứng đầu hết thảy. Nhưng, Mẹ ơi! Bất hạnh thay cho con; con Mẹ không có được niềm phúc một lần như Lão Lai; khi người ngoài bày chực; mặc áo mưa may, còn già đồ tể; cho Cha Mẹ cười. Con nào được như Thấy Tử Lộ đội gao nuôi Tử Thân, và nơi đây - nơi trại tù Pa Nat, đất nước của Tự Do này, con đâu là Mạnh Tử năm vạn khóc măng giữa đêm đông giá rét.

Mà để nay đây, mỗi độ Vu Lan về, trong con lại dâng lên một niềm tiếc nuối vô bờ. Mẹ ơi ! Giờ Mẹ nơi đâu? Con đây; mà Tử Thân nào thấy; Mẹ, ngày Mẹ ra đi, là ngày con vừa khôn lớn. Cánh chim non nào biết chỉ đến sóng gió cuộc đời. Ngày ấy, Mẹ còn năm đó; nhưng chẳng nói cười, mắt nhắm nghiền như muốn quên đi, những vui, buồn, hạnh phúc, đắng cay; hay những nhọc nhằn ngày cũ. Người bình yên đi vào cõi chết mù xa - để cho con Mẹ đứng chết lặng bên vành khăn trắng, cảm nghe nước mắt mặn môi; cùng ánh Mẹ nhập nhòa hương khói.

Con bỗng thấy, bầu trời trên đầu con dường như nặng hơn, đất dưới chân con có hồ sục sục. Con giờ tay chơi với búp lầy khoảng không trước mắt, như cố níu kéo, cố kiếm tìm hơi hướng Mẹ ngày nào.

Mẹ ơi ! Hoa hồng đỏ, từ nay hóa trắng; không có Mẹ, là "như hoa không có mặt trời như trẻ thơ không có nụ cười", có nghĩa là bầu trời xanh kia trong con không còn nữa. Chừ đây, con mới thấm thía, buồn tủi làm sao với hai chữ Mồ Côi :

*"Mồ Côi cực lắm bề trời,
Đói cơm không ai đỡ, lờ lờ
không ai khuyên"*

Hay đau thương hơn, là bài thơ trong quyển Bông Hồng Cài Áo - nói lên cái tâm trạng mất mát lớn lao của người, khi Từ Mẫu qua đời :

*Năm xưa Tôi còn nhỏ,
Mẹ tôi đã qua đời
Lần đầu tiên tôi hiểu,
Thân phận kẻ mồ côi,
....*

*Hoàng hôn phủ trên mô,
Chuông chùa nhe rơi rơi,
Tôi thấy tôi mất mẹ.
Mất cả một bầu trời !*

Thế là, kể từ ngày ấy, chúng tôi, mỗi đứa mỗi nơi, lạc loài tứ xứ, từ đi tìm về sống cho đời mình. Tôi đưa con phiêu bồng của Mẹ, xót xa khi biết mình không còn có Mẹ trên đời. Con Mẹ giờ đây

xa lia tổ ấm. Cái cơ hồi được ngã vào lòng Mẹ để được Mẹ yêu thương, để được tay ai dịu mát sờ vào trán - vào đầu - không còn nữa - Mà con Mẹ đây, vào đôi bàn tay trắng; bằng sức bắt tuổi thanh xuân, và bằng tình yêu của Mẹ. Mẹ ơi, nơi âm cung lạnh lẽo, chắc Mẹ sẽ đau lòng nhiều khi biết con Mẹ nổi trôi trên dòng đời khốn khổ, đang ngập chìm trong kiếp khổ ai nhân gian. Có đôi lúc, Mẹ ơi, cơ hồ con không còn gương nổi nữa; nhưng, chợt nhớ về Mẹ, về những lời Mẹ dạy, Mẹ chẳng từng bảo con "Hãy yêu người, như Mẹ đã yêu con", hoặc những khi nhớ về cặp mắt già nua, và những vết hằn trên khuôn mặt lo phiền theo năm tháng, khiến sức sống trong con vùng trời dậy. Con sống không chỉ cho con; mà phải sống cho Đời, và nhất là cho Mẹ của con!

Mẹ; Con của Mẹ, giờ đây không còn là chú chim non bé bỏng thuở nào, được Mẹ thương yêu bú mớm; cuộc sống truân chuyên khốn khổ, đã khiến cho con Mẹ khôn lớn, trưởng thành cùng với thời gian. Hơn bao giờ hết, con tựa vào lòng rằng: " - Con sẽ sống thật xứng đáng với niềm tin của Mẹ -

Mẹ ơi! Giờ Mẹ nơi nào trong cái không gian bao la vô tận? Mẹ có biết, con Mẹ giờ đây, đang cô đơn giữa dòng đời, như một vì sao giữa bầu trời đêm u tịch. Bởi con Mẹ đã phải trốn chạy một cuộc đời; một kiếp sống; một chế độ lăm than. Con đây - Và biết bao kẻ như con - đã đến được bến bờ Tự Do trong muôn vàn đau thương tủi nhục; trong mất mát chia lìa, trong đời khổ, đời đau - Con đã ra đi, để tìm sự Sống trong cái Chết - Tìm Tự Do trong tù đầy, và - Giờ đây con đang tiếp tục sống để trông chờ vào lòng nhân đạo của muôn vạn con người trên quả địa cầu này, rủ lòng thương cho một kiếp ty nạn!

Thưa Mẹ!

Những khi quá khổ đau, con thương nghĩ về Mẹ, nghĩ quá khứ, cái dĩ vãng với những kỷ niệm vui buồn êm đềm một thời nào đó xa xưa, để tự an ủi vỗ về. Hoặc những khi tuyệt vọng, thì tâm hồn con lại quay về cùng Mẹ, về vùng trời thương yêu "cho không đời lại" ấy, là con cảm thấy hạnh phúc. Cảm thấy món quà "Mẹ" muốn thuở kia, là vốn quý, là của hồi môn của bất kỳ ai sống ở trên đời.

Thưa Mẹ!

Cứ vào ngày này mỗi năm, con thường đến Chùa một mình. Đến để thắm ngấm trên áo ai đang cài một đóa hoa hồng - Với niềm ganh tị trẻ con. Đóa hoa "nhỏ nhỏ,

thật duyên" và cùng để cho ai đó "hạnh diện" vì "còn có Mẹ hiền". Hoa hồng đỏ thắm, biểu hiện cho tình yêu thương không phai nhạt theo thời gian, năm tháng.

"Con chú, cài hoa trắng,

Là cả hồn triu nặng,

Nước mắt nào nghe mặn,

Tim Mẹ biết giờ đau?

Mẹ ơi! Đóa hoa hồng trắng tinh khôi từ tay ai đó; là màu trắng tóc tang, của đau thương, chia lìa và bất hạnh. Cũng là màu của không gian nhưng không còn sinh khí cùng hơi thở yêu thương!

Mẹ! Ngày Thu đó Mẹ; ngày mà cái sắc nắng dịu dàng trải dài và loang rộng trên cỏ cây. Con nhớ về Mẹ bên hiên đời lạnh lẽo. Cũng vào một ngày, như buổi sớm ni, dáng Mẹ nghiêng gầy, bên luống cải hoa vàng. Một cơn gió nhẹ, thoảng lay động lá cành, và những giọt sương đêm từ từ tan vỡ. Con ngắm nhìn Mẹ, trong con dâng lên một niềm thương kính vô bờ. Mẹ cho con cả cuộc đời Mẹ, khi bầu trời trong mắt con ngày một xanh hơn,

Là khi tóc Mẹ, thêm nhiều sợi bạc"

Mẹ ơi! Dầu con Mẹ là gì đi nữa, thì con vẫn thật bé bỏng dưới mắt Mẹ biết bao!



Thưa Mẹ!

Những đóa con lưu lạc của Mẹ, giờ đây xa lắm - Xa đến nửa vùng trời đất và tận bên kia bờ Thái Bình Dương bao la. Nhưng con biết, con biết Mẹ của con vẫn trông chờ, và yêu thương con, một tình yêu không cạn nơi nguồn; Như thuở hoang sơ; khi trời đất hãy còn trong vùng tăm tối:

"...Mẹ đã thành hiện hiện như trời đất,

Như cuộc đời không thể thiếu trong con,

Nếu có đi một vòng quả đất tròn,

Thì người mong con đến mới mòn, cũng không ai ngoài Mẹ.

Mẹ ơi! Con đã nhìn thấy Mẹ! Hiện hiện - Bởi mẹ là cỏ cây - là hoa lá, là bầu trời, là tình

yêu, là sự Sống và cái chết - Cũng là dây phù sa bồi đắp cho đất mãi tốt tươi, cho búp non đâm chồi, cho cây xanh trở lá! Mẹ! Mẹ là kết tinh của tinh hoa dân tộc, là tiếng vọng ngàn đời của sông núi oai linh. Con nghe tiếng Mẹ hòa cùng tiếng hồn thiêng Tổ Quốc!

Mẹ! Trong cái bao la không cùng của vũ trụ. Trong cái đau riêng của người con mất Mẹ - Trong cái nhục chung của kẻ lưu vong. Con thắm nguyện cầu Mẹ - xin cho con thêm sức mạnh, thêm niềm tin, thêm ý chí trên đường đời. Cho con vững tin, nung chí nguyện cho "Chân cứng, đá mềm" ngõ hầu, cái ước vọng của Mẹ sớm thành hiện thực - Bởi lẽ, cái ước vọng của Mẹ là ước mơ đơn thuần giản dị, cái ước vọng thoát khỏi cuộc đời kiêu hãnh, áp bức, gông xiềng, đọa đày, nghèo đói và muôn vạn nỗi lo toan.

Thưa Mẹ!

Ngày mai đây, con sẽ về chốn cũ, để xin được một lần ngắm lại vùng trời hoang vắng năm xưa; nơi Mẹ đã nằm yên giữa miền đất lạnh, cùng năm mõ hùi quạnh chơ vơ trên một dãy đồi núi xa xa: Nơi ấy, nơi mà những loài cỏ dại và dây leo đang đan kín mộ phần; Chắc hẳn, con sẽ tìm được sự bình yên bên bia đá!

Mẹ thân yêu!

Hôm nay, một lần nữa, mùa Vu Lan lại về với tất cả chúng con, thì chính tại nơi đây khốn khổ, khổ đau nhất. Qua song cửa, con chợt nhìn ra khoảng trời xa xa lộng gió, thấy biết bao lá vàng rơi rụng, cuốn hút bay đi - Con bỗng bất gặp nụ cười hiền hòa của đấng Từ Phụ - đôi mắt Ngài dường như đang nhắc nhở con về Cuộc Đời, Tuổi Trẻ, Sự Già Nua, và cái Chết. Con cảm thấy nhẹ nhõm xiết bao, khi hết nhiệm vụ đạt được lẽ vô thương của vạn vật!

Thấp nén tâm hương, xin nguyện cầu cho Quê Hương sớm được thanh bình, cho con Mẹ - nói riêng - và những người con Việt ly hương - nói chung - Mau về bên Mẹ.

(Viết xong 14/7/1989)

BẦY CÁ RÒNG RÒNG

Phạm Thăng

Thấy giáo nhíp cây roi mây
xướng bàn, cả lớp ê a đọc:

Công cha như núi Thái sơn

*Nghĩa mẹ như nước trong nguồn
chảy ra,*

Một lòng thờ mẹ kính cha,

*Cho tròn chữ hiếu mới là đạo
con.*

Hơn 30 đứa học trò tuổi vừa lên 7,8 của lớp Tư B gần cố đọc, cốt ý cho tiếng của mình lớn hơn đứa ngồi bên cạnh, không biết có hiểu rõ bài học? riêng tôi thật tình tôi không biết mình đang đọc bài gì, vì lòng da dẫu còn nghĩ gì khác hơn sự nhàn. Tay khoanh để trên bàn, mắt nhìn thẳng về phía bảng đen, nhưng khi liếc thấy thấy giáo quay qua phía kia, tôi liếc mau ra cửa sổ, nơi có bụi chuối già hương tàu lá phe phẩy trong gió nhẹ buổi sáng. Bụi chuối giống chuối ở quê nhà tôi quá. Đột non in lên trời xanh che khuất một phần cụm mây trắng đang trôi lững lờ. Mây trôi về đâu? Về phía quê tôi?

Tôi đang học lớp Tư B trường Khương Hữu Phụng, bên kia cầu Thiêng Đức tại chợ Vĩnh Long. Tôi là cậu học trò mới tò te, nhập nội trú vừa được ba ngày, lòng nhớ nhà, nhớ má, nhớ em thất tha thất thèo, nên những tiếng công cha, nghĩa mẹ đọc bỏ bỏ theo bạn bè chỉ làm tôi nhớ má tôi hơn, chớ làm sao biết rõ nghĩa lý của bài.

Bỗng chú tùy phái bước vào nói gì với thầy. Tiếng đọc bài của học trò vẫn ồn ào. Thấy đập roi mây xướng bàn. Học trò ngưng bắt. Thấy nhìn thẳng tôi, nói:

- Thăng T. có người nhà tới thăm, cho phép trở ra phòng khách.

Không tin thấy nói với tôi, tôi còn đang bàng hoàng, thì thấy nói lại:

- Ủa sao còn ở đó? Cho phép trở ra gặp người nhà.

Lần này tôi mới sực tỉnh, trống ngực đập thình thình.

Trời ơi, từ nhỏ tới lớn, tôi mới sống xa nhà có 3 ngày mà cảm thấy lâu như mấy tháng. Đây là lần đầu tôi rời khỏi mái lá gia đình và vòng tay đùm bọc của mẹ, đang ngồi giữa cảnh xa lạ, thà hồn nhớ về thì "ai" lại kiểm đây? Tôi hồi hộp bước theo chú tùy phái không biết mình đang vui hay đang lo. Bao nhiêu cặp mắt thơ ngây nhìn theo tôi thêm muốn.

Từ lớp tư đến phòng khách chỉ có vài chục bước. Gần đến cửa, nhìn thoáng vào phòng, tôi thấy bóng chiếc áo dài đen và khăn bàn lông sọc đỏ của... má tôi. Má đang bồng em gái tôi đứng chờ.

Bà nhìn tôi chỉ nói được tiếng: con, rồi nghẹn ngào, mắt dò hoe. Tôi chết sùng. Còn mừng đột ngột làm tôi đứng khựng lại. Nước mắt chảy ướt gò má mà không hay. Miệng muốn kêu một tiếng "má" thật lớn mà sao không thành tiếng.

Chú tùy phái bước ra ngoài, má tôi kéo khăn chặm vội nước mắt, nhoen cười bước tới bên tôi, nắm tay kéo ngồi lên băng gỗ, miệng bệu bao:

- Ngồi xuống đây đi con. Con học ra sao con? Con có nhớ má không, con ăn cơm nhiều không, con...

Bà hỏi đủ thứ, tôi không kịp trả lời. Mà chắc má tôi cũng không cần tôi trả lời. Lòng bà lo lắng bao nhiêu thì hỏi hết ra bấy nhiêu, chớ tôi chỉ xa nhà từ sáng thứ hai đến ngày nay là ngày thứ tư: vừa có hai đêm và hai ngày rưỡi.

Tôi ngồi sát bên má. Đưa em gái trên tay bà được hai tuổi. Nó quơ quơ đôi tay nhỏ xíu nếm tóc. Tôi để yên, tận hưởng sự triu mến êm đềm của tình ruột thịt. Má tôi kéo tay nó:

- Đùng, đừng nắm tóc anh, rời xù đầu, thấy giáo rầy da.

Nghe nhắc tới thấy giáo, tôi bỗng nhớ mình là học trò, không

khách quen thuộc chuẩn bị đón đờ. Bà theo dõi con đờ chớ bà con đang đến đâu. Và lại, khi tôi đi, chắc trong mùng sẽ trông chớ, bà thấy thiếu thốn, cũng như tôi đang nắm chèo queo ở đây, đầu có hơi ấm của mẹ. Tôi cố nhắm mắt, tự nhủ:

"Hãy ráng học đi, chiều về nhà mà..." Và tôi thiếp đi vào giấc ngủ tuổi thơ.

Hình ảnh của má tôi chấp chớn in lên vách lá, tiếng tù và quen thuộc đã in sâu vào lòng tôi từ

còn... nhờ em nữa, nên vội ngồi xích ra. Má tôi chắc cũng cảm biết, bà nhìn hai bàn tay dính mực tím của tôi, cười:

- Mèn ơi, mực dính tèm lem, coi chừng quẹt vô áo, khó giặt nghen con. Còn quần áo đờ ai giặt cho con? Ở, ở lo gì, con gom lại, chiều thứ bảy về nhà, má giặt cho.

Bây giờ tôi mới lên tiếng:

- Hồng cần đầu má. Hế quần áo đờ, mỗi sáng để tại giường ngủ của mình, có người đem đi giặt phơi... con ở bãng-son-na mà (pensionnat: nội trú).

Tiếng bãng-son-na vừa thốt ra, tôi trở về thực tế, nước mắt lại trào ra.

Tôi đã là học sinh nội trú của trường Khương Hữu Phụng. Ngày thường ở luôn tại đây, chỉ được về nhà vào chiều thứ bảy, sáng thứ hai trở lại trường. Vì nhà tôi ở cách trường 10 cây số, có ghe đờ thuận tiện nên được về nhà mỗi tuần, chớ bao nhiêu bạn bè nhà xa đều phải chớ đến Tết hoặc bải trường mới được về.

Năm học vừa qua, tôi học lớp năm (thời bấy giờ lớp bắt đầu gọi là lớp năm hoặc lớp chót, ngày nay gọi lớp một) tại chợ Ngã Tư, Long Hồ. Tôi đã qua thời gian học xa nhà, nhưng tôi không buồn vì sáng đi, chiều về nhớ có chiếc đờ dọc của chú tôi đưa đón bà con trong làng ra buôn bán ở chợ Vãng. Nhiều người chỉ buôn bán thờ sản thu hoạch của vườn như buồng cau, quai chuối, hoặc vài ba mục măng Mạnh Tông, năm ba trái bầu da màu xanh ngọc thạch. Họ chỉ cần bán lấy số tiền nhỏ nhoi để mua lại dầu lửa, đường thè, đậu xanh, hoặc cái lược bé bé xinh xinh để cho đứa con gái tóc bôm bé khét nấng. Có cô gái quê thẹn thò đem mấy trái dừa khô gọt vỏ sạch sẽ ra chợ bán lấy tiền mua đôi guốc sơn đỏ vẽ hoa lá mà cô mơ ước từ lâu.

Nhờ những người bà con quê mùa thân thương đó, nên đờ của chú bảy tôi ngày nào cũng có khách đi, và tôi đã vui về làm học trò

tại chợ Ngã Tư suốt năm qua. Mỗi ngày chủ bày chèo dờ đến nhà tôi từ 3,4 giờ khuya, vì nhà ở gần nhà chủ nên tôi phải xuống dờ đầu tiên. Khuya nào chủ cũng lên công tôi tận nhà vì tôi còn say ngủ. Má tôi đã thức dậy từ hồi nào để vắt gói cơm dẻo vào mo nang với tép kho, cá mẩn. Bà xách cặp và túi cơm theo sau chủ bày đến tận chiếc dờ để yên lòng khi nhìn thấy chủ nhẹ nhàng đặt tôi nằm phía sau lái. Chỗ khoang này có chiếu gối do má tôi gói theo dờ. Tôi ngủ tiếp, cũng có lúc không ngủ được vì tiếng ồn ào chào hỏi của bà con đi chợ. Tiếng nước róc rách vỗ vào mạn thuyền, tiếng khuấy nước của hai cây chèo mỗi khi chủ bày nhấn mạnh tay đã làm tôi thao thức đến nỗi về má tôi giờ đang làm gì tại nhà khi thảng con đã xuống dờ đi học?

Có hôm tôi hỏi :

- Má ơi, hồi khuya khi con theo chủ bày rồi, má làm gì hả má? Má đi ngủ lại hả má?

Bà cười, cúi nhẹ lên đầu tôi mắng yêu :

- Thảng cha mà, thi ngủ lại chờ làm gì?

Tôi biết bà nói vậy chờ không ngủ lại. Chắc chắn sau khi tôi lên dờ xong xuôi bà trở lên nhà ngồi ăn trầu âm thầm trên bệ ván gỗ, nghe tiếng chó sủa, tiếng gà đua nhau gáy trong xóm... và chắc chắn má tôi đã lắng nghe tiếng tù và của chủ bày lâu lâu thổi lên vài tiếng để báo hiệu cho ngày thơ ấu. Tôi cứ ngỡ là sẽ sống với lòng yêu thương lolăng của mẹ, ai ngờ giờ đây tôi đang là học sinh nội trú ăn cơm thán của trường Khương Hữu Phụng. Tôi đã là học sinh trường tỉnh, biết tự lo liệu cho mình, biết mối sáng thức dậy, cuốn mùng, xếp mền, biết lấy cái thau bằng thiếc, lấy bàn chải, kem đánh răng để tự rửa mặt.

Tôi hỏi má tôi :

- Má đi đâu vậy má? Má đi lại đây bằng gì vậy má?

- Thì nhớ con, nên bữa nay đi chợ Vàng, ghé thăm rồi chiếu về với chủ bày.

Tôi đang cố quên thực tế của mình là kẻ sống xa nhà, thì má tôi lại nói đến tiếng về, đến chiếc dờ làm đôi mắt tôi cay xè. Tôi nhìn xuống đất. Má tôi cũng cố ngăn xúc động, cúi xuống lấy trong giỏ xách bốn đòn bánh tét đưa tôi nói :

- Con đem 4 đòn bánh về phòng để tới nếu đói bụng thì lấy ra ăn. Bánh tét nhưn chuối mà con thích đó. Má gói hôm qua.

Đến đây, tôi không giữ nước mắt được nữa, mặc cho nó trào ra. Mỗi cách xa ba ngày má tôi đã lo

lắng cho tôi rồi. Chắc bà bốn chôn nhớ con...

Tiếng trống báo hiệu giờ ra chơi. Bọn học trò thấp thò ngoài cửa, nhìn vào. Tôi cúi mau nước mắt sợ tui nó thấy. Má tôi nhìn tôi triu mến hỏi nhỏ : Con còn tiền xài hông?

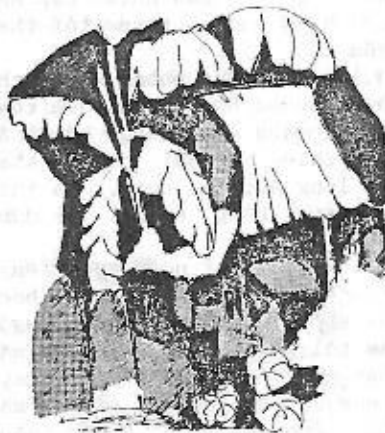
- Dạ còn. Má cho một cục, chú tám cho 6 xu, con mới xài có 5 xu. Má đừng lo, mỗi sáng nhà trường cho ăn cháo, đâu có tốn tiền.

- Vậy con xài gì hết 5 xu đó?

- Con ăn xôi vì. Mỗi chiều học trò được đi dạo quanh trường sau giờ ăn, con lại cầu sất, ở đó có bán xôi vị ngon lắm, một xu một miếng má à.

- Chết, chết, cầu sất Thiêng Đức đó hả? Cầu sất cao ghê. Con đứng lại gần con ới, rùi té xuống nước...

Bà chỉ nói tới đó, sắc mặt lo lắng từ hồng hào trở thành tái xanh. Tôi biết lời lôm bôm, bà sợ cho đứa con 7 tuổi, nên tôi nắm tay má, nói :



- Hồng có sao đâu má, mỗi lần đi dạo có anh lớn đi theo coi chừng má. Đứa nào leo lên cầu bị phạt 5 roi mây, má đừng lo. Suốt giờ thăm hôm đó, má tôi nhắc đi nhắc lại: nào là đừng đến bên cầu, ra đường coi chừng xe... Tôi không dám kể cho bà nghe đã hai buổi chiều xa nhà tôi đều có đứng gần cầu để nhìn một sông Long Hồ.

Buổi chiều nước lớn, sông Long Hồ nhận thêm nước từ sông Cửu Long chảy vào để trôi xuôi về phía trong xa, nơi có quê tôi. Dòng nước êm đềm mang theo những đé luc bình giang hồ. Tôi không như nhiều đứa bạn học trò nhỏ khác đang chỉ trò bầy cá dớp bọt nước, tôi đang tìm trong đám xuống xuôi ngược biết đâu sẽ gặp chiếc dờ của chủ bày tôi, hoặc vài người quen trong xóm đang bơi xuống về. Tôi hy vọng thấy họ để thấy nét quen thuộc của xóm tôi... cho người nổi nhớ nhà.

Tôi ngoan ngoãn ngồi nghe mà thương người mẹ quê của mình. Từ nhỏ má tôi chỉ ở nhà quê, lớn lên làm vợ ba tôi. Bà tôi là họa viên Công chánh nên phải đi các tỉnh miền Tây, thời kỳ đó đang mở mang phát triển vùng Hà Tiên, Châu Đốc, Rừng Tràm, nước cỏ không tốt, nên má tôi mỗi năm chỉ lên thăm ông vài tháng rồi về lại quê nhà dạy dỗ đàn con và chăm lo mấy mẫu đất hương hòa.

Bà sống êm đềm với bà con chòm xóm, chỉ biết giần bầu, dây bí, hương lúa, hương cau, chỉ sống với đĩa đèn dầu mù u đủ soi sáng gian nhà từ đường, chỉ được hưởng ánh sáng của đèn măng sông mỗi lần Tết đến hoặc ngày ba tôi về thăm, nên bà sợ ánh đèn điện giăng trên đường ở phố chợ, sợ những tiếng kèn xe hơi kêu bí bo, sợ cả những tiếng la : "ép vỏ, ép vỏ" của mấy bác xe lôi ba bánh.

Sau giờ thăm, má tôi ra về, tôi không còn bụng dạ nào học nữa, vô lớp đọc theo thấy như cái máy, rồi đến giờ cơm trưa hôm đó tôi không ăn được, một phần đang hồi vị má mới tới thăm, một phần vì buổi cơm hôm đó có canh khoai và cá cơm kho tiêu. Nhìn thấy cá cơm nhỏ xíu còn nguyên con nằm xấp lớp trên đĩa, tôi lại nhớ đến má tôi.

Một buổi sáng bà dẫn tôi ra ruộng để xúc cá ròng ròng. Mùa mưa, ruộng quê tôi nước lấp xấp, những loài cá đã đẻ trứng, nở con. Các nông dân thường raruộng xúc cá, hốt tép. Hôm nào gặp được một bầy cá ròng ròng là bầy cá lóc con vừa mới nở khoảng một tuần, thân nhỏ như đầu dưa lộn thành đoàn, một màu đỏ nâu, là họ mè lắm vì ăn rất ngon. Tôi thân cho đám cá này, vì còn nhỏ bé nên thường lội ruộng tựa vào nhau như một cái đĩa bàn lớn, rất dễ bị xúc trồn bầy.

Thời bấy giờ đâu có ai nghĩ đến chuyện nuôi dưỡng bầy cá chờ nó lớn lên, ai gặp là cứ xúc đem về luộc chín, cuốn với bánh tráng, đầu biết là mỗi miếng ăn như vậy là ăn cả mấy trăm con cá lóc tương lai.

Cũng như bà con khác, má tôi xúc cá bằng cái nia lớn, tay xách rổ quây, một loại rổ nhỏ. Tôi cầm cái chai lom xom theo sau, thăm mong má tôi xúc được cá bả trầu kỳ vì xanh đỏ để tôi bỏ vào đó, đem về chơi thể cho cá thia thia.

Từ xa, má tôi thấy mặt nước lay động như sủi bọt, bà ra dấu cho tôi đứng lại, im hơi. Bà nhenhàng bước tới... bước tới... rồi nhanh nhẹn lia cái nia xuống nước, xúc lên gần nguyên bầy cá lóc con chưa kinh nghiệm ra đời. Một vài

KHÓC MẸ

Vẫn biết đời là giả tạm
Vẫn biết đời là vô thường
Vẫn biết rằng chẳng nên khóc nên thương
Nhưng sao ta vẫn lệ vương hai hàng ?
Từ ta từ biệt xóm làng
Mẹ lâm trọng bệnh võ vàng tấm thân !
Ta đau lòng chẳng ở gần
Để săn sóc mẹ khi cần đến ta
Ngày đêm đau mẹ rên la
Con nghe mà đứt ruột ra từng hồi !
Ngày nay mẹ đã qua đời
Trả xong nghiệp nặng mẹ rời chân đi
Vui mừng cho mẹ chút chi
Mà lòng con lại sầu bi thế này ?!
Mẹ ơi, mẹ ơi, có hay
Con mồ côi mẹ từ đây mất rồi !
Còn chẳng ảnh mẹ đang ngồi
Trên bàn thờ mất bồi hồi nhìn con !
Mẹ ơi, biển cạn núi mòn
Tình yêu của mẹ vẫn còn y nguyên !
Dương gian âm phủ hai miền
Tuy xa con biết thường xuyên mẹ về !
Ru con những lúc canh khuya !
Nhẹ lau mắt lệ đêm đêm cho con !
Mẹ ơi, con vẫn " tí hon "
Dù đầu nửa trắng nửa còn hơi xanh !
Khăn tang mẹ quấn một vành
Thì anh hùng cũng chẳng anh hùng gì !
Mỗi lần xa mẹ xưa kia
Con thương nhớ khóc lâm ly cả tuần !
Huống hồ nay kẻ dương trần
Người âm thế cảnh bội phần xót xa !
A ơi, mẹ đứt ruột ra

Để con ở với người ta một mình !
A ơi, con ráng học hành
Công thành danh toại mẹ đành lòng đi !
A ơi, mẹ khổ cũng vì
Thương con mẹ sẵn sàng hy sinh mình !
Mẹ ơi, nước biển Thái Bình
Không bằng lệ mẹ vì tình thương con !
Vĩ con mẹ ngậm bồ hòn
Vĩ con mẹ chịu héo hon một đời !
Con chưa trả nửa phần mười
Mà nay mẹ đã ra người thiên thu !
Hỏi sau lòng chẳng sầu u ?
Chẳng thương tâm khóc đến mù cũng cam !
Mẹ ơi, con sẽ ráng làm
Sao hồn mẹ dưới suối vàng được vui !
Thơ xưa mẹ hát bài ngùi
Khi ru con ngủ muôn đời còn vang !
Rồi đây con bỏ khăn tang
Nhưng tâm con sẽ mãi mang trên đầu !
Mệnh mang đất thăm trời sâu
Từ đây sẽ chỉ một màu khăn tang !
Nhìn lên nghi ngút khói nhang
Hồn con muốn thoát theo làn mây hương !
Trần ai không mẹ biết nương
Vào đâu để thấy tình thương vững bền ?
Mẹ ơi, hồn mẹ linh thiêng
Cho con sớm được về bên ấy cùng !
Một mình lạnh lẽo âm cung
Ai hầu hạ mẹ cho lòng xót xa ?
Lệ nhòa lau hết lại nhòa
Sầu này khóc đến mù lòa chưa nguôi !
Mẹ ơi, mẹ ơi, mẹ ơi
Cho con theo mẹ về nơi ấy cùng !

VIỆT CHÍ NHÂN

con theo nước rút lại. Má tôi đưa cao cái nia khỏi mặt nước. Bà đang há hê, bỗng la lên :
- Ui da !

Nhìn xuống chỗ vừa bị đau nhói, bà thấy con cá lóc mẹ băng bắp tay đang giương kỳ sứa soạn phóng vào căn chơn bà lẫn nữa. Má tôi ngạc nhiên nhìn con cá phùng mang trong nước bùn. Bà sùng sốt vì mọi khi gặp bầy cá rờn rờn, người ta chỉ mong xúc gọn đám cá con, ít khi hy vọng bắt được cá mẹ vì nó bơi nhanh lúi lét. Vậy mà hôm nay con cá lóc mẹ không lội đi, lại còn phóng căn chơn bà...rồi chuẩn bị căn nữa.

Một giây do dự, má tôi hạ cái nia xuống nước, trút bầy cá rờn rờn cho chúng lội đi. Bà lấy tay khuấy nước dưới con cá mẹ, rồi bình thân bước lên bờ ruộng.

Tôi lo sợ hỏi :

- Sao vậy má? Có gì vậy má ?

- Hồng có gì đâu con...con cá lóc mẹ...

- Nó cắn má há ? Đau hông mà má sợ nó? Rồi sao má thả bầy cá rờn rờn ?

- Ồ, nó cắn có đau đâu, nhưng thôi... đi về con.

Hôm đó mấy mẹ con tôi, ăn cơm với ốc bu xào xả. Trong bữa cơm, tôi hỏi má tôi việc thả bầy cá hồi sáng, má tôi nói :

- Từ nay mẹ con mình đừng xúc cá rờn rờn nữa. Tôi nghiệp... con cá mẹ thương con, cố sức bảo vệ, mặc dù nó yếu. Nếu gặp anh trai trẻ nào có đem cái nôm theo, chắc chắn bị bắt chung với bầy con.

Bà mở miệng nói tiếp :

- Má thấy lòng thương con của nó to lớn quá, nó giống như người, cũng biết yêu thương đùm bọc con, tại sao mình bắt hết bầy con ? chắc nó đau khổ lắm. Từ đó ai đi xúc cá rờn rờn, mặc họ, má tôi thì không bao giờ.

Tình thương con của bà mẹ hiền chuyển đến tình thương loài vật, loài cá. Lòng má tôi bao la như vậy, sau này khi lớn lên đọc những bài : Công cha, nghĩa mẹ, và nghe những bài hát : Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình... tôi cũng cảm xúc, nhưng ít thôi, vì từ nhỏ tôi đã thấy lòng má tôi bao la rồi.

Tôi không so sánh lòng mẹ như biển Thái Bình mênh mông, tôi chỉ so sánh lòng mẹ tôi như con sông Long Hồ chảy ngang quê tôi. Dòng sông sáng lớn, chiếu rờn, âm thầm bù đắp phù sa, tưới mát ruộng đồng, nuôi sống dân quê chất phác, nuôi sống cỏ cây tốt tươi tứ thế hệ này qua thế hệ khác.

Dòng sông cứ làm nghĩa cứ không cần ai biết ơn, cũng như lòng các bà mẹ quê chất chịu tận tảo nuôi con, không mong ngày con khôn lớn trả ơn lại mình.

Tôi còn đâu bà mẹ hiền để đáp nghĩa đến ờ... ♦

NHỮNG NGÀY KHÔNG NHƯ MỌI NGÀY

Thiện Trang

Kính tặng 2 Chi Hội PTVNTN
Wiesbaden và Frankfurt.

Thương mến tặng tất cả Đạo Hữu
dự khóa Giáo lý Phật Pháp căn
bản Phật lịch 2533.

22.6.1989

Bà láng giềng người Đức đưa tôi ra nhà ga bằng xe của bà. Trời đã sáng hẳn, nắng bắt đầu lên, cái mát lạnh ban đêm chưa tan hết.

Tôi một mình xách hành lý, đứng đợi xe lửa đến. Sân ga sáng thứ năm này làm gợi nhớ biết bao! Tôi quên hẳn những buổi sáng vội vã đi làm, mà chỉ nhớ về kỷ niệm một thời xa lắm, thuở còn kẹp tóc, mơ mộng đủ thứ, mê thơ và chép thơ bằng mực tím trên sách vở học trò. Bài tả cảnh sân ga của tôi (bằng tiếng Pháp) năm tôi học năm thứ 4 Trung học, phần lớn lấy ý trong thơ của Nguyễn Bính:

"...
Có lần tôi thấy một người đi,
Chẳng biết về đâu, nghĩ ngợi gì,
Chân bước hững hờ theo bóng lè,
Một mình làm cả cuộc phân ly."

Giờ đây tôi cũng "một mình làm cả cuộc phân ly". Nhưng chân tôi bước không hững hờ và lòng tôi nôn nao khó tả. Tôi cảm thấy xách tay như nặng hơn. Ngoài quần áo, vật dụng cần thiết, tôi đem theo cả áo tràng, chuối, kính tụng niệm, giấy bút để ghi chép...

Tôi đến ga chính Frankfurt sau khi xe chạy hơn 3 giờ. Đợi một lúc lâu, tôi thơ thẩn đi lại giữa giòng người xuôi ngược. Ánh mắt tôi dừng lại ở một thanh niên cầm cờ Phật Giáo nhỏ, trang trọng bằng cả hai tay để trước ngực. Đạo hữu Lễ đó, còn trẻ, nhanh nhẹn và dễ thương chỉ lạ! Người đến sau tôi là Ni sư Diệu Tâm từ Hamburg. Ni sư với tôi theo người hướng dẫn nối tiếp đoạn đường còn lại. Người lái xe không phải Lễ. Lễ vẫn với dáng gầy gầy còn đứng chỗ ấy...

Jugendheim Oberreifenberg, nơi chúng tôi đến ăn học, ở "lưng chừng một ngọn đồi cao". Cảnh trí hai bên đường đẹp hơn tranh vẽ. Tôi thích ngắm cảnh thật hơn xem tranh. Vài hạt mưa rơi nhẹ trên kính xe, sương mù dày giăng mắc khắp cả. Càng gần đến nơi dốc càng cao.

Sau khi ghi danh nhập học, tôi lên phòng ngủ cất hành lý. Thi ra tôi là kẻ đến sau, trong phòng đã có chị Từ Diệu và Thiện Pháp. Hai người nói chuyện như bập rang. Tôi có tật đáng ghét không bỏ được: lạ chỗ là không ngủ được. Đêm nay nhất định là tôi sẽ qua một đêm thao thức.

Sau thời công phu sáng (6 giờ), dùng điểm tâm, học viên được chia công tác trong 3 ngày. Chương trình học được thông qua. Tài liệu học được phát trước. Có tới 4 bài để học thi: Bốn phần của người Phật Tử, Văn đề tâm thức và Thiện quán trong đạo Phật, Nghi lễ Phật giáo, Sơ lược lịch sử Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Chương trình học đã bị cắt xén các bài: Hệ thống tổ chức Phật Giáo Việt Nam, Bát Quan Trai Giới, Luân hồi trong đạo Phật. Với tôi, chương trình vẫn còn nặng, học cũng "căng" lắm đó.

Tuy thời gian có hạn hẹp, theo chương trình, Ni sư hướng dẫn, chúng tôi đi du lãm trong 1 giờ xem một lâu đài (hay đúng hơn là 1 cái Burg). Trên cao lộng gió, nhìn xuống, phong cảnh chung quanh đang vào hè thật nên thơ. "Phố nhòm" Lễ đứng phía dưới đường với cái Video-Kamera và máy ảnh, sẵn sàng thu hình... Tối hôm ấy, chúng tôi còn được xem phim Video về Thiện viện Thượng Chiếu ở Vũng Tàu, nơi Hòa Thượng Thích Thanh Từ hiện đang thượng trú. Trong những ngày Đại lễ Phật Đản, Vu Lan hay Tết Kỳ Ty vừa qua, rất đông đảo đồng bào Phật Tử đến lễ Phật và nghe thuyết pháp. Tôi chú ý nhiều nhất cách dạy tọa Thiền của Hòa Thượng. Phim dài, hình ảnh màu rất rõ, rất đẹp, thu lại phần

nào đời sống của quý Thầy tu học và lao động hằng ngày. Nhiều khúc đàn, điệu sáo, ca ngâm, câu hò của người ngoài đời, người trong Đạo dâng lên cúng dường Thiền sư. Màn nhạc cảnh "đặc sắc" mô tả một ngày lao động do quý Thầy "diễn xuất" tạo cho chúng tôi tiếng cười vui nhất...

Một ngày học tu. Tại sao không? Tôi ghi tên Thọ Bát Quan Trai từ 9 giờ 24.6 đến 9 giờ 25.6.89. Giờ quá đường (11-12 giờ) rất trang nghiêm. Chỉ Từ Diệu cũng là thủ khoa của khóa chúng tôi dặn trước: "Khi ăn, mình phải nhìn Thầy, Thầy làm gì mình làm theo. Thầy ăn nhanh lắm". Chị còn kể: "Trong lần Thọ Bát Quan Trai trước có một em ăn chậm. Thấy mọi người ăn xong, em nuốt vội nuốt vàng. Tội để sự". Riêng tôi, ngồi đây mà hờn để ở đâu. "Tâm" tôi trong giây phút ấy không "tinh". Khi tất cả ăn xong, Thầy Thượng Tọa chưa bắt đầu niệm, tôi đã uống hết chút nước suối trong chén. Tôi giặt mình, "thú tội" với chị Từ Diệu ngồi bên cạnh. Chị la nhỏ, dù tôi nghe: "Trời Đất!". Tôi rót thêm nước trà vào chén mình...

Sở học viên chính thức gần 30 người. Một số đạo hữu đã học xong khóa trước hay không có thì giờ học đây dù như chúng tôi cũng đến dự thính, xin Thọ Bát Quan Trai như Yến ở München hay anh Lộc ở Stuttgart... Trong khóa chúng tôi, người nhiều tuổi nhất là bà cụ 82 tuổi, ít nhất là một em gái 14 tuổi.

Trước đây, sự hiểu biết của tôi về Phật giáo rất giới hạn. Nghe thuyết pháp vài lần, đọc sách báo thì có khác gì như "cõng ngựa xem hoa". Học đạo rất khó vì ngoài học để hiểu biết, còn để thực hành. Những ngày học giáo lý này đã tạo nhiều thuận duyên cho tôi. Thế nên trước ngày lễ mãn khóa, tôi quyết định xin thọ giới quy y với Thầy Thượng Tọa, như là một việc phải đến, như cây trong vườn được chăm sóc đến lúc đơm bông kết trái... Mấy năm gần đây, nhiều lần tôi thoáng có ý định xin Quy Y Tam Bảo. Tôi về ra trong trí mình một vị Thầy đáng kính như Hòa Thượng Thích Thiện Định. Thấy tôi phải già già một chút. Người tu nhiều năm, ít ai bị "ma đưa lối, quỷ dẫn đường". Bây giờ, Thầy tôi, Thượng Tọa Thích Như Điển đó, nay chưa già nhưng nhất định người sẽ đi trọn con đường còn lại để đui dắt chúng tôi. Tôi thăm nghĩ như vậy và cảm thấy an tâm.

Tôi học thuộc cách đánh chuông, gõ mõ như thuộc một công thức toán hay vật lý(!). Tôi tập

nhiều lần, "đợt" đi "đợt" lại vài lần nhưng vẫn chưa "nhuyễn". Ba ngày tu học trôi qua. Không khí cái buổi học rất trang nghiêm và thật vui, dù học với Thầy Thượng Tọa hay với Ni sư. Lúc Thầy trò chúng tôi cười băng thích là lúc thực hành chuông mõ và chẫm thi... Đạo hữu Lâm ở Frankfurt, người tôi mới quen trong lần đi biểu tình ở Genève ngày 13 và 14.6.89, mang hộ tôi xách tay. Hành trang trong cuộc đời còn lại của tôi thật sự nặng hơn vì có thêm hai tờ chứng chỉ Quy Y Tam Bảo và Tu học. Người bạn đời của tôi đã chu đáo mua sẵn cho tôi vé khứ hồi. Tôi thư thả bước lên xe, Lâm vẫn theo sau tôi và vào cả trong toa.14 giờ 51, xe lửa tại ga chính Frankfurt sẽ mang trả tôi về tỉnh nhà tôi ở. Nắng vàng dù ấm, không gay gắt. Trời trong xanh có ít mây trắng. Đồi núi xa xa khuất dần. Thành phố Frankfurt lùi lại phía sau. Tâm hồn tôi thanh thản, nhẹ nhàng như không vướng chút bụi trần... ♦

Cáo Lối

Như mọi khi, vì số trang báo Viên Giác có giới hạn, trong khi đó bài vở quá phong phú nên Viên Giác đành gác lại một số bài. Các bài này sẽ được tiếp tục đi trong những số sau. Kính mong quý Văn, Thi hữu và độc giả niệm tình hỷ thư.
Xin chân thành cảm tạ.

Tòa Soạn

THÔNG BÁO

Cúng dường định kỳ xây Chùa VIÊN GIÁC, kính xin Quý vị đến nhà Bank của Quý vị làm đơn chuyển tịnh tài theo lối:

DAUERAUFTRAG

vào trường mục của Chùa như sau:

Congregation der Vereinigten
Vietn. Buddh. Kirche e.V.
Deutsche Bank Hannover
Bankleitzahl: 250 700 70
Konto-Nr.: 8657470 01

Xin cảm tạ Quý vị.

Chùa VIÊN GIÁC -Hannover.

TRÁI TIM CỦA MẸ THÍCH HẠNH TUẤN

(Dành riêng cho tất cả các em Oanh vũ
GDPT nhân mùa báo hiếu P.L. 2533)

Ôi! ngọt ngào - Vô biên là tình yêu của Mẹ !

Mẹ yêu ơi! con rất hạnh diện về Người.

Con hiểu Mẹ trong ý niệm tuyệt vời

Mẹ nhìn con bằng tương đồng suy tưởng

Mẹ cho con những nhiệm màu từ siêu thanh
trong âm hưởng

Mẹ duy nhất trên vũ trụ tình thương

Con sẽ mất - nếu trong vườn tình không còn
Mẹ.

Con cần người

Như sự sống người đã cần con.

Không có Mẹ - con xa cõi thiên đường

Và thiếu con Mẹ không còn gì để đứng

Con cầu nguyện cùng mười phương thương
chứng

(Hỡi) Đấng tối cao linh nghiệm vô cùng.

Hãy giúp con đừng cho Người bước

Con nguyện cùng Người đi hết quãng đường xa

Với thời gian vô tận khoáng không là

Con sẽ cùng Mẹ trong một tháp ngà yên nghỉ

Khi con đời

Thức ăn và dưỡng khí

Lúc con buồn

Kẹo bánh ngọt tình thơ

Mẹ có ngay trong những phút đợi chờ

Và mang trọn những gì con cần đến

Con của Mẹ - Đưa con nhiều hương luyến

Được an toàn trọn vẹn trong niềm vui

Con không khóc trước ảo ảnh cuộc đời

Con an lạc bên nụ cười của Mẹ

Và lúc ấy thiên đường đang mở hé

Mẹ yêu ơi !

Con đang cần hơi ấm của Mẹ mang

Áo tình thương

Nón

Đép

Khởi cơ hàn.

Cho con hết những điều con mơ ước.

Mẹ đang ngược về trời cao thiêu đốt

Làm bóng cây che mát khoáng đời con.

Mẹ đang tay đón lấy mọi mưa ngàn

Để con được đắm mình trong yên tĩnh

Mẹ có thể chết - nhưng con không bao giờ hết

Hỡi con yêu bé bỏng của Mẹ đâu

Đây vòng tay

Hãy nắm lấy - trong suốt những nhịp cầu

Rời hãy nhớ - vì con mà Mẹ bước.

Con phải sống thành thời và an hưởng

Hỡi con trai yêu quý của Mẹ ơi

Con là tình thương - là tươi mát của cuộc đời

Không lừa Mẹ - đừng rời xa tổ ấm.

Đừng để Mẹ một mình trong hoang vắng

Mẹ mỏi con - mỏi con - trong tiếng gọi ngọt
ngào

Trong vòng tay - trong một điểm cận lên cao

Con nghe rõ tiếng yêu thương từ trong lòng
ngực

Đang rộn rã gọi tên con bằng những từ khúc

Đừng đi xa - đừng ra khỏi lòng ta

Những biển nguy đang vây sẵn quanh nhà

Con bé nhỏ không cách gì chống trả

Ta và con - sẽ đi tận cùng mọi ngã

Trong đôi tay với êm ả vỗ vàn

Con được chở che

Bảo vệ - an toàn

Con có biết

Con chính là tất cả

Là mặt trời đang chiếu sáng tình ta

MÊ HỒN CA

NHỮNG VÂN THƠ NĂM TRƯỚC

Lời nói im, ta nằm chờ siêu thoát,
Mơ Hoàng Thành đứng lại bàn thanh âm.
Mười ngón tay nhung
Mở cửa để cầm,
Ôi kiến trúc một chiêm bao thần bí !
Ta lạc hồn giữa lâu đài kỳ dị,
Suốt muôn đời không hiểu dãy hành lang.
Dưới hiên tây từng thế kỷ điêu tàn.
Gạch ngói cũ nghe hoa thềm rụng cánh.
Ngày tẻ tái đợi luân hồi về cạnh,
Giữa ân tình đứng lặng tượng giai nhân,
Dáng thiên thu kêu gọi một đêm tàn.
Lạc âm cung, ngân ngơ hồn lệ quý,
Ta nằm trong di tích cuộc tang thương.
Khóc thâu đêm cho thấy lại thiên đường
Thừa hưng phục - Ôi ! cõi lòng hoang phế !
Hồn hời hồn ! xưa chết chìm dưới bể,
Hãy vùng lên, cười một tiếng bi ai.
Máu ta say không chảy thoát hình hài,
Hàng kinh động chốn ăn nằm vĩnh viễn.
Trăng huyết dụ xuống bên đài kỷ niệm,
Lầu gác xưa nghiêng bóng lấp thời gian.
Biết chăng ai ? trong giấc ngủ hoang tàn,
Hồn gỗ đá nặng nề vừa tỉnh giấc.
Cuối trời loạn, thương một vùng sao mọc,
Ta hát lên, chân nhịp bước thần kỳ.
Trở về đây xơ xác mảnh tàn y,
Giữa hoang địa hiện hồn tòa u ngục.
Bùng mắt dậy lửa hồi sinh đỏ rực,
Thịt xương về trong cổ mộ xông xao.
Hỏa thiêu rồi ! làn tử khí lên cao,
Chiều tái tạo băng khuâng từng ngọn cỏ.
Hoa thanh quý nở bừng trong diêm sử,
Thiên tiên dâu ! về tắm nước sông đào.
Ta nghiêng mình làm một trái non cao
Và nghe tan vỡ
Tâm tình trăng sao . . .
Chiều mù sương lẩn trong tiền kiếp lạ,
Mỗi năm tàn ước vọng một bông hoa.
Diệu Hương em !
Trăng xuân rụng, nguyệt thu già,
Đầy thể chất lạc loài đi nức nở.

Ôi hư vô ! đừng gọi lòng ta nữa,
Ta phá tan hư ảnh, lại điên cuồng.
Mộng hoàng vương dâu ? hỡi mộng hoàng vương !

Đêm phàn trác đầy chiêm bao lưu huyết.
Ta đang nghe Thành Lạc Hồn kiến thiết.
Phất tay áo, tìm bắt hương Hồ Điệp,
Ta thoát hồn về nhập xác em xưa.
Trong giấc mộng hai lần giai nhân đẹp,
Cùng một đêm biển ào trăng xuân thu.
Đây bài hát đã đi qua tiền kiếp,
Giữa tơ đàn xao động cánh hư vô.
Ta chung khóc cuộc điêu tàn Nhũ Điện,
Bán ca trường đứng lại mái trời tây.
Trong đông tổ, hồn ly dân cầu nguyện,
Nhạc bình sa theo gió tới chân mây.
Thử cô độc, hồ trầm tư nổi sóng,
Gọi hồn ta về núi Vọng Phu xa.
Lời Thần Nữ mê điên ngoài cửa động
Đêm áo kỳ bay lạc tiếng thiên nga,
Ôi ! vũ trụ muôn đời thoi thóp sống,
Ta gục quỳ bên những bàn cầm ca
Buổi chiều đến, sầu lên Kim Tự Tháp,
Bóng ta đi hoài cảm góc trời này.
Từ cố đô, hồn lạc xí về đây,
Bao hải cốt nổi trôi bờ biển khác.
Thủy triều xuống, hiện lên tòa Văn Các,
Chúng ta cùng sống lại - Phế Vương ôi !
Ngủ một giấc, đời nhuộm màu kim cổ,
Ta mỉm cười 'nên thế sự suy vong
Mau vùng lên giữ lại Thái Dương hồng;
Trời lâm nạn, thôi ! hành tinh tan vỡ !
Hồn lệ sầu ơi !
Đâu những vùng trời
Không làm thương nhớ ?
Ta dân lối về đây đoàn ca vũ,
Tự hồn mùa địa ngục vắng âm thanh,
Chúng ta khóc như một bầy thú dữ,
Lòng đã man nghe trái đất tan tành.

ĐÌNH HÙNG.

LTS: Đình Hùng là tên thật. Ngoài ra ông còn có các bút hiệu Hoài Diệp Thứ Lang khi viết truyện dã sử hoặc Thần Đấng khi làm thơ trào phúng.

1920 : Chào đời tại làng Trung Phụng, vùng ngoại ô Hà Nội.

Trình độ văn hóa : Cựu học sinh trường Bưởi Hà Nội, tốt nghiệp bằng Cao Đẳng tiểu học thời Pháp thuộc (Diplôme d'Études primaires supérieures).

1943 : Tác phẩm văn xuôi đầu tay Đám Ma Tôi do Tân Việt xuất bản và sáng tác thơ đăng trên tạp chí Hà Nội tân văn của Vũ Ngọc Phan, Giai Phẩm Đời Nay của Tự Lực văn đoàn.

1945 : Thành lập Thi phái Tượng Trưng cùng với các bạn trẻ Trần Dần, Trần Mai Châu, Vũ Hoàng Dịch, Vương Thanh và xuất bản Giai Phẩm Dạ Đài.

1946 : Di tản theo báo Cứu Quốc ra chiến khu.

1948 : Lập gia đình và dạy học tại

tỉnh Thái Bình.

1949 : Hối cư về Hà Nội.

1952 : Ấn hành giai phẩm Kinh Đô Văn Nghệ.

1954 : Thi tập Mê Hồn Ca do Đông phương xuất bản.

8/1954 : Di cư vào Sài Gòn, chủ trương nhật báo Tự Do.

1955 : Báo Tự Do đình bản, phụ trách mục Tao Đàn của đài Phát thanh Saigon cho đến lúc nhắm mắt, làm say mê thính giả qua các giọng ngâm Hồ Điệp, Hoàng Thư, Tô Kiêu Ngân v.v...

1961 : Cho ra đời thi tập "Đường Vào Tình Sử" được giải thưởng Văn Chương Toàn Quốc về Thi Ca năm 1962.

1967 : Chủ trương tuần báo thi ca "Tao Đàn Thi Nhân", số ra mắt ngày 8.5.67. Và ra đến số 2 thì ông mất ngày 24.8.67 tại Saigon vì bệnh ung thư ruột, hưởng dương 47 tuổi.

Các tác phẩm chưa xuất bản : Tiếng

ca bộ lạc (thơ), Lạc lối trần gian (kịch thơ), Phan Thanh Giản (kịch thơ), Cảnh Tay hào kiệt (kịch thơ), Tiếng ca đầu súng (hồi ký), Dạ lan hương (văn), Sử giả (tùy bút), Văn diệu giao tình (cảo luận).
Viên Giác xin đăng tải sau đây bài thơ Mê Hồn Ca, tiêu biểu cho khuynh hướng Tượng Trưng của ông, mang âm hưởng của triết lý và dấu ấn của nhân sinh quan Phật Giáo.

Cảo Lối

Mấy lúc gần đây, vì lu bu công chuyện và tình trạng sức khỏe yếu kém, NLV xin thành thật cáo lỗi các Thi hữu bốn phương và quý độc giả xa gần. NLV cũng đã nhận được sáng tác của các Thi hữu: TH.Tuấn, T.Nguyên, Đ. Cao, T.Anh, T.N.Cầu, B.Tiên, H.Khê, N.S.Long, B.Lan. Xin cảm ơn quý vị và hẹn tái ngộ vào số 53 tới đây.

KHỐC MẸ

TÂM HOAN

Thưa mẹ kính thương,
 Nhớ kỷ niệm ngày giỗ mẹ,
 con quỳ lạy Phật cầu siêu cho
 mẹ; cầu xin Đức Phật nhủ lòng
 thương xót diu dắt Hương linh
 mẹ được vắng-sanh-an-vui nơi
 nước Phật A Di Đà, vì mẹ đã nửa
 đời ăn chay niệm Phật-tin-nghe-
 theo giáo lý của Đấng cha lành.
 Là 1 Phật tử thuần thành không
 biết chữ mà Kinh Di-Đà-Phổ-Môn
 mẹ tụng thuộc lâu lâu. Hằng đêm
 mẹ ngồi niệm Phật với xâu chuỗi
 trên tay. Con nhìn thấy mẹ qua
 hình ảnh từ-bi-đạo-đức tượng
 trưng cho Đạo giải thoát sanh-
 tử luân hồi. Ôi! Cao cả thay!
 Huyền diệu thay! Năm 86 người
 con Phật đã nhắm mắt ngủ yên
 với xâu chuỗi trên tay, sau 1
 thời niệm Phật "công cứ" chót.
 Nhận được tin mẹ mất 1 cách êm
 đềm thanh thoát, con ở xa tuy
 buồn nhưng lại tin tưởng linh
 hồn mẹ đã được về trên nước
 Phật. Mẹ đã giải thoát khỏi
 cảnh đời ô trước đây khổ đau
 của kiếp con người.
 Con nhớ lại năm cha con mất,
 tuổi mẹ vừa đúng 40, mẹ vẫn 1
 lòng ở vậy thờ chồng, nuôi con.
 Mẹ là 1 góa phụ đảm đang gương
 mẫu hiền lành đạo đức. Mẹ đã hy
 sinh suốt cuộc đời của mẹ; nuôi
 dạy các con khôn lớn thành tài;
 dạy con nên người hiểu biết đạo
 lý Thánh Hiền; khuyến dạy con
 dù ở đâu, dù sống trong hoàn
 cảnh nào cũng phải nhớ mình là
 người con Phật; dạy con sống và
 thực hành đúng theo truyền thống
 con nhà Phật tử, phải luôn luôn
 kính trọng nhớ ơn 3 ngôi Tam
 Bào. Ôi! Cao quý thay! Lời mẹ
 hiền còn vang vọng bên tai, con
 nhớ mãi và ghi nhớ mãi những
 lời mẹ dạy. Công ơn của mẹ sanh
 thành dưỡng dục to lớn như núi
 sông, chúng con chưa được đáp
 đền thì nay mẹ đã hóa ra người
 thiên cổ. Con đau lòng oán hận
 vì ai? mà mẹ phải xa con, con
 phải xa mẹ? Ngày mẹ mất chúng
 con không được gần bên mẹ, hôn
 mẹ và tiễn đưa mẹ đến nơi an
 nghỉ cuối cùng. Đau lòng, con

lắm mẹ ơi!
 Nếu không có biến cố 75 xảy ra
 đột ngột thì chúng con đời nào
 bỏ mẹ ra đi, và không kịp về
 miền Trung từ giã mẹ! Những
 tưởng rồi đây con sẽ về thăm mẹ
 trong ngày quang phục quê hương,
 con sẽ quỳ bên gối mẹ, lay mẹ
 tha cho con tội bất hiếu. Khi
 mẹ già không kể-cận-hậu-hạ-
 chăm-nom-sân-sóc mẹ, để cho mẹ
 đêm trông ngời nhớ con cháu
 mà âu sầu áo não. Con có ngờ
 đâu một lần ra đi là một lần
 vĩnh biệt mẹ già! mẹ, mẹ yêu
 ơi! Con thương mẹ quá! Con nhớ
 mẹ lắm! Con nhớ nụ cười hiền
 hòa của mẹ ngồi nhai trấu kể
 chuyện đời xưa cho con cháu
 nghe. Các cháu thích thú khi
 nghe bà kể chuyện, cười rộ lên
 vui vẻ. Những kỷ niệm êm đềm ấy
 cùng ấy nay đâu còn nữa mẹ ơi.
 Con oán và căm thù bọn người
 phi nhân giả dối đem chủ nghĩa
 Cộng Sản hành hạ đày đọa con
 người. Vì không chịu nổi chế độ
 bạo tàn của bọn Cộng Sản vô
 thần, chúng con đành xa mẹ ra
 đi. Nơi xử người con hằng thương
 nhớ mẹ. Mắt con luôn hướng về
 miền Trung quê-hương-yêu-dấu-
 nơi chôn nhau cắt rốn, còn 1 bà
 mẹ già chờ đợi ngày con trở về.
 Nhưng mẹ ơi! Con làm sao về được
 khi lũ quỷ đỏ còn có mặt ở quê
 hương ta, đang hành hạ người
 dân miền nam vô tội; nên con
 đành cam chịu tội bất hiếu với
 mẹ. Mẹ, mẹ tha tội cho con nha
 mẹ! Giờ đây con tin tưởng linh
 hồn mẹ đã an vui trên nước Phật
 nhiệm màu. Mẹ xứng đáng là người
 đệ tử Phật, suốt 1 đời Thờ-
 lạy Phật-Kính Phật-Trọng-Tăng-
 chịu đựng gian lao cùng quý
 Thầy trong cơn pháp nạn, bảo vệ
 công quả khi chùa bị bao vây.
 Con nhớ không có cuộc tuyệt
 thực nào mà không có mặt mẹ,
 đồng cam chịu khổ cùng chùa khi
 bạo quyền ra tay đàn áp Phật
 Giáo.
 Ngày nay mẹ đã nằm yên trong
 lòng đất quê nhà. Chúng con
 vui mừng hãnh diện nhìn qua

LTS: Nhân Mùa Vu Lan Báo Hiếu,
 VG xin giới thiệu đến quý độc
 giả những cảm xúc tốt cùng của
 bác Tâm Hoan - một cụ bà đã
 ngoài 70, vẫn chân tâm hồi hướng
 công đức của mẹ qua bài "Khốc
 Mẹ" để tưởng nhớ công ơn sinh
 thành dưỡng dục, một đời tận tụy
 hy sinh của mẹ dành cho các con
 và bài Hồi tưởng về Mẹ của Châu
 Báo Chương.

tùng tấm ảnh đám tang có hăng
 mấy chục vị Tăng Ni, mấy trăm
 Phật tử đưa tiễn mẹ đến nơi an
 nghỉ cuối cùng. Áo vàng, áo lam
 đầy cả 1 đoạn đường, chúng tò
 tấm lòng ưu ái trong tình thương
 của quý vị Tăng Ni và gia đình
 Phật tử. Ai cũng khen là mẹ có
 phúc, thời buổi này mà đám đưa
 rất đông đảo và trang nghiêm vô
 cùng trong thế. Con xin thành
 tâm đánh lễ tạ ơn Phật, đánh lễ
 chư tôn Hòa Thượng, Đại Đức, Tăng
 Ni cùng anh em gia đình Phật tử
 và quý bác đạo hữu xa gần tấm
 lòng biết ơn trong muôn một của
 gia đình chúng con.
 Và tâm thành cầu chúc hương
 linh của mẹ luôn được an vui
 nơi miền cực lạc.
 Nam Mô A Di Đà Phật
 Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế
 Giới Đại Từ Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo
 Sư A Di Đà Phật.
 Nam Mô Đại Bi Quan Thế Âm Bồ
 Tát.
 Nam Mô Đại Thế Chí Bồ Tát.
 Nam Mô Địa Tạng Vương Bồ Tát.
 Nam Mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng
 Bồ Tát.

Kính dâng hương linh từ
 mẫu pháp danh Chơn Thơ
 Con bất hiếu

- Bà Châu Báo Chương/Bayreuth:
 Tòa Soạn chân thành cảm ơn lòng
 hảo tâm của bà đã ủng hộ số
 tiền nhuần bút tượng trưng 50DM
 vào quỹ xây chùa Viên Giác. Để
 thích hợp với nội dung của bài
 đoán văn, Tòa Soạn xin được phép
 đổi lại tựa đề. Mong bà hoan hỷ
 cho. Xin gửi sáng tác mới. Thân
 (PV).

- Cô Lê Thị Thanh Trang

(Nordhorn):

"Tuổi học trò" đã đến với Viên
 Giác và sẽ cho đi trong số tới.
 Mong nhận được những sáng tác
 mới về những sinh hoạt trong
 cuộc sống hiện tại và những kỷ
 niệm một thời quá vắng nghìn
 đời không quên trên quê hương
 yêu dấu. Thân (PV)

HỒI TƯỞNG VỀ MẸ

CHÂU BẢO CHƯƠNG

Kính dâng Từ Mẫu

Mẹ kính thương của con, có bao nhiêu mỹ từ ca ngợi về tình mẹ đã được các văn hào, thi sĩ thêu hoa dệt gấm. Con không phải là nhà văn, thi sĩ nên ghi lại những giòng tâm niệm nhân ngày đại lễ Vu Lan để hồi nhớ lại công ơn sanh thành dưỡng dục như cù lao, như bể cá của mẹ.

Ngày xa mẹ, rời bỏ quê hương, con mang tâm trạng chìm con lạc mẹ. Hơn 30 năm làm người con chưa hề rời xa mẹ mặc dù con đã yên bề gia thất. Mẹ luôn luôn bên cạnh con, ban trái tràn đầy tình thương và răn dạy dù điếu đạo lý. Giờ này nơi xứ lạ, quê người những bài học quý giá đó, những cung cách xử thế mà con đang áp dụng càng làm con nhớ mẹ thiết tha hơn...

Mẹ kính yêu ơi, con làm sao quên được mẹ đã sống cảnh góa bụa cô đơn nuôi đàn con côi cút, hai buổi tảo tần. Tiếng rao xôi buổi sáng, tiếng rao chè buổi xế hòa nhịp theo bước chân lúc đi, lúc chạy, ngày lại ngày đôi vai luôn trĩu nặng. Năm tháng mài chắt chõng. Con làm sao quên được chén nước đường sền sệt, vàng ươm, ngọt ngào sóng sánh, pha lẫn với nước cốt dừa màu trắng đục béo ngậy mà mẹ đã múc dè xèn trong lúc bán rao dành để làm quà cho con saubưởi chợ tan. Con còn nhớ, con đã ngày thơ hỏi mẹ :

- Mẹ ơi, sao chưa bao giờ con được mẹ cho con ăn nguyên một viên xiêu nước, mà con chỉ được húp nước đường thôi vậy mẹ? Mẹ đã quay nhanh đi để che bớt nỗi xót xa nhưng cũng không ngăn kịp dòng nước mắt đang nằn chày trên đôi má hóp. Dù cổ dè nén, giọng mẹ vẫn nghẹn ngào xoa đầu con, giải thích :

- Con ơi, ngần ấy nước đường mẹ đã phải dè xèn trong lúc múc bán

để con có thêm chút mùi vị ngọt ngào, nếu cho con ăn một viên xiêu nước thì mẹ phải bớt đi một đồng lời và sẽ thiếu tiền chi dùng trong ngày!

Dù tuổi vẫn còn thơ nhưng con đã hiểu, để rời từ đó con không thêm ước ao viên xiêu nước nữa. Mỗi lần được húp chén nước đường, con lại thấy mùi vị ngọt ngào hơn thơm ngon hơn, béo ngậy hơn mà không hiểu tại sao. Đến lúc lớn khôn nhớ lại kỷ niệm cũ con mới chợt hiểu ra, nó ngọt, ngon, béo ngậy hơn bởi nó đã ướp đầy tình thương của mẹ.

Con cũng không làm sao quên được tiếng chuông mõ đều đặn, êm vang, từng câu kinh trong phẩm phở môn mà mẹ đã trì tụng mỗi tối. Cũng đã hơn 30 năm mẹ trường chay khổ hạnh, tho giới bỏ tất tại gia, chỉ mong được tròn hạnh nguyện "Quốc thời dân an, các con khôn lớn, trưởng thành, đạo tâm khai mở". Ôi lòng mẹ bao la, ôi tình mẹ cao vời vợi !

Mẹ thêm tuổi để già, các con thêm tuổi để lớn khôn. Bấy chim con đã đủ lông đủ cánh, bay muôn phương vạn hướng, bỏ mẹ già trở trời trên quê hương diều tàn đờ nát. Mẹ đã hy sinh suốt cuộc đời để nuôi dạy các con khôn lớn, thành nhân. Mẹ cũng đã ở lại trên quê hương yêu dấu, làm viên gạch lát cho đường các con thành thang rộng bước !

Mẹ kính yêu ơi, ở đây trên xứ người, hàng ngày, mỗi sáng sớm thức dậy, việc đầu tiên con làm trong ngày đó là noi gương mẹ, con thấp sáng đèn bàn thờ Phật. nhang cũng được đốt cháy lên, mùi trầm hương dịu dịu đã đưa hồn con vào chốn trang nghiêm thanh tịnh tuyệt vời; rồi thì ba chun nước cũng được thay mới tinh khiết và con bắt đầu thành kính nguyện cầu : " Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Nam Mô Đại Từ Đại Bi Linh Cảm Quan Thế Âm Bồ Tát! Lạy đấng cha lành Từ Phụ, lạy mẹ Quán Thế Âm đại bi, xin ban cho trần gian nhà nhà no ấm, nhưn loại tỉnh giấc mê

mọi chấm dứt đua tranh, chém giết tương tàn. Xin ban cho các con của con bố để tâm khai mở, đạo nghĩ, hiểu nghĩa vương tròn, nhất là không quên cội nguồn gốc rễ..." Mẹ biết không, điều kỳ nguyện thiết tha nhất của con là quê hương sẽ sớm thoát khỏi ách thống trị bao tàn của lũ người vô lương tâm, khát máu, con vẫn thường trì đọc 8 câu kinh mà mẹ đã dạy con thuộc lòng :

Quan Âm Bồ Tát Phật Ngài ơi!
Xin độ nhưn sanh hết chiến thời
Cam lộ rười tan khi lửa cháy
Nhành đường che khỏi lúc bóng

roi
Khiến con Hồng Lạc hòa dân tộc
Xui nước Việt Nam một đất trời
Quốc thời dân an cho sớm sớm
Quan Âm Bồ Tát Phật Ngài ơi.
cùng 12 câu đại nguyện của Phật Bà Quan Âm. Con cũng đã cầu nguyện xin Ông Trên ban cho mẹ Phước dư trường thọ, đường tu luôn tinh tấn, để mẹ vẫn còn đó, còn đó sáng ngời, rực rỡ dù cho bão táp phong ba, dù ngày tháng khổ đau có chắt chõng. Mẹ vẫn còn đó sáng ngời rực rỡ dù chiếc áo nâu sòng vật khách, vai vuông đã bạc sờn, rách, vá trăm mảnh.

Mẹ kính yêu ơi, cứ mỗi lần ru hời, con lại theo thói quen phát nguồn từ tâm tưởng cất giọng ầu ơ. "Chim Đa Đa đậu nhánh Đa Đa, chõng gấn không lấy, lấy chõng xa ầu ơ... Chờ mai sau cha yếu mẹ già, chén cơm, bát nước, bộ kỹ trà ai dưng..."

Nước mắt con đã tuôn rơi theo từng câu ru hát, có ai hiểu được nỗi lòng của con thương nhớ mẹ hiền...

Con vẫn hãnh diện cài lên ngực áo mình một hoa hồng đỏ thắm mỗi lần mùa Vu Lan về, nhưng niềm vui không còn trọn vẹn nữa mẹ ơi! Kể từ khi con xa mẹ! Tiếng kinh cầu trăm buồn, tiếng chuông mõ êm vang. Từng lời kinh, từng lời kinh Báo Ân Phụ Mẫu làm cho con càng thêm nhớ mẹ. Con vẫn được cài lên ngực áo mình một bông hồng đỏ thắm đó chứ mẹ! Con vẫn còn nguyên niềm hãnh diện, bởi vì con còn có mẹ. Nhưng mẹ ơi, con có mẹ, con vẫn còn mẹ mà mẹ con mình nghìn trùng xa cách! Ôi, ai gây nên cảnh cơ cấu! Nam Mô Đại Hiếu Mục Kiền Liên Bồ Tát, xin ngài rủ lòng thương, ban phép nhiệm mầu cho con có ngày gặp lại mẹ quý dưới chân mẹ, để được mẹ xoa đầu vỗ về như ngày nào con còn thơ ấu!

Mẹ yêu dấu ơi, con vẫn nguyện cầu và còn mãi nguyện cầu...

(Bayreuth nhân mùa kỷ niệm lễ Vu Lan 2533)

SO ĐỨC MÃ TIỀN NHUẬN BÚT
KHUYẾN KHÍCH CHO BÀI
ĐƯỢC CHỌN ĐĂNG TRONG
MỤC " SÁNG TÁC VĂN NGHỆ "

AI CŨNG CÓ MẸ

THÍCH TÂM QUANG

Thằng bé 14 tuổi mà dạn tay đáo đẽ. Nó bắt được ở đâu con chuột lắt tí xiu, còn đó hòn. Con chuột chạy chưa vững, nó chệnh choạng, lắc lư như say rượu.

Chuột chạy qua, chạy lại, chạy tới, chạy lui, chạy quanh, rúc vào cò, chui vào hốc, rồi cũng bị thằng bé tóm lấy, nắm trong tay mang đi. Chốc chốc, thằng bé lại nới tay, xách gáy con chuột lên bằng hai ngón tay của nó.

- Í, bé bắt con chuột này ở đâu vậy?

- Ở chỗ kia kia.

- Bé không sợ nó cắn sao?

- Hông.

- Vậy chứ bé định mang nó đi đâu?

- Đi chơi...Thằng bé kéo dài chữ "chơi" ra, đầu ngoèo sang một bên, hai tay giữ chặt con chuột.

- Nó dơ lắm, thả nó đi bé.

- Hông.

- Thiệt mà, nhìn nó thấy ghê, dơ lắm!

- Hông dơ. Nó hông dính gì hết chon. Hông dơ.

- Đầu bé thả nó xuống coi nó biết chạy không?

- Biết, nó biết chạy dzối.

- Thi thả cho nó chạy thử coi nào!

- Hông. Thả dzối ông thấy bắt nó hả?

- Không. Thấy không bắt đâu, nó dơ thấy ghê lắm.

- Ông thấy sợ nó hả? Thằng bé vừa nói vừa muốn đưa con chuột nhát tội. Tôi cười, móc một đồng xu ra tính dụ nó.

- Thấy đâu có sợ nó. Bé còn nhỏ mà bé không sợ, thấy lớn vậy sao thấy sợ. Nè bé thả cho nó chạy về nhà rồi thấy thương cho bé một đồng ăn cà rem nghe.

Thằng bé đưa tay muốn vỗ ngay đồng xu. Đôi mắt nó sáng lên thấy rõ. Nhưng nó lại thụt tay về. Nó ngó con chuột trên tay rồi nhìn đồng bạc trên tay tôi,

LÁ THƯ THIẾU NHI

Trời hôm nay mưa hiu hắt. Mưa tháng bảy gợi nhớ đến cuộc tình Ngưu Lang - Chức Nữ. Chiếc cầu Ô thước giúp đôi tình nhân huyền thoại một lần gặp gỡ trong năm. Ngày còn bé chị đã khóc thật nhiều đã thương cảm biết bao cho sự chia lìa của một Chức Nữ - Ngưu Lang. Giờ này chị cũng khóc vào mỗi tháng bảy mưa ngâu. Nhưng sự cảm thương này không còn vu vơ như những giọt sương mỗi sáng. Mà là như tất cả chúng ta, như chị, như em, như những người không còn được ấm êm trong cái ngọt ngào, gần gũi của nài chuối, buồng cau, của nắng ấm nương dâu, của bóng mát trên cao...

Mẹ, phải tình mẹ bao la đã một lần hy sinh cho những đứa con tìm cuộc sống, để rồi nơi đất khách quê người đeo vào mình một đóa hồng yêu thương, mà nước mắt cứ chảy dài nhưng nhớ, thêm thương một tình yêu với vợ của mẹ. Màu hồng và màu trắng đã chẳng còn cách biệt với nhau, như có lần chị đã viết.

*Anh nắm trên tay đóa hoa màu trắng
Tôi gắn trên mình một đóa hồng tươi
Đôi mắt anh như phủ kín sương mù
Đôi má tôi cũng chan đầy lệ nóng
Mẹ của anh đã xa miền dương thế
Mẹ tôi thì ở lại chốn sâu đau ...*

Trước sự thiếu thốn của người, hẳn các em đã nhận chân hạnh phúc mình đang có. Có mẹ, có cha đất người cũng trở thành ấm cúng. Nên tảng gia đình cần phải được triều mến gìn giữ, nưng niu. Giữa sự khác biệt của hai nền văn hóa, nhiều em và cả phụ huynh đã phải chao dao. Một bên nặng về cá nhân, một bên trọng tình nghĩa gia đình. Bên nào thích hợp đây? Giữa hai luồng nước nóng và nước lạnh không phải không có nơi để dung chứa đâu. Mà luồng nước ấm, êm êm như con đường trung đạo của đạo Phật là nơi các em vững tin để sống. Ở đây, người Đức cũng có ngày Muttertag vào chủ nhật thứ hai của tháng năm. Ôn nghĩa mẹ vẫn được nhắc nhở đến, bất luận là Âu hay Á. Lễ Bông Hồng Cài Áo hiện nay không thể thiếu vào dịp Đại lễ Vu Lan. Điều đó không có nghĩa là chúng ta chỉ nghĩ về mẹ, mà quên bằng công cha vốn to lớn như núi Thái Sơn.

*Còn cha gót dỏ như sơn
Mai sau cha mất gót con đen sì.*

Phải đó các em, một gia đình Việt Nam là một mái ấm nuôi dưỡng đồng thời cho cả bao đời. Không chỉ đời mình, mà cả đời ông, đời cha cùng trong một sinh hoạt. Thứ bước vào một gia đình tiêu biểu của Việt Nam. Cha mẹ, con cái quây quần bên ông bà Nội, Ngoại. Trên bàn thờ, sau lư hương là những người đã khuất.

Thật là ấm cúng phải không các em? Đó mới là một gia đình Việt Nam, không vì kỳ, không đóng kín bốn bức tường để chỉ phục vụ riêng cho cái mình mà thôi. Cứ mỗi độ Vu Lan về em đã khẩn gi?! Nếu không phải là cầu nguyện cho cứu huyền thất tổ sớm siêu sinh tịnh độ. Cả một dòng họ, cả một gia đình đang lắng nghe lời nguyện của em, dù em đang sống một nơi mà chủ nghĩa cá nhân luôn chầu chực để phá tan nền tảng gia đình.

Tâm Bạch

ra chiếu dẫn đo, cân nhắc. Tôi nghĩ là đồng bạc phải thu hút nó hơn là con chuột.

- Đàng kia người ta bán cà rem ngon lắm, cây cà rem bự như vậy nè.

Thằng bé nuốt nước bọt, nhìn chòng chọc vào đồng xu, nhưng tay kia vẫn cứ giữ con chuột. Rồi nó đưa tay ra bốc đồng xu.

- Ủ, giỏi, thà con chuột đi bé. Nó chẳng chịu thà mà cứ tiếc rẻ con chuột. Đồng bạc cũng thích mà con chuột cũng chẳng chịu thà.

- Thà nó đi, cho nó về nhà nó.

- Nó hổng có nhà.

- Có chứ. Không nhà thì nó ở đâu. Í, mà thà nó thấy mới cho tiền chứ không thấy đòi lại thấy đi mua cà rem thấy ăn à. Ăn gian phải không? Lấy tiền thấy mà không chịu thà con chuột hở? Thằng bé lại một phen suy tính nữa. Tôi tưởng nó thà con chuột, không ngờ nó lại trả đồng xu. Tôi cười rồi bỏ đồng xu vào túi áo nó.

- Nói chơi chứ thấy cho bé đó.

Bộ bé thích con chuột lắm hở?

Nó gật đầu chứ không nói gì. Mắt nó nhìn vào túi coi thử đồng bạc có thực sự nằm trong đó không. Thấy đồng bạc rồi nó mới yên tâm hỏi chuyện:

- Nó có nhà hở thấy?

- Có chứ. Chuột nó làm đủ loại nhà hết. Nào là nhà rơm, nào là nhà giấy, nhà vải, nhà gỗ, nhà đất, nhà lều nữa.

- Xạo. Ông thấy xạo!

- Í, đừng có nói thấy xạo chứ bé. Ba má quờ chết. Thấy đâu có nói xạo. Nói thiệt đó. Con chuột nó tha rơm về làm nhà cho con nó ở. Có khi nó tha giấy báo, giấy tập về đọc, đọc xong nó lấy làm nhà.

- Xạo, ông thấy nói xạo.

- Tầm bậy! Thấy mà nói xạo à? Thấy đi tu thấy đâu có nói xạo. Mà bé đừng nói như vậy hỗn nghe bé.

- Chứ nói sao?

- Khi nào bé không tin thì bé nói thấy "nói giỡn", chứ đừng nói thấy xạo. Như không?

Thằng bé gật đầu, xúc xúc đồng tiền trong túi.

- Con chuột đâu có đọc báo. Nó cắn báo mà ông thấy.

- Thì đọc xong rồi nó cắn chơi. Báo nào tốt thì nó lột ở, làm nhà cho con nó. Có lúc nó mang vải về may đồ bạn hay làm mền đắp cho con nó nữa.

Thằng bé ngoe đầu, ra cái vẻ đang cố nhớ lại một hình ảnh nào đó trong quá khứ. Có thể nó đã trông thấy chuột ở nhà nhiều lần rồi, vì xứ này chuột đông đúc quá.

- Con chuột nó ở trong rương nữa ông thấy.

- Ủ, cái rương gỗ phải không? Nhà gỗ của nó đó. Mà con chuột ở nhà gỗ cũng chưa sướng, có con ở nhà lều nữa kia.

- Nhà lều nó ở đâu?

- Cũng ở chung với mình đó. Nó leo lên cột nhà, lên mái nhà lột ở rơi dề con, xong nó ở luôn trên đó. Khi nào đói thì chuột ba, chuột má đi chơ.

- Có chuột ba, chuột má hở ông thấy?

- Có chứ. Ai lai không có ba má. Bé có ba má không?

- Có. Con có một ba với hai má lân.

- Í, sao mà hai má! Mọi người có một má thôi.

- Con có hai má lân, hai má oánh lộn hoài hà!

- Vậy hà? Má bé thương má nào hơn?

- Má con. Má ngủ với con á. Còn má kia ngủ với con Gái.

- Bé thương má không?

- Thương. Má "hun" con, cho tiền con hoài á.

- Má con chuột cũng thương nó lắm. Con chuột này đi chơi, bị bé bắt, má nó chờ nó ở nhà, má nó khóc cho coi.

- Xạo, chuột đâu có khóc.

- Nữa! Cũng là "xạo". Đừng có nói "xạo".

- Chứ nói hừng sao?

- Nói "giỡn". Quên rồi à? Mà thấy nói thiệt chứ không nói giỡn đâu. Buổi sáng chuột con hay đi chơi lắm, cũng như bé vậy. Nó đi chơi có xin phép má nó dằng hoàng lắm. Bé đi có xin má không?

- Hổng.

- Vậy bé thua con chuột rồi. Thôi, bây giờ bé thà con chuột cho nó về kéo má nó trông tội nghiệp.

- Nhà nó ở đâu ông thấy?

- Hồi này bé bắt nó ở đâu?

- Chờ kia kia. - Vừa nói nó vừa kéo tôi đi.

Đó là một gò đất có hai, ba cái lỗ sâu, tôi đoán là hang chuột.

- Nhà nó trong mấy cái lỗ này nè bé. Nhà nó gọi là nhà đất. Thôi, bé thà cho nó về nhà đi.

- Con lấy dây cột nó lại nghe?

- Ủ, đừng. Cột chỉ!

- Không cột nó chạy luôn vô nhà nó sao!

- Chứ bé không thà nó à?

- Con cột dây vô cổ nó cho nó chạy chơi.

- Bậy nào! Tội nghiệp nó. Nó ngộp thở chết đó.

- Hổng chết đâu. Cột nhẹ nhẹ á.

- Cột vậy nó ngứa, nó đau sao.

- Ai biểu nó cắn đỡ con!

- Cắn hồi nào?

- Để con để trong rương á, nó cắn.

- Tầm bậy! Con này đâu có cắn. Con chuột ở nhà cắn đỡ bé là con khác mà. Thôi, thà nó đi bé.

- Ai biểu nó ăn cục xà phòng của má con chi.

- Nó đâu có ăn xà phòng, cay sao ăn được.

- Có, có dấu răng dằng hoàng. Con cũng thấy nữa. Con chuột to bự như vậy nè.

Nó khoác tay diển tả tâm vóc con chuột nhưng vẫn giữ chắc con chuột trong tay kia.

- Mà con chuột này đâu có cắn, con chuột này nhỏ mà.

- Má của nó cắn, mà nó tha hết cục xà phòng luôn. Ủa, mà sao nó ăn xà phòng được thấy?

- Nó đâu có ăn. Nó đem về rửa chén đó.

- Xạo.

- Nữa, cũng là "xạo".

- Láo.

- Ấy. Thấy đâu có nói "láo". Này thấy bày bé sao? Nếu bé không tin thì nói thấy nói "giỡn" thôi, đừng nói thấy "xạo" hay "láo" nghe. Mà thấy nói thiệt đó, chứ không giỡn đâu.

- Chén của nó to không thấy?

- Nhỏ lắm, chứt xíu như vậy nè.

- Chứt xíu sao nó lấy xà phòng chi dữ vậy thấy?



- Tai nó muốn lấy một lần để dành xà, khỏi mất công lần sau.

- Nó ăn cắp thì cho nó chết.

- Ê, đừng. Đã báo con chuột này đâu có tới nhà bé. Con chuột lớn kia, nhà nó chỗ khác. Con này ở với má, nó hiền lắm.

- Con chuột nó cắn cái chân anh con nữa thấy.

- Nó kêu anh bé dậy để xin xà phòng đó. Mà anh bé dữ quá nó sợ nó chạy, không dám xin nữa, mới lên ăn cắp. Thôi, thà nó đi, nói hoài.

- Con đem nó về nuôi há thấy?

- Nuôi chi mất công, nó không chịu đâu, nó nhớ má nó chết đó. Để nó ở với má nó, má nó cho nó ăn.

- Con cũng cho nó ăn dzậy !
 - Nhưng nó không thích ăn đồ của bé, nó thích má nó hơn.
 - Thôi, con hông thả nó đâu.
 - Vậy thấy nói như vậy, bé nghe không : thấy, bé với con chuột kia khỏi về nhà nữa. Thấy khỏi về nhà thấy, bé khỏi về nhà bé, con chuột khỏi về nhà má nó. Ba thấy trò mình tới chùa ở, thấy nấu cơm cho bé ăn, bé cho con chuột ăn. Khỏi cần má nào hết, chịu không ?
 - Hông, con không chịu đâu.
 - Sao vậy? Thấy cũng cho bé ăn mà, đâu có bỏ đói bé mà sợ ?
 - Con thích má con hơn ông thấy.
 - Bé không thương thấy hở?
 - Thương... ít.
 - Con chuột cũng vậy đó, nó hông chịu ở với bé đâu, nó thích má nó thôi. Bé cho nó ăn nó cũng chẳng chịu ở với bé đâu.
 - Nó thương má nó hở thấy ?
 - Thương chứ sao không thương. Má mà không thương thì thương ai. Bây giờ má nó đang khóc ở nhà, má nó nhớ nó, đi tìm nó đó.
 - Thằng bé cười khi :
 - Ông thấy nói...giống không à. Con chuột mà khóc !
 - Có khóc chứ sao không. Có thương thì phải có khóc. Má nó thương nó, nó bị bé bắt, má nó phải khóc. Thấy bắt bé mà bé có khóc không ? Má nó cũng như má bé vậy. Tôi nghiệp lắm, thôi bé thả nó đi. Má nó nấu cơm xong rồi, chờ nó về ăn đó.
 - Chuột có nấu cơm hở thấy ?
 - Có chứ.
 - Vậy sao nó ăn cắp cơm của con đó ?
 - Tai búa đó nó thiếu gạo, con nó bị bệnh nữa, nó mới xin cơm của bé.
 - Sao chuột nó giống mình quá thấy há !
 - Ủ, giống lắm. Nó có ba, có má, có anh, có chị, có em nữa. Vừa lúc đó, có tiếng má thẳng bé gọi :
 - Cu Tí về ăn cơm.
 - Thẳng bé đưa con chuột cho tôi.
 - Thôi con về ăn cơm với má, thấy cho con chuột về nhà ăn cơm với má nó luôn nghe thấy.
 - Thẳng bé cười toe, tay bùm túi áo sợ rớt đồng xu, chạy u đến chỗ má nó. Tôi thấy bà mẹ nắm tay đất nó vào nhà. Nó còn cố ngoái đầu nhìn lại chỗ tôi, đưa tay ra dấu cái gì đó, chắc là bảo tôi hãy thả con chuột lết trên tay. Tôi đặt con chuột xuống đất. Con chuột cũng chạy u vào hang như thẳng bé kia chạy về nhà với mẹ nó vậy.

Viết tặng các em thiếu nhi
 7/87

SỬ

tiếp theo

Nhà Hậu Lý (Các Vua sau Lý Thái Tổ)

Vua Lý Thái Tổ vừa mất, thì trong triều đình xảy ra cuộc tranh giành ngôi vị giữa 4 vị hoàng tử. Theo di chiếu thì Thái tử Phật Mã được nối ngôi, nhưng mấy anh em là Võ Đức Vương, Dực Thanh Vương và Đông Chinh Vương không chịu; sẵn có quân đội riêng, các ông hoàng đem quân vây thành; xảy ra cuộc đại náo kinh thành thời bấy giờ.

Cuối cùng Thái tử Phật Mã cùng nhóm Lý Nhân Nghĩa quyết định dùng biện pháp vô lược để giải quyết tình thế. Mặt trận đã dàn xong, Võ về tướng quân, Lê Phụng Hiếu rút gươm chỉ Võ Đức Vương và bảo: "Các người dòm ngó ngôi cao, khi dễ trị quân, trên quên ơn tiên đế, dưới trái nghĩa quân thần, vậy Phụng Hiếu xin dâng nhất gươm này". Nói vừa dứt lời, Phụng Hiếu xông vào chém Võ Đức Vương, Dực Thánh Vương và Đông Chinh Vương khiếp uy bỏ chạy (1). Việc loạn chấm dứt, Thái tử Phật Mã lên ngôi tức là vua Thái Tông.

LÝ THÁI TÔN (1028-1054)

Lý Thái Tông là một ông vua thông minh rất am hiểu việc quân sự và chính trị. Ngài rất lưu tâm về mọi vấn đề dân sự vì lòng thương dân.

1) Việc chính trị :

Gặp những năm mất mùa hay có nhiều binh dịch, ngài xá thuế cho dân đến hai ba năm. Ngài đặt niên hiệu là Minh Đạo (1042) hẳn là muốn tỏ lòng thương nước, thương dân và sửa sang đức độ của nền quân chủ. Ngài hạ lệnh bãi bỏ mua bán hoàng nam để làm tôi tớ (hoàng nam là người từ 18 tuổi trở lên). Ngài cho đúc tiền Minh Đạo để tiện việc mua bán trong dân gian. Ngài đặt ra nhà trạm để chạy công văn, chia đường quan lộ ra từng cung cho thuận tiện mọi việc giao thông.

Về luật pháp ngài cũng sửa đổi lại cho bớt gắt gao : đặt cách tra hỏi phạm nhân, xác định trường hợp giảm tội cho các

người già hoặc tuổi vị thành niên và cho lấy tiền để chuộc tội nếu không phạm vào thập ác.

Trong cung Thái Tông đặt hậu và phi 13 người, 18 ngự nữ và 100 người nhạc kỹ. Các cung nữ ngoài việc hầu hạ phải dệt gấm vóc.

2) Việc quân sự :

Vua Thái Tông còn có tài cầm binh nên thường phải thân chinh dẹp giặc : giặc Nùng ở Lạng Sơn và giặc Chiêm Thành ở ngoài biên giới.

Ở các miền sơn cước hay các vùng lân cận thường du, quyền cai trị và binh bị đều giao hết cho các châu mục hay tù trưởng; do đó, quyền hành của những người này quá rộng rãi, họ dễ sinh phản nghịch.

Năm Mậu Dần (1038), người Nùng ở Quảng Nguyên (Lạng Sơn) thường hay nổi loạn; năm Kỷ Mão (1039) vua Thái Tông phải thân chinh đi đánh dẹp, bắt được Nùng Tôn Phúc và con là Nùng Trí Thông đem về kinh xử tội còn vợ và một con trai nữa là Nùng Trí Cao chạy thoát. Hai năm sau, Nùng Trí Cao lại lập được quân đội cùng mẹ trở về chiếm Châu Đàng Ro đặt nơi này làm Đại Lịch quốc. Nhà Lý lại phải đem quân đi đánh, Nùng Trí Cao bị bắt, vua Thái Tông nghĩ đã giết cha và anh Trí Cao rồi nên không nỡ giết Trí Cao nữa, cho trở về làm Quảng Nguyên Mục, sau gia phong Hàm Thái Bảo (2).

Nhân dịp bên Giao Châu thay đổi ngôi Vua, Chiêm Thành liền bỏ việc tiến cống và thông sứ. Hơn thế nữa, quân Chiêm lại còn quấy nhiễu các vùng duyên hải của ta. Năm Giáp Thân (1044) vua Thái Tông ngự giá đánh Chiêm Thành, quân Chiêm đại bại, 5000 quân Chiêm và 30 con voi bị bắt. Ngay lúc đó, quân Chiêm có nội phản : tướng Chiêm là Quách Gia Dĩ hạ sát quốc vương Xạ Đầu rồi xin hàng. Thẳng trận, Thái Tông tiến đến thành Phật Thê là quốc đô của Chiêm Thành, bắt được Vương Phi My Ê và một số cung nữ Chăm đem về nước. Quân ta chém giết dân Chiêm rất nhiều, Vua Thái Tông phải thiết quân luật mới chấm dứt được cuộc tàn sát này. Số 5000 người bị bắt về Giao Châu được triều đình cấp ruộng đất lập ấp để sinh sống.

(1) Còn lại Đông Chinh Vương và Dực Thánh Vương xin về chịu tội. Vua Thái Tông nghĩ tình cốt nhục tha tội cho cả 2 người và cho khỏi phục chức vị cũ. Nhưng từ đó, vua Thái Tông buộc các quan hàng năm thi hành lễ tuyên thệ tại đền Đống Cờ : (xã Yên

Thái, giáp Tây Hồ, canh thành Hà nội bảy giờ). "Làm con phải hiếu, làm tôi phải trung, ai bất hiếu bất trung xin quí thần làm tội" Ai mà không tới làm lễ tuyên thệ phải phạt 50 trượng.

(2) Năm Mậu Tý (1048) Nùng Trí Cao lại làm phản, tự xưng phen nữa là Nhân Hậu hoàng đế, quốc hiệu là Đại Nam. Năm 1052, quân Nùng chiếm được 8 Châu (Hoành, Quý, Cung, Tâm, Đẳng, Ngô, Khang, Đoan) thuộc nhà Tống. Tướng Dịch Thanh nhà Tống đem quân đi đánh dẹp. Trí Cao thắng

trận nhiều lần sinh lòng khinh địch, bị Dịch Thanh dùng mưu đánh bại. Trí Cao thả lửa đốt thành rồi trốn qua sông Hợp Giang sang nước Đại Lý (Vân Nam) bị người Đại Lý bắt được chém đầu nộp cho nhà Tống. Thân nhân của Trí Cao sau cũng bị giết hết. Từ đó, biên giới Hoa Việt không có sự quấy nhiễu của người Nùng nữa.

Thiện Hạnh

(Còn tiếp)

Chuyến tàu lửa cuối tuần, sau đó kế tiếp nhau những ngày nghỉ lễ, hành khách ngược xuôi đông vô số kẻ; tàu ghé sân ga nào cũng có kẻ lên, người xuống tấp nập, vội vàng.

Tôi lên tàu với tâm tư thoải mái, nghĩ về Thầy cố vấn giáo hạnh, các Ni, Sư... Nghĩ về những con người mang màu áo lam đang bồn bả, lặn lội như tôi để cùng vẽ thành phố này hợp mặt. Tôi sắp đặt chương trình và phần việc của tôi ghi trên những mảnh giấy đang nằm trong túi hành trang, định bụng lên tàu có thời giờ, ngồi gác lưng lên con tàu đi đem ra ôn kiểm lại phần vụ của mình nhưng rồi hành khách đông quá tôi không thực hiện được.

Một người đàn bà Đức, tuổi độ 40, lên tàu sau tôi ở một ga no, tìm đến phòng và ngồi kế bên tôi, dáng điệu có vẻ mệt mỏi sau những ngày làm việc, hôm nay chỉ ta có thời gian nghỉ việc về nhà chỉ đang cầm tờ báo giờ ra đọc. Trên tuyến đường tàu ghé sân ga một cặp vợ chồng người Đức khác lên tàu và tìm đến phòng chúng tôi đang ngồi. Chỉ ta và vợ và đúng đây đi ra và bảo tôi ra theo. Tôi chẳng biết gì cứ ngồi yên như vậy, vì mình đã ngồi chỗ này lâu rồi. Khi cặp đó đến chỗ tôi, họ tưởng tôi không phải người ở Đức cho nên họ xõ tiếng Anh với tôi: "Mời ông đi nơi khác, nhường chỗ cho chúng tôi!". Chuyện quái lạ, tôi định sùng sỏ với họ, nhưng nghĩ lại không nên và cảm thấy mình là người ngoại quốc, nhìn là hơn. Tôi đứng dậy với tay lên trần lấy túi hành trang đi ra ngoài. Tôi đi dọc theo toa tàu, không phòng nào có chỗ trống, các ghế phụ đặt ngoài hành lang cũng đã có người ngồi, đành trở lại trước phòng cũ, bật chiếc

Trại LỘC UYỄN giai đoạn II Huấn Luyện Huynh Trưởng Sơ Cấp Từ ngày 28 đến 30.4.1989 tại Nürnberg



THIỆN CĂN

Tôi đến nhà ga chánh thành phố Nürnberg sau 8 tiếng đồng hồ ngồi trên tàu lửa. Sáng đi làm ở sở, trưa về lo vội vã lên tàu, khoảng đường từ nhà tôi (Lingen) đến đó cũng hơi xa, có thể trên 750 cây số ngàn. Ngồi hắt hiu một mình với chung quanh bao người xa lạ, khác tiếng nói, màu da, để đến dự trại huấn luyện sơ cấp huynh trưởng Lộc Uyển giai đoạn II cùng những anh chị em khác trong chiếc áo màu lam mang niềm tin Tam Bảo, đang dẫn bước từ các nẻo đường, mong đóng góp một chút gì xây dựng cho quê hương và đạo pháp mai sau, cho dù nói đây quê là xứ người.

Nhiệm vụ và vai trò của mỗi chúng tôi có khác, nhưng chung qui cũng chỉ nẻo đạo và đường đời, chung qui cũng chỉ trong người mang giòng máu Tổ tiên Hồng Lạc, góp mặt với đạo, với đời, lãnh phần việc của kẻ đi

trước đã học hỏi được hướng dẫn người đi sau, như lời bác Trụ Ngô Phạm Ngọc Đảnh Hội Phó Hội Phát Từ VN ty nạn tại CHLB/ TB đã nói: "Người đi trước sẽ ra đi vĩnh viễn, kẻ đến sau sẽ là người nối tiếp...". Nơi tiếp cái truyền thống đạo và đời. Người ta cũng thường bảo: "Tre tàn, măng mọc". Những bụi măng non trên xứ người hiện tại cần có những bàn tay chăm sóc, uốn nắn, vun xới cho mai nầy thành những cây tre thẳng đòn và đa dụng, để rồi cứ thế nối tiếp nhau thành những cây tre thẳng đòn và đa dụng, nên mới có khóa huấn luyện đào tạo Huynh trưởng hôm nay.





ghế xếp bên hành lang ra ngồi kể chi đàn bà Đức khi này.

Chị ta dạy qua tôi nhòem miệng cười và giải thích với tôi :

- Họ đã có đặt chỗ rồi, số ghế của họ, mình phải đi ra... Vậy mà khi vào phòng đó tôi có chú ý gì đâu? Cứ nghĩ lên tàu có chỗ là ngồi. Thời may, sự nhin chín sự lành, suýt chút nữa tôi hùng hổ cự lộn với người ta, chắc chắn tôi lãnh phần u mê và què mùa một cục !..

Ngồi đây dựa lưng không được, còn phải nép mình xuống theo toa tàu nhường lối cho hành khách lại qua, tôi đành lấy cái nhin phong cảnh bên ngoài trừ đi giấc ngủ sụi sùi mong đợi cũng như ý định của tôi lúc lên tàu.

Thỉnh thoảng anh chàng bán hàng rong đẩy chiếc xe đi ngang qua rung chuông inh ỏi, phải đứng dậy, xếp ghế. Chẳng chỉ có vậy thôi, mà còn phải leo lên đứng trên bệ lộ sười mới đủ chỗ cho anh đẩy chiếc xe qua.

Bây giờ khách có lên xuống trông chỗ kệ họ, tôi ngồi ý tại đây để được yên thân, đã chịu 5-7 tiếng đồng hồ rồi, còn 1 tiếng đồng hồ nữa tới nơi chịu không nổi sao ?

Tàu dừng sân ga Nürnberg lúc 21 giờ, xách túi hành trang cùng khách rời tàu. Người đàn bà Đức ngồi kể tôi cùng xuống tại đây, chỉ ta khệ nệ xách chiếc valy trên tay nhìn tôi cười và nói: Gott sein dank! Aufwiedersehen!...

Hướng ra cửa ga tôi đi thẳng tới chỗ có phòng diện thoại, gọi thẳng về địa điểm trại, may quá tôi gặp Huynh trưởng Chúc Phước Trần Hữu Đức đang ở đầu dây, hỏi thăm anh về tình hình trại, được anh cho biết Huynh trưởng Tâm Cứ Trương

Tôn Châu ở Gießen đã đến và hiện diện tại trại có bác Chi Hội Trưởng Chi Hội PT Nürnberg, bác Gia trưởng cùng anh chị em trong GDPT Chánh Dũng, mọi nơi chưa thấy ai về. Anh bảo tôi chờ ở đó chừng 15 phút trước cửa chánh nhà ga.

Tôi gát máy, bỏ tiền quay số gọi về nhà, để cho gia đình biết rằng tôi đã đến nơi bình yên vô sự. Xách túi hành trang ra đứng đợi ở bên ngoài. Trời đã tối, nhìn những cơn mưa đêm dập dềnh kéo đến, hạt mưa bị tạt văng tung tóe qua những cơn gió lạnh thổi buốt người, nhưng sự sinh hoạt của một thành phố lớn vẫn không ngớt nhộn nhịp, kẻ đón người đưa, đường sá miên man xe cộ. Đèn xanh, đèn đỏ, đèn vàng... trên những tấm biển cửa tiệm, hiệu buôn, quán ăn, nhà hàng, khách sạn không ngừng chớp tắt. Phố đêm Nürnberg sắc màu chói lọi; tự nhiên lòng tôi cảm thấy lạc loài, cô đơn như một người từ quê xa mới lên tỉnh thành, đồ hội. Tôi vội gạt bỏ ưu tư đó để trấn an cho tâm tưởng mình vô duyên giao động, tôi khê hát bài "Lộc Uyển ca" theo nhịp bước quân hành, bài hát đó do tôi sáng tác, có lời nhưng chưa có nhạc, ý định gặp Huynh trưởng Thị Chơn nhớ anh phổ nhạc cho bản nhạc được hoàn thành.

- Ta về đây, tứ nẻo dương muôn phương
vai kẻ vai sánh bước lên đường
Nơi gót người đạp phá chông gai
Mang màu lam xây niềm tin mới
Mới!... mới!... mới!... mới!...
Anh cùng tôi đi tới chốn này
Nơi ngày xưa, ghi dấu chân Ngài
Cho Kiều Trần (1) thọ lãnh Pháp Vương
Trong khu vườn Lộc Uyển năm nào
Tiên!.. tiên!.. tiên!.. ta tiên!..
Tới!.. tới!.. tới!.. tới tới!..

Tôi vừa hát vừa nhìn chừng nơi bãi đậu xe thì anh Chúc Phước cùng với một em nữa lái chạy tới ghé sát vào lề đường. Anh huynh trưởng Chúc Phước mở cửa xuống xe chạy đến vui mừng bắt tay tôi hỏi thăm sức khoẻ và tôi cùng anh lên xe chạy về đất trại. Đọc đường qua những dãy phố, mưa đêm vẫn lất phất bay, tôi dạy qua hỏi em lái xe :

- Từ nhà ga về đó có xa không em ?

- Chắc là khoảng 10 cây số đó. Em trả lời.

- Vậy mà lúc này tưởng gần, anh định thả bộ để khỏi mất công em đi đón.

Trong xe chúng tôi phá lên cười. Quẹo vào một con đường nhỏ, xe chạy chậm lại, em vào bãi đậu.

Anh Chúc Phước nói với tôi: -Đã đến đất trại rồi, anh theo tôi. Chúng tôi cùng xuống xe đi vào khu đất trại.

Đó là một tòa nhà lớn của người công giáo Đức do một linh mục cai quản, có nhiều phòng rộng đủ tiện nghi kể cả nhà bếp. Chi Tân huynh trưởng Võ thị Mỹ và Nguyễn thị Yến đã trực tiếp mượn được của Ông Cha. Hai Tân Huynh trưởng này không cao, không thấp xinh xinh, tròn tròn vừa vặn, tinh thần đạo pháp rất cao công với uy tín của mình, khéo léo trong lời ăn, tiếng nói nên đã mượn được nơi này để làm chỗ tổ chức cho số đồng người ở, ăn, học hành, ca hát... ba, bốn ngày không phải trả tiền mượn. Chúng tôi chân thành cảm tạ vị Cha xứ đó về việc ông đã có thiện ý giúp đỡ chúng tôi, khi chúng tôi chưa có cơ sở tôn giáo trên đất nước Đức này.

Đầy cửa vào trong, đầu tiên tôi gặp anh Đức Hương Hồ Thanh-Chi Hội Trưởng. Đáng lý tôi phải gọi anh bằng bác, đối với Phật Tử đó là danh xưng cho những người nắm chức vụ lớn trong Hội hoặc Chi Hội, nhưng anh chưa cao tuổi lắm, hơn nữa anh vui vẻ nên tôi cứ gọi bằng anh cho thân mật và tiếng đó tôi đã gọi từ khi mới quen tại chùa Viên Giác lúc anh chưa có chức vụ nên có tính cách quen rồi. HT Tâm Cứ, tân HT Lý Hùng Sơn và các em trong GDPT Chánh Dũng có cả Mỹ và Yến tại đó.

Ai này vui mừng khi thấy tôi, ngoài anh Đức Hương chắt tay "A Di Đà Phật" còn tất cả anh chị em chào tôi với cách chào của đoàn sinh Gia Đình Phật Tử - Ấn Cát Tường.

Thời gian gặp gỡ cũng còn dài nên sự thăm hỏi tạm chắt dặt, Tôi vào lễ Phật, vì trong Hội trưởng nơi để sinh hoạt, học tập cho trại sinh đã có thiết trí Phật đài.

TRÁI TIM CỦA MẸ

THÍCH HẠNH TUẤN

(Dành riêng cho tất cả các em Oanh vũ
GDPT nhân mùa báo hiếu P.L. 2533)

Ôi! ngọt ngào - Vô biên là tình yêu của Mẹ!
Mẹ yêu ơi! con rất hạnh diện về Người.
Con hiểu Mẹ trong ý niệm tuyệt vời
Mẹ nhìn con bằng tương đồng suy tưởng
Mẹ cho con những nhiệm màu tử siêu thanh
trong âm hưởng
Mẹ duy nhất trên vũ trụ tình thương
Con sẽ mất - nếu trong vườn tình không còn Mẹ.
Con cần người
Như sự sống người đã cần con.
Không có Mẹ - con xa cõi thiên đường
Và thiếu con Mẹ không còn gì để đứng
Con cầu nguyện cùng mười phương thương chúng
(Hỡi) Đấng tối cao linh nghiệm vô cùng.
Hãy giúp con đứng cho Người bước
Con nguyện cùng Người đi hết quãng đường xa
Với thời gian vô tận khoáng không là
Con sẽ cùng Mẹ trong một tháp ngà yên nghỉ
Khi con đời
Thức ăn và đường khi
Lúc con buồn
Kẹo bánh ngọt tình thơ
Mẹ có ngay trong những phút đợi chờ
Và mang trọn những gì con cần đến
Con của Mẹ - Đứa con nhiều hương luyện
Được an toàn trọn vẹn trong niềm vui
Con không khóc trước áo ảnh cuộc đời
Con an lạc bên nụ cười của Mẹ
Và lúc ấy thiên đường đang mở hé
Mẹ yêu ơi!
Con đang cần hơi ấm của Mẹ mang
Áo tình thương
Nón
Dép
Khởi cơ hàn.
Cho con hết những điều con mơ ước.
Mẹ đang ngược về trời cao thiêu đốt
Làm bóng cây che mát khoảng đời con.
Mẹ đang tay đón lấy mọi mùa ngàn
Để con được đắm mình trong yên tĩnh
Mẹ có thể chết - nhưng con không bao giờ hết
Hỡi con yêu bé bỏng của Mẹ đầu
Đầy vòng tay
Hãy nắm lấy - trong suốt những nhịp cầu
Rời hãy nhớ - vì con mà Mẹ bước.
Con phải sống thành thơ và an hưởng
Hỡi con trai yêu quý của Mẹ ơi
Con là tình thương - là tươi mát của cuộc đời
Không là Mẹ - đừng rời xa tổ ấm.
Đừng để Mẹ một mình trong hoang vắng
Mẹ mời con - mời con - trong tiếng gọi ngọt
ngào
Trong vòng tay - trong một điểm cận lên cao
Con nghe rõ tiếng yêu thương từ trong lồng ngực
Đang rộn rã gọi tên con bằng những từ khúc
Đừng đi xa - đừng ra khỏi lòng ta .
Những biển nguy đang vây sẵn quanh nhà
Con bé nhỏ không cách gì chống trả
Ta và con - sẽ đi tận cùng mọi ngã
Trong đôi tay với êm à vỗ vãn
Con được chở che
Bảo vệ - an toàn
Con có biết
Con chính là tất cả
Là mặt trời đang chiếu sáng tình ta

Sau khi lễ Phật, tôi đi một vòng quanh Hội trường để coi thử. Nơi Phật đài, bàn thờ có lư hương, chân đèn, bông hoa, trái quả, 2 bên có cờ Quốc gia và Phật giáo, trên có hàng chữ Bi, Trí, Dũng châm ngôn GDPT, phía trước Phật đài có tấm biển để "Trại Huấn luyện Huynh trưởng Sơ cấp Giai đoạn II" và chung quanh tường có treo những câu khẩu hiệu. Bất chợt tôi thấy ở cuối tường có một tấm biển viết chữ hơi dài nên tôi đứng lại đọc :

"... bất cứ ai, thực lòng vì đạo pháp vì dân tộc thì nói quần chúng nghe, bảo quần chúng làm, ma quân ngoại đạo càng phá, càng đem uy tín lại cho họ, trái lại, những kẻ không có tâm huyết dù thiên phương bách kế cũng bị lật tẩy và gạt bỏ không tiếc thương. Mũi dao vi đấu bị khóa lấp đến đâu, Phật giáo đồ cùng nhìn thấy, niềm lợi danh dù khéo léo cách nào họ cũng trực giác được...".

Thích Trí Quang

Đọc xong tôi đi ra cửa, chưa xỏ trọc chân vào đôi giày anh Đức Hương đã kéo tôi vào phòng Ban Quản Trị. HT Tâm Cứ và Chúc Phước cùng theo tôi. Đức Hương giơ tay chỉ ghế cho chúng tôi với giọng Huế tro tro: -Ngồi!...ngồi!... Chu chọa kỳ này có các anh về đây là tôi khoái quá rồi!... mà sao mình có cái duyên này hì? Phật độ tôi và các anh đó, các anh phải làm sao cho các em nới gót các anh đó thì làm!...Chúng tôi cười, ngồi uống nước hàn huyên với nhau vì lâu ngày mới gặp, sau đó tôi đi ra ngoài chuyện trò với các em trong gia đình Chánh Dũng và được ăn tối rất ngon lành. Đến 23 giờ 50, Thượng tọa cố vấn giáo hạnh, Ni Sư Diệu Tâm, Sư Cô Diệu Ân, Chú Thiện Tín, Huynh trưởng Thi Lộc Võ văn Mai, anh Thi Thiện Phạm Công Hoàng, anh Quảng Niệm Lê Gia Tuyên cùng các anh chị em ở Hannover, Bremen, Hamburg và Nord-deich... được sự hướng dẫn của bác Gia trưởng GDPT Chánh Dũng tới.

Các anh chị em mới đến theo Thấy và quý Cô cùng Chú Thiện Tín vào lễ Phật. Khi trở ra Thấy và quý Cô gặp ban quản trại chúng tôi để bàn thảo, kiểm xét lại chương trình ngày mai. Sau đó anh Đức Hương (CHT) đưa Thấy, Chú Thiện Tín, quý Cô và quý Bác trong ban ẩm thực về nhà.

Bây giờ có thêm HT Thi Lộc từ Norden đến, chúng tôi được 4 HT chính thức hiện diện, còn HT Nhật Định Nguyễn Kim Sơn ở Jülich, HT Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp ở Hannover và chị HT Tâm Bạch Trần Nguyễn Huyền Đan ở Berlin, có lẽ dọc đường bị kẹt xe nên

chưa đến kịp. Riêng HT Thị Chon là người chúng tôi ai nấy mong đợi lại bị bệnh nữa chúng nên anh không thể đến để cùng chúng sinh hoạt, anh phải ở nhà nghỉ dưỡng sức lo cho ngày Phật Đản sắp tới. Tuy nhiên, chắc là ở nhà không yên, nên tối nào anh cũng gọi điện thoại đến để hỏi thăm tình hình của trại.

Và rồi ngày hôm sau đều có mặt tại đây, anh chị em về từ Jülich, Aachen, Stuttgart, Berlin .. có cả bác Trục Ngô Phạm Ngọc Đảnh Phó Hội Trưởng nữa.

Thành phần ban quản trại vẫn giữ y như cũ, thay anh HT Tâm Cử làm Trại phó kiêm uy viên kỹ thuật, còn tôi thì cứ mang cái nhiệm vụ Đồi Sống Trại khổ thân dài dài...

Chương trình cho ngày thứ bảy (29.4.) có phần thay đổi vì trại sinh ở các nơi về quá muộn trong đêm hơn nữa hôm nay có buổi lễ Phật đản kỷ của Chi Hội PT Nürnberg, do đó phần trại sinh được tự trị ôn bài; còn BHT chúng tôi họp, được sự chứng minh của Thầy, Ni Sư, Sư Cô, Chú Thiên Tín, anh Đức Hương CHT cùng quý bác và anh chị em đạo hữu hiện diện tại phòng làm việc của BQT để bàn thảo và để cử lại thành phần Ban Huynh Trưởng GDPTVNTN tại Tây Đức cho nhiệm kỳ mới từ 29.4.89 đến lễ Vu Lan năm 1990.

Trong 2 tiếng đồng hồ thảo luận và để cử chúng tôi đã đi đến kết quả như sau :

BHT/GDPT/VNTN/TĐ :

1) HT Nhật Định Nguyễn Kim Sơn Trưởng Ban. 2) HT Thị Lộc Võ Văn Mai Phó Trưởng Ban. 3) HT Thị Chon Ngô Ngọc Diệp Thư ký và tu thư. 4) HT Chúc Phước Trần Hữu Đức Thủ quỹ. 5) HT Tâm Cử Trưởng Tôn Châu Ủy viên nhiệm huấn. 6) Nữ HT Tâm Bạch Trần Nguyễn Huyền Ban Ủy viên văn mỹ nghệ. 7) HT Thiên Căn Phạm Hồng Sáu Ủy viên báo chí và thanh niên.

11 giờ. Tập họp tất cả trại sinh tham dự buổi lễ Phật cùng với các đạo hữu và Phật tử trog CH Nürnberg dưới sự chủ lễ của Thầy cố vấn giáo hạnh.

Khởi mạc trại Lộc Uyên Giai đoạn II, mở đầu bằng phần chào cờ; Quốc kỳ và Phật kỳ hát bài Quốc ca và PGVN, sau đó phút mặc niệm.

Chiếu theo các văn thư và nghị định xếp cấp cho các Huynh trưởng GDPT/VN, lễ tân thăng cấp hiệu cho các Huynh trưởng Thiên Căn, Thị Chon và nữ HT Tâm Bạch do Thượng Toa cố vấn giáo hạnh trao gần có sự hiện diện của các Ni, Sư, quý bác Chi Hội Trưởng,

Gia Trưởng cùng toàn thể quý vị đạo hữu Phật tử tại Nürnberg cũng như trước hàng trai sinh Sơ cấp HT trại Lộc Uyên Giai đoạn II.

12.30 Com trưa và nghỉ giải lao

13.30 Đề tài thuyết giảng: Đạo Phật và khoa học do Huynh trưởng Nhật Định.

14.45 Thi trắc nghiệm Phật Pháp đã học bằng 25 câu hỏi của Thầy cho trại sinh HT Sơ cấp.

15.15 Trại sinh lần lượt lên thuyết trình các đề tài Phật Pháp mà Giai đoạn I đã nhận được, do Thầy cố vấn giáo hạnh, Ni Sư Diệu Tâm, Sư Cô Diệu Ân chấm điểm.

18.15 Thi viết về những kiến thức Phật Pháp trại sinh đã thu nhận được.

19.00 Com tối và nghỉ giải lao Sau mỗi đề tài đều có thời gian 15 phút để trại sinh chơi trò chơi nhỏ hoặc nghỉ xả hơi.

20.00 Lửa trại và trao đổi kinh nghiệm sinh hoạt với các GDPT địa phương.

22.30 Toa thiền sau đó chיתה

Hôm nay ngày 30.4.89, buổi sáng bầu trời vùng Nürnberg không mấy quang đãng lắm, mưa nhẹ lất phất hạt bay lóng trong gió lạnh thổi đến buốt người, trong hội trường trại sinh vẫn được theo đúng như chương trình đã có, nghĩa là 6.00 thức dậy vệ sinh cá nhân, rồi thể dục .. và hôm nay cũng là ngày đánh dấu 14 năm tròn quê hương miền Nam thân yêu đã rơi vào tay CS, 14 năm dài tang tóc đau thương đang triền miên bề vẽ cho bà con ruột thịt của chúng ta ở đó. Đất mẹ Việt Nam. Cứ mọi lần vào ngày này tôi đến Bonn để góp mặt cùng đồng bào, giờ một cánh tay cùng những cánh tay tranh đấu nhân quyền, tự do, cơm no áo ấm cho những người còn ở lại bị bon người phi nhân giam trong các trại cải tạo, lao tù; hôm nay vì bản trách vụ phải ở lại trại và việc ra đi đó đã có quý Thầy, quý Cô cùng các đạo hữu.

Tôi vẫn biết rằng trong lãnh vực tôn giáo, không có vấn đề chính trị đối với quý Thầy, quý Cô đã đi tu thọ hành giới Phật, nhưng đứng trước cái mất quê hương, đứng trước tiếng kêu gào rên la của dân tộc, không lẽ là kẻ lãnh đạo tinh thần mà điếm nhiên tọa thị hay sao? Và nếu quê hương ta còn, dân ta không bị đau thương tang tóc thì có ai làm chi việc ấy. Do đó hàng năm vào ngày này Thầy thường dẫn phái đoàn Phật giáo đến trước tòa đại sứ VC để góp mặt với đồng hương biểu tình là vậy đó.

Ta cũng nghĩ rằng, xương da thịt nẩy do cha ông ta miệt mài nếu không có một Ngô Quyền đại phá quân Thanh trên Bạch Đằng Giang sông hùng dũng, một Trần Hưng Đạo cõi voi chỉ lối thế trên giòng sông Hóa đại thắng quân Nguyên, không có một Quang Trung nơi gò Đống Đa kiêu hùng, một Đinh Bộ Lĩnh cơ lau tập trận, một Lê Lợi khởi nghĩa đất Lam Sơn... hay một Triệu Ái Giao Châu quân binh rên nghĩa khí, một Trưng Trắc, Trưng Nhị Mê Linh trống đục đuổi quân thù... và còn biết bao anh hùng, nữ lưu anh kiệt khác, thì làm sao chúng ta có tới ngày hôm nay? Vì đất nước phân ly chúng ta phải lưu lạc và cho dù chúng ta có 5-7 cái quốc tịch khác đi chăng nữa vẫn không thoát hẳn được bản chất tóc đen, máu đỏ, da vàng... do đó sự đóng góp hôm nay dù lớn, nhỏ chúng ta sẽ hành diện và lương tâm sẽ không hổ thẹn khi quê hương quang phục chúng ta trở về.

Sáng nay (30.4.) anh Thi Thiên Phạm Công Hoàng là một trại sinh HT Sơ cấp của trại vào trình diện Ban quản trại trước khi ra đi, thể theo lời yêu cầu của anh ngày hôm qua đã được Thầy cố vấn giáo hạnh và BQT chúng tôi chấp thuận. Anh được phép vắng mặt trong ngày để đến Bonn tham dự cuộc biểu tình. Phần thi chuyên môn của anh sẽ được khảo hạch sau.

Ngoài đời anh là một kỹ sư hàng không đang làm việc, anh cũng là Chủ tịch Tổ chức sinh hoạt người Việt ty nạn CS tại CHLB/TĐ. Cùng đi chung xe với anh có Thầy, các Ni, Sư, Chú Thiên Tín và một vài đạo hữu tại Nürnberg.

Trong lúc đó từ chùa Viên Giác Hannover cũng có một chuyến xe do Bác Thị Tâm Ngô văn Phát Hội trưởng Hội Phật Tử VNTNCS tại CHLB/TĐ hướng dẫn một phái đoàn đạo hữu và PT đến Bonn để hợp lực cùng phái đoàn của Thầy. Tất cả đều rập ràng, qui cũ làm đúng theo chỉ thị của Thầy đã sắp đặt.

Chúng tôi, BHT và cũng là BQT ở lại tiếp tục chương trình huấn luyện cho trại sinh. Các đề tài Phật Pháp cũng như chuyên môn đã được phổ biến đến các Chi Hội và GDPT địa phương để học hàm thụ trước. Khi đến dự trại, trại sinh chỉ ôn lại qua cách thức giảng huấn của Thầy và các HT cho đỡ mất thời gian và như vậy trại sinh dễ dàng lãnh hội thông suốt, nếu có thắc mắc hoặc không hiểu họ có quyền tự do nêu lên để nhờ ban giảng huấn giải đáp.

(còn tiếp 1 kỳ)

CUỘC ĐỜI ĐỨC PHẬT

● CHÙA KHÁNH ANH



tiếp theo

Có lần trên ngọn núi Gaya Shirsh, phun ra ngọn lửa lớn cháy hoại. Chỉ ngọn núi bốc cháy, Đức Phật nói với các đệ tử: "Cả thế giới này bùng cháy bởi đố kỵ và sân hận. Người trí là người đi tìm tự giải thoát khỏi ngọn lửa chết này".

Từ ngọn núi Gaya Shirsh, Đức Phật đi đến thành Vương xá (Rajagaha). Nghe tin Ngài đến, vua Tân Bà Ta la (Bimbāsara) cùng Hoàng hậu, Thái tử, cận thần ra tiếp đón Ngài. Ông trở thành một môn đồ của Đức Phật.



Đi hết chỗ này chỗ khác, Đức Phật về đến kinh thành của cha Ngài. Khi vua Tịnh Phạn biết được con trai mình đang khổ thức tại kinh đô mình, ông thấy vô cùng phiến muộn. Ông cùng các quan đi đến chỗ Đức Phật. Đức Phật an ủi ông bằng cách thuyết giảng về đức hy sinh.

Theo lời mời của vua Tịnh Phạn, Ngài đến cung điện để khất thực. Ngài đích thân xuất hiện trước công chúa Da Du đẩy kính phục. Công chúa phủ phục dưới chân Ngài.



Sau đó, công chúa Da Du dạy con trai là La Hầu La đến gặp cha để hỏi thăm sức khỏe. Đức Phật cho con gia nhập vào đoàn Tăng Già. Gia sản duy nhất của Ngài là hiến dâng và hy sinh (cho Đạo).

(còn tiếp)



VŨ NGỌC LONG



Foto: Reuters

Cuộc sống cơ cực lẫn than ở các trại tỵ nạn cộng với sự đe dọa cưỡng bách hồi hương của chính quyền Hồng Kông đã làm tinh thần của đồng bào tỵ nạn xuống dốc một cách thảm. Một số tìm cách trốn trại như 2 thiếu phụ trong ảnh, nhưng hầu như tất cả đều bị cảnh sát Hồng Kông bắt được

VIỆT NAM

- * Đẩy dân ra biển để lấy tiền hai đầu
- * Năm 1989, một triệu tấn gạo xuất cảng, trong khi dân đói

Mười bốn năm sau khi đảng CSVN tay sai của Liên Xô toàn chiếm hai miền Nam Bắc. Đất nước VN đã thất sự bước vào những thángh năm đen tối, 62 triệu dân của cả hai miền đã dẫn dắt lui về mức sống của những năm trong thập niên 40, 50. Ngoại trừ một thiểu số giai cấp mới, đó là các tên đảng viên, đoàn viên của đảng CSVN. Kinh tế VN ngày một tụt dốc tệ hại, giá trị đạo đức xã hội coi như không còn nữa. Trộm cướp, giết người và những vụ lường gạt đã trở thành những việc làm thông thường trong xã hội. Trong sự xuống nát và bạo loạn đó của xã hội VN hiện nay, không một tên lãnh đạo CSVN nào ở Hà Nội có thể chối cãi được. Khi những bằng chứng đã được phổ bày ở khắp mọi nơi, mọi chốn. Sau đây chúng ta hãy đọc một sự thật ở VN hiện nay được viết lên bởi một học sinh tên Lê Vĩnh Nguyên ở trường Lý Tự Trọng tại Nha Trang.

"Tôi là học sinh nhưng rất chán học, vì cảm thấy hoang mang về các thế giới người lớn ở chung quanh. Tôi có cảm giác bị phỉnh phờ, đầu óc luôn luôn bị ám ảnh bởi quá nhiều câu hỏi "Tại sao?" - Chúng ta nói có hòa bình sẽ xây dựng đất nước to đẹp dàng hoàng gấp mười lần hơn! Tại sao ngày nay đất nước có quá nhiều người thiếu cơm, thiếu áo... Tại sao sách giáo khoa dạy quá nhiều về lòng hãnh thù mà ít dạy về lòng bác ái, khoan dung, tính tự

trọng, tinh thần trách nhiệm? Tại sao không có những bài học dạy cho học sinh biết thế nào là cái nhục của một đất nước nghèo nàn, lạc hậu, và muốn giàu mạnh thì phải làm gì? ... Làm sao tôi có thể vui vẻ đến trường học bài "VN đất nước anh hùng" khi chúng ta dường như bất lực trước những sai lầm mà một đứa trẻ con như tôi cũng đã nhận ra được? Sao chúng ta cho phép sự dối trá thành điều bình thường trong xã hội chúng ta?..."

Trên đây là 1 lá thư của 1 học sinh gọi 1 tờ báo xuất bản ở Saigon vào tháng 7/88. Một sự thật phũ phàng về xã hội VN dưới bàn tay của đám lãnh đạo Hà nội, đã được vẽ lên, khiến bất cứ một người Việt nào còn chút lưu tâm tới quê hương dân tộc, không khỏi ngậm ngùi. Tuy nhiên bức tranh đen tối đó của xã hội VN không làm cho đám lãnh tụ Hà nội ngưng ngừng, tui nhục. Ta vẫn còn nghe những lời danh thếp và đẩy sắt máu của tên chớp bu tập đoàn CSVN Nguyễn Văn Linh lập đi lập lại, "quyết thực hiện cho được, một xã hội chủ nghĩa... hay với bất cứ giá nào phải bước vào khuôn mẫu tập thể sản xuất... hoặc không thế nào chấp nhận một sự chia xẻ quyền lực giữa đảng CS và các thế lực nhân dân... v.v..."

Trong khi đó trước những đói khổ của nhân dân cùng sự khinh miệt của các xứ quanh vùng về sự nghèo đói và lạc hậu của VN hiện nay. Đám

lãnh đạo Hà nội đang cố vùng vẫy tìm lối thoát, chúng ta thấy trong mấy năm qua nhiều "bài bản" lừa gạt dối trá được coi là "quốc sách" để mong cứu gỡ chế độ đang trong thời kỳ tàn lụi.

Màn buôn xác lính Mỹ, chiến dịch kêu gọi khẩn thiết khắp nơi, cùng các trò nguy trạng dân chủ, phát động phong trào tự phê tự kiểm v.v ... rồi kế đến phong trào đẩy dân chúng bỏ nước ra đi, hầu làm áp lực với các xứ quanh vùng, để đổi chất. Phong trào vượt biên đã rầm rộ được phát động, các cơ quan chính quyền địa phương, tại các vùng ven biển được nhân lệnh bí mật tổ chức lấy vàng. Trước chiến dịch này, tại các trại Hồng Kông có những ngày con số thuyền nhân VN lên tới 400 - 500 người. Tại Mã Lai trại Pulau Bidong trong tháng 1/89 có 7000 người nay lên con số 15.863 người, trước làn sóng người được chế độ CSVN ào ạt đẩy ra đi hầu thu vàng bạc, tài sản (4 lượng vàng 1 đấu người thân nhân ở hải ngoại trả với các người ở miền Nam, còn dân miền Bắc thì giá từ 1 - 2 lượng, hoặc ít hơn...). Mặt khác Hà nội lại bán tiếng điều đình với các xứ quanh vùng là sẽ nhận lại số người hiện còn ở đọng lại các trại với giá 1000\$US/1 người, Nguyễn Cơ Thạch ngoại trưởng CSVN mới đây tại Genève đã nói thẳng là sẽ nhận lại số thuyền nhân VN nếu các xứ Âu Mỹ trả mỗi người 1000\$US để họ tái định cư tại VN. Trước hành động bán dân lộ liễu đó, đã đưa tới tình trạng các chính phủ Hồng Kông, Thái, Mã dùng những biện pháp cực kỳ dã man là bán chìm, đẩy ra biển, hoặc bắt nhốt các thuyền nhân. Mỗi đây ký giả Subaini Aznam của tạp chí Kinh Tế Viễn Đông (F.E.E.R) cho biết từ 25/5 tới 7/7/89 hải quân Mã Lai đã đẩy 900 người Việt tỵ nạn ra biển lại sau khi họ cố gắng tấp vào các vùng biển Mã Lai khiến nhiều người đã bỏ mạng. Mặt khác Hà nội và Hồng Kông đã có 1 sự thỏa thuận trên vấn đề nhận lại hàng chục ngàn người bị liệt vào thành phần tỵ nạn kinh tế ở Hồng Kông. Cho tới nay người ta ước tính số lợi kiếm được do chiến dịch đẩy người ra biển của Hà nội lên con số hàng trăm triệu dollars và chính sách "buôn dân" này đem về cho ngân

sách nhà nước một số tiền không nhỏ.

Trở lại vấn đề dân chúng đói khổ, như chúng ta biết vào những năm ngoài Hànội cho phát động phong trào kêu gọi xin ăn từ trong ra ngoài nước. Nhiều lời kêu cứu khẩn thiết của các giới chức cao cấp CS VN với thế giới, cũng như tại hải ngoại đám Cộng con cũng đồng nhịp cất lên những lời kêu gọi bi thiết để vận động xin gạo cứu đói. Hòa nhịp theo chiến dịch kêu gọi này, những tên trí thức salon "dón gió độc" ở Paris, Berlin, Bắc Mỹ, cũng nỉ non hô hào cứu đói cho VN. Sự kiện hiện nay được chứng minh rõ ràng, màn lừa bịp của bạo quyền Hà nội trong chiến dịch này đã được ký giả Paul Handley ở Bangkok của tạp chí FEE.R. ghi lại trong số báo phát hành đầu tháng 8/89 như sau "Trong năm nay tức 1989, VN sẽ cho xuất cảng 470.000 tấn gạo từ Thành Hồ so với con số 100.000 tấn của năm ngoài. Hầu hết số gạo này được bán cho các xứ vùng Tây Phi châu, Phi Luật Tân và Trung quốc... Đầu năm 1989 Hànội đã ký một thương ước với Ấn Độ hạn kỳ tới 15/9/89 cung cấp 250.000 tấn với Tích Lan 70.000 tấn. Tuy nhiên theo giới buôn bán mế cốc ở Thái Lan, con số chính xác về số gạo CSVN bán ra là 1 triệu tấn trong năm 1989 này. Mặt khác giá gạo CSVN bán ra đã thấp giá hơn giá gạo trên thị trường quốc tế, từ 50 - 60\$US/1tấn. Như chúng ta biết từ sau 30.4.75 hầu hết dân chúng miền Nam đều phải ăn dòn, khoai bắp, chỉ trừ các gia đình có thân nhân ở hải ngoại gởi đồ về. Nạn đói đe dọa nhiều nơi, trong khi đó hàng trăm ngàn người xin ăn trên các hè phố ở khắp nơi. Vấn đề khổ của dân chúng không được coi là vấn đề của đảng CSVN, dân trong nước không có gạo ăn, nhưng gạo vẫn thừa dư mang đi bán, để nuôi dưỡng guồng máy cai trị và xâm lăng các xứ láng giềng.

Trong khi đó một hội nghị quốc tế về vấn đề Kampuchea đã diễn ra tại Paris, canh bài bịp của đám lãnh tụ Hà nội đã khởi đầu. Hà nội tuyên bố sẽ rút hết quân khỏi Kampuchea sớm hơn 3 ngày tức 27.9.89, thay vì ngày 30.9 như trước đây (coi phần Kampuchea).

Mặt khác vào ngày 30.7.89 đài phát thanh Hànội loan tin Mỹ và CSVN đã đồng ý một chương trình cho ra đi những người trước 30.4.75 cùng công tác với quân đội Mỹ trong thời gian chiến tranh. Theo đài này nói nhóm người đầu tiên sẽ được rời khỏi VN vào cuối năm nay để đoàn tụ với gia đình ở Mỹ. Được biết cầm đầu phái đoàn của Mỹ là Robert L. Funseth giám đốc văn phòng của chương trình người tỵ nạn Hànội cũng nói, Mỹ đã cam kết những người ra đi này sẽ không chống phá chế độ CS VN. Funseth nói Mỹ đã đưa cho Hà nội một danh sách 3500 người ưu tiên thế tự những ai bị tù lâu nhất. Theo phía Mỹ con số người sẽ được Mỹ nhận là 90.000 người gồm cả thân nhân, trong khi đó phía Hà nội đưa ra con số là 400.000 người

Vấn đề khác biệt này, được phía hành pháp Mỹ đưa ra lời trấn an là Mỹ sẽ đón nhận tất cả những cựu tù nhân VN nào muốn tới định cư tại Mỹ. Theo tin mới nhất được phía bộ ngoại giao Mỹ loan là 3000 người sẽ được rời khỏi VN trong 3 tháng cuối của 1989 này. Ngoài ra cũng có nhiều dấu hiệu cho thấy mối quan hệ ngoại giao trên cấp bậc đại sứ giữa Mỹ và CSVN sẽ được thiết lập, trong 1 thời gian gần đây. Được biết vấn đề này đã được các công đồng và báo chí của người Việt tỵ nạn ở hải ngoại bàn cãi. Tuy nhiên tất cả ngoài tầm tay của khối người Việt tỵ nạn. Mỹ vì quyền lợi của xứ sở họ, chứ không phải vì quyền lợi và danh dự của trên 1 triệu 5 người Việt tỵ nạn ở khắp nơi. Mặt khác danh dự và liêm sỉ của khối người Việt tỵ nạn bấy lâu nay đã bị bôi đen bởi đám người vô sĩ hưởng ứng chương trình du lịch về VN và đám trí thức sống trong thập ngà hồ hào hòa giải hòa hợp với bạo quyền Hà nội. Vậy những ai trong chúng ta còn thiết tha với quê hương dân tộc nên coi vấn đề Mỹ và CSVN quan hệ với nhau như 1 vấn đề bình thường, và chẳng nên coi đó là một sự thất bại của khối người Việt quốc gia chúng ta ở hải ngoại. Năm 1972 Nixon, Hoa du mối quan hệ Mỹ Hoa nối lại, tháng 4/89 phong trào đòi dân chủ ở Trung Hoa bùng lên, tượng nữ thần tự do ở Mỹ đã được dựng lên tại Thiên An Môn Bắc Kinh. Tuy phong trào đòi dân chủ đã bị đàn áp đẫm máu ở Trung quốc, nhưng một điều rõ ràng là Mỹ đã "cây" được tự do tư tưởng dân chủ vào đầu óc giới trí thức Trung hoa, một hứa hẹn về một cuộc nổi dậy của dân chúng Trung quốc chắc chắn còn xa. Trở lại vấn đề Mỹ CSVN tiến tới quan hệ bình thường nếu những ai có một cái nhìn sâu sắc thì chẳng lấy đó làm bi quan. Mặt khác chủ nghĩa CS đã tới ngày cáo chung, đám lãnh tụ CSVN, đang

là những tên bồi thuyên trên giòng cương lũ, lòng căm phẫn của toàndân về tập đoàn bán nước, buôn dân đã ngất cao. Vấn đề giấy chết của đảng CSVN chỉ còn là vấn đề thời gian. Tuy nhiên thời gian đó dài hay ngắn là tùy thuộc rất nhiều vào sự quyết tâm tranh đấu của chúng ta ở hải ngoại. Ai trong chúng ta có thể tin rằng những chiến hữu chúng ta bị giam cầm trong ngục tù CS có thể được thả ra và đường hoàng nắm tay vợ con lên máy bay ra đi nước ngoài, thế mà những trường hợp đó đã đang và sẽ diễn ra. Và trong niềm tin sắt đá, một ngày không xa nào đó chúng ta sẽ trở về quang phục quê hương, những tên CS bán dân, bán nước, sẽ quì mọp xuống xin ăn năn hối lỗi. Khác với lũ người xác người hỗn thú CS, mọi người chúng ta đều cất cao tiếng nói "mang tình thương để xóa bỏ hận thù". Lời giao giảng trên 2500 năm của đức Thích Ca đã trở thành lời chào hỏi lẫn nhau giữa mọi người Việt chúng ta như những tiếng chào good Morning! hay Guten Morgen! hoặc "anh đã ăn cơm chưa! của người Mỹ, người Đức, người Tàu ... làng của cáo Hồ được sửa sang lại thành nhà nuôi dạy trẻ mồ côi, mọi người chúng ta sẽ nuôi dạy những đứa con cháu, bất hạnh này thế nào là tình thương xóa bỏ hận thù và thế nào là một dân tộc Việt Nam anh hùng bất khuất. Những ngày tháng tới những biến chuyển của tình hình thế giới hòa nhịp với những thay đổi ở Kampuchea, Lào và Việt Nam. Nhưng một điều chắc chắn rằng hòa bình vẫn chưa thể đến với Kampuchea dù một chính phủ liên hiệp có ra đời. Và tại VN một bộ mặt sắt máu, bạo thù, cực đoan của đám lãnh tụ Hànội vẫn không thay đổi. Văn mệnh dân tộc Việt Nam vẫn sẽ trôi nổi trong bóng đen đayđặc. Niềm tươi sáng cho quê hương dân tộc chỉ đến khi tập đoàn CSVN tay sai đế quốc Liên Xô không còn nữa.

KAMPUCHIA

Bài bản cũ soạn lại: Hội hợp hiệp ước - ngưng bắn - hòa bình. Nhưng tất cả để khởi đầu một cuộc nội chiến mới.

Hàng ngàn trái đạn đã được pháo binh của bộ đội CSVN bắn vào các căn cứ địa của 3 lực lượng Kháng chiến Khmer gồm lực lượng Khmer Đỏ lực lượng Sihanouk, lực lượng của Som Sann ở dọc biên giới Thái Miên. Các cuộc pháo kích này cũng không từ chối nả vào các trại tỵ nạn gồm cả người Việt và Miên đang tỵ nạn tại đây. Giới quan sát của Thái Lan thì nói rằng có lẽ chính quyền Hà Nội muốn dẫn dắt và làm suy yếu các lực lượng Khmer kháng chiến trước khi họ phải bắt buộc rút quân về vào cuối tháng 9/89 này. Trong khi đó tại Paris vào cuối tháng 7/89 một hội nghị quốc tế với sự tham dự của ngoại trưởng 20 nước đã cùng nhau bàn thảo một

giải pháp cho vấn đề hòa bình ở Kampuchea sau khi bộ đội CSVN rút về nước đúng như lời Hà Nội tuyên bố trước đây. Như chúng ta biết chỉ trước đó vài ngày cũng tại Paris, nhưng ở vùng ngoại ô của La Celle S.Cloud, 4 phe Khmer đã gặp nhau trong một hội nghị bàn tròn do chính quyền Pháp bảo trợ. Nhưng hội nghị này đã tan vỡ chỉ sáu vài giờ bắt đầu khai mạc, vì các bất đồng giữa 4 phe. Tuy nhiên một điểm đạt được là 4 phe sẽ đồng ý ngồi cùng nhau trong hội nghị quốc tế với danh xưng là Combodia. Trở lại bản hội nghị quốc tế, trong diễn văn của ngày khai mạc hội nghị, ngoại trưởng Mỹ James Baker 3 đã tuyên bố "sự chiếm đóng của

quân ngoại quốc phải chấm dứt, bạo loạn phải chấm dứt, những sự bất đồng phải được chấm dứt. những tất cả những gì chúng ta có thể giúp cho dân chúng Kampuchea phải được đặt trên căn bản với sự đồng ý của các phe phái tại Kampuchea. Mặt khác giới chức của bộ ngoại giao Mỹ cũng tiết lộ các phe phái ở Miên phải đặt dưới sự kiểm soát của lực lượng giữa hòa bình Liên Hiệp Quốc và bộ đội CSVN phải rút về hết, nhưng phía Mỹ cũng nói rằng vấn đề chia xẻ quyền lực giữa 4 phe Khmer cũng còn nhiều khó khăn. Như chúng ta biết phía Khmer Nam Vang thì đòi hỏi phải có hiệp ước ngưng bắn trước khi bộ đội CSVN rút quân khỏi Miên. Phía Khmer Đỏ thì bắt bỏ để nghị này, và phía Sihanouk và Som Sann cũng không chấp nhận. Thái tử Sihanouk cũng lên tiếng nhấn mạnh bộ đội CSVN và các cố vấn núp dưới sự giả dạng người Kampuchea cũng phải rời khỏi Miên. Phía Khmer Đỏ còn chi tiết hơn các thường dân Việt đang sống ở Miên cũng phải về nước. và Khmer Đỏ đưa ra con số hiện có trên một triệu dân Việt sống ở Miên. Trong khi phía Khmer Nam Vang nói chỉ có hơn 500.000 người, trong đó gồm nhiều người Miên, trước đây đã sống ở VN bây giờ trở lại Miên sinh sống, hoặc những con cháu của họ. Vấn đề đòi hỏi của phe Khmer Đỏ trên đây cũng đã được 2 phe Sihanouk và Som Sann đồng ý trong những giờ cuối của hội nghị 4 phe. Tại bàn hội nghị quốc tế ở Paris, phía Trung Quốc đã tỏ ra bất đồng rần rần trong vấn đề đòi hỏi quyền lực cho phe Khmer Đỏ, lực lượng do Trung Quốc yểm trợ từ nhiều năm qua, giới quan sát chính trị quốc tế cho rằng phái đoàn Trung Quốc do ngoại trưởng Qian Qichen cầm đầu đã cố tỏ ra hòa dịu, để vớt vát lại uy tín quốc tế sau vụ chính quyền đàn áp dã man phong trào đòi dân chủ ở Bắc Kinh hồi thượng tuần tháng 6 vừa qua. Sau hai ngày bàn thảo hội nghị đã thảo luận các vấn đề sau đây :

- Một lực lượng quốc tế dưới sự bảo trợ của Liên Hiệp Quốc sẽ được gởi tới Miên để giám sát cuộc rút quân của bộ đội CSVN.
- Một chính phủ lâm thời được thành hình bao gồm các phe liên hệ để tổ chức cuộc tổng tuyển cử và ngăn chặn bất cứ sự trở lại nắm quyền nào của phe Khmer Đỏ.
- Một hạn kỳ chấm dứt tất cả những quân viện từ ngoại quốc cho các phe phái ở Kampuchea.

Cũng trong hội nghị ngoại trưởng Trung Quốc luôn luôn đòi hỏi một chính phủ lâm thời do Sihanouk cầm đầu, sau khi bộ đội CSVN rút khỏi Miên. Và phía Trung Quốc cho rằng đây là vấn đề căn bản để giải quyết cuộc chiến ở Miên. Ngoài ra Trung Quốc cũng ủng hộ để nghị một lực lượng quốc tế được sự bảo trợ của Liên Hiệp Quốc. Trong khi đó phía Khmer Nam Vang và CSVN thì chống đối để nghị này. Bộ ngoại giao Mỹ nói nếu không có lực lượng

duy trì hòa bình của Liên Hiệp Quốc thì chắc chắn trận chiến sẽ vẫn tiếp tục diễn ra giữa 4 phe ở Miên. Vào 3.8.89 thì phát ngôn viên của Liên Hiệp Quốc tuyên bố trung tướng Martin Vadset của Na Uy sẽ là tổng chỉ huy lực lượng kiểm soát quốc tế của Liên Hiệp Quốc ở Miên.

Trên thực tế qua những kinh nghiệm lịch sử ở 3 xứ Đông Dương, chúng ta đã thấy rất nhiều hiệp ước đã được ký kết giữa các phe phái với công sản. Từ hiệp định Genève chia 2 VN vào 1954, tới các hiệp định về Ai Lao trong những năm đầu thập niên 60, rồi tới các hiệp định tái lập hòa bình ở Đông Dương 1973. Các hiệp ước này đều có sự hiện diện của nhiều nước liên hệ của cả hai phía tu bản và cộng sản. Riêng tại Việt Nam ngày 27.1.1973 hiệp ước Paris được Mỹ, VNCH, Bắc Việt và CS Miên Nam ký kết với sự chứng minh của hơn 10 quốc gia. Nhưng chỉ 2 năm sau CS Bắc Việt đã xua quân xâm lăng Nam Việt Nam. Nhắc lại bài học lịch sử để chúng ta rút ra lời nhận xét, rồi đây dù hội nghị quốc tế có được ký kết dưới những hình thức nào đi nữa chắc chắn trận chiến sẽ không thể tàn lụi ở Miên được, phía CSVN sẽ gài cán bộ lại Miên và đẩy mạnh áp lực bất chính quyền bù nhìn Hun Sen theo dưới cuộc chiến để loại các phe phái kinh chống. Mặt khác với lực lượng trên 40.000 tay súng đầy đạn chiến trường, phe Khmer Đỏ chẳng dễ dàng gì giã từ vũ khí để nép mình chịu phục tùng các phe phái liên hệ. Dù một chính phủ liên hiệp do Sihanouk cầm đầu có ra đời, cuộc tổng tuyển cử có diễn ra, nhưng một điều chắc chắn rằng sự kinh chống nhau giữa 4 phe Khmer sẽ khó dứt, như chúng ta biết 2 phe Sihanouk và Som Sann mới đây được hứa hẹn từ Mỹ là sẽ gia tăng viện trợ để tăng cường quân số, còn phe Khmer Đỏ chắc chắn cũng đã nhận được nhiều chiến cụ từ phía Trung Quốc. Riêng phe Khmer Nam Vang Liên Sô và CSVN đã trang bị đầy đủ các chiến cụ và tăng cường quân số trước khi chịu tới bàn hội nghị. Đây là một sách lược của CS luôn luôn dùng sức mạnh quân sự để tìm kiếm một giải pháp chính trị. Họ không bao giờ vào bàn hội nghị khi lực lượng quân sự ở thế yếu cả. Mặt khác cũng

để chuẩn bị thế lòng dân, phe Khmer Nam Vang đã mở mặt trận dân vận rộng lớn. Với tỷ lệ 90% dân Miên theo Phật giáo, mỗi đây trong ngày Tết vào đầu tháng 4 dương lịch của dân Miên, Heng Samrin, chủ tịch đảng CS miên Nam, Hun Sen thủ tướng là 3 nhân vật trong bộ chính trị đã tới chùa Onnalom dự buổi lễ Phật đầu năm kéo dài 2 tiếng. Để thu phục lòng dân từ tháng 7/88 dài phát thanh Nam Vang đã có chương trình tụng kinh Phật sau 13 năm bị cấm cản. Cuối năm rồi Heng Samrin đã dự lễ ở tỉnh Kompong Cham và tặng 1 triệu Riel (6.600\$US) để sửa 1 ngôi chùa của làng nơi sinh của Samrin. Ngoài ra chính phủ Nam Vang cũng tự nhận đã có chính sách sai lầm về tôn giáo trước đây là cấm thanh niên dưới 55 tuổi đi tu. Tháng 4/89 vừa qua quốc hội Miên đã bỏ phiếu coi Phật giáo là quốc giáo ở Miên. Như chúng ta biết 1975 phe Khmer Đỏ nắm quyền ở Miên tất cả các chùa bị phá hủy hay biến thành các kho chứa, các sư sãi Miên bị đập chết hay bắt hoàn tục. Ngày nay 2800 ngôi chùa đã hoạt động lại trong số 3000 trước 1975; tuy nhiên số tu sĩ chỉ có 8000, trước 75 tới 60.000. Nhiều chùa đã không có sư trụ trì như tỉnh Takeo trước 75 có 50 tu sĩ nay chỉ có 2 vị. Trên mặt nổi chính quyền Nam Vang cho sửa sang chùa chiền, nhưng mặt khác lại cho cán bộ tuyên truyền vận động dân chúng đừng đi chùa. Các cán bộ nói không làm gì có vấn đề tương lai, mọi việc thì ở trong đời hiện tại mà thôi. Với những vận động nhiều mặt phía Khmer Nam Vang đã chuẩn bị một thế lôi kéo dân chúng hầu loại ảnh hưởng của 3 phe Khmer kia ra khỏi quần chúng. Xuyên qua những vận động ngầm ngầm hay công khai của cả 4 phe Khmer, người ta tiên đoán rằng viễn ảnh của một cuộc nội chiến sẽ tiếp tục diễn ra ở Miên. Dù chính quyền liên hiệp có ra đời và do Sihanouk cầm đầu đi nữa, trận chiến vẫn tiếp diễn, hòa bình vẫn chỉ là những áng mây vật vờ bay lượn trước mắt hơn 5 triệu dân Khmer; nhưng họ không thể nào nắm giữ được vì các phe phái liên hệ của các siêu cường Mỹ, Trung Quốc, Liên Sô và các xứ quanh vùng nhất là CSVN vẫn chưa muốn nhà Miên. Bom đạn và sự thống khổ sẽ còn tới với dân Miên, mãi hoài...

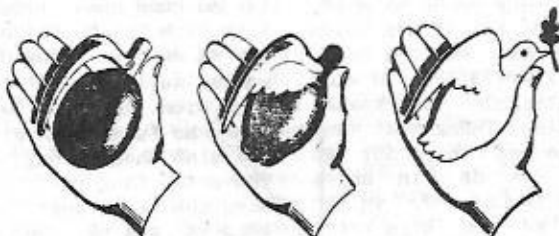


ILLUSTRATION FOR TIME BY DAVID SUTHER

Dân tộc anh hùng bất khuất đang vùng lên đòi quyền làm người

Bước lên hàng đầu trong chủ trương nổi lòng và xa dần chủ nghĩa CS. Đảng CS cầm quyền ở Balan đã làm 1 cuộc cách mạng mới, thay đổi nhiều trong bộ mặt sinh hoạt chính trị ở Balan. Cuộc bầu cử lưỡng viện quốc hội ở Balan đã diễn ra phe công đoàn Đoàn Kết đối lập do Walesa lãnh đạo đã chiến thắng vẻ vang với 161 ghế tại hạ viện do cam kết của chính quyền dành cho là 35% số ghế, tại thượng viện công đoàn Đoàn Kết cũng chiếm 99 ghế trong số 100 ghế. Sau kết quả này Tổng bí thư đảng Cộng Sản Balan tướng Jaruzelki đã mời lãnh tụ Walesa của công đoàn Đoàn Kết tới để thảo luận vấn đề liên minh giữa đảng CS và công đoàn Đoàn Kết. Sau 2 giờ thảo luận đã không đi tới kết quả nào dù Jaruzelki hứa dành cho phe công đoàn 7 ghế trong 21 ghế của chính phủ bao gồm phó thủ tướng, 1 tổng trưởng y tế, kỹ nghệ, môi sinh và nhà ở.. Walesa đã từ chối và tuyên bố công đoàn Đoàn Kết luôn luôn giữ ở thế đối lập để duy trì chủ trương cởi mở, đổi mới của chính phủ. Sau lời từ chối của phe công đoàn Đoàn Kết trong chính phủ liên minh, Tướng Jaruzelki tuyên bố từ chức chủ tịch đảng mà ông đã giữ trong 8 năm qua, người kế vị là thủ tướng Mieczyslaw Rakowski. Mặt khác tướng Czeslaw Kiszczak được cử làm thủ tướng. Cả hai người nắm phía bên đảng và nhà nước đều là tay chân thân tín của tướng Jaruzelki. Cũng trong sơ đồ tổ chức mới của chính quyền Balan, tướng Jaruzelki nắm chức chủ tịch quyền hành tạo gồm cả đảng và nhà nước. Thủ tướng Kiszczak 63 tuổi đã nắm chức tổng trưởng nội vụ từ 1981 trong thời gian Balan ban hành quân luật, nhiều lãnh tụ của công đoàn Đoàn Kết bị công an dưới quyền Kiszczak bắt giam, rất nhiều nạn nhân của Kiszczak nay là dân biểu hay nghị sĩ trong quốc hội. Ngay khi hay tin Kiszczak được đề cử làm thủ tướng, phía công đoàn Đoàn Kết đã lên tiếng chống đối, đảng Thống Nhất Nông Dân một đảng liên minh với đảng CS, lúc đầu cũng lên tiếng chống đối sự bổ nhiệm này. Nhưng sau đã thay đổi lập trường, chỉ có 5 người còn theo phe công đoàn Đoàn Kết. Cuối cùng cuộc bỏ phiếu tại lưỡng viện quốc hội để tin nhiệm Kiszczak trong chức vụ thủ tướng với số phiếu 237/173 và 10 vắng mặt. Theo Alexander Bentkowski lãnh tụ của đảng Thống Nhất Nông Dân, sơ dĩ có sự thay đổi lập trường trong vấn đề tin nhiệm tướng Kiszczak trong chức vụ thủ tướng vì một số dân biểu trong công đoàn Đoàn Kết đã tuyên bố với báo chí về sự bất đồng giữa các đảng viên đảng Nông Dân về vấn đề tin nhiệm tướng Kiszczak, cũng như phe công đoàn Đoàn Kết tấn công tổng trưởng canh nông một đảng

viên đảng Nông Dân. Sau cuộc bỏ phiếu tướng Kiszczak trong chức vụ thủ tướng đã tuyên bố chấp nhận sự đòi hỏi của phe công đoàn Đoàn Kết về vấn đề thành lập một ủy ban mang tên thay đổi kinh tế, và cho tăng số lượng kỹ nghệ sản xuất thực phẩm, một đòi hỏi của đảng Nông Dân.

Mặt khác thủ tướng Kiszczak nói, ông sẽ không ngừng cố gắng kêu gọi sự hợp tác với chính phủ của phe công đoàn Đoàn Kết.

Trong khi đó vào hạ tuần tháng 6 tổng thống Mỹ Bush đã mở chuyến viếng thăm chính thức Balan và sau đó là Hung Gia Lợi. Chuyến thăm Balan của George Bush mang nhiều ý nghĩa như một đòn tấn công ngoại giao của Mỹ vào các chủ hầu nông cốt của Liên Xô ở Đông Âu. Để ngăn ngừa một phản ứng của Sôviết trước khi mở chuyến công du Balan, Tổng thống Mỹ đã viết cho chủ tịch Liên Xô Gorbachev một lá thư trình bày chuyến viếng thăm Balan và Hung, không mang ý nghĩa là tao rời loạn phía sau của Liên Xô. Tuy nhiên, trên thực tế người ta phải hiểu rằng, Bush đang trả miếng lại chuyến viếng Tây Đức của Gorbachev mới đây. Tại Balan ngoài cuộc gặp gỡ với các lãnh tụ đảng CS Balan, George Bush và vợ đã có cuộc gặp gỡ riêng với lãnh tụ công đoàn Đoàn Kết Balan Walesa, cũng như nhận lời mời ăn bữa cơm thân mật tại nhà riêng của Walesa tại Gdansk. Sau đó tổng thống Mỹ viếng thăm Budapest thủ đô của Hung Gia Lợi. Trong cuộc gặp gỡ sinh viên Hung ở đại học Karl Marx, tổng thống Mỹ đã nói với các sinh viên "nhân dân các anh, và các nhà lãnh đạo của các anh, phía chính quyền cũng như phía đối lập, không sợ hãi đã dứt bỏ quá khứ và đã hành động trong tinh thần của sự thật". Chấm dứt cuộc viếng thăm 2 xứ Đông Âu, tổng thống Mỹ đã hứa giúp Balan số tiền 115 triệu \$US và Hung 25 triệu \$US. Trong khi đó hiện nay Balan thiếu nợ quốc tế là 39 tỷ \$US và lãnh tụ công đoàn Đoàn Kết Walesa nói Balan cần 10 tỷ \$US để phục hưng kinh tế. Tuy số tiền giúp đỡ ít ỏi của Mỹ cho Balan, nhưng sau đó Tổng thống Mỹ đã kêu gọi các kỹ nghệ Tây Âu cùng nhau tiếp tay để cải tiến kinh tế cho Balan. Lời kêu gọi này đã được sự hưởng ứng của các xứ Tây Âu, hơn 500 triệu \$US sẽ được viện trợ cho Balan. Sau một tháng cho tự do định giá thị trường giá sinh hoạt trong các hàng nhu yếu phẩm tăng vọt, tân chính phủ đang cho kiểm soát lại mức lương bổng và giá cả, với mức lạm phát 100% mỗi năm đời sống của dân chúng Balan còn gặp rất nhiều khó khăn, một vài hãng xưởng công nhân đã đình công đòi tăng lương, chính quyền Balan đang đứng trước trăm ngàn khó khăn, một mặt muốn cải

■ Nhóm bất cóc các kiều dân Mỹ làm con tin ở Lebanon đã đưa điều kiện sẽ phóng thích Joseph J. Cicippio người Mỹ lẽ ra đã bị treo cổ. Để đổi lấy 0 Beid, cùng 150 người Liban và 355 lính và dân Palestine hiện bị Do Thái cầm tù. Trong khi Do Thái đưa điều kiện sẽ thả Obeid cùng tất cả những người Lebanon và Palestine bị giữ đổi lấy 3 lính Do Thái và 18 con tin của các xứ Âu Mỹ hiện đang bị cầm giữ từ nhiều năm qua ở Lebanon. Cuộc điều đình qua trung gian của Iran, tuy nhiên cho tới đầu tháng 8/89 chưa có kết quả nào cụ thể. Tổng trưởng quốc phòng Do Thái Rabia nói có lẽ còn phải một thời gian dài.

■ Hàng ngàn thanh niên sinh viên Hồng Kông đã biểu tình trước trụ sở của tổng đốc đại diện chính quyền Anh ở Hồng Kông phản đối về việc chính phủ H.K. xây một trung tâm ty nạn thuyền nhân VN ở Saikung, một quần ở ngoại ô. Đám biểu tình cũng phản đối chính sách ưu tiên cho thuyền nhân VN thay vì trả lại những người Hoa tị nạn địa trốn qua. Bộ ngoại giao Anh hứa ngoại trưởng Anh John Major sẽ qua Hồng Kông vào cuối năm nay để giải quyết vấn đề chống đối của sinh viên và thanh niên.

■ Hàng trăm ngàn các công nhân mỏ than trên toàn xứ Nga đã tổ chức những cuộc đình công đòi tăng lương và điều kiện làm việc. Trước phong trào lên cao chủ tịch Gorbachev và các chính quyền địa phương hứa hẹn sẽ thỏa mãn hết các yêu cầu của công nhân. Nay thời gian đã trôi qua, mọi vấn đề vẫn chưa giải quyết. Tại Kuzbass vùng mỏ than lớn nhất ở Nga các công nhân vẫn lảng công từng bộ phận để cảnh cáo. Mới đây 17 khu vực của mỏ than Kuzbass đã cùng nhau đình công trong 2 giờ. Vùng Vorkata cũng chuẩn bị đình công lại. Cho tới nay các công nhân mỏ trên toàn xứ Nga đưa hạn kỳ 1.1.1990 nếu chính quyền không giải quyết sẽ đồng loạt đình công.





Thanh niên Ba Lan biểu tình đòi tướng Jaruzelski từ nhiệm

thiên kinh tế theo chủ trương kinh tế tự do, nhưng e sợ làm qua nhanh sẽ bị Liên Xô dẫn dắt. Mặt khác nếu vẫn duy trì hệ thống kinh tế cũ, thì kinh tế không thể nào vươn lên nổi. Trong khi đó mỗi mống sinh hoạt chính trị dân chủ đã nảy mầm. Mặt khác Warsaw thù địch Balan là tổng hành dinh của khối quân sự Đông Âu, một sự nhanh chóng nào ngả theo phe Tây phương, sẽ làm suy yếu khối Đông Âu, điều này chắc chắn dẫn dắt tu Cấm Linh chẳng để cho chính quyền hiện tại ở Balan tồn tại, khó mà tiên đoán được những gì sẽ xảy ra cho nhân dân anh hùng bất khuất Balan vào những tháng năm tới. Với diện tích 312.677 km2

dân số gần 38 triệu, 95% theo Thiên Chúa giáo La Mã. Cho tới những ngày của thượng tuần tháng 8, tức hơn 2 tuần khi tướng Kiszczak được đề cử làm thủ tướng, phía công đoàn Đoàn Kết vẫn khẳng định không cử người tham gia chính quyền, dù nhiều lần mới gọi của tướng Jaruzelski và tướng Kiszczak mới đây lãnh tụ công đoàn Đoàn Kết Walesa tuyên bố với báo chí "đây không phải con đường tiến tới chính phủ mà chúng tôi mong đợi". Trong khi đó giá sinh hoạt tăng vọt các nhu yếu phẩm của dân Balan như thịt, sữa, phở mất tăng giá 500%, một số nơi công nhân đã đình công phản đối.



Toshiki Kaifu

Tân thủ tướng Nhật Toshiki Kaifu

HOA KỲ-TRUNG ĐÔNG

- * Còn sót con tin lên cao độ
- * Các chính quyền Âu Mỹ im lặng sợ hãi trước sự khủng bố

Trong sự băng hoại về giá trị đạo đức của xã hội Âu Mỹ hiện nay, những vụ giết người, bắt cóc tổng tiến, hãm hiếp v.v. nó xảy ra thường nhật. Thậm chí có những vụ khủng bố dật bom nơi phi trường, nhà ga và trên phi cơ khiến cả trăm người tan xác trong giây phút. Tất cả đã nhanh chóng quên đi nơi mọi người, sau khi nghe, hoặc đọc trên truyền thanh, truyền hình và báo chí. Nhiều người đưa ra nhận xét đây là, thời của những kẻ khủng bố, kẻ nào dám hành động sắt máu là kẻ đó thắng. Lương tâm và giá trị đạo đức của con người đã bị chao đảo - người ta đã lăm lăm giữa khủng bố và chống khủng bố đầu là đúng. Đêm thứ sáu 28.7.89 một lực lượng đặc công của Do Thái đã bắt thân

tấn công vào làng Jibchit (nam Liban) với mục đích bắt sống Sheikh O Beid 36 tuổi người được coi như thủ lĩnh của nhóm khủng bố mang tên Đảng của Chúa (Party of God). Phía Do Thái cho rằng O Beid đã chỉ huy cả thầy trên 50 vụ tấn công lực lượng Do Thái ở vùng dọc biên giới với Liban. Ngay sau khi tin O Beid và 2 phụ tá bị đặc công Do Thái bắt đi. Tổ chức mang tên Oppressed on Earth (áp bức trên trái đất) đưa ra lời cảnh cáo bằng tiếng Ả Rập gửi cho các hãng thông tấn Tây phương, đại tá Higgins nguyên là thủy quân lục chiến Mỹ hoạt động trong lực lượng mũ xanh Liên H. Hiệp, sẽ bị treo cổ vào 3 giờ chiều thứ hai 31.7.89, nếu O Beid và 2 phụ tá không được phóng

■ Kỷ niệm 200 năm cuộc cách mạng Pháp 1789 với sự hiện diện của 34 lãnh tụ thế giới. Lãnh tụ đảng đối lập Jacques Chirac và là đương kim thị trường Paris đã tẩy chay buổi lễ, lý do, chi phí quá tốn kém, trong khi ngân quỹ quốc gia khá khá giả gì (ước tính lễ lạc, tốn phí gần 280 triệu \$US). Cuộc cách mạng 1789 mang ý nghĩa to lớn và khởi đầu cho chế độ dân chủ của nhân loại.

■ Thành quả của chế độ CS ở Nicaragua sau 10 năm nắm quyền 250.000 dân chúng bỏ nước ra đi trong số 3,5 triệu dân, lạm phát 36.000%, thất nghiệp 30%, lợi tức đều người 300 \$US xử nghèo nhất Tây bán cầu, 23000 trẻ em lang thang bụi đời, không cha không mẹ, tất cả học sinh lớn nhỏ đi học phải mang theo bàn ghế để ngồi...

VŨ NGỌC LONG
7.8.1989

thích vào giờ đó, vấn đề bỗng trở nên sôi nổi hầu hết các xứ Âu Mỹ đã giữ một thái độ dè dặt, lo sợ, không dám lên tiếng; các chính phủ Âu Mỹ sợ hãi phe khủng bố sẽ chiếu cố tới các kiều dân của họ; riêng Mỹ thì chẳng động đùng vì Đại tá Higgins là người Mỹ. Tổng thống Mỹ George Bush đã gián tiếp chỉ trích hành động của Do Thái. Được biết Do Thái muốn bắt sống O Beid để đánh đổi lấy 3 lính Do Thái bị bắt hồi 1986 cùng 18 con tin của Mỹ, Anh, Pháp, Tây Đức hiện bị các nhóm khủng bố giam cầm ở Liban. Được biết tổ chức Đảng của Chúa được Iran và Syria đỡ đầu. Liên sau khi O Beid bị bắt bộ trưởng nội vụ Iran đã lên tiếng cảnh cáo Do Thái và Mỹ sẽ phải trả 1 giá đất. Ba giờ chiều ngày thứ hai 28.7. trôi qua, một band Video hình đại tá William R. Higgins bị treo cổ được phổ biến. Phía Hoa Kỳ để vớt vát thế diện để loan tin, theo tin của tinh báo thì đại tá Higgins đã chết từ tháng 12 năm ngoái và doan band Video đó là giả, phía tổ chức Oppressed on Earth tuyên bố đã treo cổ đại tá Higgins đúng 3 giờ chiều thứ hai như hạn định. Nhiều giờ sau khi đại tá Higgins bị treo cổ một tổ chức mang tên Công ty cách mạng được sự bảo trợ của Iran nói sẽ tiếp tục treo cổ người Mỹ thứ 2 là Joseph J. Cicippio nếu O Beid không được phóng thích vào ngày thứ ba 1.8.89 lúc 6 giờ chiều. Được biết Cicippio làm việc trong đại học Mỹ ở Beirut. Ngoài ra Terry Waite người Anh phục vụ trong hội nhà thờ Anh giáo ở Beirut cũng có tên trong danh sách bị treo cổ vào giờ trên. Tin tức về các vụ treo cổ kế tiếp làm dư luận báo chí Âu Mỹ sôi sục, như đặc biệt dân chúng và các chính phủ Âu Mỹ cực kỳ im lặng. Tại Jerusalem tổng trưởng quốc phòng Do Thái Yitzhak Rabin tuyên bố sẵn sàng phóng thích O Beid và từ 50 tới 60 lính Hồi giáo gốc Shiit nếu phe khủng bố chịu thả 3 lính Do Thái và tất cả con tin Âu Mỹ hiện bị cầm giữ ở Liban. Theo danh sách được tổng kết các con tin của các xứ Âu Mỹ bị bắt và giết từ 1984 tới nay là 8 người.

- Trước hết là William Buckley 57 trum CIA ở Beirut bị tổ chức Islamic Holy War giết 4.10.1985.
- Peter C. Kilburn 62 tuổi nhân viên thư viện đại học Mỹ ở Beirut bị giết 17.4.86 cùng với 2 con tin người Anh, trả đũa vụ Mỹ đánh bom Lybia.
- Leigh Douglas 34 tuổi giáo sư Anh ngữ bị chết cùng ngày với Kilburn.
- Denis Hill người Anh giáo sư Anh ngữ bị bắn chết 27.5.85.
- Arkadi Katkov 32 tuổi tùy viên văn hóa của tòa đại sứ Liên Xô ở Beirut.
- Michel Seurat 37 tuổi nhà nghiên cứu người Pháp bị giết 5.3.86 sau gần 1 năm giam giữ.

Ngoài ra hiện nay còn tất cả 18 người mang nhiều quốc tịch bị cầm giữ ở Liban. Gồm đủ thành phần, ký giả, giáo sư đại học, thương gia, chuyên viên truyền hình, nhân viên



Vợ của Joseph Cicippio, một kiều dân Mỹ đang bị bắt làm con tin ở Beirut, đang nhìn ảnh chồng do những kẻ bắt cóc chụp và gửi cho bà

thiện nguyện xã hội; gồm 9 người quốc tịch Mỹ, 1 Pháp, 1 Ý, 4 người Anh, 2 Tây Đức, 1 tu sĩ Hồi giáo người Ai Cập.

Trước những thách thức của các tổ chức khủng bố ở Liban, cùng những lời hăm dọa của Iran, Tổng thống Mỹ đã đi tới quyết định một cách chậm chạp trong một giải pháp tạo áp lực quân sự nếu bản án treo cổ Joseph J. Cicippio được thi hành. Hạm đội 6 với các hàng không mẫu hạm được điều động tới vùng địa trung hải mục tiêu oanh kích hàng đầu sẽ là vùng Baalbek ở phía đông Beirut căn cứ địa của tổ chức vệ binh cách mạng Iran cùng với nhóm Hồi giáo gốc Shiit. Mặt khác Mỹ cũng chuyển kháng thư tới Iran qua chính quyền Thụy Sĩ, là Mỹ sẽ có biện pháp mạnh nếu Cicippio bị treo cổ. Trong 24 giờ Tổng thống Bush đã cùng Đô đốc J.D. William tư lệnh hạm đội 6, hoạch định một cuộc không tập băng các loại chiến đấu cơ tới tận và chấp nhận những tổn thất về phía dân chúng, cũng như 1 phong trào chống Mỹ có thể tăng cao ở vùng Trung Đông. Với sự chuẩn bị một cuộc tấn công mạnh mẽ đó làm phía Iran và các nhóm khủng bố phải chùn bước. Tân tổng thống Iran Hashemi Rafsaujan phải lên tiếng, là sẵn sàng giúp Mỹ giải quyết vấn đề con tin, giới bình luận thế giới thì cho rằng tổ chức công lý cách mạng đã ngưng thi hành bản án vì Mỹ đã có những hành động ngoại giao khéo léo, cũng như áp lực quân sự đúng lúc và mạnh mẽ. Mặt khác để chuẩn bị dư luận các xứ đồng minh của Mỹ nếu một giải pháp quân sự xảy đến thì Mỹ sẽ ngăn được sự chống đối phần nào từ các xứ đồng minh Tây Âu thường e sợ một biện pháp quân sự mạnh của Mỹ. Tổng thống Mỹ đã điện thoại cho các thủ tướng, vua, tổng thống. Anh, Tây Đức, Thổ Nhĩ Kỳ, Saudi Arabia, Morocco, Jordan, Oman, Algeria và giáo hoàng Paul 2. Trong khi đó ngoại trưởng Mỹ Baker liên lạc với ngoại trưởng Do Thái và Liên Xô,

một kháng thư gửi tới Syria qua tòa đại sứ Mỹ ở Damascus. Trong khi đó một số báo chí và truyền hình Mỹ được lệnh tung tin "giờ của quyền lực đã điem". Chính quyền Bush đã giải quyết vấn đề theo phương thức khác với cựu tổng thống Reagan là theo giải pháp "bạo lực trị bạo lực", mất đổi mất. Như chúng ta biết với những biện pháp nhanh và mạnh của tổng thống Mỹ Reagan đã trả đũa Lybia làm phong trào khủng bố đã giảm thiểu được hơn 2 năm từ 1986 đến 1988. Nay biết tân tổng thống Mỹ Bush chắc chắn sẽ không có những hành động mạnh. Dù bản án treo cổ Cicippio được định hoãn nhưng chưa có dấu hiệu nào cho biết là 18 con tin hiện bị cầm giữ ở Liban được phóng thích qua sự trao đổi với Mỹ. Do Thái, Iran, và các tổ chức khủng bố ở Liban. Con số "con tin" chỉ tam lảng xuống. Một điều chắc chắn rằng sự sợ hãi của các xứ Âu Mỹ trước khủng bố đó là hành động khuyến khích các vụ bắt cóc, treo cổ kế tiếp.

Trong khi đó vấn đề lính Mỹ ở Âu Châu được các nghị sĩ trong thượng viện nhắc nhở tới và yêu cầu chính phủ Mỹ phải cắt bớt quân số Mỹ ở Âu Châu, nếu các đồng minh trong khối NATO cũng cắt giảm quân số. Mặt khác vấn đề giảm quân Mỹ ở Nam Hàn cũng được nói tới. Ngoài ra 1 dự thảo luật được chuyển tới Tổng thống Bush từ phía quốc hội yêu cầu Tổng thống Mỹ phải nhanh chóng bàn thảo với chính phủ Nhật để trang trải tất cả các tổn phí của quân đội Mỹ hiện đang đóng ở Nhật. Các dự thảo luật này được chủ tịch ủy ban quân sự tại thượng viện là nghị sĩ Sam Nunn chuyển tới hành pháp. Thượng nghị sĩ Nunn cũng tuyên bố các đồng minh Mỹ phải chia xẻ tổn phí trong vấn đề phòng vệ chung "không thể tự do ăn, rồi tự do chạy mãi được nữa".

Một vấn đề đang làm băng hoại xã hội Mỹ ở mức độ đáng e sợ, đó là nạn nghiện bạch phiến. Mới đây giới

chức Mỹ đã phải lên tiếng báo động căn sa, bạch phiến đã tràn ngập trên các đường phố của các tiểu bang phía đông Mỹ từ New York tới Philadelphia, Boston v.v... nhưng số bạch phiến sản xuất ở vùng Đông Nam Á đã chiếm từ 40% đến 51% thị trường, nghiên cứu đã được giới nghiên cứu tệ nạn xã hội ở Mỹ coi như là "Mode" của giới thanh thiếu niên Mỹ, cũng như "Mode" của giới trí thức Âu Mỹ vào những năm của thập niên 60 là trí thức thì phải công, hay tá thì mới là tiến bộ. Mới đây Williams J. Bennett giám đốc kiểm soát nghiên cứu quốc gia ở Mỹ đã đề nghị giải pháp tăng số nhà tù liên bang lên 85% và dùng tiền liên bang phối hợp với ngân sách địa phương để đẩy mạnh vấn đề kiểm soát nghiên cứu. Phía quốc hội Mỹ cũng mới thông qua một ngân sách là 2 tỷ 7 cho vấn đề chống nghiên cứu.

Qua lãnh vực kinh tế, tình trạng cũng chẳng lấy gì làm khả quan cho nước Mỹ, mức thất nghiệp 5,3% và có cơ tăng 5,7% vào 1990, kỹ nghệ xe hơi đã giảm sút hãng Chrysler đã giảm số bán 10% tuyên bố sẽ thải 2300 công nhân vào cuối năm 1989. Kỹ nghệ điện tử đang bị cạnh

tranh ráo riết, nhiều mối hàng của các công ty Mỹ ở Tây Âu đã bị mất, lý do các hãng điện tử của Tây Đức Hòa Lan dành thị trường và người ta tiên đoán rằng vào 1992 hiệp chủng quốc Âu Châu chính thức ra đời, kỹ nghệ điện tử của Mỹ sẽ khốn đốn trong thị trường Tây Âu.

Hơn 7 tháng năm quyền, Tổng thống Mỹ George Bush nhận lãnh gia sản một nước Mỹ suy thoái trên mọi mặt chính trị, quân sự, kinh tế và một xã hội băng hoại. Trong khi đó những trung tâm quyền lực của thế giới ngày 1 lớn mạnh; Tây Âu, Nhật, Trung Quốc cùng sự đoàn kết lại của khối Hồi giáo. Mặt khác nền dân chủ thái quá của Mỹ được hình thành trên bản hiến pháp ra đời cách nay hơn 2 thế kỷ, đã gò bó làm các tổng thống Mỹ khó bề xoay sở. Mặc cảm tự tôn của dân Mỹ về một sự hùng mạnh quân sự và kinh tế đã làm cho nhân dân Mỹ sống trong thấp ngà của tự mãn những vấn đề trên đã làm cho nước Mỹ ngày một suy thoái Morita người Nhật một trong những sáng lập viên của công ty SONY đã lên tiếng báo động "người Mỹ hãy tỉnh táo và nghĩ mình là một siêu cường để mau chóng xây dựng lại nền kinh tế".

trường Pochengtong ở Nam Vang. Phía Liên Xô nói các phi cơ này Nga viện trợ cho Khmer Nam Vang từ năm 1985 nhưng giới ở phi trường Biên Hòa ở Nam Việt Nam. Mặt khác phụ tá tổng trưởng quốc phòng Khmer Nam Vang Ke Kim Yan tuyên bố "lực lượng chúng tôi đã tấn công phe Khmer Đỏ ở vùng Khao Phlu trong tỉnh Trat phá hủy 2000 tấn quân nhu đạn dược", Yan cũng nói "nhờ tin tình báo do quân đội Thái Lan cung cấp nên quân đội chính phủ đã tấn công vào đại bản doanh của phe Khmer Đỏ Ieng Sary đã bị thương cùng một số lãnh đạo cao cấp của Khmer Đỏ. Trong khi đó tướng Trần Công Mãn của bộ đội CSVN, nói với phóng viên của tạp chí Kinh Tế Viễn Đông là phe Khmer Đỏ chuẩn bị đánh chiếm tỉnh Battambang từ tháng 9 năm ngoái (Battambang tỉnh lớn thứ 2 ở Miền sau Nam Vang) để lập một chính phủ lâm thời trước khi tiến về Nam Vang. Trong khi đó nguồn tin ở Cambodia, phe Khmer Đỏ đang quyết tâm chiếm tỉnh Battambang, để thành lập 1 chính phủ đối đầu với chính phủ Nam Vang, nguồn tin này cũng tiết lộ rằng đặc biệt cuộc tấn công lần này của phe Khmer Đỏ đã tấn công quân đội Khmer Nam Vang bằng những đơn vị từ trong nội địa Cambodia. Ba trung đoàn ưu tú nhất của phe Khmer Nam Vang là 286, 196 và 179 đã bị tấn công nặng và rút lui khỏi vị trí phòng thủ.

TIN ĐẶC BIỆT

PARIS

- * Nga gửi MIG 21 tới Nam Vang
- * Khmer Đỏ tấn chiếm Battambang ...
- * Tổng động viên ở Nam Vang

Dưới sự bảo trợ của Pháp và Nam Dương một hội nghị quốc tế về vấn đề tái lập hòa bình ở Kampuchea đã diễn ra tại Paris từ ngày 30.7 tới 1.8.89, với 20 nước tham dự. Ngoại trưởng Pháp Roland Dumas trong tư cách chủ tịch hội nghị và ngoại trưởng Nam Dương Ali Alatas trong tư cách đồng chủ tịch đã đọc diễn văn khai mạc hội nghị; tuy nhiên ông Dumas cũng không đưa ra một tiên đoán lạc quan nào để giải quyết sự xung đột ở Kampuchea, và chỉ mong đợi các phe phái liên hệ giải quyết những gút mắc của vấn đề để cùng nhau tìm ra một giải pháp cho dân tộc Khmer. Sau 3 ngày bàn thảo các phe phái đã đi tới sự đồng ý mà ngoại trưởng Pháp Dumas cho là một sự tiến triển, với sự thành hình của các ủy ban bao gồm các nhiệm vụ được giao phó.

- Ủy ban thứ nhất được giao cho 2 xứ Canada và Ấn Độ với tư cách đồng chủ tịch, lo về vấn đề hòa giải giữa 4 phe Khmer để tiến tới ngưng bắn, có sự kiểm soát của quốc tế.
- Ủy ban thứ hai do Lào và Mã Lai đảm nhận với nhiệm vụ bảo đảm cho nền độc lập, tự quyết và trung lập của Cambodia, kiểm soát tất cả những can thiệp của ngoại bang trong vấn đề chuyên chở vũ khí tiếp tế cho các phe phái kinh chống ở Miền.
- Ủy ban thứ ba do Úc và Nhật đảm nhận, để giải quyết vấn đề hồi

hương các dân Miền đang bị nạn ở các trại trong vùng biên giới Thái Miền cũng như chuẩn bị chương trình tái thiết Miền khi chiến tranh chấm dứt.

- Một ủy ban thứ tư không được giao cho nước nào và chỉ nói chung chung là ủy ban tối cao đảm nhận vấn đề chính phủ 4 phe dưới sự lãnh đạo của Thái tử Sihanouk, và có quốc tế kiểm soát để bầu cử tự do.

- Ủy ban thứ năm với trách vụ phối trí các ủy ban kia và cho những thúc đẩy để các ủy ban hoàn thành công tác, đồng thời ủy ban này cũng giữ nhiệm vụ soạn những dự thảo để một hội nghị cấp bộ trưởng sẽ tổ chức vào 28.8.89.

Sau khi những đồng ý của các phe phái liên hệ về các ủy ban trên. Tuy nhiên không một phái đoàn nào tới Paris lại nghĩ rằng vấn đề xung đột ở Cambodia có thể giải quyết trong 3 ngày. Cuối buổi họp Thái Tử Sihanouk đã tìm ra được một câu đứng nghĩa cho kết quả của hội nghị "hãy đợi cho trận bão đi qua, rồi chúng ta có thể tới một nơi nào đó để nói với nhau ...".

Trong khi đó chiến trường Cambodia bỗng nhiên bộc phát mạnh ở vùng biên giới Thái Miền. Lực lượng Khmer Đỏ trong 1 ngày đã pháo trên 2000 trái đạn 130 ly vào 4 trại của phe Khmer Nam Vang trong tỉnh Battambang. Liên Xô đã viện trợ cho phe Khmer Nam Vang 1 phi đội MIG 21, các chiến đấu cơ này đã tới phi

Trong khi đó tại Nam Vang, không khí trở nên căng thẳng. Tất cả thanh niên, thanh nữ từ 18 tuổi trở lên đều bị bắt ra nhập quân đội. Nhiều cuộc bố ráp, bắt lính trong các quán café, rạp hát, trung tâm chiếu Video. Ở Nam Vang đã diễn ra, cảnh rượt bắt chạy trốn của các thanh niên thanh nữ Miền khiến cho người ta liên tưởng tới cuộc bố ráp của phe Khmer Đỏ khi tiến vào Nam Vang trong năm 1975.

Trước những biến chuyển của tình hình Cambodia trên lãnh vực quân sự, trong khi những ủy ban do hội nghị quốc tế lập ra ở Paris. Chẳng ai tin rằng các ủy ban này sẽ làm tròn nhiệm vụ, hình ảnh những người lính mũ xanh của quân đội Liên Hiệp Quốc ở Libanon, A Phú Hạp cho ta một bi quan về khả năng của đạo quân này. Ai cũng nghĩ rằng hòa bình chưa thể nào tới được cho dân chúng Khmer trong lúc này. Và nếu những ai có kinh nghiệm về C.Sàn, cũng đều tin rằng, không khi nào CSVN thật tình rút hết quân ra khỏi Miền vào tháng 9 này. Nhiều đơn vị bộ đội CSVN sẽ nằm vùng ở lại, chiến tranh sẽ âm ỉ một cuộc nội chiến sẽ diễn ra, dù chính phủ 4 phe có ra đời. Mặt khác nếu những ngày tháng tới phe Khmer Đỏ chiếm được Battambang, và lập chính phủ kháng chiến ở đây để chống phe Khmer Nam Vang, thì tình hình Cambodia sẽ rơi vào sự bi thảm hơn. Trận nội chiến sẽ diễn ra khốc liệt hơn. Viễn ảnh một nền hòa bình cho dân chúng Khmer ngày lại thêm mờ nhạt.

Vũ Ngọc Long
7.8.89

DIỄN ĐÀN ĐỘC GIẢ

VẤN ĐỀ "QUỐC TỊCH ĐÔI"
ĐỐI VỚI NGƯỜI VIỆT TỴ NẠN

NGUYỄN VĂN THỊNH

Sau khi báo Viên Giác số 51, tháng 6/1989 đăng tin ngoại kiều bị gây khó khăn trong việc ly khai quốc tịch nguyên xứ để nhập tịch Đức từ đây để có thể được viên chức nhập tịch dành để dãi và chấp nhận tình trạng "quốc tịch đôi", một vài thắc mắc được nêu lên: Công dân Việt Nam đã nhập tịch Đức nhưng chưa hề xuất trình giấy tờ chứng minh ly khai quốc tịch VN sẽ gặp khó khăn vì chính phủ VN xem như vẫn giữ quốc tịch VN và sẽ đòi hỏi công dân ấy phải theo luật lệ VN chăng? Còn hầu quả nào nữa đối với công dân này? Có biện pháp nào để tránh tình trạng "quốc tịch đôi", và sau này khỏi chịu một thứ "áp lực" của chính phủ VN?

Trước hết xin nhấn mạnh trong phạm vi bài này chỉ đề cập đến "quốc tịch đôi" Việt Nam - CHLB Đức thôi.

Vấn đề phải được nghiên cứu trước là người tỵ nạn VN đối với chính phủ CHLB Đức còn quốc tịch nguyên xứ hay không khi nhập tịch Đức, hay "tình trạng mập mờ". Sau đó mới có thể xem chính phủ Đức áp dụng những luật lệ nào cho công dân Đức "quốc tịch đôi" đang sinh nhai trên lãnh thổ Đức.

Hiện có (hay còn) một quốc tịch phải thực hiện hai điều kiện sau :

1/ có văn kiện còn hiệu lực (nghị định, thông hành, căn cước) để chứng minh quốc tịch ấy, 2/ sử dụng quốc tịch ấy đối với chính phủ các quốc gia khác hơn quốc gia cấp quốc tịch. Chính phủ Đức xem như còn quốc tịch VN nếu công dân ấy sử dụng quốc tịch VN với chính phủ Đức. Những giấy tờ do công sở Đức ghi "quốc tịch VN" cũng có nghĩa là "quốc tịch cuối cùng", nên phân biệt với "quốc tịch hiện tại".

LTS: Vì e ngại có sự hiểu lầm luật lệ, hay độc giả cho rằng tác giả biên sai, thiếu chi tiết quan trọng nắm các điều kiện phụ của luật lệ, nên tác giả có yêu cầu tòa soạn đi nguyên bản.

Tôn trọng yêu cầu này, tòa soạn không thêm bớt một chữ cùng như từng dấu chấm phẩy của bài "Vấn đề "Quốc Tịch Đôi" đối với người tỵ nạn Việt Nam của Tiến sĩ Nguyễn Văn Thịnh.

Nếu không xuất trình được giấy chứng minh ly khai quốc tịch không nhất định có nghĩa là còn quốc tịch cũ. Giấy phép được chính phủ VN cấp để trở về nguyên quán để du lịch, kinh tài, công tác đặc biệt có giá trị của một ân xá, cho hồi tịch VN vì giấy tờ này chỉ cấp cho người gốc VN mà chính phủ VN xem trước kia có quốc tịch VN. Các chiếu khán du lịch VN cho "Việt Kiều" không được ghi trên thông hành có quốc tịch Đức của công dân Đức gốc VN vừa nhập tịch các năm sau này. Vì lý do không ai đã nhập tịch Đức lại xuất trình cho chính phủ Đức văn kiện để chứng minh rằng còn quốc tịch VN, chính phủ Đức không xem được công dân Đức này có "quốc tịch đôi". Chính phủ VN cũng không cấp chứng chỉ quốc tịch VN cho công dân Đức bao giờ, và cũng chẳng ai xin để cấp, khi đã có quốc tịch Đức rồi.

Chính phủ Đức dựa vào việc được ra vào VN nghĩa là một "ân xá" trên thực tế, kèm theo việc chăm dứt bất bớ, học tập cải tạo, không bị tước quyền công dân nữa (vì trở lại Đức thông thả), để giải thích người VN tỵ nạn kể trên có thể còn quốc tịch VN mà họ đang sử dụng. Khi cấp các giấy phép ra vào VN cho người VN tỵ nạn, chính phủ VN cố ý gây ra tình trạng pháp lý mập mờ của quốc tịch VN. Và anh, chị em VN tỵ nạn tiếp tay khi du lịch VN, kinh tài với quốc gia nguyên thủy. Nếu còn trong tình trạng mập mờ, đây chưa hẳn có "quốc tịch đôi".

Thật ra còn một thành phần còn quốc tịch VN trên giấy tờ đã sử dụng quốc tịch ấy khi xin tỵ nạn chính trị, cũng có người không xin tỵ nạn chính trị mà chỉ xin lưu trú dù thời hạn mấy năm để xin nhập tịch sau đó với quốc tịch VN. Những người "tỵ nạn trẻ" này cầm thông hành du lịch nhưng vì còn có quốc tịch Đức nên được để dãi cấp chiếu khán lưu

trú. Hay cũng có "tỵ nạn giả" trước kia thắp từng phái đoàn văn nghệ, phái đoàn thương mại được phái "công cán đặc biệt" sau đó. Khi xin tỵ nạn họ xuất trình thông hành VN, thông hành công vụ còn giá trị. Thông hành không được gia hạn không có nghĩa mất quốc tịch ghi trên thông hành. Quốc tịch ấy chỉ "tam ngưng hiệu lực" thôi. Khi được thành phần "tỵ nạn giả" mọc nối, họ trở về nguyên quán, du lịch, kinh tài với nơi xuất xứ, và hưởng quốc tịch VN trên thực tế cạnh một quốc tịch chính thức là quốc tịch Đức. Và cứ như vậy mà vòng lẩn quẩn tiếp tục : đi móc nối cho người khác nhận thêm quốc tịch mập mờ cạnh quốc tịch Đức.

Trong trường hợp chắc chắn có quốc tịch đôi Đức-Việt anh, chị em tỵ nạn nên yên tâm và chớ nên quá lo sợ "hầu quả không hay" : đến nay tuyệt đối chưa hề có trường hợp chính phủ CHLB Đức đã phải áp dụng luật lệ VN theo lời yêu cầu của chính phủ VN để xử các vấn đề liên hệ đến công dân người gốc VN đã nhập tịch Đức hiện sinh nhai trên lãnh thổ Đức mà chính phủ VN xem còn giữ quốc tịch VN. Có hai lý do: 1/ theo điều 5, I, 2 của đạo luật EG-BGB công dân nhiều quốc tịch trong ấy có quốc tịch Đức hiện sống trên lãnh thổ CHLB Đức và Tây Bá Linh hoàn toàn do luật lệ Đức chi phối. 2/ công dân Đức gốc Việt không có giấy tờ chứng minh của chính phủ VN cấp, nhìn nhận họ còn quốc tịch VN (một thông hành còn hiệu lực, thẻ ký danh tại Tòa Đại sứ VN v.v...). Và nếu còn giữ quốc tịch ấy, chính phủ Đức phải được biết qua lời khai trong đơn xin nhập tịch Đức, trong các hồ sơ hộ tịch. Khi đi xin giấy phép để nhận việc làm, hay chiếu khán lưu trú, hay đối với chính quyền cư trú (Einwohnermeldeamt) cũng phải thành thật ghi có thêm (hay còn giữ) quốc tịch VN. Khi có

quốc tịch Đức công dân hưởng nhiều quyền lợi và khỏi giấy phép (quyền nhận việc làm) vì vậy miễn khai quốc tịch thứ hai luôn.

Quốc tịch VN có giá trị đối với chính phủ Đức khi nào được xử dụng với chính quyền Đức. Việc cấm một "thông hành đồ" có ghi quốc tịch VN (hay không ghi cũng vậy) để ra vào VN thông thả trong khi có một thông hành ghi quốc tịch Đức hay thông hành ty nạn (Reiseausweis) là việc che đậy một quốc tịch. Chính phủ CHLB Đức rất tránh tình trạng quốc tịch đôi thật sự ngoài trường hợp luật lệ quốc tịch của vài quốc gia láng giềng không thể sửa đổi được, để bài trừ các hoạt động tình báo, hoạt động kinh tài cho ngoại bang và đối với các quốc gia hiện không có liên lạc mật thiết, giao thương nhiều với Đức.

Luật lệ xử nào cũng vậy: khi nhập tịch phải có nghị định để chứng minh. Khi ly khai khỏi quốc tịch ấy cũng phải do một nghị định. Trường hợp anh, chị em ty nạn được xem như mẫu thuẫn. Một mặt chúng ta mất quốc tịch VN vì nhiều lý do, nhưng mặt khác không có văn kiện nào chứng minh đã mất quốc tịch VN. Chính quyền nhập tịch dùng danh từ "Mehrstaater" để điếm chỉ trường hợp ấy. Khi nói đến "quốc tịch đôi" cho người ty nạn Việt Nam thật ra dùng danh từ này không đúng theo định nghĩa của luật quốc tịch Đức 1974 và các luật cải cách phụ thuộc (RuStAandG-1974).

Một vài cơ sở nhân đơn xin nhập tịch (không phải đồng đều trên toàn lãnh thổ CHLB Đức) có nêu câu hỏi sau đây riêng cho người VN ty nạn : 1/ Sau khi được quyền ty nạn chính trị, Ông/Bà có trở về nguyên quán không? Sau đó có giao thương với chính quyền xuất xứ không? 2/ Ông/Bà có xin gia hạn giấy tờ hộ tịch trong đó có ghi quốc tịch nguyên xứ không? Hay có nhận giấy tờ, thông hành, thẻ căn cước mới không? Câu hỏi trên không có tác dụng, mà mề chính trị. Nó chỉ chứng minh rằng viên chức nhập tịch muốn xem nguyên đơn còn quốc tịch của quốc gia nguyên quán hay vừa phục hồi quốc tịch ấy chăng.

Chính phủ VN có thể đòi hỏi công dân VN đã nhập quốc tịch Đức nhưng chưa ly khai quốc tịch VN mà hiện sống trên lãnh thổ Đức phải theo luật lệ VN không?

Những vấn đề pháp lý thường xảy ra mà chính phủ VN có thể lên

tiếng can thiệp với chính phủ Đức để buộc công dân còn quốc tịch VN áp dụng luật lệ VN thuộc ba loại: 1/ công luật, 2/ dân luật 3/ hình luật.

Trong trường hợp thứ nhất (thí dụ luật quân dịch, luật thuế v.v...) luật quốc tế tư pháp Đức theo tiêu chuẩn "Thường trú ở đâu, theo công luật chỗ đó". Như vậy công dân VN đã nhập tịch Đức và dù còn giữ quốc tịch VN thật sự nhưng sinh nhai trên lãnh thổ Đức cũng lệ thuộc luật quân dịch Đức. Nếu công dân quốc tịch đôi thật sự Đức-Việt sang một quốc gia khác lập nghiệp, và đi từ CHLB Đức, chính phủ Đức áp dụng tiêu chuẩn "địa liên hệ, sinh nhai thật sự, thường xuyên với quốc gia nào, theo luật lệ quốc gia đó" để áp dụng luật Đức cho công dân ấy. Khi chính phủ VN do Tòa Đại diện mình tại Đức can thiệp với chính phủ Đức, phía VN sẽ nhận chủ thích pháp lý trên.

Trường hợp trong tương lai chắc chắn sẽ xảy ra thường là công dân VN quốc tịch Đức chưa có giấy ly khai khỏi quốc tịch VN sang Pháp lập nghiệp. Chính phủ Pháp theo luật Pháp cũng sẽ xem như chỉ có một quốc tịch Đức. Một công dân quốc tịch đôi thật sự sẽ không bao giờ được một chính phủ thứ ba cấp chiếu khán đi dân để sang đây lập nghiệp nếu khi lập đơn xin chiếu khán khai có hai quốc tịch song song, xuất trình hai chứng chỉ của hai quốc tịch mà hệ thống pháp lý khác hẳn nhau, chưa kể hai chế độ chính trị như hai thái cực. Luật quốc tịch Đức còn không chấp thuận một quốc tịch xác thực nào khác song song với quốc tịch Đức mà chính phủ Đức không được chính thức thông báo.

Các quốc gia chối từ chiếu khán đi dân cho công dân quốc tịch đôi thật sự muốn tránh trường hợp luật lệ họ không nói rõ phải áp dụng luật lệ nào trong ba hệ thống cho công dân quốc tịch đôi trên lãnh thổ thứ ba. Họ sợ như là trường hợp trốn thuế, hay trốn một hình phạt lớn nào, nhất là đòi hưởng quyền lợi của hai quốc gia mà không thi hành nhiệm vụ của quốc gia nào! Trong mẫu đơn xin chiếu khán đi dân nguyên đơn phải điền vào quốc tịch hiện tại là quốc tịch Đức, vì đó là quốc tịch xác thật hiện được xử dụng để sống tại quốc gia đã cấp trước khi lập đơn xin sang Pháp. Như vậy anh, chị em ty nạn VN cứ an tâm rằng Tòa Đại diện VN tại Pháp sẽ không bao giờ can thiệp hữu hiệu với chính phủ Pháp để buộc anh, chị em ty nạn VN có quốc tịch Đức theo luật lệ VN trên lãnh thổ Pháp.

Một tiêu chuẩn khác mà Đức (và Pháp, cùng nhiều quốc gia Tây Âu) áp dụng để xem công dân ngoại quốc nào còn giữ một quốc tịch thứ hai không là tìm xem quốc tịch thứ hai này có phải là một quốc tịch xác thật không. Quốc tịch xác thật (effektive Staatsangehörigkeit) là quốc tịch được thường xuyên sử dụng, được duy trì hiệu lực. Xử dụng là đối với các quốc gia khác, thí dụ ghi trong tất cả đơn từ đệ lên công sở Đức. Duy trì là khi ở ngoại quốc phải xin gia hạn hiệu lực văn kiện xử dụng với chính phủ sở tại trong khi ấy có ghi quốc tịch được xử dụng.

Trên thực tế không thể nào một công dân VN đã nhập tịch Đức sau đây có hai quốc tịch xác thật được. Họ không thể nào qua lại VN và Đức, và sinh nhai một lúc trong hai xứ. Khi lập đơn xin nhập tịch Đức nếu họ chứng minh còn quốc tịch VN và xin giữ quốc tịch này, lời thỉnh cầu chắc chắn sẽ không được chấp thuận. Luật quốc tịch Đức hiện hành cấm tạo ra tình trạng quốc tịch đôi. Vì vậy mới có việc đòi hỏi xuất trình chứng chỉ ly khai quốc tịch VN.

Quốc tịch đôi thật sự không tránh được vì có quốc gia đương nhiên cấp quốc tịch cho công dân sinh trên lãnh thổ này. Công dân quốc tịch ngoại quốc vì vậy có con chính thức mang hai quốc tịch khi sanh tại quốc gia áp dụng luật cấp quốc tịch mình cho công dân sinh trên lãnh thổ ấy (ius soli). Như vậy đây không phải tạo ra, mà chỉ vì luật lệ quốc gia thứ hai này ấy thôi, thí dụ con của gia đình quốc tịch Đức sinh tại Anh quốc, Argentnien, Pháp v.v...

Việc chấp nhận có quốc tịch đôi để cập trong bài này không có tác dụng để nguyên đơn xử dụng hai quốc tịch cùng một lúc thì hành hai phận sự, hưởng hai quyền lợi. Chính quyền nhập tịch Đức chỉ muốn dành để dãi cho việc nhập tịch, không xem việc xuất trình chứng chỉ ly khai quốc tịch là điều kiện phải thi hành nữa. Chính quyền cứ xét đơn cũng theo nguyên tắc chính phủ áp dụng là dành để dãi cho công dân vài quốc gia Đông Nam Âu Châu muốn nhập tịch Đức nhưng muốn giữ quốc tịch nguyên quán để sau này không gặp khó khăn khi hồi hương vĩnh viễn. Đây là định nghĩa danh từ "quốc tịch đôi" mà báo Viên Giác số 51 đề cập. Ngoại lệ hiếm hoi của quốc tịch đôi thật sự là Đức và Pháp tịch song song. Nhưng đây là vấn đề ngoài phạm vi bài này. Từ năm 1992 tình trạng đi lại,

lập nghiệp, chọn nơi thường trú trong các quốc gia Công đồng Âu Châu mà CHLB Đức là thành viên sẽ đơn giản hơn nhiều. Dù sinh nhai tại Đức hay Pháp, quốc tịch cũ của anh, chị em tỵ nạn VN sẽ "tắt" đi trên thực tế. Việc ăn núp cấm và xử dụng một thông hành Việt Nam để qua lại VN không có nghĩa còn quốc tịch xác thực nấy. Điều kiện phải thi hành để chính phủ VN sau nấy can thiệp yêu cầu công dân Đức áp dụng luật VN vì theo chính phủ VN họ còn giữ quốc tịch VN là việc thông báo cho chính phủ sở tại rõ hiện công dân ấy còn quốc tịch VN, hiện tại được Tòa Đại sứ bảo vệ quyền lợi tại Đức. Và việc thông báo phải thi hành trước thay vì để đến khi có cơ hội can thiệp mới thông báo. Trong trường hợp dân luật, công dân có quốc tịch đôi lẽ thuộc luật lệ hiện hành nơi thường trú. Sống tại Đức, công dân Đức dù có một quốc tịch khác song cũng phải theo luật hôn nhân, thừa kế Đức. Một vì trường hợp ngoại lệ cho phép áp dụng luật lệ nguyên xứ để đem công bằng và không do áp lực nào của một chính phủ khác. Thí dụ luật quốc tế tư pháp Đức cho phép áp

dụng luật thừa kế của VN.(CH) để chia tài sản cho con cái của vợ hai một công dân VN quốc tịch Đức "cưới" trước 1956. Luật Đức không biết đến chế độ đa thê, nhưng không thể bỏ rơi con của một công dân Đức mệnh một. Họ phải được xem như có cha theo luật VN. Trong trường hợp thứ ba - hình luật - công dân Đức dù có thêm một quốc tịch khác khi gây tội trạng tại xứ nào phải được xử theo luật xứ ấy. Và thí dụ khi có hành vi phạm đến luật an ninh quốc gia VN (XHCN trên lãnh thổ Đức cũng sẽ được xử theo luật Đức, dù cho chính phủ VN chứng minh đương sự còn giữ quốc tịch VN. Thêm vào đó, luật Hiến Pháp Đức cấm dẫn độ công dân quốc tịch Đức trao cho một quốc gia khác, dù cho bị can còn giữ quốc tịch quốc gia nấy. Tóm tắt : dù chưa có văn kiện chứng minh ly khai quốc tịch VN, công dân gốc VN quốc tịch Đức sống trên lãnh thổ Đức đều tuyệt đối do luật Đức chi phối (điều 5, I, 2 đạo luật EG-BGB). Khi lưu ý công dân VN vừa nhập tịch Đức rằng chính phủ Đức sẽ không bảo vệ quyền lợi được nếu họ trở về nguyên quán, chính phủ Đức không ngụ ý xem họ còn quốc

tịch VN. Không có công văn, lời lẽ nào cho họ biết còn quốc tịch VN, chỉ nói mơ hồ "đa quốc tịch". Luật quốc tịch Đức không quy định người nào quốc tịch khác còn hay mất quốc tịch ấy, và chỉ bàn đến quốc tịch Đức thôi. Khi lưu ý không bảo vệ được quyền lợi công dân VN mới nhập tịch Đức, chính phủ Đức cũng không có lời lẽ, mà mề chính trị, hay không muốn thấy việc đem tiền tệ di xài cho quốc gia khác. Chính phủ Đức chỉ muốn cho biết rằng theo hệ thống pháp lý các xứ Xã hội chủ nghĩa, tất cả Tòa án nhân dân phải theo nguyên tắc "phục vụ quyền lợi cách mạng trên hết" mà xét xử. Do đó, họ sẽ không áp dụng luật lệ của chính các cơ quan tư pháp chính phủ ban ra, mà xử ngược lại, để phục vụ quyền lợi đảng. Tóm tắt : muốn xử thế nào thì xử. Có chứng chỉ ly khai quốc tịch VN mà chính VN đã cấp, sẽ được xem như không có, nếu "cần". Một khi sống trên lãnh thổ Đức công dân nhập tịch Đức do luật lệ Đức chi phối, dù có "quốc tịch đôi". Từ 30 tháng 4 1975 chính quyền nhập tịch Đức đã trao lời chủ thích nầy cho tất cả công dân Đức "mới".

VIỆT NAM NGÀY NAY KHỦC XƯƠNG KHỐ NUỐT CHO TƯ BẢN MỸ

- * Tư bản Âu Mỹ chê VN nói nhiều nhưng chẳng bao giờ giữ lời hứa;
- * VN ngày nay quá nghèo đói lạc hậu, lấy tiền đâu mua hàng hóa;
- * Hệ thống giao thông quá tồi tệ, xe lửa chạy trung bình 15km/1giờ. Cầu đường hư hỏng cả...chỉ từ 10-13% đường trải nhựa ...

VŨ NGỌC LONG

Mười bốn năm sau ngày CS chiếm tron 2 miền Nam Bắc. Những hào quang chiến thắng của ngày đầu, ngày một tàn lụi. Bao nhiêu lời hứa hẹn của tập đoàn lãnh đạo Hà Nội rằng Việt Nam sẽ độc lập, tự do và phồn vinh, những cao rao của Hồ, rằng chiến tranh chấm dứt chúng ta sẽ xây dựng, VN đẹp bằng 5 hằng 10, nhưng thực tế ngày nay sau hơn 1 thập kỷ toàn cõi Việt Nam dưới quyền sinh sát của những người CS, thì đất nước ngày một điêu linh, dân chúng ngày một đói khổ và một vấn đề chưa xét hơn nữa là VN ngày nay trở thành 1 tỉnh huyện của Liên

Sô. Tập đoàn lãnh đạo Hà Nội chỉ là những tên tội tố của Liên Sô. Mọi quyết định lớn nhỏ đều do các lãnh tụ điện Cẩm Linh chỉ vẽ. Ngoài các lệ thuộc về kinh tế ngày một to lớn Tập đoàn CSVN biến toàn thể 60 triệu dân Việt thành những tên nô lệ công lũng lao động để trả nợ những món tiền khổng lồ vay mượn của Liên Sô và các xứ Đông Âu. Trong khi đó ngay tại Liên Sô sau hơn 70 năm xây dựng xã hội chủ nghĩa với chủ trương nhuộm đỏ toàn cầu. Các lãnh tụ điện Cẩm Linh đã dồn mọi nỗ lực trong mưu đồ xuất đốn mọi nỗ lực trong mưu đồ xuất cảng cách mạng đi khắp nơi. Kỳ nghệ phục vụ cho chiến tranh được giới lãnh đạo Liên Sô đặt lên hàng đầu.

Bao nhiêu tài nguyên nhân vật lực của dân Nga đều dồn để nuôi bộ máy chiến tranh xâm lược. Hơn 70 năm sau cuộc cách mạng vô sản mức sống của người Nga so với các xứ Âu Mỹ thì thua xa. Thậm chí với 1 xứ có diện tích đất đai rộng nhất thế giới mà số lượng lương thực sản xuất cũng không đủ nuôi dân. Hàng năm vẫn phải nhập cảng hàng chục triệu tấn ngũ cốc để dân khỏi đói. Tháng 3/85 Gorbachev lên nắm quyền, là 1 người trẻ có học so với các người tiền nhiệm. Gorbachev nhìn thấy rằng nếu một nước Nga không nhanh chóng canh tân, vẫn miệt mài theo đuổi mộng nhuộm đỏ toàn cầu thì chắc chắn bước vào thế kỷ thứ 21 vai trò cường quốc của Liên Sô chắc sẽ khó tồn tại. Gorbachev đã chủ trương làm 1 cuộc cách mạng mới ở Liên Sô. Chính sách cởi mở mới lòng được tung ra một mặt vừa tấn công ngoại giao hòa bình với Mỹ và các xứ Tây Âu. Mặt khác Gorbachev cố làm thay đổi bộ mặt hung hăng hiêu chiến mà lâu nay thế giới đều ghe sợ. Để có sự đồng nhất trong khối CS, Liên Sô đã bắt các nước đàn em phải nhanh

chống theo đuổi những cái cách do Gorbachev thực hiện ở Liên Xô. Con gió cái cách ở Liên Xô ào ào thổi vào VN. Đám lãnh tụ già nua đứt nát của đảng CSVN đã nhanh chóng tuân hành. Tháng 12/86 đại hội kỳ 6 của đảng CSVN được triệu tập ở Hà Nội. Nguyễn Văn Linh được coi là hap nhân đảm lãnh đạo diện Cẩm Linh đã được đẩy ra đóng vai tên bù nhìn số 1 ở Bắc bộ phủ Hà Nội. Tiếp đó tập đoàn CSVN và CS quốc tế tìm mọi cách đánh bóng cho Linh. Còi Linh như là một nhân vật cứu tinh, có thể cứu gỡ được tình trạng bị thảm đang diễn ra tại Việt Nam. Vừa lên nắm quyền Linh cũng huênh hoang quyết thực hiện cho kỳ được những cái cách xã hội hầu vớt vát lại sự mất niềm tin vào đảng, nhà nước ngày một lan rộng. Không những chỉ trong dân chúng và còn cả trong giới đảng viên, đoàn viên cán bộ. Tuy nhiên mọi việc làm của Linh trong gần 3 năm qua cho chúng ta thấy, tất cả đó chỉ là hình thức bề ngoài. Mục đích đó là làm vừa bụng quan thầy Liên Xô, rằng VN giờ đây cũng theo đuổi chính sách cởi mở nổi lòng như Liên Xô. Mặt khác tập đoàn lãnh đạo đảng CSVN, vẫn được coi là 1 tập đoàn cực đoan, báo thù, hung hăng và hiếu sát. Nên phe mang danh cái cách của Linh đã bị vây hãm gắt gao bởi phe cứng rắn mà người đứng đầu là Lê Đức Thọ. Mặc dù Thọ đã bị ép phải từ chức cùng với Trường Chinh, Phạm Văn Đồng trong kỳ đại hội kỳ 6. Tuy nhiên thế lực của Thọ vẫn còn bao trùm trong cả 2 lãnh vực đảng và nhà nước; phe của Thọ đã quyết tìm mọi cách phá hoặc cố trì lại những chương trình do phe của Nguyễn Văn Linh đưa ra. Trong 3 năm qua Linh cố bôi rửa bộ mặt sắt máu của đảng CSVN, với các việc làm như thả 1 số tù cải tạo, nổi lòng một vài tù do, như cho dân chúng được phép buôn bán, đất cát trước đây tịch thu của dân chúng nay được trả lại. Cũng như cho 1 số báo chí ở trong nước cũng như báo chí ở đám công con ở hải ngoại, được mua bút viết lung tung phê bình đảng và nhà nước. Vài nổi lòng này của phe cánh Linh đã khiến phe của Thọ lồng lộn quyết chống đối. Đó là nguyên nhân đưa tới sự kinh chống và tranh chấp giữa 2 phe Linh và Thọ.

Vào cuối tháng 12/88 cường độ mức tranh giành quyền lực lên cao. Nhiều buổi họp mặt của bộ Chính trị với áp lực nặng nề của phe cứng rắn của Thọ, Linh đã tuyên bố sẽ từ chức tổng bí thư đảng. Tuy nhiên với điều kiện phe cứng rắn phải có Đứ Mười trong chức vụ thủ tướng cũng phải ra đi. Trong khi đó cũng vào cuối tháng 12/88 quốc hội bù nhìn CS họp phe Linh với Võ Văn Kiệt trong chức vụ phó thủ tướng lên tướng trình trước quốc hội 1 vài thành quả kinh tế như số lượng gạo sản xuất đạt chỉ tiêu là 19 triệu 5 tấn. Nhưng ngay khi đó Đứ Mười đã tuyên bố tình trạng kinh tế rất bi đát, nạn đói vẫn đe dọa trầm trọng 1 số tỉnh cực bắc miền Trung, tệ nạn xã hội ngày một bành trướng, nạn tham nhũng hối lộ và

thanh thiếu niên phạm pháp ngày một gia tăng mạnh mẽ. Mặt khác Mai Chí Thọ trong tư cách là bộ trưởng an ninh đã đưa ra những con số về vấn đề phạm pháp. Thọ cũng nói có hàng ngàn vụ giết người cướp của, trong đó có 80 vụ được coi là khá đặc biệt là anh em, vợ chồng, cha mẹ, con cái giết nhau vì những vụ cãi co tranh giành đất đai, tiền bạc v.v... Ngoài ra Mai Chí Thọ cũng gián tiếp lên án chính sách nổi lòng của Nguyễn Văn Linh là cho báo chí viết lách chỉ trích đảng, nhà nước. Thọ nói một số báo chí đã cố tình kích động dân chúng nổi lên chống phá nhà nước làm cho bộ An Ninh do Thọ cầm đầu khó khăn kiểm soát. Mức xung đột giữa 2 phe mang danh cái cách và phe bảo thủ vẫn diễn ra trong gay gắt. Trong khi tình hình chính trị thế giới có những biến chuyển nhanh chóng, mối quan hệ Trung-Xô bỗng ảm lại sau 30 năm lạnh giá với cuộc viếng thăm của Gorbachev tới Bắc Kinh vào 15.5.89. Trung quốc thúc dục Liên Xô phải nhanh chóng áp lực CSVN phải rút quân khỏi Kampuchea và phải đưa ra 1 hạn kỳ rõ rệt. Lúc đầu CSVN cố vung vẩy để vượt về tự ái nhưng chỉ là một chữ hầu nên bắt buộc phải tuân hành chỉ thị của Liên Xô là đưa ra 1 hạn kỳ rõ rệt rút quân. Cuối tháng 2 tại Jakarta thủ đô Nam Dương phía CSVN vẫn giữ thái độ cứng rắn, quyết chỉ rút quân vào cuối năm 1990. Nhưng chỉ mấy tuần sau với áp lực nặng nề của Liên Xô, báo quyền Hà Nội đành tuyên bố sẽ rút hết quân vào 30.9.89. Cũng như thúc dục chính phủ bù nhìn ở Nam Vang phải nhanh chóng liên hệ với Sihanouk để tìm kiếm một giải pháp cho vấn đề Kampuchea, khi bộ đội CSVN rút về. Phe Khmer Nam Vang đã đồng ý đổi cơ, đổi tên nước, và 4 phe phái sẽ hội họp để cùng nhau thành lập một chính phủ liên hiệp do Sihanouk làm chủ tịch. Cho tới nay hầu hết các quan sát viên quân sự ở Thái Lan, đều đưa ra những lời bình luận bi quan về sự thật tình CSVN có thực sự rút quân vào 30.9 tới đây hay không. Hay bộ đội CSVN chỉ đổi quân phục, trá hình thành quân Khmer Nam Vang. Tình hình sẽ chẳng có gì thay đổi gì nếu chính phủ 4 phe thành hình do Sihanouk cầm đầu. Chắc chắn chính phủ này sớm muộn gì cũng tan vỡ. Cuộc tranh chấp sẽ vẫn tiếp diễn giữa các phe Khmer, và bộ đội CSVN vẫn lên lút hoạt động dưới sắc phục lính Khmer Nam Vang. Nhân vật lực của nhân dân VN sẽ vẫn phải đổ ra ở Kampuchea. Do đó tình trạng xã hội kinh tế VN chắc sẽ không có gì sáng sủa.

Trong năm qua một số chuyên viên kinh tế của các xứ Âu Mỹ và Đông Nam Á đã đưa ra 1 nghiên cứu về thị trường để bù vốn ra đầu tư ở VN. Các tư bản đều nhắm vào các lãnh vực khác để thu lợi gồm 4 loại :

- Thứ nhất các mỏ dầu ở thềm lục địa VN cho tới nay một số công ty của Hòa Lan, Pháp, Anh đặt cọc khai thác thăm dò, số tiền chính quyền CSVN thu được là 240 triệu US.

- Thứ 2 là khai thác tôm, cá, chế biến đồ biển, Sô Viết và Thái đã ký 1 vài hợp đồng khai thác.
- Thứ 3 kỹ nghệ sản xuất đồ kỹ nghệ nhẹ, Pháp, Canada, Singapor cũng ký một vài hợp đồng thăm dò.
- Thứ 4 lãnh vực du lịch Tây Đức, Canada, Nhật, đầu xây 1 số khách sạn ở Sài Gòn, Vũng Tàu, Hà Nội.

Tuy nhiên trên thực tế các công ty này mới chỉ trong mức độ thăm dò, một nhà đầu tư đã đưa ra nhận xét "Hà Nội đã có một bộ luật đầu tư mới, nhưng không biết họ có thực hiện đúng những điều họ viết trong luật đó không?". Một nhà ngoại giao Á châu nói "VN viết ra luật pháp nhưng họ không khi nào thực hành đúng luật cả". Trong khi đó các công ty đã bắt đầu lên tiếng phản nản về lối làm ăn mánh mung cất cổ của chính quyền CSVN, như công ty Shell của Hòa Lan đã phản đối giá quá cao 1 Villa làm văn phòng tính giá 28.000 US 1 tháng ở Hà Nội. Cho tới nay Nhật là xứ có nhẩy vào kiếm ăn ở VN mạnh nhất, nhưng với những lời cảnh cáo của Mỹ và 1 số nước Á châu nên năm qua hãng Honda đã phải bỏ dự án sản xuất xe gắn máy tại Saigon.

Trong khi đó cho tới nay 1 vấn đề tất cả các công ty đã tỏ ra e dè trong việc thực hiện các chương trình của họ. Đó là vấn đề giao thông - đây là 1 vấn đề trở nên tối quan trọng cho sự hấp dẫn các công ty ngoại quốc muốn nhẩy vào khai ở VN. Nhưng cho tới nay theo sự nghiên cứu của các công ty ngoại quốc thì tình trạng giao thông và đường sá ở VN quá tồi tệ.

- Về hàng không muốn có vé để đáp một chuyến bay phải đặt mua trước nhiều tháng. Năm 1988, 54 chuyến bay phải hủy bỏ làm cả ngàn hành khách trễ hạn làm ăn buôn bán các hợp đồng ký kết bị sai hạn kỳ tất cả, làm 1 số chuyên viên thương mại rất bức mình. Mặt khác bản nghiên cứu cũng đưa ra vấn đề đi hàng không VN không bảo đảm tính mạng, vì vấn đề máy móc, khả năng phi công. Một điểm khác hàng không VN chỉ có 2 chiếc máy bay do Liên Xô sản xuất phục vụ cho 2 đường bay quốc nội và quốc ngoại tới Lào, Miên và Thái.
- Về đường bộ đây là 1 vấn đề thật gay go, theo ước tính VN có 100.000 km đường bộ nhưng chỉ từ 10 - 13% là tốt cứng. Con đường xương sống của VN là quốc lộ 1 từ Hà Nội - Saigon dài 1730 km, rất nhiều đoạn hư hỏng từ 2 năm qua. Con đường quan trọng thứ 2 là quốc lộ 21 nối liền Nhatrang - Ban mê thuật nơi sản xuất café, cao su, cũng hư hỏng nhiều đoạn. Khúc xa lộ Saigon - Biên Hòa và quốc lộ 4 về miền Tây do Mỹ làm trong những năm thập niên 60 nay cũng hư hỏng (Lê Kha Phú Hà bộ trưởng giao thông liên lạc nói với báo chí vậy). Trong tháng 6/88 Bùi Danh Lưu tổng trưởng giao thông nói "VN cần 50.000 tấn nhựa để sửa đường nhưng không đào đâu ra. Vì đường xấu 1 xe vận tải có thể chở 20 tấn, nhưng không dám chở quá 15 tấn".

- Về cầu cống còn bị thảm hơn, hầu hết các cầu đều bị phá hủy trong những năm chiến tranh (đa số do VC đặt mìn phá) 1 số cầu làm sau 1975, thì phẩm chất kém đi lại có một chiều, hoặc xe hơi chạy chung cầu với xe lửa. Nhiều cầu ở miền Bắc không được sửa lại sau chiến tranh đi lại bằng phà, nhưng các phà nhỏ và cũ kỹ chỉ chờ vài xe là hết chỗ và chạy như rùa.

- Sau chiến tranh có 3000km đường xe lửa được sửa chữa, nhưng các đường này thuộc loại xưa bề ngang nhỏ nên xe không chạy được (loại đường rầy từ 1945, xe chạy từ 60-70km /giờ là tối đa. Hà Nội-Saigon với 900km 3 ngày 4 đêm), tuy nhiên với 15km/giờ.

- Về các bến cảng cũng trong tình trạng tồi tệ, các hệ thống truyền tin liên lạc không có.

Một mĩa mai khi một nhà tư bản Tây phương đặt câu hỏi "bao nhiêu thương gia dám phiêu lưu ra khỏi Hà Nội 60km", "nó thì không có đường để mang những nguyên liệu cũng như những hàng sản xuất ra tới các bến cảng và phi trường. Trong năm qua hơn 3 triệu dân miền Bắc đói, mà không làm sao chuyên chở được các lúa gạo từ miền Nam ra kịp.

Thêm 1 vấn đề nữa là kho chứa cũng không đủ theo ước tính có từ 20-25% số lúa sau các vụ gặt đã bị thất thoát và hư hại vì không có kho chứa.

Theo cơ quan Liên Hiệp Quốc ước tính VN phải cần 10 tỷ US để sửa sang đường sá cầu cống.

- Vấn đề khác là năng lượng, điện chỉ có 2 nhà máy phát điện là Hòa Bình ở miền Bắc và Trì An ở miền Trung, nhưng vẫn chưa hoàn thành trọn vẹn, phải thập kỷ tới may ra mới chạy điều hòa.

- Hệ thống viễn thông còn lạc hậu và tồi tệ.

Qua những sự kiện trên nên tất cả các công ty ngoại quốc rất dè dặt khi bỏ vốn vào đầu tư ở VN. Kể từ ngày Nguyễn Văn Linh Tuyên bố cởi mở; ngành xuất cảng 1988 tăng 22% tức 1 tỷ 07 US (Thái Lan 16,2 tỷ US) nhưng số nhập cảng cũng tăng 1983 1,3tỷ US - 1987 tăng 2,2 tỷ US (Riêng 1987 ngân sách thâm thủng 1,3 tỷ).

Cho tới nay CSVN mắc nợ 6 tỷ US. Số ngoại tệ VN hiện có khoảng trên 20triệu US.

Nhìn chung một viễn ảnh chẳng có gì sáng sủa như 1 số người mơ tưởng rằng rồi đây CSVN sẽ tháo gỡ được những khó khăn kinh tế hiện tại; giới ngoại giao và kinh tế Áchâu đã mĩa mai nói rằng kinh tế VN còn sống ngất ngư được trong mấy năm qua là nhờ khoảng 200

triệu US hàng năm do những người Việt ở hải ngoại gởi về.

Trước những khó khăn từ bề vầy hăm, bạo quyền Hà Nội tìm mọi cách tháo gỡ, không kể bất kỳ một hành động nào dù làm mất thể diện quốc gia. Như chúng ta biết vào năm 1988 Hà nội đã cho phát động một chương trình kêu gọi xin ăn cùng khắp thế giới. Một điều thật mĩa

mai là bao nhiêu những tư phu huênh hoang cho mấy năm về trước nào đánh Tây đuổi Mỹ, đỉnh cao trí tuệ loài người v.v... Nay được thay thế bằng những tư ngừ lay lục ăn xin. Cũng như những lời thù tội đau đớn, về những thất bại trong mọi lãnh vực hơn 10 năm qua.

Nhiều lãnh tụ cao cấp CSVN đã tự nhận là thiếu khả năng giải quyết các vấn đề kinh tế và sai lầm to lớn là năm 1979 xua quân xâm lăng Miên, đẩy VN vào thế bị cô lập với toàn thế giới. Sau kỳ đại hội kỳ 6 với sự ra đi của các chóp bu đảng già nua lạc hậu, Nguyễn Văn Linh đang số tuổi trên 70 nhưng cũng được coi là thành phần trẻ và cởi mở hơn. Linh đã quyết một phương thức cứu gỡ nền kinh tế bằng cách từ bỏ các kế hoạch nhắm vào phát triển kỹ nghệ nặng trước đây, trong các chương trình ngũ niên. Thay vào đó là đẩy mạnh nông nghiệp và sản xuất thực phẩm cùng các xử xuất cảng. Tuy nhiên vấn đề không đơn giản như những dự tính của đám lãnh tụ CS. Sự kiện thất bại đã chứng kiến rõ ràng là nạn đói xảy ra ở 1 số tỉnh miền Bắc trong năm 1988, và mức độ lạm phát phi mã từng ngày (ước tính gần 15% trong 1 tháng, trong năm qua mức lạm phát 1200%, nạn thất nghiệp từ 20 - 40%.

Tất cả 2 vấn đề đã cho thấy kế hoạch phục hưng kinh tế của Nguyễn Văn Linh gần như sụp đổ hoàn toàn. Một vài các dự án đầu tư của ngoại quốc (43 dự án, trong đó có 11 của 1 số người Việt ở hải ngoại) tổng cộng trị giá khoảng 450 triệu US, nhưng tính tất cả trong mức độ dò dẫm sợ sệt. Ngoài ra 1 vấn đề quan trọng khác nữa là các chuyên viên kinh tế, quản trị đều không có, nên bất kỳ một dự án nào của các công ty ngoại quốc muốn nhảy vào VN giúp CSVN phục hưng kinh tế cũng sẽ bị thất bại. Vụ nhà máy giấy Bãi Bằng ở miền Bắc, do chính phủ Thụy Điển bỏ gần 500 triệu US ra giúp cuối cùng thất bại hoàn toàn. Phái đoàn chuyên viên kỹ thuật của Thụy Điển đã tức giận bỏ về nước, vì lối quản trị làm ăn lạc hậu và hành chánh nặng nề của CSVN.

Trong khi đó 1 vài nổi lòng kinh tế cho dân chúng, nhưng qua các kinh nghiệm hứa hẹn trước đây của đảng, nhà nước thường nhanh chóng nuốt lời hứa, nên dân chúng và ngay cả các cán bộ đảng viên cũng không còn tin tưởng nhà nước, đảng nữa. Mọi hoạt động kinh tế đều mang tính cách chụp giựt lên lút, vấn đề này đưa tới tình trạng không làm sao nhà nước kiểm soát được các sinh hoạt kinh tế. Đám con buôn mặc tình theo tung thi trường buôn bán, giá cả hàng hóa, cũng như số lượng cung cầu đều vượt khỏi tay đảng nhà nước cả. Một tình trạng được coi là hỗn loạn kinh tế đang xảy ra ở VN hiện nay.

Trong khi đó 1 vấn đề quan trọng khác nữa, sự dăng co thăng bại giữa hai phe mang danh cải cách do Nguyễn Văn Linh cầm đầu còn phe cứng rắn do Lê Đức Thọ chỉ đạo, vẫn chưa ngã ngũ; phe giáo

điều cũng như phe cởi mở đều vẫn cố làm lấy những giáo điều lạc hậu của chủ nghĩa Marx Lê làm kim chỉ nam. Ta thấy trong năm qua Nguyễn Văn Linh vẫn còn tuyên bố quyết thực hiện cho được nền kinh tế xã hội chủ nghĩa trên mọi mặt. Về phía đảng và nhà nước vẫn bo bo tôn thờ phương hướng sản xuất kinh tế xã hội chủ nghĩa. Trong khi đó còn gió cải cách ở Liên Xô và các xứ Đông Âu trong cả hai lãnh vực kinh tế và chính trị đang được đẩy lên. Với những chủ trương mới này của Liên Xô nó đã ảnh hưởng mạnh mẽ tới sự bị quan của nhân dân VN đối với đảng nhà nước CS, nhiều câu hỏi được đặt ra. Tại sao Liên Xô cải nội của chủ nghĩa CS giờ đã phải sửa sai mà tại VN đảng nhà nước vẫn miệt mài bám theo những triết lý lỗi thời.

Trong thời gian vừa qua Liên Xô và 1 vài xứ Đông Âu đang áp dụng thể rần lộn da. Như chúng ta thấy Liên Xô và các xứ Đông Âu đang cố tìm cách lùi một bước để tiến những bước dài kế tiếp. Họ đã và đang áp dụng thể cương nhu hầu theo đuổi mục tiêu bá chủ toàn cầu, nhưng trong khi đó CSVN vẫn miệt mài, như những con đà điều chúi đầu xuống cát. Như chúng ta biết mới đây sau vài tháng mới lòng cho báo chí viết lách nay lại khắt khe lại, nhiều tác giả các bài viết những bài phê bình đường lối sai lầm của một số cán bộ đảng nhà nước thì đã bị hạ tầng công tác hay thuyết chuyển, khiển trách và báo chí lại bị siết lại như cũ.

Nhìn chung sau 3 năm phe mang danh cải cách do Nguyễn Văn Linh cầm đầu, đã đi từ thất bại này tới thất bại khác. Người ta khó hình dung được tình trạng như thế nào cho 60 triệu dân Việt khi phe giáo điều cứng rắn lên chân lại và đứng ra điều hành đảng nhà nước. Cho tới nay CSVN chỉ còn 2 "mặt hàng" đang cố gắng khai thác để mong thu lợi đó là xác lính Mỹ, và đây thuyền nhân ra đi hầu đặt điều kiện với các xứ sẽ nhận lại sốngười này, kèm theo các khoản tiền viện trợ mang danh giúp tái định cư. Tuy nhiên ngày nay vấn đề xác lính Mỹ và vấn đề thuyền nhân đều không thể giúp CSVN đạt được những mơ ước như điều họ hằng ấp ủ.

Một viễn ảnh tươi sáng cho VN 1 cuộc tự phát của dân chúng trong nước trong đó gồm cả những đảng viên đoàn viên CS, đã tỉnh ngộ mạnh dạn đứng lên làm một cuộc cách mạng giật sập giường máy lãnh đạo và khai tử đảng CSVN. Thì một tương lai cho dân tộc Việt mới hé mở. Một điều chắc chắn rằng nếu còn những người CS trong vai trò lãnh đạo quốc gia, thì VN ngày một nghèo đói và thối khờ hơn mànhôi. Một điều để hiểu rằng người CS luôn luôn chủ trương bán cùng hóa nhân dân, dân có đói họ mới để cai trị, đản áp.

Phần cuối bài viết này chúng tôi xin nhắc lại lời nhận xét của nhà báo Douglas Pike "Việt Nam bây giờ đang lặn lẽ qua đi theo thời gian và nổi chết"♦

TÌM HIỂU THẾ GIỚI NGÀY NAY

TRUYỀN THỐNG 200 NĂM CỦA MỸ QUỐC

Chế độ Tổng Thống của Mỹ năm nay đúng 200 năm. Ông George Washington là vị Tổng Thống đầu tiên được tấn phong vào ngày 30.4.1789. Vị Tổng Thống thứ 41 Ông George Bush vừa được bầu và được tấn phong ngày 20.1.1989.

Ngày 21.6.1788, hiến Pháp của Mỹ được một số đại biểu của những tiểu bang phê chuẩn ấn định về việc bầu cử Tổng Thống như sau "Quyền hành pháp được trao cho vị Tổng Thống Mỹ Quốc. Nhiệm kỳ là 4 năm cùng với vị Phó Tổng Thống được chọn lựa và được dân chúng bầu cùng một lúc như sau..."

Hiến pháp cũng định rõ là Phó Tổng Thống sẽ thay thế Tổng Thống khi vị này chết; bị bãi chức hay từ chức. Luật này hết sức quan trọng bởi vì :

- 9 vị Tổng Thống Mỹ không hoàn tất hết nhiệm kỳ của mình.

- 8 vị đã chết khi tại chức.

- 4 vị bị ám sát như : Abraham Lincoln, vị Tổng Thống thứ 16 (1865); James A. Garfield, vị Tổng Thống thứ 20 (1881); William M.C. Kinley, vị Tổng Thống thứ 25 (1901); và John F. Kennedy, vị Tổng Thống thứ 35 (1963).

Ngoài ra Tổng Thống Richard Mil-hous Nixon không hoàn tất hết nhiệm kỳ, ông từ chức ngày 9.8.1974 vì vụ Watergate.

* Tổng Thống đầu tiên trong lịch sử Mỹ bị thất trận đó là Ông R. Ford. Vì nhu nhược và muốn ngồi lại Tổng Thống thêm một nhiệm kỳ nữa nên đã thua Cộng Sản, bỏ miền Nam Việt Nam cuốn cờ chạy như thỏ bị cáo rượt.



Lễ tuyên thệ nhậm chức Tổng Thống George Bush đứng trước những khó khăn, thách thức về kinh tế và chính trị đã và đang xảy ra trên thế giới

* Vị Tổng Thống nhỏ nhất là Ông Theodore Roosevelt, Tổng Thống thứ 26, 42 tuổi.

* Vị Tổng Thống già nhất là Ông Ronald Reagan 69 tuổi.

* Vị Tổng Thống tại vị ngắn nhất là Ông William Henry Harrison từ 4.3.1941 đến 4.4.1941. Ông chết vì bệnh phổi.

* Vị Tổng Thống tại vị dài nhất là Ông Franklin Delano Roosevelt, từ 4.3.1933 đến 12.4.1945. Một sự việc chưa từng có là ông được bầu liên tiếp 4 nhiệm kỳ. Nhưng, ông chết ở nhiệm kỳ thứ tư. Ông được Phó Tổng Thống Harry S. Trumann thay.

Sau cái chết của Ông Franklin Roosevelt, để tránh một triều đại Tổng Thống có thể xảy ra, một đạo luật được tu chỉnh và được đề trình năm 1947 và được phê chuẩn vào năm 1951. Đạo luật giới hạn nhiệm kỳ Tổng Thống là 4 năm, và chỉ được giữ chức vụ trong 2 nhiệm kỳ mà thôi. Như trường hợp của Cựu Tổng Thống Ronald Reagan.

Trải qua 200 năm, chế độ Tổng Thống Mỹ vẫn còn tồn tại với thời gian, sự tự do và nền dân chủ Mỹ ngày một phát triển thêm lên mặc dù bao nhiêu biến cố đã xảy ra như chiến tranh năm 1812, cuộc nổi loạn, cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, qua những cái chết, bị ám sát hay mưu hại những vị lãnh đạo ngành hành pháp của Mỹ.

Ngày nay Tổng Thống Mỹ thứ 41, Ông George Herbert Walker Bush phải giải quyết và đối phó những sự thách đố, những sự khó khăn không lường định trước được và cũng chưa từng xảy ra trên thế giới và cũng chính ông phải tìm kiếm những giải pháp thỏa đáng toàn bộ cho sự sống còn của nhân loại trên quả địa cầu ở cuối thế kỷ 20 này.

Thật là "Càng cao danh vọng, càng nhiều gian nan".

MỘT THẾ GIỚI NGŨ NGƯỜI TÀ HY VỌNG - NHỮNG BAO GIỜ (Weltsprache hay A Universal Language)

Ngôn ngữ là cửa sổ của tâm hồn. Ngôn ngữ bất đồng, tâm hồn bị khép kín lại. Bất đồng ngôn ngữ là cái hố ngăn cách sâu xa sự hiểu biết và cảm thông giữa người và người với nhau.

Ngày nay với nền văn minh khoa học hiện đại, con người trên quả địa cầu mỗi ngày mỗi xích lại gần nhau hơn; nhưng vẫn chưa thương yêu và thông cảm nhau được vì ngôn ngữ bất đồng. Ngày 1.1.1992, thị trường mẫu đích trong cộng đồng Âu Châu gồm có 12 quốc gia sẽ trở thành một khối thống nhất. Một trong

320 triệu dân của cộng đồng có quyền sống bất cứ nơi nào trong cộng đồng khi họ muốn. Nhưng, trở ngại lớn nhất của họ là ngôn ngữ. Vậy muốn san bằng cái trở ngại này thì chỉ có một tiếng nói mà mọi người đều hiểu được nhau đó là Một Thế Giới Ngũ.

Hiện nay hằng triệu người đang học một thứ ngôn ngữ đó là tiếng Esperanto. Những người say mê ngôn ngữ này ở rải rác khắp hoàn vũ; ở Trung Quốc, Liên Xô, Bỉ, Bulgaria, Pháp, Hung Gia Lợi, Ý, Nhật, Hòa Lan, Ba Lan, Gia Nã Đại, Anh, Áo, Mỹ, Việt Nam và Châu Mỹ La Tinh v.v...

Tiếng Esperanto đã được một bác

CHÚC MỪNG

Được hồng thiệp của:

Lưu Tâm Thắng

kết duyên cùng

Trần Thị Ánh Vân

Chúng tôi xin mừng hai họ và chúc đôi vợ chồng tràn năm hạnh phúc.

GD Nguyễn Kinh Tân

sĩ chữa mắt người Ba Lan tên Ludwig L. Zamenhof sáng tạo ra khoảng trên 100 năm nay, Esperanto có nghĩa là "Người nào hy vọng" được hình dung như là một nhịp cầu hiểu biết lẫn nhau giữa người và người không cùng một chủng tộc và màu da.

Hiện nay có khoảng 10 triệu người biết nói tiếng Esperanto. Hơn 120 tạp chí xuất bản định kỳ, hằng ngàn cuốn sách gồm cả kinh Koran của Hồi Giáo cũng được in bằng tiếng Esperanto.

13 dài phát thanh trong 10 quốc gia kể cả Ba Lan và Trung Quốc thường xuyên phát thanh bằng tiếng Esperanto.

Nhưng, ông Zhang Qicheng tổng thư ký liên đoàn nói tiếng Esperanto ở Trung Quốc nói "Toàn thế giới hiện chưa quan tâm đến sự cần thiết có một thế giới ngữ. Hiện tại chúng ta nên chấp nhận vì tiếng Esperanto không được phổ biến và có tính cách đại chúng. Trong tương lai chúng ta hy vọng Esperanto sẽ được trở thành một thế giới ngữ"

Ngược lại khoảng một tỷ người nói tiếng Anh như là một ngôn ngữ chính hay phụ. Số này làm lu mờ những người nói tiếng Esperanto. Từ người đi du lịch, thương gia hay chính khách đều phải dùng tiếng Anh để đối thoại khi giao dịch với người nước ngoài. Nhưng, tại sao tiếng Anh không được công nhận là một thế giới ngữ?

Ngược dòng lịch sử, dưới triều đại của nữ hoàng Victoria, Anh quốc đã đi xâm chiếm thuộc địa từ Á sang Phi, từ Úc sang Mỹ lên mới có câu "Mặt trời không bao giờ lặn ở nước Anh" để chỉ sự bành trướng xâm lược của đế quốc Anh vào thời kỳ đó. Nơi nào có dấu chân người lông mao và lá cờ Anh Quốc là nơi đó tiếng Anh được truyền bá. Do đó những quốc gia trước kia là thuộc địa của Anh nay đã giành được độc lập tự chủ vẫn còn phảng phất một sự tủi nhục cảm hơn nên không công nhận tiếng Anh như là một thế giới ngữ.

Khoa học càng tiến bộ bao nhiêu thì con người trên quả địa cầu càng gắn lại bấy nhiêu. Để hòa đồng tư tưởng, cảm thông và yêu thương nhau, sớm hay muộn nhân loại cũng phải cần có một tiếng nói chung.

Esperanto là một ngôn ngữ trung lập, không phải là một tiếng nói riêng biệt của bất cứ một quốc gia nào trên thế giới. Do đó người ta hy vọng Esperanto sẽ là một Thế Giới Ngữ.

THỊ TÂM

MARY KINGSTOWN

- CAP ANAMUR V -

NGUYỄN HỮU HUẤN

Diễm hen: Singapore, nơi từ trước đến nay phát xuất các chuyến tàu nhândao cứu người vượt biển tại biển Đông. Chúng tôi đến từ nhiều nơi: Hamburg, Paris, Lion, Marseille và California, nhưng đều có một niềm phấn khởi, nao nức chung: cùng công tác thi hành nhiệm vụ nhândao cứu người ty nạn Việt Nam vượt biển ngoài biển Đông. Con tàu nhândao mang tên danh bố "Mary Kingstown" được khoát thêm cái tên lung danh thế giới: "CAP ANAMUR V", kể từ tháng 7/86. Andre Gille, một tỷ phú Monaco, đã cống hiến cho các tổ chức nhândao Pháp và Đức con tàu dài 50 thước, trong tải 300 tấn nầy...

Đại dương bao la khiêu dâm, con người thì thất bẽ nhỏ mong manh như giọt nước và lòng người thì ngày càng teo tóp hững hờ chìm chết một tình nhândao xuống đáy biển sâu. Thế giới ngoài vòng kiểm tỏa của cái gọi là Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Thế nhưng, con tàu "Mary Kingstown"-CAP ANAMUR V này, bé nhỏ như trái trứng trên mặt hồ, vẫn hiên ngang nhào lòn với sóng gió biển Đông, vì trong đó chất chứa hừng tâm hồn đích thực của một con người, đập trên mọi luật lệ, tiêu chuẩn khắt khe vô nhân và ích kỷ do chính con người áp chế, để mang tình nhândao trái rộng đến chốn vô cực không biên giới. Vì thế, con tàu lần nầy ra khơi với một nhiệm vụ khác hơn những lần trước: TÌM KIẾM BẢO VỆ THUYỀN NHÂN VIỆT NAM TRƯỚC NẠN HẢI TÁC THÁI LAN VÀ HƯỚNG DẪN HỌ ĐẾN MỘT BỜ BẾN GẮN NHẤT.

Từ Singapore, chúng tôi nhận được sự yêu cầu của Phủ Cao Ủy Ty Nạn LHQ, chuyển 87 thuyền nhân Việt Nam từ hải phận quốc

tế gần Singapore đến trại ty nạn Puerto Princesa, Palawan thuộc Phi Luật Tân. Đây là việc ngoài nhiệm vụ công tác của con tàu (không phải chuyên chở người, mà là cứu người), nhưng vì một sự tế nhị cần thiết với Phủ Cao Ủy Ty Nạn LHQ, chúng tôi nhận lời, và ngày 09/6.87 người ty nạn Việt Nam đã được một tàu buôn Panama cứu vớt từ ngày 15/5, được chuyển qua tàu của chúng tôi, cách bờ Singapore 20 cây số. Theo lời kể, họ xuất phát từ vùng Long Thành, tỉnh Đồng Nai vào ngày 12/5 với đúng 90 người, trên con thuyền dài 10 mét, rộng 2,5 mét. Sau chỉ 1 ngày 1 đêm, họ mới khám phá có 3 người đã chết cứng ngay bên cạnh mình trong hầm tàu vì quá chật chội và thiếu không khí, gồm 1 em bé gái 15 tuổi, 1 bé trai 10 tuổi và một đàn ông khoảng 35 tuổi. Ngày 15/5 thì được tàu buôn Panama cứu vớt trong tình trạng hết nước uống và thực phẩm bị ướt nước. Ngày 21/5 họ được mang đến cảng Singapore theo lộ trình con tàu buôn, nhưng chính quyền Singapore nhất quyết không chấp nhận và cũng không cho phép họ nằm trong hải phận, mặc dù có sự can thiệp của Phủ Cao Ủy Ty Nạn LHQ tại đó. Thế là họ bị kéo trên chiếc xà lan buôn ra tận ngoài hải phận quốc tế, chơi vơi giữa trời và nước cho đến khi chúng tôi tới tiếp nhận họ vào ngày 9/6.

87 khuôn mặt cháy đen gầy guộc nhưng vẫn nở những nụ cười thỏa mãn sau chuyến đi kinh hoàng chết chóc được cứu sống. Đó đây những đôi mắt kinh ngạc khi lần đầu tiên nghe được giọng nói Việt Nam của người đồng hương từ ngày vượt biển. Thấp thoáng trong đám đông còn có vài khuôn mặt hắt hiu buồn tủi vì có người thân đã bỏ lại ngoài biển Đông hôm nào... Chúng tôi ân cần tiếp nhận họ như những người thân trong gia đình. 87 tâm tư riêng biệt, 87 ước nguyện tương lai cho đời mình... nhưng họ có biết đâu - những điều mà trong giờ phút chuyển tiếp nầy chúng tôi chưa dám nói ra - về cái

thân phận mù mịt không một miền đất hứa nào dành cho họ sau này (ngoại trừ những trường hợp ngoại lệ do quốc tế đánh giá), vì cho dù họ được tâu cứu vớt, nhưng vẫn không một quốc gia nào tiếp nhận họ. Phó Cao Ủy Ty Nan dành can thiệp cho họ được tạm trú tại Phi Luật Tân, chờ các quyết định sau cùng của thế giới. Chỉ có một điều may mắn nhất mà họ đã hưởng được trên bước đường tìm Tự Do, đó là sinh mạng của số 87 người còn lại này đã được cứu thoát sống sót.

Suốt 6 ngày đường từ Singapore đến Palawan, chúng tôi tìm cách kết thân với đồng bào chúng tôi... Chúng tôi đã gặp bà mẹ trẻ 27 tuổi thường ngồi lặng thinh nhìn xuống mặt biển khơi, giọt nước mắt của chị có lẽ còn mặn mà hơn nước biển, khóc thương cho đứa con trai đầu lòng chưa đầy 10 tuổi chết cứng trong đám người chen chúc dưới ghe lúc nào mà chính chị cũng không biết. Xác người con bé bỏng thân yêu được kéo ra như một khúc gỗ vô tri, được thả xuống giòng nước biển oan khiên, trôi đi mãi mãi tinh máu tử ngàn đời. Chúng tôi đã gặp hai em bé tung tăng vui đùa láu liên, nhưng ham học hỏi tìm tòi. Các em chưa biết được nỗi buồn của những kẻ bất bước phải rời bỏ quê hương, các em nào biết được những tương lai nào đó sẽ dành cho các em từ ngày hôm nay và các em cũng chưa cảm nghiệm được nỗi đau đớn dấn vật khi những người đồng hành ném xác người chị thân thương của các em xuống đáy biển sâu, mà trước đó chỉ một ngày, chính người chị này đã đùm bọc lo lắng săn sóc cho các em lặn lội từ bến bãi ra đi. Chúng tôi cũng đã gặp bà mẹ già 65 tuổi đời, nhăn nheo thân xác vì nỗi khổ đau quanh mình từ 15 năm nay. Nước mắt mẹ vẫn cứ tuôn trào với những lời nguyện cầu cho linh hồn của người chồng già chết tức tưởi trong trại tù đây cái tạo năm ngoái, cho con cái của mẹ cách đây vài năm cũng đã dặt diu nhau đi tìm Tự Do vẫn không một mảnh tin gởi về, và mẹ cũng đã khóc cho chính thân phận của mình hôm nay, cho quê hương nơi chôn nhau cắt rốn cho người thân, cho gia đình mẹ và cho cả một dân tộc của mẹ đang bị đọa đày...

Thế giới ơi! Loài người ơi! Liệu vẫn còn lương tri để hiểu được sự khát vọng Tự Do của người Việt Nam hay không? Một "cõi mơ" giá tào, một Tây Phương khờ khạo dễ tin và ích kỷ. Thế giới xúm lại ngồi bàn nhùngkhại sanh cho bằng được các luật lệ,

điều kiện bất nhân, hầu mong chấm dứt được thảm cảnh thuyến nhân của thế kỷ này. Rầy nhìn kỹ lại sự mất mát quá vĩ đại, sự chịu đựng quá nặng nề của con người Việt Nam hôm nay - mà không một dân tộc nào phải chịu đựng để đổi lấy Tự Do chính đáng. Thế thì chỉ có một con đường duy nhất, một phương cách bất đi bất dịch là : cái nền thống trị của Cộng sản Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam phải hoàn toàn bị dẹp bỏ... Đến bây giờ thì biển vẫn đưa người đi và biển cũng hừng hờ nhận chìm mọi ước vọng đơn sơ của người. Con tàu vẫn lướt sóng ra đi, hoa biển trắng tinh tan vỡ như những niềm hy vọng nào nề tan từng mảnh vụn dưới đáy biển sâu...

... "Tôi ra đi tránh lũ dưới trời"
"Tôi ra đi để được khóc được cười"
"Được giận hờn, được biết, được yêu"
"Tôi ra đi để được nói được nghe"
"Được trông thấy TỰ DO là thế nào..."

Chúng tôi đến cảng Puerto Princesa vào sáng ngày 15/6. Người Phi tại đây không muốn nhận thêm người tỵ nạn VN vào nhập trại, họ chỉ muốn... tiễn. Chúng tôi thỏa mãn tất cả, miễn là càng nhanh càng tốt chuyển 87 người vào trại rồi ra vùng biển Đông với công tác của mình. Nhân viên Cao Ủy tại đây đến can thiệp với chính quyền địa phương, ấy thế mà 2 hôm sau mọi người mới được xuống tàu nhập trại. Trại Puerto Princesa bây giờ đầy ứ người. Gần 8.000 người chen chúc trong các ngôi lều tranh hoặc nhà tập thể. Trung bình 22 người sống trong một căn nhà tranh khoảng 30 mét vuông đã đưa đến tình trạng bệnh tật truyền nhiễm, thức ăn và nước ngọt thiếu thốn. Bây giờ đã là nhiệm kỳ thứ 28 của Ban đại diện trại. Toàn trại nằm dưới quyền chỉ huy trực tiếp của một Trung tá người Phi. Văn phòng Cao Ủy Ty Nan đặt ngay gần cột cờ giữa trại, tập nập đầy người ra vào. Các quán ăn, quán cà phê nhac mọc như nấm toàn trại, do chính người tỵ nạn mở ra kiếm thêm tiền sinh sống trong những ngày tháng chờ đợi định cư tại đệ tam quốc gia. Danh từ "Trồng Dưa" lan tràn, ám chỉ những người đã cố cưu nhiều năm sinh sống trong trại. Chúng tôi gặp lại một vài người đã được tàu CAP ANAMUR II vớt từ năm 1986 vẫn còn tại đây. Tin tức về chương trình "cuồng bách hối hương" lan tỏa đầy khắp gây một mối hoang mang âu lo cho mọi người. Tất cả vẫn ngưng

chờ kết quả "Hội nghị về người tỵ nạn" tại Genève ngày 13 và 14/6 vừa qua. Ban đại diện trại đang hoạch định chương trình biểu tình, tuyệt thực... chống lại sự cuồng bách vô nhân này. Gia đình Phật Tử và các Ni Sư trong ngôi chùa ngay cổng trại đi bước đầu tiên, khởi đầu cho toàn chiến dịch. khắp chùa treo những biểu ngữ kêu gọi lòng nhân đạo của các quốc gia Tây Phương và lên án mọi hành động cuồng bách trả người tỵ nạn về lại Việt Nam. Bốn vị Sư sãi thay nhau đứng như tượng đá giữa sân Chùa tuyệt thực trong một tuần, bất kể nắng mưa. Tiếng mõ vang vang xen lẫn với tiếng cầu kinh từ ngôi nhà thờ Công giáo đối diện, do một Linh mục người Hoa Kỳ đã quá lúc tuần tĩnh nguyện đến sân sóc linh hồn giáo dân từ 2 năm nay. Hàng ngàn khuôn mặt trầm tư cúi đầu âu lo mỗi khi bước ngang trên con đường nằm giữa hai nơi thờ phượng. Cảnh ngôi Thánh đường là chiếc ghe vượt biển được kéo vào sừng sừng trên bề cao tượng trưng cho lòng sắt đá, chỉ qua cam của những con người Việt Nam yêu chuộng Tự Do, liệu mình đi vào cõi chết. Nhiệm kỳ 28 của Ban đại diện trại có điều đặc biệt: đa số là các anh em cựu quân nhân. Tổng cộng có đến gần 300 anh em cựu quân nhân trong trại, trong đó phần đông là các cấp Tá đã bị bon CSVN giam giữ từ mười năm trở lên. Nhưng liệu các anh em này có qua nổi những đợt ganloc vô lý và đầy mâu thuẫn của các quốc gia Đông Nam Á, để chúng mình được rằng họ là những kẻ "Ty Nạn Chính Trị" hay không, khi đa số không còn được một giấy tờ chứng minh vì đã bị thất lạc trên con đường tìm Tự Do. Cái vô lý đáng nức cười là đó. Dựa trên căn bản nào để phân biệt hai chữ "chính trị" và "kinh tế" khi bon CSVN từ 15 năm nay vẫn là cội nguồn của nghèo đói thiếu ăn, là dung dịch làm tiêu tan gia đình, là cha đẻ của những chính sách vô nhân đem toàn dân tộc xuống đáy tằm cùng của một sinh vật hạ đẳng... Cái máu chột phải nằm ở điểm này. Thế nhưng các anh em cựu quân nhân vẫn dấy tự tin vào chính mỗi con người mình. Trại quá đông và chật chội, các anh em tình nguyện - không kể cấp bậc cũ - hàng ngày đối nắng mưa, khai hoang khu rừng bên cạnh, phác lá chặt gốc, quyết cùng nhau san bằng một mảnh đất rừng lớn để nơi rộng trại thêm và cũng để kỷ niệm ngày Quân Lực 19/6 năm nay. "Văn sướng hơn khi còn bị cái tạo", một cựu sĩ quan Bộ binh đã nói với chúng tôi như thế với khuôn mặt cháy



Foto: Arthur Tsang/Reute

đen vì năng Phi, mỗi hôm như nhai với con dao rùng, cùn của tay không đứt, "vì mình đã có Tự Do và mình làm cho mình và cho dân mình". Chúng tôi cúi đầu kính phục những con tim sắt đá đáng quý này...

Một vấn đề nan giải về các thủ tục định cư của các người tỵ nạn VN hiện nay trong các trại vùng Đông Nam Á: trong khi thế giới đang muốn trút bỏ mọi gánh nặng về người tỵ nạn VN hiện nay, không một quốc gia nào muốn nhận thêm người nữa, thì chính những người tỵ nạn trong các trại vẫn tiếp tục tu chí không định cư tại một quốc gia nào đó bằng lòng nhân đạo cấp chiếu khản đặc biệt. Năm ngoái, 1988, chính con tàu Mary này đã cứu vớt được hơn 400 thuyền nhân Việt Nam mang vào đảo Palawan và tất cả đều được Pháp cấp chiếu khản tỵ nạn. Chỉ vài tháng sau đó, Bộ Ngoại Giao và chính quyền Pháp đã nhận được một thỉnh nguyện thư với đúng 400 chữ ký của những người này tỵ nạn quyết không đi định cư tại Pháp. Một ngò ngang như gáo nước lạnh tạt vào những tâm hồn nhân đạo Tây Phương còn sót lại, một quyết định sai lầm đáng tiếc kèm theo cả một tương lai mù mịt tối tăm cho những người đáng thương ấy... Hầu hết, đều muốn định cư tại Hoa Kỳ, vì... "Hoa Kỳ chắc chắn phải có trách nhiệm với chúng tôi", vì "Hoa Kỳ dễ làm ăn hơn các quốc gia khác"... và cứ thế. Và cứ thế ngày tháng vẫn chững chặc trong các trại tỵ nạn như những nhà tù rộng lớn đông đúc, và cứ thế ý nghĩa của

sự đi tìm Tự Do đích thực ngày càng héo hon tan dần với tháng năm, nhường chỗ cho sự bỏ mặc, ngoảnh mặt quay đi của thế giới và kéo theo các hậu quả bất lợi cho những kẻ đi sau... Thế giới diên đẩu chán nản, thế giới muốn chấm dứt "trò chơi lợi lộc" thuyền nhân, thế giới chẳng còn hiểu được lý do ra đi và mục tiêu tìm đến của thuyền nhân. Biết giải thích phân bua làm sao đây, vì cho dù có những lý do cội nguồn tế nhị uẩn khúc nào đó, thì cũng khó mà tránh khỏi sự ế chế chán nản của kẻ còn rơi rớt chút ít gì gọi là lòng nhân. Tiếc thay!!! Chúng tôi chợt nhớ lại chuyến tàu CAP ANAMUR II trở về cảng Hamburg ngày 5.9.1986 với 286 thuyền nhân Việt Nam. Chắc rằng đến nay họ đã hiểu rõ vấn đề hơn ai hết!!!

Thủ tục chuyển người tỵ nạn vừa hoàn tất, chúng tôi vội vã ra khơi với những ấp u mong chờ cho thành quả của mình. Ngày 21.6 chúng tôi đến vùng tìm cứu phía Đông Nam Vũng Tàu. Trời gió bão cấp 7, tàu tránh tránh lắc lư như chiếc lá, tâm nhìn xathật tối thiểu, Radar bất khiến dụng. Mỗi người chợt tưởng tượng... nếu có một chiếc thuyền tỵ nạn ra đi trong lúc này??? Hai ngày ròng rã liên tục tìm kiếm vô ích, chỉ là mây mưa và bão tố mù mịt, chúng tôi quyết định qua vùng biển Thái Lan và phía Nam Côn Sơn. Nơi đây biển thẳm lặng, sóng gió phất phơ, nhưng sáu ngày ròng rã chỉ thấy toàn thuyền bè đánh cá Thái Lan. Có lần chúng tôi gặp 1 đoàn gồm 60

Chính quyền Hương Cảng đang thương lượng với Hà Nội để trả 30.000 người tỵ nạn về VN trong chiếu hướng cưỡng bách hồi hương

chiếc. Đây đó chúng tu tập lại từng nhiều đám 3,4 chiếc. Một nghĩ ngờ thoáng qua, một điều rất có thể xảy đến khi trong đó có một thuyền tỵ nạn đang bị chúng hành hạ dã man??? Chúng tôi cho tàu tiến đến quan sát thật gần và thật kỹ từng đám một. Vẫn chẳng có gì ngoài những chiếc lưới cào vĩ dài nổi trắng xóa. Sự thất vọng đã bắt đầu hiển hiện trên các khuôn mặt rưng rưng vì mất ngủ, căng mắt ngày đêm tìm kiếm. Có người đã leo lên chót vót tận cùng của cột đèn lái tàu hàng giờ với chiếc giầy an toàn ngang bụng. Vẫn chẳng có gì ngoài trời mây, nắng gió, biển nước và bọn Thái Lan. Ba ngày sau, chúng tôi quay tàu trở lại vùng biển giữa Vũng Tàu và Côn Sơn, nơi đó đã sở thuyền tỵ nạn đã tìm được. Bấy giờ biển đã lặng, mặt biển êm hơn. Chúng tôi lo sợ cảnh đi không lại trở về không, vừa lo vừa buồn tẻ. Bác sĩ Đường Thiên Đông, cựu Sĩ quan Nhảy Dù, đại diện ý Ban Cứu Nguy Giúp Người Vượt Biên tại Hoa Kỳ sẵn sàng khoản đãi tất cả các toán thiên nguyện và cả thù thù đoàn với tiền túi của mình khi trở về Singapore, nếu vớt được một con thuyền tỵ nạn...

Ngày trở về đã gần và trên tàu bỗng vắng tiếng cười đùa, một nỗi buồn nặng trĩu vây quanh nhưng vẫn nhất quyết không nản lòng. Bấy giờ là 6 giờ 30 sáng ngày 29.6.1989. Một tiếng la lớn từ đỉnh cao con tàu vọng xuống, phát hiện một chấm đen dài nằm sát đường chân trời trên hướng 4 giờ. Với đôi mắt nhiều kinh nghiệm qua những chuyến đi vớt người vượt biên, anh Nguyễn Hữu Huân của Ủy Ban CAP ANAMUR Tây Đức cho biết chấm đen khác hẳn với những hình dạng của các thuyền đánh cá bình thường. Mọi người đều xôn xao và con tàu bắt đầu chuyển hướng đến "mục tiêu". Tàu càng đến gần, chấm đen lại càng nhỏ lại vì đã nằm dưới đường chân trời... Chúng tôi đã bắt đầu thấy rõ con tàu hơn, chắc chắn phải là tàu tỵ nạn Việt Nam rồi đây. Những cánh tay vẫy gọi và những chiếc đèn lơ nhơ cũng được thấy rõ trong ống nhòm. Chúng tôi vui sướng nhảy mừng, ai nấy vào nhiệm vụ sẵn sàng của mình. Không biết giữa chúng tôi với những con người Việt Nam đáng thương trong chiếc ghe nhỏ bé kia, ai mừng hơn ai, mỗi người

một niềm vui sướng khác nhau, nhưng đã gặp nhau trên một tụ điểm: tình người, tình máu mủ, đồng hương, tình thương yêu Dân Tộc và Tự Do.

Thời tiết tốt, việc cứu người không đến nỗi nguy hiểm và vất vả. 41 thuyền nhân Việt Nam được đưa lên tàu chỉ trong vòng 15 phút, nhiều người mệt lả vì tàu hết nước và thực phẩm lâu ngày 12 chai nước biển phải dùng cấp cứu suốt thời gian. Một em bé mới 7 tháng khóc chết lặng trong tay người mẹ gầy guộc yếu ớt, những màu da nứt nẻ vì thấm nước biển nặng nề lâu ngày, đó đây những ánh mắt tràn trua ướt đẫm với đôi chân đứng không vững... Tất cả gồm 22 đàn ông, 14 phụ nữ và 5 trẻ em dưới 12 tuổi.

Tất cả đã cảm thấy cái chết trong tay nếu chúng tôi không phát hiện kịp hoặc chỉ trễ vài giờ, cho dù chiếc máy ghe hiệu Yanmar còn mới tinh, do một thân nhân tu Canada gói vẽ, được chế biến từ loại máy kéo thành máy chạy sóng. 41 người phần lớn từ miền Hậu Giang phát xuất từ cửa Định An, Cần Thơ, tới ngày 24.6, dự tính đến Mã Lai. Chỉ một ngày sau thì gặp cơn bão lớn, giông man dữ dội. Sóng đập vào ghe tạo ra những vết nứt làm nước tuôn xối xả. Gió Tây Nam thổi mạnh đã thổi tạt con tàu ngược về hướng Bắc lên tận đến vùng biển Phan Thiết, rồi lạc vào một đảo hoang. Nơi đây trên đỉnh núi có ghi bia từ năm 1954: "Hòn Bờ, thuộc đảo Phú Quý, tỉnh Phan Thiết". Họ ở đó một ngày vừa tránh bão, vừa sửa lại thuyền và tìm kiếm thực phẩm, vì nước đã cạn và lương thực mang theo đều sũng nước biển. Những người mệt lả, ngất xỉu, dần hồi tỉnh vì nhớ một cơn mưa và hàng trăm ngàn trùng chim khắp đảo. Ngày hôm sau gió bão lặng dần, họ lại quyết tâm tiếp tục khởi hành về phía Nam, nhất định liều lĩnh đổi cái chết cho bằng được với sự Tự Do mà họ quyết tâm và hành trang bây giờ chỉ là một số trùng với vài xô nước mưa hứng được trong trận mưa bão hôm qua cho 41 người trong cuộc hành trình xa tắp và liều lĩnh trên mặt biển cả mệnh mỏng dầy hăm dọa. Ngày 28.6 họ gặp một tàu buôn CSVN với lá cờ máu đã man và vài tàu buôn khác, nhưng tất cả đã đều dừng đứng không muốn đối thoại. Cũng tối hôm đó, 4 ánh đèn của bọn chài Thái Lan đã phát hiện ra họ và truy nã rượt đuổi. Họ tắt ngấm tất cả mọi ánh đèn, kể cả ánh sáng mập mờ của những điều thuộc lá. Chúng tôi phát hiện ra họ vào sáng hôm sau ngày 29.6, tại vị trí 120 hải lý Đông Đông Nam

Đông Nam của bờ biển Vũng Tàu, và 4 ghe Thái tử xa xa chừng kiến cảnh cứu người này.

Tàu quay đầu chuyển hướng phía Nam, nơi có trại tỵ nạn VN khoảng trên 15.000 người. Không một quốc gia nào, kể cả Đức, Pháp và Hoa Kỳ muốn tiếp nhận nhân đạo những người vừa được cứu với này và chúng tôi chỉ còn 1 cách cuối cùng là: kéo chiếc ghe vượt biển của họ theo tàu đến gần đảo và sau đó hướng dẫn họ cập bến. Một nhiệm vụ đầy nguy hiểm và quan trọng nhất cho cả một công tác ròng rã 1 tháng trời và là việc đánh giá thành quả. Chúng tôi phải làm sao kéo ghe của họ đến gần đảo càng tốt để bảo đảm an toàn, phải tìm cách tránh né các ghe thuyền và các tàu tuần chung quanh để khỏi bị phát hiện. Con tàu của chúng tôi bỗng trở thành con tàu vượt biển, xâm nhập hải phận, lại kéo theo 1 chiếc ghe vượt biển thật sự.

Vì phải kéo theo ghe vượt biển, trên ghe lúc nào cũng có 1 toán 4 người thay phiên tát nước suốt hành trình, từ vùng biển Nam Việt Nam đến tận "mục tiêu xâm nhập" dài gần 400 hải lý, nên tàu chạy thật chậm (3 hải lý/giờ) để tránh hiểm nghèo. Đùng 4 giờ sáng ngày 3/7 tàu ngừng máy, cách bờ biển 12 hải lý, vừa đúng bờ hải phận quốc tế của mỗi quốc gia. Sau khi bỏ lại tất cả các chứng tích của con tàu, 41 người tỵ nạn VN lần lượt âm thầm theo thang giấy xuống ghe dưới ánh đèn pin thật nhỏ. Trời lặng gió và mặt biển như hồ thu. Lối chào biệt, câu dặn dò chỉ dẫn, kèm theo các dụng cụ đi đường, kể cả những hỏa pháo thông tin đều được sửa soạn kỹ lưỡng, gói ghém tất cả trong tình thương yêu đat dào, gửi đến những con người Việt Nam đầy quá cảm nhất trên thế giới... Giọt nước mắt từ biệt, đôi tay giã từ âm thầm trong bóng tối đầy hăm dọa và cũng là cả một sự che chở cho an toàn thành công. Nguyễn Như Văn, người tài công, cũng là cựu người nhái của VNCH, từng trốn ngục tù vừa cười vừa nói với đôi mắt cương nghị: "Thật giống như những chuyến tỵ nạn công tác xâm nhập ngày nào...".

Đùng 20 phút sau, giây buộc ghe được tháo ra, những bóng người thân thương lại chen chúc trong hầm ghe tối đen và chiếc ghe từ từ tách rời khỏi tàu. Sau khi điều chỉnh hướng đi của cả hai, tàu chúng tôi bắt đầu nổ máy lại, tắt hết mọi ngọn đèn, thắp lạng tiến trong bóng đêm dày đặc như những chiếc tàu ma, tiến

đến mục tiêu trước mắt. Cứ thế, tàu chúng tôi chạy thật chậm với vận tốc chỉ 2 hải lý/giờ, xâm nhập vào hải phận. Chiếc ghe tỵ nạn chạy nhanh hơn phía trước, vài tín hiệu đèn bất sáng cách khoảng thời gian đồng đều, thông tin cho nhau. Chúng tôi vẫn theo dõi con thuyền chở những người quá cảm này suốt ba giờ đồng hồ để đề phòng những bất trắc có thể xảy ra. Trời bắt đầu sáng dần, đảo tỵ nạn hiện rõ trước mắt, chúng tôi ngừng lại với khoảng cách chỉ 5 hải lý. Một im lặng hồi hộp bao trùm, không ai còn lời gì để nói nữa vì tất cả đang nằm trong những giây phút cực kỳ quan trọng nhất. Đó đây những ghe đánh cá dân bản xứ lục đục ra khơi hoặc trở về. Chúng tôi treo tất cả lên cột cao của tàu rào mắt nhìn quanh tìm chiếc ghe vượt biển mà cách đây không lâu đã cùng các thuyền nhân chung sống tâm tình 3 ngày đêm. Những ánh mắt lo âu bắt đầu lộ diện với những khuôn mặt hình dáng thân thương của những con người quá cảm lại hiện rõ trong tâm tư từng người, những kỷ niệm chợt trở về với hiện tại và xa xa chúng tôi phát hiện 2 tuần dương ham của người bản xứ đang tuần quanh biển... Vấn không có tín hiệu gì từ phía đảo bắn lên và bầu trời thì thật sự đang bắt đầu một ngày mới. Nỗi lo âu đã đi đến cực độ và chúng tôi bỗng nhìn thấy một chấm đen dài từ từ đi khuất vào phía bên kia hòn đảo nhỏ bé nơi chúng tôi định là có trại tỵ nạn VN, và đã đúng như lời hướng dẫn của chúng tôi. Chắc chắn họ cũng nhìn thấy chúng tôi càng rõ rệt hơn, vì hình dáng dễ số của con tàu thật gần. Rồi một ngọn lửa đỏ thật sáng chợt bắn lên cao, lơ lửng trên trời xanh dưới cánh du lớn. Không một ai trong chúng tôi kim hãm được tiếng la mừng vui và nước mắt bỗng tràn trua trên từng khuôn mặt. Chúng tôi ôm nhau trong nước mắt vui mừng vì đã đạt đến những tính toán dự trù của mình thật thành công, vì chúng tôi biết chắc rằng họ đã đến được bến bờ an toàn, chiếc ghe tỵ nạn chở họ đã bị phá nát như dự tính sau khi mọi người đã đặt chân trên đất liền, vì biết chắc rằng nơi họ đến là ngay bãi biển của một trại tỵ nạn Việt Nam... lúc đó đúng 7,16 giờ ngày 3/7/89. Ngọn hỏa pháo đỏ sáng trưng lơ lửng trên cao gần 100 mét, nóng bỏng như tình Dân Tộc của mọi người, sáng to như những ý chí sắt son của ước vọng Tự Do, vượt cao lên mọi hiểm nguy, thách thức với cái chết bên mình để đổi lấy cho bằng được một mảnh

dắt dầy tình người, nơi đó sẽ không còn bất bỏ giam cầm, không còn bóc lột vô nhân, chẳng còn gông cùm dành cho loài thú và nơi đó họ được sống đúng như một con người... Chúng tôi vội vã cho tàu thật nhanh ra khỏi vùng biển quá gần này mà lòng thối thối hân hoan, vì ít nhất đã làm được một cái gì, dù thật nhỏ bé, cho những người cùng máu mủ ruột thịt và cảnh ngộ. Bấy giờ tàu chạy trở về hướng Singapore, nơi phát xuất, cũng là nơi chấm dứt một chuyến đi nhân đạo, và cũng là nơi sửa soạn cho chuyến đi kế tiếp của chúng tôi vào những ngày sắp tới. Xin cảm ơn những con người đầy lòng nhân đạo đã dành cho chúng tôi con tàu này với mọi dễ dãi để có thể thi hành nhiệm vụ. Xin cảm ơn những tấm lòng quảng đại bao dung của

những người Đức, người Pháp đã cùng tư nguyện chung sống và làm việc với chúng tôi trong suốt cuộc hành trình nhân đạo và đáng giá này. Xin cảm ơn những tấm lòng sắt son của chính những người con Việt Nam đang sống Tu Do trên toàn thế giới đã cùng đóng góp thiết thực vào chương trình này để thể hiện tấm lòng "người đi trước nhớ kẻ đến sau", tấm gương máu mủ ruột thịt ngàn đời của cả một dân tộc đang sống cơ cực lầm than trong tay một bọn người không có linh hồn và dã man như loài muông thú... Phần thưởng của các việc làm của chúng tôi là đã hoàn tất thành công công việc đó, như lời văn hào Senèque...

(biển Đông 7/89)

ngoài. Chang thắng! anh quy ngay tại chỗ, vừa mệt vừa mừng vừa khóc anh chạy lên lưới bắt tay Lendl trước sự hoan nghênh nhiệt liệt của mười mấy ngàn khán giả. M.Chang đi từ chiến thắng này đến chiến thắng nọ. Vào tứ kết Chang hạ anh Agenor (Haiti) với tỷ số 6:2,2:6,6:4, và 7:6. Vào bán kết anh hạ luôn anh Tschesnokov (Nga) với tỷ số : 6:1,5:7,7:6, và 7:5. Vào chung kết anh đụng cây vợt số 3 thế giới là Stefan Edberg 23t (T.Điển). Ai cũng nghĩ rằng S. Edberg sẽ xơi tái M.Chang. Nhưng! Châu chấu đá xe, tưởng rằng châu chấu ngã ai ngờ xe rơi! Chang hạ luôn S.Edberg với tỷ số: 6:1,3:6, 4:6,6:4 và 6:2! Super Chang! Lần đầu tiên trong lịch sử banh nỉ một người Á Châu (mặc dù dân Mỹ) đoạt được một trong bốn giải quần vợt lớn nhất thế giới giữa sự kinh ngạc và khâm phục của người Tây phương. Tiền thưởng 291.752 đô la! Báo chí Tây phương gọi Chang là đứa trẻ phi thường, là thần đồng (Wunderkind)!

TIN THỂ THAO

Kể từ số này, báo Viên Giác mở thêm trang thể thao để cống hiến quý độc giả ham mộ bốn phương. Lăn này nói về môn quần vợt (Tennis). Trong các môn thể thao có lẽ môn quần vợt là kiếm được nhiều tiền nhất. Thật vậy, trong một năm đấu thủ nào thắng được 4 giải lớn gọi là Grand Slam Turnier thì trở thành triệu phú. Rất khó, nhưng đã có người thắng, vì mỗi sân có một đặc tính khác nhau. Đấu thủ đôi khi thích hợp sân bằng chất nhựa, nhưng không thích hợp sân cát chẳng hạn như anh Boris Becker, hoặc ngược lại.

Bốn giải lớn được các Quốc Gia sau đây tổ chức

- * Úc tổ chức tại Melbourn, trước dùng sân cỏ, nhưng từ khi xây dựng sân quần vợt mới thì tân nhất thế giới thì dùng sân bằng chất nhựa (Kunststoff) banh chùi rất nhanh.
- * Pháp tổ chức tại Paris - sân cát banh đi chậm.
- * Anh tổ chức tại London được gọi là giải Wimbledon - sân cỏ - banh chùi thật nhanh.
- * Mỹ tổ chức tại Flushing Meadow ở New-York sân bằng chất nhựa như ở Úc.

Trong 4 giải trên đây chỉ có giải Wimbledon là danh dự nhất. Vì đấu thủ nào đoạt giải sẽ được chính tay Quận Công chồng Nữ Hoàng hoặc Hoàng Tử Charles, hoặc Công Chúa em Nữ Hoàng trao tặng cúp. Bốn giải này các đấu thủ mọi hạng đều có thể ghi tên tham dự.

Đặc biệt có giải vô địch thế giới (Master) được tổ chức tại New-York. Giải này chỉ có 8 tay vợt đồng đấu thế giới mới được tham dự. Năm 1988

anh Boris Becker 20 tuổi (Tây Đức) đã đoạt giải với tiền thưởng trên 850.000 đôla sau khi hạ anh Lendl (Tiệp Khắc) ở ván thứ 5 bằng Tie-break.

Ngoài ra còn có các giải quốc tế như Davis Cup, đồng đội nam, đồng đội nữ. Các giải này có tính cách quốc gia vì đấu thủ nằm trong toán đại diện cho quốc gia mình tham dự chứ không phải từng cá nhân.

NĂM 1989

Giải GRAND SLAM tại Úc tổ chức vào tháng 1.89

Bên nam anh Lendl (Tiệp Khắc) cây vợt số 1 thế giới đoạt giải sau khi đánh bại anh Stefan Edberg (T.Điển). Mặc dù là số 1, nhưng lần đầu tiên Lendl mới thắng được giải này.

Bên nữ cô Steffi Graf 19t (Tây Đức) đoạt giải sau khi đánh bại cô Gabriela Sabatini (Argentina).

Giải GRAND SLAM tại Pháp tổ chức từ 29.5 đến 11.6.89

Bên nam, bên nữ mới bên có 128 người ghi tên tham dự. Đấu thủ nào muốn đoạt giải phải thắng 7 trận liên tiếp như sau: vòng 1 - vòng 2 - 3- 4 (Achtelfinale) - 5 (tứ kết) - 6 (bán kết) và 7 (chung kết) Bên nam một việc hết sức bất ngờ và thích thú xảy ra ở vòng thứ 4 là anh Michael Chang 17t người Mỹ gốc Đài Loan hạng 19 đã hạ cây vợt số 1 thế giới anh Ivan Lendl (Tiệp Khắc) với tỷ số 4:6,4:6,6:3,6:3 và 6:3! Đến ván thứ 4 Chang vì vọt bé, nhưng với sự cố gắng và chịu đựng do bản tánh của người Châu Á, anh đã thắng ván này. Qua ván thứ 5, ván quyết định, anh dẫn trước 5:3. Đến lượt Lendl giao banh bị dẫn 30:40. Trái banh quyết định trận đấu (Match Ball). Lendl xet trái đầu vào lưới, trái thứ hai ra

Sơ lược tiểu sử anh M. CHANG

Sanh ngày 22.2.72 tại New-Jersey (Hoakỳ) cao 1,73th, nặng 61 kg. Con của một gia đình người Đài Loan di dân qua Mỹ năm 1962. Lúc 5 tuổi ba anh đã dạy anh cầm vợt với hai tay. Ngoài ra còn có tay vợt cựu nhà nghề Brian Gottfried huấn luyện anh. Mỗi lần tranh giải má anh đều theo anh để lo việc ăn uống cho anh. Trước giải Paris anh được tay vợt chuyên môn về sân cát José Higuera huấn luyện.

Thành tích của M. CHANG

- 15 tuổi đoạt giải vô địch thiếu niên ở Mỹ và vào được vòng 4 giải U.S Open.
- 16 tuổi có chân trong toán đại diện Mỹ tranh giải Davis Cup.
- 17 tuổi đoạt giải Grand Slam Paris.
- Phá kỷ lục của Boris Becker. Năm 1985 B.Becker đoạt giải này khi 17 tuổi - 8 tháng. Còn M. Chang đoạt giải này lúc 17 tuổi - 3 tháng.

Kỷ lục giải GRAND SLAM Paris

- Anh Björn Borg (T.Điển) đã 6 lần đoạt giải và đang giữ kỷ lục.
- Tiền thưởng cao nhất từ trước đến nay: 291.752 đôla!

Về phía nữ ai cũng chắc cô Steffi Graf (Tây Đức) cây vợt số 1 thế giới sẽ đoạt giải. Nhưng, một sự hết sức ngạc nhiên xảy ra ở vòng bán kết giữa cô và cô Monica Seles 15 tuổi hạng 22(Nam Tư). Cô M.Seles cầm vợt tay trái, khi đánh banh thường dùng hai tay. Thông thường thì bên nam cũng như bên nữ cầm vợt hai tay để đánh cú rợ-ve(Rückhand) còn cú đánh thuận tay(Vorhand) thì chỉ dùng có một tay. Cô Seles thì dùng cả hai tay để đánh cú rợ-ve cũng như cú phía tay phải và đánh rất mạnh quơ luôn cả cây vợt lên đến tận vai. Mỗi lần giao banh hay



Ảnh Micheal Chang
 Sinh 22.2.72
 Cao 1,73th
 Nặng 61 Kg
 Hàng 7 thế giới



Cúp giải Paris



Ảnh Stefan Edberg
 Sinh 19.1.1966
 Cao 1,88th
 Nặng 75 Kg
 Hàng 3 thế giới

đánh cô rên rất to làm khán giả có cảm tưởng như cô sắp hụt hơi. Đây cũng là một lối đánh mới trong làng banh n. Cô Steffi chạt vật lắm mới thắng nổi cô Seles với tỷ số 6:3, 3:6 và 6:3 !

Vào chung kết Steffi gặp cây vợt Tây Ban Nha, cô Arantxa Sanchez 17 tuổi, hạng 10 thế giới, 90% chiến thắng sẽ mang về cho Steffi, ai cũng nghĩ như vậy. Vì 2 lần đụng độ với nhau là cả 2 lần Steffi đều thắng với 2 bàn trắng. Nhưng, ững nhưng, trên sân quần vợt khi trái banh cuối cùng ngừng lăn mới biết kẻ thắng người bại. Hai đấu thủ ra sân với hai trạng thái khác nhau. Cô Steffi thì có nhiều triển vọng thắng và bằng mọi giá phải thắng để lập lại thành tích năm 1988 (trong năm 1988 cô đoạt 4 giải Grand Slam). Còn Sanchez thì sao? Cô thì cảm chắc cái thua trong tay, do đó như diếc không sợ súng cô đánh như trâu húc. Nhiều trái banh cô thắng hay không thể tưởng tượng được. Mười mấy ngàn khán giả vừa nín thở, hồi hộp và hoan hô từng chập theo mỗi trái banh qua lại.

Có sanh phải có tử. Có bắt đầu phải có kết thúc. Gần 3 tiếng đồng hồ

vết vả cô Sanchez hạ cây vợt số 1 thế giới với tỷ số 7:6, 3:6 và 7:5! Super, Sanchez! Tiền thưởng 257.379 đôla !

Tiểu sử cô ARANTXA SANCHEZ

Sinh ngày 18.12.71 tại Barcelona-Spain trong một gia đình có hai anh nổi tiếng về quần vợt Emilio Sanchez 24 tuổi hạng 20, Javier Sanchez 21 tuổi.

- Cao 1,66th nặng 50Kg
- Bắt đầu cầm vợt hai tay lúc 5 tuổi
- 15 tuổi trở thành nhà nghề (Profi)
- Có được ông Juan Nunez người Chí Lợi (Chilê) huấn luyện.
- 1988 đoạt giải ở BỈ.
- 1989 vào chung kết giải Rom và thua cô Gabriela Sabatini. Tiền thưởng được tất cả là 545.086 đôla chưa kể tiền quảng cáo trên cả triệu mỹ kim mỗi năm. Thật kinh khủng! Làm giàu thật mau lẹ nhờ hai tay và chiếc vợt!

Tuổi trẻ mà tài cao, thế hệ mầm non đang lên và sẽ lần lượt thay thế những cây vợt sắp về chiều, bên nam như J.Mc.Enroe(USA), Jimmy Connors (USA), Ivan Lendl (Tiệp Khắc); bên

nữ như Chris Evert(USA) Martina Navratilova(USA)v.v...

Trong một vài năm gần đây có nhiều cây vợt tài ba 15,16,17 tuổi đã xuất hiện trong làng banh n. Bên nữ có cô Monica Seles(Nam Tư), cô Arantxa Sanchez(Tây Ban Nha), cô Natalia Swerewa(Nga), Cô Gabriela Sabatini(A' Cấn Đĩnh). Bên nam có André Agassi(Mỹ), Michael Chang (Mỹ), Alberto Mancini(A' Cấn Đĩnh) v.v.... Nhiều gia đình đã chịu bỏ tiền đầu tư cho con cháu mình vào môn thể thao vương giả này nhưng cũng kiếm được nhiều tiền.

Giải GRAND SLAM Wimbledon tại London từ 26.6 đến 9.7.89



Biểu tượng của giải Wimbledon



Cô Steffi Graf và anh Boris Becker. Hai đứa con cưng của Đức. Mỗi người trên tay ôm chiếc Cup với nụ cười chiến thắng như nở hoa



Cô Arantxa Sanchez
 Sinh 18.12.71
 Cao 1,66th
 Nặng 50 Kg
 Thethao 52/11



Trước cô Sanchez, cô Steffi đã đoạt cúp này 2 lần 1987 - người nhỏ tuổi nhất từ trước đến giờ 1988 - thắng nhanh nhất chỉ có 34 phút, hạ cô Natalia Swerewa(Nga) 6:0, 6:0



Cô Steffi Graf
 Sinh 14.6.69
 Cao 1,76th
 Nặng 60 Kg

Cũng như giải Paris trong tuần vừa qua, nam nữ mỗi bên có 128 đấu thủ ghi tên tham dự

- Bên nam, đương kim vô địch anh Stefan Edberg(T.Điển) năm 1988 đã hạ anh Boris Becker(Tây Đức) với 3:1.

- Bên nữ, đương kim vô địch cô Steffi Graf 20t (Tây Đức) đã hạ cô Martina Navratilova 32t (Mỹ gốc Tiệp Khắc) với 2:1.

Sau giải Paris nhiều kết quả bất ngờ đã xảy ra làm đảo lộn sự dự đoán của tất cả mọi người. Do đó giải Wimbledon kỳ này chắc chắn hứa hẹn nhiều trận đấu gay cấn và sôi nổi. Kẻ thì muốn giữ vững ngôi vị vô địch; người thì muốn đánh bại đối thủ để phục thù.

Mấy tay vợt có nhiều triển vọng đều bị loại ở mấy vòng ngoài như cô Sukova(Tiếp Khắc), Natalia Swerewa(Nga), Monica Seles(Nam Tư), Gabriela Sabatini(A' Căn Đình)v.v.. Tâm cô được lọt vào vòng tứ kết và đụng với nhau như sau :

- Cô C.Linqvist(T.Điền) gặp cô R. Fairbank(NamPhi). Linqvist thắng với tỷ số 7:5, 7:5.
- Cô M.Navratilova gặp cô G.Magers (Mỹ). Navratilova thắng với tỷ số 6:1, 6:2.
- Cô C.Evert Mill(Mỹ) gặp cô L.

đôi ngày chống chọi nhưng chườachịu gác vợt để nhìn đàn em tiến bước, đã tám(8) lần thắng giải này và cô còn muốn đoạt thêm lần thứ 9! Nhưng mộng ước không thành, cuối cùng cô bị S.Graf hạ bằng trái giao banh As với tỷ số 6:2,6:7 và 6:1! Super, Graf! Bảo vệ được chức vô địch- 20 tuổi, 2 lần đoạt giải. Tiền thưởng 513.000 Đức Mã! Để sợ! Lãnh chiếc đĩa(cúp) vinh quang do chính tay bà Công Chúa em Nữ Hoàng Elizabeth II trao tặng giữa sự hoan nghênh nhiệt liệt của mười mấy ngàn khán giả.

cố gắng nhưng cũng bị Mayotte hạ với tỷ số 6:3,6:1 và 6:3. Vòng tứ kết 8 cây vợt đụng nhau như sau :

- Ivan Lendl gặp Dan Goldie. Lendl thắng 7:6,7:6,6:0
- Mc.Enroe gặp Mat. Wilander. Enroe thắng 7:6,3:6,6:3,6:4.
- S.Edberg gặp Tim Mayotte. Edberg thắng 7:6,7:6,6:3.
- B.Becker gặp Paul Chamberlin. Becker thắng dễ dàng với 6:1,6:2, 6:0.

Vào bán kết B.Becker gặp Ivan Lendl. S.Edberg gặp Mc.Enroe. Hai trận bán kết thật gay cấn và sôi nổi, vé bán không còn một chỗ.



Cúp Wimbledon cho phái nữ
- C. Evert đoạt 3 lần
- M. Navratilova 8 lần
- S.Graf 2 lần

Steffi Graf (Tây Đức)
Sanh 14.6.69
Cao 1,76 th
Nặng 60 Kg
Hạng I thế giới

Martina Navratilova (Mỹ gốc
Tiệp Khắc)
Sanh 18.10.56
Hạng nhì thế giới

Golasar 17t(Y). Cô Evert 32t, một cây vợt đã vang tiếng trong làng banh nữ mười mấy năm trời, trên 80 trận thắng, mà bây giờ phải vất vả lắm mới hạ được L.Golasar với tỷ số 6:3, 2:6 và 7:5. Nhất là ván thứ ba bị dẫn trước 5:2, ai cũng nghĩ thế nào cô cũng bị loại. Nhưng Golasar cầm giao banh bị thua và thua liên tiếp cho đến khi cô Evert gỡ huê 5:5, rồi dẫn luôn 6:5 và cuối cùng là 7:5 mang chiến thắng về cho mình. Như vậy cô Golasar để thua liên tiếp 5 ván, thật là ốing! Sang đến trận phục thù ở giải Paris vừa qua giữa Steffi Graf & Arantxa Sanchez. Kê tám lạng người nữa cân, cô nào ra sân cũng đầy đủ phong độ, S. Graf bằng mọi giá phải phục thù. A.Sanchez cũng bằng mọi giá phải thắng để giữ uy tín. Khán giả hồi hộp theo dõi, từng trái banh qua lại. Nhưng cuối cùng cây vợt số 1 thế giới S.Graf hạ A.Sanchez với tỷ số 7:5 và 6:1.

Về chung kết đôi, cặp J.Novotna / H.Sukova (Tiệp Khắc) thắng cặp L. Sawchenko/M.Zwerewa(Nga) với tỷ số 6:1 và 6:2.

Bên Nam

Mấy tay vợt có hạng cũng bị loại ở các vòng ngoài như Jakob Hlasek(T. Sĩ), Andr. Tschesnokow(Nga), Miloslav Mercir(Tiếp Khắc) v.v... Đặc biệt anh Micheal Chang vừa đoạt giải ở Paris, người ta mong đợi anh sẽ thua thắng xông lên ở Wimbledon. Anh đã vào được vòng 4 đụng phải Tim Mayotte(Mỹ). Mặc dù đã hết sức

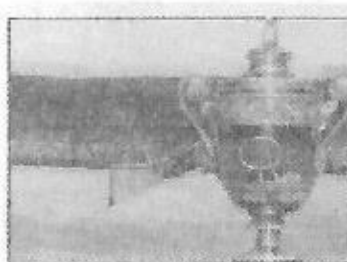
Trận B.Becker - Ivan Lendl là trận phục thù. Năm 1988 Becker cho Lendl gác vợt với tỷ số 3:1. Do đó Lendl ra sân lần này với quyết tâm là phục thù. Nhưng, có lẽ sân cỏ không hợp với Lendl chăng? Nên anh bị thua với tỷ số 5:7,7:6,6:2,4:6 và 3:6. Mặc dù là cây vợt số 1 thế giới nhưng chưa bao giờ anh đoạt được giải Wimbledon. Mấy lần vào đến bán kết là bị loại.

Trận S.Edberg - Mc.Enroe. Edberg thắng chặt vật với tỷ số 7:5,7:6, 7:6.

Chung kết cũng là trận phục thù giữa hai cây vợt số 2 và số 3 thế giới. Năm 1988 Edberg hạ Becker với tỷ số 3:1. Năm nay lại đụng nhau để xác định lại vị trí. Ván đầu Becker ăn hết sức dễ dàng với 6:0; Ván thứ 2 Edberg dẫn trước 5:4, anh lại cầm xet-vit dẫn 40:0, ai cũng nghĩ 100% Edberg cầm chắc cái thống trong tay. Nhưng, bất ngờ Becker vùng lên thắng luôn liên tiếp 5 trái giao banh của Edberg gỡ huê 5:5 trước sự ngỡ ngàng của mười mấy ngàn khán giả. Lên 6 đều, danh tie-break Becker thắng luôn. Qua ván thứ 3, Edberg mất hết tinh thần, cu giao banh không còn hiệu quả. Becker thua thắng xông lên danh nhiều trái banh tuyệt đẹp, đung sạch yo,ham giá võ tay hoan nghênh nhiệt liệt. Chung cuộc Becker thắng với tỷ số 6:0,7:6, 6:4, Super, Becker! Phục được thù năm trước. Tiền thưởng trên 650.000 Đức Mã!

Vào bán kết, S.Graf gặp C.Evert. Cô Graf thắng dễ dàng với tỷ số 6:2 và 6:1! Cô M. Navratilova gặp cô C.Linqvist. Navratilova hạ Linqvist không khó khăn với tỷ số 7:6 và 6:2.

Chung kết, S.Graf hạng nhất thế giới đụng Navratilova hạng nhì thế giới. Hai bên ngang ngửa. Năm 1988, hai cây vợt này đã gặp nhau trận chung kết cũng trên sân cỏ số 1 ở Wimbledon. Năm nay hai cô cũng lại gặp nhau cùng một địa điểm nhưng chỉ cách nhau về thời gian để thử tài cao thấp. Một cô thì còn trẻ và đang lên; một cô thì tuổi



Boris Becker (Tây Đức)
Sanh 22.11.67
Cao 1,93 th
Nặng 84 Kg
Hạng 2 thế giới

Cúp giá trị nhất trong môn quần vợt. Người đoạt giải
1985-1986 Boris Becker
1987 Patcash (Úc)
1988 Stefan Edberg
1989 Boris Becker

Stefan Edberg
Cao 1,88 th
Nặng 75 Kg
Hạng 3 thế giới

MƯỜI CÂY VỢT ĐỨNG ĐẦU THẾ GIỚI

(Tennis-Weltrangliste * Tennis Word Top Ten)

Giá trị đến ngày 17.7.1989

Bên NỮ

1. Steffi Graf (Tây Đức)	294 điểm
2. Martina Navratilova (Mỹ)	176 -
3. Gabriela Sabatini (Á Căn Đình)	168 -
4. Chris Evert Mill (Mỹ)	132 -
5. Zina Garrison (Mỹ)	93 -
6. Manuela Maleeva (Bulgari)	92 -
7. Arantxa Sanchez (Tây Ban Nha)	91 -
8. Helena Sukova (Tiệp Khắc)	85 -
9. Pam Shriver (Mỹ)	71 -
10. Conchita Martinez (Tây Ban Nha)	68 -

Bên NAM

1. Ivan Lendl (Tiệp Khắc)	194 điểm
2. Boris Becker (Tây Đức)	146 -
3. Stefan Edberg (Thụy Điển)	126 -
4. Andre Agassi (Mỹ)	103 -
5. J. Mac Enroe (Mỹ)	97 -
6. Mats Wilander (Thụy Điển)	91 -
7. Micheal Chang (Mỹ)	85 -
8. Thomas Muster (Áo)	74 -
9. Jakob Hlasek (Thụy Sĩ)	69 -
10. Alberto Nancini (Á Căn Đình)	58 -

Về chung kết đôninam, cặp Fitzgerald /Jarryd (Úc/T.Điền) thắng cặp Leach /Pugh (Mỹ) với tỷ số 3:6,7:6,6:4,7:6.

Trong vòng 4 năm nay, môn quần vợt được bộc phát mạnh mẽ tại Cộng Hòa Liên Bang Đức nhờ 2 cây vợt trẻ đang lên, tài nghệ phi thường của cô Steffi Graf và anh Boris Becker. Thành tích mà hai cây vợt này cùng vài bạn khác đã mang chiến thắng vinh quang về cho xứ sở mình như sau :

- 1985 B.Becker thắng giải Wimbledon (lần đầu tiên sau 100 năm từ khi thành lập giải, 1 người Đức (nam) mới đoạt được cúp này).

- 1987 Cô Steffi Graf & cô Claudia Kohde-Kisch cùng lần đầu tiên thắng giải toàn đội nữ thế giới (Federation Cup)

- 1988 S. Graf thắng giải Wimbledon (lần đầu tiên một người Đức (nữ) đoạt được giải này)

- 1988 Toàn đội nam Đức đoạt giải Davis Cup (cũng lần đầu tiên sau 90 năm thành lập, Đức mới đoạt được cúp này).

- 1989 B.Becker-Carl-Uwe Steeb-Eric Jelen thắng giải toàn đội nam thế giới (cũng lần đầu tiên v.v. và v.v...)

Đi từ chiến thắng này tới chiến thắng khác. Báo chí ngoại quốc hết lời ca ngợi thành tích mà các cây vợt trẻ Đức đã đoạt được trên lãnh vực quần vợt.

Người viết hy vọng trong một tương lai không xa sẽ có những thần đồng Việt Nam góp mặt trên sân quần vợt chen vai cùng các bạn trẻ bốn phương để nêu cao lá cờ Quốc Gia và làm rạng rỡ người Việt Nam tỵ nạn chúng ta.

Lần sau sẽ viết về "Môn quần vợt ở tương lai" xin các bạn ham mộ nhớ đón xem.

NGƯỜI GIÁM BIẾN

TIN XÃ HỘI

SỬA LẠI CHO ĐÚNG

(Tatsachen kontra falsche Behauptungen)

Cả quyết là (behauptet wird): Theo luật mới, tất cả bệnh nhân đều phải trả tiền thuốc rất đắt.

Đúng ra là (richtig ist): Không có việc phải trả tiền thuốc phụ trội quá đắt ("Zusätzliche" beträchtliche Ausgabe für Medikamente können nicht entstehen), đúng ra chỉ những loại thuốc nào bệnh nhân muốn mà bác sĩ xét thấy không cần thiết nên họ phải tự trả mặc dầu bác sĩ vẫn kê toa.

Cho rằng: Trên nước Đức hiện nay có khoảng 1 triệu 300 ngàn phải đeo máy nghe, trong tương lai phải trả một phần tiền máy, chưa kể mỗi tháng họ phải tốn tiền pin ít nhất 20 Mark.

Đúng ra là: Loại máy nào xét ra cần thiết thì hãng bảo hiểm vẫn đài thọ hoàn toàn phí tổn. Có thể tiết kiệm tiền pin bằng cách "sạc" lại.

Cho rằng: Trên nước Đức hiện nay có khoảng 350.000 người phải dùng xe lăn, trong tương lai họ cũng phải trả một phần.

Đúng ra là: Cũng như trường hợp máy nghe, hãng bảo hiểm vẫn chịu hoàn toàn phí tổn nếu xét thấy cần thiết.

Cho rằng: Trong tương lai muốn trông rắng, một người bảo hiểm bình thường chỉ được phép dùng loại kim loại rẻ tiền.

Đúng ra là: Sử dụng kim loại rẻ tiền cho việc trông rắng không đạt được nhu cầu chất lượng (qualitati-

ven Versorgung) như trong luật bảo hiểm đã quy định. Do đó điều này không thể xảy ra được.

Cho rằng: Người nào có nhu cầu phải mang kiếng, trong tương lai không được thay kiếng dù không thể sử dụng được, cho đến khi nào độ cận hay viễn thị tăng lên nữa độ. Đùng ra là: Mắt không tăng độ thì không cần phải mang kiếng mới. Nhưng hãng bảo hiểm sẽ đảm nhận chi phí sửa chữa và chịu trả tiền kính mới nếu độ cận hay viễn thị tăng lên nữa độ.

(Trích từ POLITIK - Informationen aus Bonn)

CÁC KHÓA CHUẨN BỊ CHO VIỆC HỌC NGHỀ

(Kostenlose Lehrgänge zur Berufsvorbereitung)

Các khóa chuẩn bị học nghề được xem như những sự trợ giúp ban đầu rất quan trọng đối với những thanh thiếu niên mặc dù ngay từ đầu đã cố gắng hết cách nhưng chưa tìm được một chỗ học nghề và càng đặc biệt quan trọng đối với các thiếu niên tàn tật, những thiếu niên ngoại quốc cũng như các thanh niên nam nữ khi rời ghế nhà trường với mảnh bằng trung học khiêm nhường. Mặc dù chỗ học nghề hiện nay rõ ràng là nhiều hơn trước nhưng một số thanh niên thuộc thành phần kể trên vẫn không tìm được một chỗ học theo sở nguyện. Một số khác cũng phải cần sự hỗ trợ tiếp tục, hầu trong tương lai có thể tìm được một chỗ học nghề.

Các khóa này hoàn toàn miễn phí. Sở Lao Động đài thọ tiền lương, tiền xe và tài trợ quần áo lao động. Nếu học viên không nhận được tiền trợ cấp đời sống (Lebensunterhalt) thì dưới một số điều kiện quy định sẽ nhận được tiền trợ cấp học nghề (Berufsausbildungsbeihilfe).

(Trích từ bản tin POLITIK-Informationen aus Bonn)

CHÍNH PHỦ TÂY ĐỨC CẢI TIẾN CHÍNH SÁCH VỀ GIA ĐÌNH

Nhằm cải tiến chính sách về gia đình, chính phủ Tây Đức đã áp dụng một số biện pháp :

- trợ cấp cho người mẹ có con mới sanh (Erziehungsgeld) và ăn định lại thời gian nghỉ để chăm sóc trẻ (Erziehungsurlaub),
- tăng "khoản tiền miễn" cho người đi làm có con (Kinderfreibeträge) khi khai thuế,
- thời gian người mẹ nghỉ để chăm sóc trẻ cũng được tính chung vào bảo hiểm hưu trí,
- tăng "khoản tiền miễn" vào mục ngân sách gia đình (Haushalts-freibeträge) khi khai thuế,
- tiền "trợ cấp xây dựng" dành cho con cái (Baukindergeld) được áp dụng ngay từ đứa con thứ nhất.

Ngoài ra chính quyền còn qui định một số chính sách sau đây :

■ Kể từ 01.7.89 thời gian nghỉ để chăm sóc trẻ của các bà mẹ được tăng (trong thời gian còn hưởng được tiền trợ cấp chăm sóc trẻ) từ 12 lên đến 15 tháng nếu đứa bé được sinh ra từ ngày 01.7.89, thời gian này được tăng lên đến 18 tháng nếu đứa bé chào đời từ ngày 01.7.90 trở đi. Tiền trợ cấp 600 Mark cho trẻ sơ sinh trong 6 tháng đầu vẫn không thay đổi, sau đó sẽ được trợ cấp tùy theo số lời tức trong gia đình (einkommensabhängig).

■ Tiền trợ cấp cho đứa con thứ hai (hiện nay 100 Mark) sẽ tăng lên 130 Mark kể từ 01.7.1990. Tuy nhiên những người có mức thu nhập cao sẽ bị cắt giảm (tùy theo mức thu nhập).

■ Tiền thuế của những người đi làm có đóng bảo hiểm và những người phải nuôi thân nhân già yếu hoặc tàn tật cũng sẽ được cứu xét.

Người đi làm có gia đình hoặc người đi làm độc thân được tính một khoản tiền "phụ chi đặc biệt" (Sonderausgabe) đến 12.000 Mark khi khai thuế, nếu ở nhà họ có thân nhân già yếu hay tàn tật cần chăm sóc. Điều này cũng được áp dụng trong trường hợp những người đi làm có con nhỏ cần được chăm sóc :

- nếu người có gia đình : ít nhất có hai con tuổi từ 1 đến 10.

- nếu người không lập gia đình nhưng có con (Allelerziehende) : ít nhất có một con cũng trong khoảng từ 1 đến 10 tuổi.

(Trích từ bản tin của POLITIK-Informationen aus Bonn)

THIỆN DŨNG

TIN SINH HOẠT CỘNG ĐỒNG

Đêm Tình Thương

Vào ngày 29.7 vừa qua, "Nhóm Thanh Niên Thiện Nguyện" và Ban Nhạc Trẻ tại tỉnh Nürnberg-Fürth - Erlangen đã thực hiện một đêm văn nghệ và dạ vũ với chủ đề: "Đêm tình thương dành cho đồng bào tại các trại tỵ nạn Đông Nam Á".

Với sự ủng hộ và khích lệ nhiệt tình của các Bác, các Anh Chị và các bạn trẻ tại địa phương và nhất là của Ban Nhạc đã "gồng mình" trình diễn hoàn toàn miễn phí. "Đêm Tình Thương" đã gặt hái được thành công tốt đẹp với số tiền thu được là 5314 DM.

Số tiền này đã được chuyển đến "Trường mục tình thương dành cho các đồng bào các trại tỵ nạn Đông Nam Á" do Nguyệt San Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp tại Hoa Kỳ đảm nhận (biên lai chuyển tiền đính kèm).

Ban thực hiện xin được gửi lời cảm tạ đến từng quý vị ân nhân đã tung ủng hộ, giúp đỡ và khích lệ, riêng đến với các bạn trẻ đã từng nhiệt tình cộng tác: Chúng ta cùng nắm chặt tay nhau với nhiệt huyết HEN GẤP NHAU TRONG NHỮNG QUYẾT TÂM MỚI.

Người ghi : Ngọc Minh

Hoạt Động Cứu Trợ Người Tỵ Nạn

◆ Trong thời gian qua Trung Tâm Độc Lập tại Stuttgart đã gửi văn thư đến Thủ Tướng Liên Bang Tây Đức và Thủ Hiến các Tiểu Bang yêu cầu thân nhận thêm người tỵ nạn Việt Nam vào nước Đức. Ngoài ra Trung Tâm Độc Lập cũng đã kêu gọi các tổ chức Việt Nam tại Đức và đề nghị những điểm sau :

- Gửi thư cho Thủ Tướng Liên Bang yêu cầu triệu tập hội nghị các Thủ Hiến Tiểu Bang để quyết định thân nhận thêm người tỵ nạn.

- Gửi thư cho Thủ Hiến Tiểu Bang nơi đang cư ngụ để yêu cầu tiểu bang trưng dụng thêm chỗ cho người tỵ nạn.

Ngoài ra Trung Tâm cũng có đề nghị các Hội Đoàn nên gửi thư lên Thị Trưởng thành phố nơi mình cư ngụ xin phép nhân người

tỵ nạn qua sự bảo trợ của hội đoàn người Việt và các hiệp hội thiện nguyện Đức.

◆ Ủy Ban Tranh Đấu cho Tự Do và Nhân Quyền tại Việt Nam ở Lilliental cũng đã gửi văn thư kêu gọi số 4 đến tất cả các hội đoàn và đồng bào để nghị những điểm sau đây :

1) Xúc tiến thu tục để xin bảo lãnh thêm những người tỵ nạn ở Đông Nam Á.

2) Chuẩn bị đón nhận những người được chính phủ Đức nhận trong thời gian tới.

3) Cứu trợ đồng bào bên đảo qua các hình thức gửi thuốc, sách vở, gói tiền hoặc là sang làm việc trong lúc hè v.v...

4) Tiếp tục làm nhiệm vụ tuyên truyền, truyền thông làm sáng tỏ chính nghĩa tỵ nạn vì ngày nào còn bao quyền CSVN thì ngày ấy thảm trạng thuyền nhân vẫn chưa chấm dứt và quốc tế cũng không thể xem Hội Nghị Genève vừa qua như là Hội Nghị khóa số 5) Bất liên lạc với đồng bào bên đảo và đồng thời lên tiếng bảo vệ cho quyền lợi của họ.

Mọi liên lạc xin gửi về địa chỉ : Mr. Vũ Quốc Dung; Dr. Sassestr. 4 - 2804 Lilliental, W.Germany. Tel.: 04298-8232.

Trại Hè Memmingen

Tổ chức Việt Nam Tự Do đã thực hiện một trại hè tại miền Nam Đức - Memmingen từ 16 đến 20 tháng 8 năm 89 vừa qua quy tụ đồng bào bà con khắp nơi về tham dự. Trại này không những chỉ dành cho những người lớn tuổi, mà còn cho các em thiếu nhi trong tình thân vừa chơi vừa học nữa.

Đại Hội Thể Thao Hùng Vương 89

Tổ chức Sinh Hoạt Liên Vùng tại Cộng Hòa Liên Bang Đức đã tổ chức Đại Hội Thể Thao Hùng Vương 89, kỷ niệm 200 năm vua Quang Trung đại thắng quân Thanh, tại Hannover từ ngày 31/7 đến 5.8.89 vừa qua quy tụ 15 Hội Đoàn khắp nơi trên nước Đức về tham dự. Có khoảng 200 người đã tham dự trong Đại Hội Thể Thao này.

Giới Thiệu

Giải Cờ Tướng

Hội cờ tướng Tây Đức (XIANGQI e.V.) sẽ tổ chức một giải vô địch đánh cá nhân cờ tướng năm 89 tại thành phố Remscheid từ ngày 22 đến ngày 24 tháng 9 năm 1989. Quý vị nào muốn tham gia giải vô địch này, xin liên lạc về ông Julius Schortemeier, Reinwardtstr. 26, 5630 Remscheid 11. Tel.: 02191-50183 hay ông Cường số điện thoại 06221-160337 để biết thêm chi tiết.

Tập Thơ Tình và Bộ Việt Sử

- Để sống lại quãng đời hoa niên thơ mộng.
- Để nâng niu, gìn giữ mãi lứa tuổi học trò giàu mơ, lắm ước.
- Để tặng người yêu, khi đã biết yêu và đang yêu.
- Để làm quà mừng đám cưới, lễ sinh nhật hay trong dịp Tết. Hãy tìm mua ngay 4 Tập Thơ Tình của Vũ Hoàng Chương, Xuân Diệu, Nguyễn Bính và Bằng Bả Lân tại nhà xuất bản Quê Hương-995 Dufferin St. Toronto, Ontario M6H 4B2 Canada. Tel.: 416-588-3577. Ngoài ra Cụ Bùi Văn Bảo và nhóm biên tập bộ Việt Sử bằng tranh gồm 30 tập từ đời Hồng Bàng đến nhà Nguyễn Tây Sơn cũng cho biết rằng cho tới tháng 9 năm 89 hy vọng sẽ có được 5 hay 6 tập. Quý vị nào muốn có bộ sách giá trị bằng ba thứ tiếng Anh, Pháp, Việt này cho con em mình, xin liên lạc về địa chỉ trên.

Vietnam-Haus ở Essen

Vietnam-Haus tại Rheinischestr.55, 4300 Essen-Zentrum. Tel.:0201-238802 là nơi sinh hoạt, giải trí của quý đồng hương trong dịp cuối tuần. Quý vị nào muốn tham gia, xin đến vào các giờ sau : Thứ sáu từ 19.00-23.00. Thứ bảy từ 14.00-23.00. Chủ nhật và ngày lễ từ 11.00-21.00.

Nghị Hội Âu Châu kỳ II

Liên Hội Người Việt Tỵ Nạn tại Cộng Hòa Liên Bang Đức vừa ra thông báo gửi đến các Hội Đoàn, Tổ Chức và đồng hương về Nghị Hội Âu Châu kỳ II sẽ được tổ chức tại thành phố Düsseldorf Tây Đức từ ngày 8.9.89 đến ngày 10.9.89. Lệ phí tham dự

là 100 DM cho mỗi tham dự viên trong 3 ngày nghỉ hội. Mọi liên lạc, xin quý vị gửi về địa chỉ ông Phan Xuân Khang, Roonstr.28 5400 Koblenz. Tel.: 0261-33589. Hoặc ông Nguyễn Văn Sáu Sandheiderstr.67, 4006 Erkrath 2. Tel.: 02104-42976.

Cứu Người Tỵ Nạn tại Lübeck

Hội "Đức Việt Thân Hữu" tại Pallasweg 24, 2400 Lübeck sẽ bán thức ăn Việt Nam và phát truyền đơn về người tỵ nạn, kêu gọi cứu giúp đồng bào tỵ nạn trong dịp lễ thành phố vào ngày 9 tháng 9 năm 1989 tại Lübeck. Quý đồng hương nào muốn tham gia ngày lễ này, xin liên lạc về địa chỉ trên.

Thông Báo

Tìm Người Cho Công Tác Xã Hội

Để bổ túc vào nhóm làm việc gồm 10 người, Trung tâm An Lạc, cơ quan Tâm lý Xã hội và nơi gặp gỡ của người tỵ nạn Đông Dương tại Thụy Sĩ tìm : 1 nhà tâm lý học (nam hoặc nữ). Nhiệm vụ gồm: - Hướng dẫn và phụ trợ người tỵ nạn Đông Dương, các văn phòng hay cơ quan Thụy Sĩ hoặc những cá nhân trông coi người tỵ nạn, trong khuôn khổ hợp đồng mà Trung tâm An Lạc đảm nhận. - Thực hành những trắc nghiệm tâm lý và nâng đỡ trị liệu cho những người tỵ nạn có những khó khăn về tinh thần. - Hỗ trợ nhóm làm việc Trung tâm An Lạc phân giải những vấn đề liên hệ đến tâm lý của nhân chủng tương ứng. Điều kiện: - Tốt nghiệp cử nhân Tâm lý học. - Tiếng mẹ đẻ Việt ngữ, kiến thức khá Pháp ngữ hay Đức ngữ, có kiến thức Hoa ngữ càng tốt. - Có kinh nghiệm làm việc với người Đông Dương. - Có khả năng làm việc tự chủ, quan tâm đến những vấn đề xã hội. - Tuổi tối thiểu 30. Nơi làm việc : thành phố Berne. Khởi đầu làm ngay hoặc tùy thỏa thuận. Ông Daniel Trummer, phụ trách Trung tâm An Lạc, sẵn sàng trả lời những chi tiết bổ túc liên quan đến phần làm việc trên qua điện thoại 031/ 44 84 24. Đơn từ kèm lý lịch hồ sơ thông thường, xin gửi về : CROIX ROUGE SUISSE, SERVICE DU PERSONNEL, RAMMATTSTR. 10, 3001 BERNE

RAO VẶT

Vì bán việc riêng, sang gắp với giá rẻ 135.000DM cửa hàng thực phẩm Á châu rộng rãi, đang phát triển tại Hamburg, gồm kho hàng và các đồ trang bị. Sẵn sàng chỉ dẫn để kinh doanh. Liên lạc: Tel.(040) 653 33 47 từ 10 giờ đến 18 giờ.

PHẬT SƯ NGOÀI TÂY ĐỨC

Tuyệt Thực

Nhân việc các quốc gia trên thế giới họp tại Genève Thụy Sĩ vào ngày 13 và 14 tháng 6 năm 1989 vừa qua, chư Đại Đức Tăng Ni và một số quý Phật Tử tại trại tỵ nạn Palawan Phi Luật Tân đã tuyệt thực suốt 1 tuần lễ từ ngày 14 đến 21 tháng 6 năm 1989 và một đêm không ngủ được tổ chức vào tối 14 tháng 6 để cầu nguyện và phản đối chính sách hồi hương người tỵ nạn.

Ngoài ra tại các trại tỵ nạn ở Hồng Kông, đồng bào cũng đã lấy máu của mình để viết thành 1 tấm biểu ngữ "thà chết không trở lại Việt Nam" - tấm biểu ngữ này đã được mang đến Thụy Sĩ nhân 2 ngày hội trên và sau đó phái đoàn của Hoa Kỳ đã nhận tấm biểu ngữ này do đại diện của đồng bào tỵ nạn trao lại. Tất cả những công cuộc tuyệt thực, biểu tình, viết khấn thư, đua kiến nghị v.v... của người Việt khắp nơi trên thế giới cũng trong các trại tỵ nạn đã làm cho thế giới quan tâm ít nhiều về tình trạng của đồng bào chúng ta hiện còn đang ở trong các trại tạm cư ở Đông Nam Á Châu và kết quả như báo chí khắp nơi đã loan tin cùng như Viên Giác đã đăng trong tin giờ chót vào số 51 trước.

Cứu Trợ

Thông cảm nỗi thống khổ của đồng bào hiện còn đang ở trong các trại tạm cư, chưa biết ngày nào đi định cư, song song đó, bao nhiêu biến chuyển dồn dập, khiến thế giới dồn ép, vấn đề người tỵ nạn Việt Nam vào một ngõ cụt. Vì thế Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Hải Ngoại cũng muốn chia sẻ với nỗi thống khổ của đồng bào; nên hầu như nơi nào cũng đã vận động lạc quyền cứu giúp người tỵ nạn. Trong thời gian qua, tại Tây Đức, Chi Bộ, Hội Phật Tử cũng như các Chi Hội địa phương, quý anh chị em sinh viên thiện chí tại Mannheim và đồng bào tại Reutlingen cũng như những vị hảo tâm khác đã đóng góp một số tiền 6.375.-DM, đời ra được 85.366 Baths tiền Thái Lan. Số tiền này cộng chung với số tiền gần 2.000.-DM của Hội PGVN tại Hòa Lan (tương đương với 23.055 Baths) đã chuyển đến Sư Cô Từ Ngọc tại Thái Lan nhờ chuyển cho trại Ban-thad. Và trước đây Giáo Hội có ý định lấy số tiền đó để mở văn phòng giúp người tỵ nạn trực tiếp

tại trại; nhưng nhân chuyên tham dự Hội Nghi về người tỵ nạn ở Âu Châu về, Đại Đức Thích Quảng Ba (ở Úc) đã ghé thăm trại tỵ nạn Banthad và trại Site II. Do đó Sư Cô Từ Ngọc đã sát nhập số tiền trên vào với số tiền của T.T.Thích Nhất Hạnh (17.500 Baths), Đại Đức Thích Quảng Hiến- Thụy Sĩ (8.550 Baths); T.T.Thích Tánh Thiệt - Pháp (3.750 Baths) và Đ.Đ.Thích Quảng Ba - Úc

(3.779 Baths). Công chung thành 142.000 Baths, để mua đồ và đổi thành tiền mặt vào thăm trại, ủy lao vào ngày 19 và 20 tháng 6 năm 1989 vừa qua (xin xem hình). Đại Đức Thích Quảng Ba và Sư Cô Từ Ngọc đã dùng tiền trên để chỉ cho các việc như sau: Biểu cho các đoàn thể, quý vị Tăng Ni trong trại cho các đồng bào tât nguyện, cô nhi những người bị hải tặc và những

gia đình đồng con. Mua vài lam cho GĐPT Vạn Hạnh, mua vài dĩa cho Tăng Ni mới đến, thuốc tây, đồ ăn, sữa, xà phòng, bột giặt, quí Tăng Khmer ở chung trại, cho nhà bếp chùa Vạn Hạnh và đồng thời cùng ủy lao cho đồng bào ở trại Site II cũng như chư Tăng người Việt gốc Miên, gia đình đồng con v.v...phái đoàn cũng đã thăm và ủy lao những người bị ở tù cũng như dán tem thư và gửi đi khắp nơi cho đồng bào. Số tiền chỉ tổng cộng cho đợt này là 104.880 Baths. Số còn lại 37.120 Baths sẽ gộp chung với lần tới để chuyển vào 2 trại trên.

Trên đây là kết quả mà Đ.Đ. Thích Quảng Ba và Cô Từ Ngọc đã gửi đến báo Viên Giác. Xin đăng tải lên đây để quý vị lãm tường.

Ngoài ra một số đồng bào tại Tây Đức còn gửi giúp trại tỵ nạn Banthad tiếp tục, chúng tôi sẽ gửi ngay trong tháng 8 này để Sư Cô Từ Ngọc gộp chung với số tiền còn lại trên và sẽ vào thăm trại một lần nữa.

Xây Chùa

◆ Chùa Vạn Hạnh tại thủ đô Canberra Úc Châu dưới sự lãnh đạo tinh thần của Đại Đức Thích Quảng Ba, trong thời gian qua đã xây cất xong phần chính Tu viện trên khoảng đất rộng 16.650 m² của chính phủ Úc hiến tặng. Lễ khánh thành dự định sẽ tổ chức vào tháng 9 này. Chùa cũng đã vay 250.000 Úc kim để xây cất và mỗi tháng phải trả khoảng 4.300 Úc kim cho ngân hàng. Vì thế Đ.Đ.Thích Quảng Ba có lời kêu gọi đến quý Phật Tử xa gần có hảo tâm xin liên lạc về:

Tu Viện Vạn Hạnh - GPO Box 1593 Canberra City, Act 2601 - Australia. Tel.: 062-575517.

◆ Tại Na Uy, Đ.Đ.Thích Trí Minh và Đ.Đ. Thích Quán Không cùng Hội PGVN tại đây đã vận động đồng bào và chính quyền tạo mãi được 1 căn nhà để làm chùa tại vùng Oslo trị giá khoảng trên 1 triệu Krone Na Uy, tương đương với trên 300.000 DM. Hội cũng như quý Thầy đã ráo riết vận động nhưng chưa được nhiều thành quả như sự mong đợi. Vì thế kính mong quý Phật Tử xa gần hỗ trợ cho. Mọi đóng góp xin liên lạc về địa chỉ sau:

Đ.Đ. Thích Trí Minh Den Vietnamiske Buddhistsforening Box 4654 Sofienberg, Oslo 5 Norway.

Tu Học

Khóa giáo lý Phật pháp Âu Châu kỳ I được tổ chức tại De Glind (Hòa Lan) từ ngày 14 đến 23.7.1989 dưới sự chủ trì, hướng dẫn và giảng huấn của Thượng Tọa Thích Minh Tâm (Pháp), T.T.Thích Tánh Thiệt (Pháp) T.T.Thích Như Điển (Tây Đức), Đ.Đ. Thích Trí Minh (Na Uy), Đ.Đ. Thích Minh Thông (Canada), Đ.Đ. Thích Minh Giác (Hòa Lan), Đ.Đ. Thích Nhứt Chơn (Pháp), Đ.Đ. Thích Thiên Huệ (Pháp), Đ.Đ. Thích Quảng Hiến (Thụy Sĩ), Đ.Đ. Thích Quảng Nhiên (Thụy Điển).

Dự trù cho khóa học 80 người công



Đại Đức Thích Quảng Ba nói chuyện với đồng bào tỵ nạn tại Thái Lan trong chuyến cứu trợ ngày 19.6.89



Tăng Ni và Phật Tử trại tỵ nạn Palawan (Phi Luật Tân) tuyệt thực phản đối chính sách hồi hương người tỵ nạn.



Đồng bào tỵ nạn tại Thái Lan trong chánh điện chùa Vạn Hạnh Banthad

với học chúng xuất gia 20 người nhưng con số đã quá số dự định. Quý Thầy và khóa sinh được tạm trú trong một ngôi nhà rất lớn (Vor-mingszentrum de Glind) 3 tầng lầu, có sân cỏ, vườn cây, hồ nước và một giảng đường rộng rãi để làm nơi lễ Phật hàng ngày. Khóa sinh được phân chia nơi ngủ, nghỉ theo từng phái nam, nữ, cứ 3 người một phòng, giường có drap nệm riêng cho từng người. Ban tổ chức Đại Đức Thích Minh Giác Trưởng ban, đạo hữu Lê Giao Phó trưởng ban cùng một số anh chị em đạo hữu phụ trách về kỹ thuật sắp đặt rất thủ tự và chu đáo.

Học viên được chia làm 3 khóa (1, 2, 3) tùy theo trình độ. Khóa 3 dành riêng cho Tăng Ni sinh nghĩa là để cho quý chủ, quý cô theo học. Ngày 21.7.1989 từ 20 giờ đến 22 giờ, khóa sinh trải qua một cuộc thi sát hạch về những bài và những kiến thức đã học cũng như đã tiếp thu được để trùng cách nhân chứng chỉ. Ban tổ chức cũng nhân cơ hội này có quý Thầy đồng ý và khóa sinh từ các nước Âu Châu về đây, tổ chức đại lễ Vu Lan cho đồng bào Phật Tử ở Hòa Lan một thể đến tham dự vào ngày 22.7.1989, sau khóa học của quý Thầy và BHT/GĐPT/VN tại Âu Châu.

Ngày 22.7.1989...

Buổi họp bắt đầu vào hồi 8g30 dưới sự chứng minh của quý Thượng Toa và Đại Đức thuộc ban Giảng huấn của khóa Phật pháp Âu Châu kỳ I. Đại diện BHT/GĐPT/VN tại Âu Châu gồm có: Pháp, Bỉ, Thụy Sĩ, Na Uy, Hòa Lan và Tây Đức.

Phần HT/GĐPT/VNTN/TĐ được chỉ thị của Thầy cố vấn giáo hạnh và BHT/TU/GĐPT/VNTN/TĐ để cử HT Nhật Định Nguyễn Kim Sơn và HT Thiện Căn Phạm Hồng Sáu đến tham dự.

Qua phần mở đầu cho phiên họp của quý Thầy, lần lượt các đại diện BHT tường trình về những sinh hoạt GĐPT của nơi mình. HT Thiện Căn thay mặt BHT/TU trình bày tổng kết chương trình hoạt động của BHT/GĐPT/VNTN/TĐ đã thực hiện được cũng như những sinh hoạt của các GĐPT/VNTN tại Tây Đức trong hiện tại, đồng thời nêu lên những phương



Lễ khánh thành tôn tượng Đức Quán Thế Âm tại chùa Pháp Hoa (Marseille - Pháp) ngày 23.7.89

án dự định cho sự sinh hoạt tương lai.

Buổi họp đã thống nhất và đem đến kết quả:

- 1) GĐPT/VN vẫn giữ nề nếp cũ; nhưng tùy theo địa phương ưu tiên chuyên sinh hoạt và trực thuộc theo hệ thống của giáo hội.
- 2) Thành lập BHT cho từng quốc gia và đặt văn phòng liên lạc
- 3) Nội quy và tài liệu hướng dẫn tu học cho GĐPT phải được soạn thảo, phổ biến theo một đường hướng thống nhất.
- 4) Dự trù một cuộc gặp gỡ chung vào khóa học Phật pháp Âu Châu kỳ II (1990) tại Bá Linh để đi đến một số điểm chung. 10 giờ 30, bế mạc phiên họp để chuẩn bị tham dự Đại lễ Vu Lan.

Đại lễ Vu Lan được cử hành long trọng tại giảng đường khóa học, số đồng bào Phật Tử đến tham dự rất đông. Sau phần nghi lễ và tụng kinh Vu Lan, dâng số cầu siêu cho thân nhân quá vãng là phần bông hồng cài áo. Số đạo hữu ở Hòa Lan nhân trong lễ này đã phát nguyện quy y rất đông, nhất là giới trẻ. Thượng

Toa Thích Như Điển thuyết pháp về ý nghĩa ngày Vu Lan, sau đó quý Thầy trong ban giảng huấn tuyên bố điểm thi đồng thời phát chứng chỉ cho khóa sinh đã thụ huấn và làm lễ bế mạc khóa học.

Sự chỉ tiêu trong 10 ngày cho khóa học rất tốn kém, nhưng ngoài số tịnh tài đóng góp của học viên và sự yểm trợ của đồng bào Phật Tử tại Hòa Lan, đặc biệt trong tình tương thân, tâm đạo đó, công đồng người Việt ty nạn tại Hòa Lan đã phát tâm tài trợ 8.000 Gulden (tiền Hòa Lan) để cùng phụ gánh những thiếu hụt cho Ban tổ chức. Thật là một nghĩa cử cao đẹp vô song!... Tối hôm đó một số quý Thầy, quý chủ và khóa sinh còn ở lại đây để ngày 23.7.89 cùng lên 2 chiếc xe Bus do BTC mượn, chở đi tham quan thắng cảnh nước Hòa Lan rồi chiều trở lại chia tay nhau theo từng phái đoàn. Khóa học hoàn mãn.

Cũng nhân dịp khóa giáo lý này quý Thầy đã ngồi lại với nhau để bàn bạc một số công việc Phật sự tại Âu Châu, trong đó có vấn đề tu học, hoằng pháp, xã hội v.v... Quý Thầy đã quyết định sang năm 1990 khóa học giáo lý Âu Châu kỳ II sẽ tổ chức tại Tây Bá Linh, Tây Đức, thay vì có 3 cấp 1, 2, 3 như hiện nay, sang năm 90 sẽ mở thành 4 cấp. Cấp I cho các học viên mới; cấp II cho chuyên khoa; cấp III cho các Huynh Trưởng GĐPT và các ban chấp hành của các Hội Phật Giáo; cấp IV cho Tăng sĩ. Và sẽ cố gắng ra một tập san nghiên cứu về văn hóa Phật Giáo cho cả vùng Âu Châu.

(Thiện Căn)

Khánh Thành

Ngày 23. tháng 7 vừa qua chùa Pháp Hoa tại Marseille dưới sự chủ trì của Hòa Thượng Thích Thiện Định đã làm lễ khánh thành tôn tượng Quán Thế Âm lộ thiên. T.T. Thích Như Điển, T.T. người Tích Lan, Ông Bà Đại Sư Tích Lan tại Pháp cùng đã hiện diện trong buổi lễ này. Có khoảng hơn 100 đồng bào Phật Tử đã đến dự lễ khánh thành này.



Chư Thượng Toa, Đại Đức, Tăng Ni chụp hình lưu niệm cùng với các khóa sinh khóa Phật Pháp Âu Châu kỳ I.

PHẬT SƯ TRONG TÂY ĐỨC



Khóa Phật Pháp căn bản tại Frankfurt từ ngày 22 đến 25.6. 89.



Khóa Giáo Lý căn bản từ ngày 9 đến 12.8.89 tại chùa Báo Quang Hamburg.



Văn nghệ cùng dương vụ lan của các em trong Chi Hội PTVN Ty Nạn tại Hamburg.



Các em trong GDPT Chánh Dũng và các Huynh Trưởng trong trại hè tháng 7/89 tại ngọn đồi Burg Feuerstein.

◆ Vào 3 ngày từ 22 đến 25.6.89 vừa qua, khóa Phật Pháp Căn Bản dành cho bà con Phật Tử tại gia đã được 2 Chi Hội PTVNTN Wiesbaden và Frankfurt đứng ra tổ chức tại Oberreifenburg (Trung Đức, cách Frankfurt 40 km), dưới sự chứng minh của Thượng Toạ Thích Như Điển Chi Bộ Trưởng CBPGVNTN tại Tây Đức cùng Ni Sư Thích Nữ Diệu Tâm tọa chủ, Báo Quang Ni Tự tại Hamburg. Đã có hơn 35 Học viên từ các nơi trên nước Đức về tham dự khóa học. Từ em bé 13 tuổi đến cụ già 82 tuổi đã háng hái và chuyên cần tham gia đầy đủ chương trình 3 ngày tu học. Thành quả khóa học đã nói lên tinh thần cầu đạo của tất cả bà con Phật Tử gần xa; đặc biệt đối với thế hệ trẻ đã lưu tâm đến sinh hoạt đạo, nẩy mầm cho những công tác sắp đến trong việc phát huy và bảo tồn Đạo Pháp. (T.H.D)

◆ Ngày 29.6.; 4.7.; 12.7.và 13. tháng 7 năm 1989 vừa qua tại chùa Viên Giác đã tổ chức các khóa giáo lý cho các học sinh trung học Đức dưới sự hướng dẫn của T.T. Thích Nhu Điển, chủ Thiện Tín và ĐH. Thi Chơn Ngô Ngọc Diệp. Thông thường mỗi lớp học có 2 tiếng đồng hồ học tại chùa; gồm có việc nghe kinh, toạ thiền, giải đáp thắc mắc và cuối cùng là những buổi cơm chay thân mật. Đây là những cơ hội rất tốt để trao đổi văn hóa và tôn giáo giữa người Việt cùng như người Đức.

◆ Ngày 27 tháng 6 năm 1989 Đạo hùu Thi Chơn Ngô Ngọc Diệp qua lời mời của phân khoa Tôn Giáo thuộc Đại Học Hannover, đã đến diễn giảng cho các sinh viên Đức về các vấn đề luân hồi sanh tử theo quan niệm của Phật Giáo, sau đó trả lời những câu hỏi của các sinh viên thuộc phân khoa này.

◆ Các anh chị em trong Ban Huynh Trưởng Trung Ương GDPTVN tại Tây Đức từ ngày 1 đến 2 tháng 7 vừa qua đã nhóm họp tại tư gia của ĐH. Nhứt Đình Nguyễn Kim Sơn ở Jülich. Trong suốt 2 ngày này các anh chị em đã kiểm điểm lại những thành quả đã gặt được trong thời gian qua và rút các ưu khuyết điểm cho những lần sinh hoạt tới.

◆ Từ ngày 7 đến ngày 9 tháng 7 vừa qua GDPT Tâm Minh tại Hannover đã tổ chức một cuộc cắm trại và sinh hoạt ngoài trời. Có khoảng 25 anh chị Huynh Trưởng và các Đoàn Sinh thuộc GDPT Tâm Minh tham dự trại này.

◆ Từ ngày 14 đến ngày 16 tháng 7; GDPT Chánh Dũng tại 3 địa phương Fürth + Erlangen + Nürnberg cũng đã tổ chức một cuộc cắm trại và sinh hoạt ngoài trời. Trong thời gian suốt 3 ngày trại có các phụ huynh của các em trong GDPT cũng

đã đến tham gia các sinh hoạt của Gia Đình. Có khoảng 35 Đoàn Sinh và các anh chị Huỳnh Trường đã tham gia trại này.

◆ Trong mùa An cư kiết hạ năm nay chùa Viên Giác đã cung đón 2 vị khách tăng đến từ Canada và Hoa Kỳ. Đó là Đại Đức Thích Minh Thông, trụ trì chùa Quan Âm tại Montréal-Canada và Đại Đức Thích Hạnh Tuấn, chùa Từ Quang San Francisco, Hoa Kỳ. Hai Đại Đức đã lưu lại chùa Viên Giác từ hạ tuần tháng 7 đến thượng tuần tháng 8 năm 1989.

Cùng trong mùa An cư kiết hạ năm nay chư Tăng Ni và thiện tín chùa Viên Giác đã lay xong kinh Văn Phật, gồm 11.100 lay. Mỗi tối tại chùa lay khoảng 200 lay và suốt trong 3 tháng hạ đã lay xong 11.100 lay. Đây là một công đức không nhỏ mà chư Tăng và Phật Tử chùa Viên Giác năm nay đã thực hiện được.

Ngoài ra tại chùa Viên Giác cũng đã tổ chức được 4 kỳ thọ bát quan trai trong mùa An cư kiết hạ cho các Phật Tử tại gia Đức cùng như Việt. Mỗi lần tham gia ít nhất là 10 vị và đông nhất trên 30 vị. Đây là những sự tu học thường xuyên mà Phật Tử tại gia đã hành trì được trong mùa An cư kiết hạ vừa qua.

◆ Chùa Thiên Hòa tại München-gladbach dưới sự chủ trì của Đ.B. Thích Minh Phú vào ngày 5 tháng 8 vừa qua đã tổ chức Đại lễ Vu Lan báo hiếu dưới sự chứng minh của H.T.Thích Thiên Định, TT.Thích Như Điển và chư Tăng Ni trong Chi Bộ. Buổi lễ đã quy tụ rất đông đủ bà con Phật Tử quanh vùng về tham dự.

◆ Ngày 6 tháng 8 năm 1989 tại chùa Viên Giác có họp ban kỹ thuật tổ chức Đại lễ Vu Lan. Đa số các Phật Tử quanh vùng đã về tham gia buổi họp này và nhận lãnh trách nhiệm đã được phân công cho kỳ lễ Vu Lan tại Hannover vào 18 đến 20 tháng 8/1989.

◆ Từ ngày 9 đến 11 tháng 8 năm 1989 chùa Báo Quang tại Hamburg đã tổ chức một khóa giáo lý căn bản cho các Phật Tử trong vùng. Có khoảng 50 Phật Tử đã tham gia khóa giáo lý này dưới sự hướng dẫn của Thượng Tọa Thích Như Điển và Ni Sư Thích Nữ Diệu Tâm. Đến ngày 12 tháng 8, là ngày lễ Vu Lan của chùa Báo Quang, đa số các Phật Tử đã tham gia đại lễ này và các GBPT tại Berlin cũng như Hannover đã đến Hamburg để đồng góp trình diễn trong chương trình văn nghệ được tổ chức cùng ngày.

◆ Tại Niệm Phật Đường Tâm Giác thuộc địa phương München vào ngày 13 tháng 8 vừa qua cũng đã tổ chức Đại lễ Vu Lan báo hiếu, báo hiếu T.T.Thích Như Điển chứng minh buổi lễ này. Ngoài ra Chi Hội PTVNTN tại München cũng đã tổ chức một bữa cơm xã hội gây quỹ để giúp đỡ người tỵ nạn tại các trại tỵ nạn Đông Nam Á Châu.

diễn tiến việc xây Chùa Viên Giác



Tầng trệt Chánh Điện Chùa Viên Giác
(hình chụp ngày 20.8.1989)

THÍCH NHƯ ĐIỂN

Mới đó mà chùa Viên Giác khởi công đã gần 3 tháng rồi. Ba tháng trời qua thật nhanh trong mùa An cư kiết hạ năm nay. Nhiều Phật Tử về chùa thấy diễn tiến xây cất đều đặn cũng rất vui mừng và hôm nay chúng tôi xin tiếp tục viết để giới thiệu những vị ở xa theo dõi việc xây cất này. Cho đến hôm nay (1.8.89) tôi viết bài này thì chùa đã hoàn thành được tầng trệt của Đông đường. Chiều dài của Đông đường là 35 m, chiều ngang trung bình 6 m. Đây là tầng hầm dùng để chứa đựng các hệ thống sưởi, gas; nơi để tủ đông lạnh, phòng kỹ thuật, chỗ giặt đồ và chỗ chứa thực phẩm v.v... 4 bức tường, trần và nền được đúc bằng những vật liệu rất kiên cố. Người Đức chế tạo bất cứ sản phẩm nào trong cũng ít đẹp bằng Nhật; nhưng có lẽ chắc chắn thì chẳng có nước nào bằng. Vì thế anh Kiến Trúc Sư Trần Phong Lưu của chùa có nói rằng: "Kiến trúc của Pháp gấp 6 lần của Việt Nam và kiến trúc của Đức thì gấp 18 lần của Việt Nam vậy". Quý vị nào có cơ hội về chùa vãng cảnh thì cũng đều công nhận điều đó là đúng.

Nền móng chánh điện cũng đã được đúc xong. Nhìn nền móng kiên cố này ai cũng có thể nghĩ rằng xây một nhà lầu 10 tầng cũng chẳng có sao cả. Đúc bê tông như thế quả thật là chắc chắn. Mọi người đều nói thế. Trong hiện tại, nền chánh điện cũng đã được đổ đất dầy và những cây trụ cột chính của tầng dưới cũng đã được dựng lên và đổ bê tông. Cột gồm có cột tròn và cột vuông, bên trong tầng dưới này có 2 khung

cửa hình "nguyệt môn" trông vừa cổ vừa tân cũng đẹp mắt lắm. Cho đến giai đoạn này chùa đã trả cho nhà thầu 2 lần là 310.000 DM cho những gì đã được xây cất và đào móng. Nhà thầu sẽ tính tiền từng tháng một, những gì đã xây xong và dĩ nhiên chúng ta phải thanh toán số tiền ấy trong luật lệ hạn định của họ. Dĩ nhiên giai đoạn I này chúng ta phải trả 1 triệu 400 ngàn DM kéo dài từ nay cho đến hết tháng 5 năm 90; nhưng cũng phải theo sự phân chia hợp lý đó. Số tiền chúng ta hiện còn, có lẽ chỉ đủ để trả cho 2 lần nữa. Vì thế chúng tôi xin kêu gọi quý vị Phật Tử xa gần lưu tâm cho vấn đề này, hoặc cúng dường, hoặc cho mượn hội thiện để chúng tôi đỡ đi phần nào lo lắng. Nhiều vị Phật Tử đã hỏi rằng chùa xây bao giờ xong? Việc ấy không khó, chỉ khó một việc là chúng ta đang phải lo chạy cho vấn đề tài chánh vậy.

Thiết tưởng ai trong chúng ta cũng nghĩ rằng có được ngôi chùa là quý. Vì thế xin kêu gọi quý vị lâu nay chưa hề phát tâm thì hãy tích cực cho đại sự này để chóng được hoàn thành và vị nào đã phát tâm rồi thì xin phát tâm tiếp tục để công việc xây cất không bị kéo dài trong nhiều năm tháng. Có nhiều vị bảo rằng để chờ chùa bắt đầu xây, tôi mới phát tâm. Vậy đây là giai đoạn tốt nhất để quý vị thực hiện lời nguyện ấy.

Trên đây là một sơ kết quả sau gần 3 tháng xây cất. Xin giới thiệu quý vị Phật Tử xa gần và kính mong quý vị lưu tâm hỗ trợ cho.

Nam Mô Thượng Tinh Tấn Bồ Tát Ma Ha Tát.



Giới Thiệu

Để xúc tiến việc thành lập Chi Hội PTVN Ty Nạn tại Reutlingen, một buổi họp mặt gồm các Phật tử tại Reutlingen, Tübingen, Stuttgart, Schorndorf và Metzingen vào lúc 15 giờ ngày 8.7.1989 tại Rappertshofen 23, 7410 Reutlingen.

Sau khi thảo luận và trao đổi ý kiến, tất cả Phật tử tham dự buổi họp đã đồng ý thành lập một Chi Hội Phật Tử với danh xưng: Chi Hội Phật Tử Việt Nam Ty Nạn tại Reutlingen và Vùng Phụ Cận với thành phần Ban Chấp Hành tạm thời (cho đến khi có văn thư chính thức của Hội PTVN Ty Nạn tại CHLBĐức) như sau:

Thông Báo

* Thượng Tọa Thích Nhất Hạnh trong thời gian tới sẽ hướng dẫn khóa tu thiền cho người Đức tại Hamburg và Köln. Nhân dịp này Thượng Tọa sẽ ghé thăm và nói chuyện với Phật Tử Việt Nam tại chùa Viên Giác vào lúc 11 giờ ngày 22 tháng 10 năm 89 (chủ nhật) và tại Bào Quang Ni Tự vào ngày 21 tháng 10 năm 89 (thứ bảy). Quý vị nào muốn nghe các buổi diễn giảng của T.T. Thích Nhất Hạnh, xin liên lạc về chùa để biết tin.

* Quý vị khi thay đổi chỗ ở xin báo trước cho chùa biết cả tên họ, địa chỉ cũ lẫn địa chỉ mới để việc gửi báo được dễ dàng. Kính mong quý vị lưu ý cho.

Bai Đức Thích Minh Phú, trụ trì Chùa Thiên Hòa, xin thông báo về địa chỉ mới của Chùa như sau:
Chùa Thiên Hòa
Dahlener Str. 617
4050 Mönchengladbach 2
Kể từ nay mọi liên lạc về Chùa Thiên Hòa hoặc B.Đ. Thích Minh Phú xin qua địa chỉ trên.

- Chi Hội Trưởng:
BH Vũ Ngọc Tuấn, PD Thiện Dũng
- Chi Hội Phó Nội Vụ:
BH Đặng Ngọc Trân
- Chi Hội Phó Ngoại Vụ: BH Hoàng Đôn Trịnh
- Thư ký: BH Hàn Cường
- Thủ quỹ: BH Huỳnh Văn Hưng
- Ủy viên tổ chức: BH Lê Thọ Hạng

cùng đại diện các vùng

- Schorndorf: BH Hà Thị Lan Anh
 - Tübingen: BH Trần Văn Hiến
 - Metzingen: BH Huỳnh Giai
 - Reutlingen (trong trại): BH Dương Tường
 - Stuttgart: BH Đỗ Thị Thanh Vân
PD Tỷ Diệu
- Ban vận động thành lập Gia Đình Phật Tử gồm có:
- BH Trần Văn Huyền và Anh Cố Kim Trường

* Địa chỉ liên lạc: Vũ Ngọc Tuấn, Karlstr. 2-7410 Reutlingen 1-Tel 07121/370204

Buổi họp kết thúc vào lúc 18 giờ 30 cùng ngày.

CHÚC MỪNG

HÀN VŨ NHỊ CƯỜNG

*Mừng hai chiến hữu hôm nay
Gia đình đoàn tụ một ngày với nhau
Trên cây chim cũng hót chào
Mối hôm qua ngỡ đêm nào nằm mơ
Bỏ công ngày tháng đợi chờ
Ngày vui thay thế "Xin bờ hốc xai"
Đôi lời chúc phúc cả hai
"Trên từng cây số miệt mài như xưa"*

Hội CQN QLVNCH Reutlingen & Phụ cận

PHƯƠNG DANH CÚNG DƯỜNG

(Tính đến ngày 14.8.1989)

Tam Bảo

BH Trần Kim Cúc (Schetzlingen) 50DM. BH Trần Đức Phát (G'marienhütte) 50DM. BH Thái Bào Ngoc (USA) 30US. BH Bửu Thọ (Bỉ) 1.000FB. HHHLEH Bửu Thọ. BH Lê Tú Quỳnh (*) 1.000FB. HHHLEH Cao Kỳ Trân. BH Tôn Nữ Diệu Thanh (Pháp) 50DM. BH Vương (Wuppertal) 20DM. BH Nguyễn Thị Chinh (Würzburg) 20DM. NPB Niệm Phát (H.Lan) 400Guld. BH Hồ Vinh Giang & Phần (Hannover) 100DM. HHHLEH Hồ Vinh Trang. BH Cheuny (Laatzzen) 30DM. BH Tsang 50DM. BH Bùi Thị Mỹ Hồng (Oberhausen) 20DM. BH Ninh Văn Phước (Aachen) 100DM. BH Phan Văn Đức (Hamburg) 50DM. BH Nguyễn Thị Mỹ Hương (Brennervörde) 50DM. BH Nguyễn Thị Lệ 20DM. BH Nguyễn Hoàn Thiên 30DM. BH Andrea Barth 10DM. BH Sue Yuen Cheung (Laatzzen) 30DM. BH Phan Ai Sao & Phan Tiểu Mui & Phan Quang (Hagen) 50DM. BH Trần Xá (Helmstedt) 20DM. BH Lao Chí Cường (Oldenburg) 100DM. BH Huệ Ngọc (Laatzzen) 200DM. HHHLEH Trần Huy. BH Kỷ Càng (Langenhagen) 100DM. BH Đặng Thị Linh Thủy (Pforzheim) 100DM. HHHLEH Lý Hữu. BH Bửu Trí (T.Si) 35FS. BH Tô Thăng (Dingolfing) 10DM. BH Tron Tiểu (Vechta) 30DM. BH Trương Hòa Quyền (Vechta) 30DM. BH Trần Thị Bấy (Bỉ) 2.000FB. BH Ẩn danh (Schöneck) 10DM. BH Trương Thị Mỹ (Mainnshaff) 30DM. BH Dương Bá Trung (Kassel) 20DM. BH Mã Trang (München) 20DM. BH Tô Khải Đức (Schweinfurt) 10DM. BH Bà Tiểu (Frankfurt) 50DM. BH Diệu Lang & Quảng Huệ (*) 100DM. CHPT Vntai Wiesbaden (Frankfurt) 200DM. Diệu Tung (Úc) 100DM. BH Dũng (*) 50DM. BH Phương Thi Bai (Klein Osthain) 50DM. BH Trương Thị Su (Aschaffenburg) 30DM. BH Thiện Vũ Trần Phạm Lâm Sơn (Mainz) 100DM. BH GDDH Mạnh (Wuppertal) 10DM. BH Văn Đoàn (Hannover) 10DM. Jasmin Restaurant (*) 135DM. BH Trần Ngọc Can (Schwab gmünd) 30DM. BH Thị Khiêm (Norden) 20DM. BH Theo Bischoff (Bochum) 50DM. Trường Trung Học Waterloo (Hannover) 40DM. BH Ẩn danh 20DM. BH Lâm Thuần Hi (M' Gladbach) 50DM. BH Hà Thị Thu Hà (Münster) 50DM. BH Zhou Wai Qiang 10DM. BH Lâm Khườn Hi 50DM. BH Trương Dương Vương Anh (M' Gladbach) 20DM. BH Trường 10DM. BH Trường Thị Lan & Lâm Thuận Hy 50DM. BH Dương Tô Hà 20DM. BH Phùng Triều Giai (M' Gladbach) 30DM. BH Dương Liên (*) 10DM. BH Trần A Châu (*) 10DM. BH Tỷ Thủ Mậu (Laatzzen) 100DM. HHHLEH Tăng Ngũ Sơn. BH Đỗ Thị Minh Nguyệt (T.Si) 10FS. BH Nguyễn Văn Minh (Köln) 10DM. BH Ngô Thoại Bình (Hannover) 400DM. Real-Schule (Laatzzen) 62DM. BH Ẩn danh 10DM. BH Thái Văn Hải (Ludwigshaven) 200DM. HHHLEH Tô Thị Hân. BH Hà Thị Hai (GM'hütte) 100DM. HHHLEH Mai Văn Phước. BH Huỳnh Văn Thọ (Würzburg) 10DM. BH Lê Giảng (Bỉ) 2.000FF. GDDH Diệu Thọ (Köln) 340DM. HHHLEH Vương Ứng tuần tiểu tướng. BH Nguyễn Anh Phong 500DM. HHHLEH Nguyễn Ngọc Quyền. BH Lê Thị Kim Đào (Dortmund) 100DM & BH Lê Xuân Cung (*) 100DM. HHHLEH Lê Công Liêu & Đặng Thị Liên & gia đình. BH Trịnh Văn Nhân (Neustadt) 20DM. Quý Phát Từ Thủy Điển 30DM. BH Chiên Thị Bử (Stade) 20DM. BH Nguyễn Văn Ngọc (Laatzzen) 30DM. BH Bùi Hạnh Nghi (Offenbach a.M.) 160DM. HHHLEH Cu Bà Ứng Trao. BH Thạch Vũ Phương (Homburg) 500DM. HHHLEH Thạch Mân Mậu. BH Thái Hoạch (Bỉ) 70DM. Gymnasium Laatzzen 52DM. BH Huỳnh Thoại Dương (Bremen) 100DM. BH Dương Ngọc Phát (T.Si) 20DM. BH Diệu Giác (Berlin) 50DM. BH Đặng Thị Linh Thủy (Pforzheim) 100DM. HHHLEH Lý Hữu. BH Võ Ngọc Khải (Neuss) 15DM. BH Phạm Hữu Phước (Berg (Gladbeck)) 50DM. HHHLEH Phạm An. BH Tô Thăng (Dingolfing) 10DM. BH Bùi Quang Hat (USA) 10US. BH Hoàng Hồ Tuấn Mai (H.Lan) 100Guld. BH Trường (*) 25Guld. BH Ẩn danh (Úc) 200ckin. BH Bùi Mạnh Hưng 30DM. BH Tô Thị Loan (Bergkamen) 20DM. BH Huỳnh Nguyễn Trúc (Pháp) 200FF. BH Phạm Thị Loan (H.Lan) 50Guld. Hội PGVN tại Hòa Lan 200Guld. Quý học viên khóa GLẮC I tại Hòa Lan 300FF + 100Guld + 50DM. Quý Cô, quý chú Hòa Lan 200DM. BH Diệu Ngọc (T.Si) 50FS. BH Mai Kim My (G'M.Hütte) 50DM. BH Văn Ruy Quang (*) 10DM. BH Khanh & Triết (Hannover) 20DM. BH Trần Hưng

(Bỉ)20DM.ĐH Huỳnh Kỳ Dương & Khưu Thị Ngọc (Bielefeld) 20DM. ĐH Huỳnh Tuấn 20DM.ĐH Trần Nguyễn Hiệp & Huỳnh Thị Chín 20DM.ĐH Huế Lạc(Berlin) 150DM. ĐH ĐàmChuyên(Stadt) 50DM.HHLLĐH Châu Hào.ĐH Nguyễn Huỳnh Long (H.Lan)20DM.ĐH Châu Chương(Karlsruhe) 50DM. ĐH Huỳnh Hạnh 20DM.ĐH Huỳnh Thị Lê Hồng (H.Lan) 20DM. ĐH Tham Chu Hải Thanh(Eochum) 50DM.ĐH Xuân Dương Vĩ(Rhein)20DM.ĐH Chung Ngân Phong(Bad Iburg)40DM.ĐH Huỳnh Tú Dung (Heinstdt)20DM.ĐH Hồng Ngân & Liêng Sơn Sơn(Denkh>Weissbach)50DM.ĐH Võ Đình Quang (Hamburg) 20DM.ĐH Hà Phước Minh Thoa(Hannover) 20DM.ĐH Châu Gia Minh(Mühlacker)100DM.ĐH Trần Liên Thuận(T.Điền)200Kr.ĐH Trần Minh ("")100Kr.ĐH Hồ Minh Hoàng(Oberhausen)20DM. ĐH Lucina Beinhütg(Hamburg)60DM.ĐH Lưu Thục Trinh(Hamburg)20DM.ĐH Phan Thị Mỹ Phi(Soelingen)15DM.ĐH Huỳnh Thị Chàng(Hamburg) 20DM.ĐH Nguyễn Đức(Úc)500ckim. ĐH Bàng Ngọc Hải(Speyer)100DM.ĐH BeckerRudolf(Langenche)20DM.ĐH Thái Văn Tỷ(Ludwigshafen)20DM. ĐH Nguyễn Thị Thủy(İdar Oberstein)20DM.ĐH Trương Minh Hoàng(Sollingen)350DM.ĐH Nguyễn Văn Phúc(Güttingen)50DM.ĐH Dương Siêu(Lüneburg)27DM.ĐH Tina 10DM.ĐH Lê Diệu Huyền (Sindelfingen)20DM.ĐH Lê Diệu Trâm("")20DM. ĐH Thiên Giới Phạm Thị Ba("")100DM.ĐH Sysavanh Seng-Xay(Köln)20DM.ĐH Ken Sysavanh("") 10DM.ĐH Lê Diệu Anh(Sindelfingen)20DM.ĐH Huỳnh Kỳ Dương 20DM.ĐH Huỳnh Hương(Lichtenstein)10DM. ĐH Ngô Văn Phát(Laetzen)20DM.HHLLĐH Nguyễn Thị Càng Pd Diệu Linh tuần bách nhật. Châu Thiên Hòa(M' Gladbach)300 DM.ĐH Trần Thị Thập(Nordhorn)100DM.ĐH Hà Văn Hồng(Reutlingen)10DM.ĐH Nguyễn Thanh Ngọc(Hamburg)20DM.ĐH Quách Hùng(Hannover) 20DM.ĐH Nguyễn Thị Phương(Schorndorf)50 DM.ĐH Lê Thị Tuyết Mai(Krefeld)20DM.ĐH Lê Văn Lợi(Schwab.G'münd)50DM.GBBH Trần Thiên Thảo(Paderborn)300DM.HHLLĐH Trang Thị Nhung BH Bàng Anh Dũng(Aachen)10DM.ĐH Trần Vĩnh Cam(Münster)50DM.ĐH Trần Mỹ Huệ("")10DM.ĐH Phạm Bình(Bad Iburg)40DM.ĐH Trinh Thị Xê (Anh)5Prd.NPD Tầm Giác(München)300DM.ĐH Huỳnh Tường("")50DM.ĐH Lâm("")50DM.ĐH Thiên Hồng Nguyễn Văn Lê(Neu Ula)50DM.ĐH Nguyễn Ngọc Tài(München)20DM.ĐH Bùi Thanh Trâm ("")20DM.ĐH Nguyễn Thị Nguyệt("")50DM.ĐH Ngô Thị Mười("")20DM.ĐH Châu Kim("")20DM.ĐH Báo Quang Ni Tu(Hamburg)40DM. Quy PT tham dự khóa Giáo lý(Hamburg)50DM.ĐH K.X.K Loan(Hannover)50DM.ĐH Văn Hoàn("")10DM.ĐH Phan(Hang)10DM.ĐH Vương Các Minh(Enden)10DM.ĐH Tô Thành Hoa(Berlin)10DM.ĐH Khiêng Cheung(Laetzen)30DM.ĐH Anny Sui Wai Cheng ("")30DM. Rest Manderin(Hannover)50DM.ĐH Trần Tú Nguyệt (Lindenberg)30DM.ĐH Rumpf(Dorsten)20DM.ĐH Lam(Gütersloh)120DM.

Phật Đán

ĐH Trần Đình Thống(Heidelberg)50DM.ĐH Nam(Pháp)300FF. ĐH Diệu Tung(Úc)100DM.

Vu Lan

ĐH Võ Thị Lý(Erlangen)50DM.ĐH Phạm Thị Khai (Lausanne)50DM.ĐH Võ Ngọc Khái(Neuss)20DM. ĐH Lâm Đào Khắc(Speyer)40DM.ĐH Nguyễn Huệ Lan(Sweden)200Kr.ĐH Lương Thị Liên(Frankfurt)130DM.ĐH Hoàng Công Chí(Osnabruck)50 DM.ĐH Hà Ngọc Tài(Stadtbergen)40DM.ĐH Trần Ngọc Hà(Saarbrücken)10DM.ĐH Trần Phúc Bội (Bergischgladbach)20DM.ĐH Lưu Đại Huy(Düsseldorf)20DM.ĐH Vương Khánh Giảng(Oberhausen) 50DM.ĐH Huỳnh Hồng Nhung(Hamburg)50DM.ĐH Lý Lan Anh. Lam(Papenburg)100DM.ĐH Đinh Xuân Thảo(M.Gladbach)20DM.ĐH Phạm Bình Thích(Kaelingen)40DM.ĐH Đỗ Văn Lợi(Düsseldorf)50DM. ĐH Lâm Thị Đào(Münster)50DM.ĐH Quí Zua Wei ("")100DM.ĐH Bùi You Qin("")100DM.ĐH Nguyễn Hòa Hào Ngón(Scheinheim)10DM.ĐH Huỳnh(Würzburg)20DM.ĐH Nguyễn Văn Ngọc(H.Lan)25Guld. ĐH Lê Thị Ba(Lübeck)20DM.ĐH Diệu Thiên(Bad Iburg)100DM.ĐH Trần Anh Dũng("")20DM.ĐH Thanh Ma(München)20DM.ĐH Võ Thị Mỹ(Nürnberg)30DM.ĐH Nguyễn Phan(Fessen)50DM.ĐH Trinh Hi(Saarbrücken)50DM.ĐH Nguyễn(Sürnberg)20DM.ĐH Trần Văn Biều(Münster)20DM.ĐH Đỗ(Ulzen)10DM.ĐH Trương Thị Hoi(Weil an Rhein)30DM.ĐH Lâm Bung Hoàng(Kenpen)20DM. ĐH Ngô Thanh Tri(Sigmaringen)20DM.ĐH Ân danh 30DM.ĐH Trần Văn Huệ(München)50DM.ĐH Đăng Tuyết Hằng(Rheinfelden)50DM.ĐH Nguyễn Thị Tâm(Papenburg)20DM. ĐH Diệu Hy(Pháp) 200FF.ĐH Trương Tôn Huệ(Berlin)20DM.ĐH Lê Sanh(Pforzheim)20DM.ĐH Phan Doãn Dương

(Mannheim)50DM.ĐH Tr.Ti Hào(N.Lan)50Guld. ĐH Phạm(Essen)20DM.ĐH Lâm Kỳ Thanh(Papenburg)20DM.ĐH Đỗ Thị Thanh Ván(Stuttgart) 20DM.ĐH Châu Mỹ Oanh(Frankfurt)20DM.ĐH Nguyễn Chánh Trúc(Berlin)20DM.ĐH Nguyễn Thị (Pháp)200FF.ĐH Vũ Thị Bửu(Aachen)30DM.ĐH Hồ Văn Trung(Meerbach)30DM.ĐH Dr.Trịnh Hùng(We sel)10DM.ĐH Trương Chánh(Priesoythe)20DM.ĐH Diệu Hải(Spaichingen)30DM.ĐH Liên Hương 20 DM.ĐH Nguyễn Thị Châu(Saarbrücken)50DM.ĐH Thái Phi Long(D.Mech)200Kr.ĐH Phạm Thị Lạc (Schorndorf)20DM.Nhà Hàng Minh Phát(Mühlacker)100DM.ĐH Hồ Thị Mai(Pháp)100FF.ĐH Phạm Thị Hoàng(H.Lan)100FF.ĐH Huỳnh Muội (D.Mach)200Kr.ĐH Lê Thị Mèo(Essen)20DM.ĐH Đỗ Thuận(H.Lan)25Guld.ĐH Nguyễn Văn Toàn (München)20DM.ĐH Võ Thị Ngọc Ân(Regensburg) 10DM.ĐH Lê Trần("")30DM.ĐH Trần Diệu Huyền ("")50DM.ĐH Hồ Minh Hoàng(Oberhausen)20DM.ĐH Nguyễn Thị Sơn(Tübingen)20DM.ĐH Hà Lâm(M' Gladbach)20DM.ĐH Nguyễn Thị Giới(Bỉ)1.000FF ĐH Vũ Văn Cú(Stuttgart)20DM.ĐH Trương Minh Cầm(Darmstadt)20DM.ĐH Nguyễn Đức(Úc)500ckim BH Lê Thị Thanh("")20DM.ĐH Diệu Thiên(Fürth) 50DM.ĐH Vũ Ngọc Tuấn(Reutlingen)10DM.ĐH Cao Minh Dũng(Berlin)20DM.ĐH Nguyễn Thành Long (Hannover)10DM.ĐH Lâm Minh Böt(Speyer)50DM. ĐH Hồ Thị Trung(Bielefeld)50DM.ĐH DiệuThiên (Erlangen)50DM.ĐH Trinh Văn Thinh(Essen)20 DM.ĐH Diệp Thị Sơn(Aalen)30DM.ĐH Trần Thị Mầu Đòh(D.Mech)100Kr.ĐH Nguyễn Thị Hạnh (H. Lan)25Guld.ĐH Biền Thị Mai(Hamburg)40DM.ĐH Võ Thị Da Lan(H.Lan)50Guld.ĐH Thiên Giới Phạm Thị Ba(Sindelfingen)100DM.ĐH Mã Thị Mai(Karlsruhe)50DM.ĐH Phan Thị Ngọc Minh (Pháp)100FF.ĐH Vương Chấn Quý("")100FF.ĐH Hằng Văn Lương("")300FF.ĐH Nguyễn Văn Điền (Krefeld)20DM.ĐH Trương(Aibstadt)20DM.ĐH Trần Văn Sáu(Ulzen)20DM.ĐH Trần Bắc Dân (T.Điền)100Kr.ĐH Diệu Ngọc(USA)200US.ĐH Nguyễn Thanh Lương(Bỉ)500FF.ĐH Bành Quốc Vinh(T.Điền)50Kr.ĐH Nguyễn Thị Kim Liên (Bỉ)2.000FB.ĐH Huỳnh Thị Chung(Battenburg) 20DM.ĐH Tô Khả Đức(Schwefurt)20DM.ĐH Vương Mẫn Múi(Levekusen)50DM.ĐH Phạm Thị Long(Pháp)100FF.ĐH Phạm Thị Hằng(Gladbach) 20DM.ĐH Lương TST Bạt(Biwefeld)20DM.ĐH Trần Quê Lang(Pforzheim)20DM.ĐH Phạm Minh Phương(D.Mach)200Kr.ĐH Trần Thị Tuyết(Köln) 20DM.ĐH Nguyễn Văn Pác("")20DM.ĐH Tân Lộc & Văn Thiết(D.Mach)12.86DM.ĐH Quàng Ngọc Phát (T.Si)50DM.GBBH Quàng Ngò(Laetzen)50DM.ĐH Đoàn Văn Thoi(Pforzheim)100DM.ĐH Trinh Tô Nhiền(Hagen)40DM.ĐH Nguyễn Tuấn Cảnh(Anh) 30DM.ĐH Tôn Kỳ Chung Anh(Karlsruhe)20DM.ĐH Lê Văn Kết(Köln)20DM.ĐH Trương Kim Học(Land stuhl)30DM.ĐH Trần Văn Minh(Nemingen)20DM. ĐH Ngô Văn Lý(T.Si)30FS.ĐH Diệu Minh Lâm Liêng Nguyệt(Berlin)50DM.ĐH Ân danh(D.Mach) 100Kr.ĐH Đỗ Hữu Ái(Oberhausen)20DM.ĐH Đỗ Thị Giới(Bỉ)500FF.ĐH Nguyễn Thủy("")1.000FB. ĐH Lê Thị Hoi(Neuss)100DM.ĐH Nguyễn Thị Vân ("")100DM.ĐH Nguyễn Thanh Tuy(Recklinghausen)20DM.ĐH Lý Thanh Hoa(Sweden)50DM.ĐH Chu Thị Hồng(Minden)20DM.ĐH Phan Thị Lan(Weil am Rhein)50DM.ĐH Huỳnh Văn Liêu(Saarbrücken) 20DM.ĐH Dương Thị Mỹ Châu(D.Mach)50DM.ĐH Trần Minh Sơn(Hildesheim)20DM.ĐH Đinh Ngọc Vương(Berlin)20DM.ĐH Tr-Đương Đức Sung(Buskirchen)20DM.ĐH Trần Huệ(Oldenburg)20DM.ĐH Lê Quang Liền(Pháp)100FF.ĐH Nguyễn Sầu("") 100FF.ĐH Nguyễn Xuân Lang("")100FF.ĐH Huỳnh Đức(H.Lan)25Guld.ĐH Lâm Văn Thắng("")25Guld. ĐH Nguyễn Lê Anh(Stade)50DM.ĐH Tô Thăng (Dingolfingen)20DM.ĐH Lê Thị Tu(Burgwedel) 50DM.ĐH Trịnh Thị Xê(Anh)10pound.ĐH Quách (Bỉ)500FB.ĐH Trần (Burscheid)50DM.ĐH Phạm Muội(Bad Iburg)40DM.ĐH Mai Thị Ngü("")20DM.ĐH Nguyễn Hiệp(Mannheim)10DM.ĐH Dương Văn Dương (Essen)30DM.ĐH Phạm Thị Bưởi(Düsseldorf)40 DM.ĐH Nguyễn Thị Kim Chi(Pháp)30US. ĐH Đỗ Trọng Biều(Karlsruhe)30DM.ĐH Trần Hữu Hòa (Spaichingen)30DM.ĐH Châu Nam+Bành Thang ("")40DM.ĐH Hồ Văn Nguyễn(Pháp)100FF.ĐH Dương Thị An(Saarland)100DM.ĐH Vương Kim An (Bỉ)20FS.ĐH Phan Văn Ken(Neuenstein)20DM. ĐH Trần Thị Khâm(Stuttgart)10DM.ĐH Huỳnh Thị Tâm(Bỉ)500FB.ĐH Dương Thị Gân(Stuttgart) 30DM.ĐH Nguyễn Danh Đan(Pháp)100FF.ĐH Lê Thị Ngô(SaarLouis)20DM.ĐH Lý Thanh(Sweden)30DM.ĐH Hữu Tích Chung(Netzlungen)20DM. ĐH Minh Lạc(Anh)10Anhkim.ĐH Vương Thúy Liễu (Köln)20DM.ĐH Lê Đức Irong & Nguyễn Thị Thiên(Erkrath)50DM.ĐH Trinh Quang Khánh (Recklinghausen)20DM.ĐH Trần Xuân Dương Vinh (Bonn)100DM.ĐH Nguyễn Thị Tường(Düsseldorf) 20DM.ĐH Phúc Thịnh(Frankfurt)50DM.ĐH Nguyễn Văn Lương(Düsseldorf)20DM.ĐH Nguyễn Văn Minh(Köln) 20DM.ĐH Lê Văn Sanh(USA)20US.ĐH Lê Văn Tài(Bremen)25DM.ĐH Thiên Tân Vũ Quàng Tú(Seele)100DM.ĐH shut Cam Trần Như Sơn(Hannover)50DM.ĐH Huệ Ngọc Trần Thị Nữ

(Laetzen)50DM.ĐH Nguyễn Thị Tuyết Mai(Hannover)50DM.ĐH Huỳnh Thanh Hùng(Reutlingen)20 DM.ĐH Viên Kim Huy(Sindelfingen)100DM.ĐH Nguyễn Văn Sĩ(USA)20US.ĐH Đỗ Thị Ngọc Hiền ("")50US.ĐH Đỗ Thị Minh Nguyệt(T.Si)100FS.ĐH Diệu Hoa(USA)100US.ĐH Cao Ngọc Lang(Wilhelm shaven)20DM.ĐH Nguyễn Thị Huệ(T.Si)30DM.ĐH Nguyễn Thị Hồng Nhung(Essen)20DM.ĐH Tô Tô Ái & Tô Tú Trần(D.Mach)249.42DM.ĐH Phạm Ng. Huy(USA)20US.ĐH Nguyễn Thị Kim(Münster)20DM ĐH Ân danh(Trier)60DM.ĐH Minh Ân(Pháp)300FF ĐH Lê,Thị Diệu("")200FF.ĐH Tân Lê("")100FF.ĐH Lai Kim Loan("")100FF.ĐH Huệ Hoa("")100FF.ĐH Ngô Lành Yên("")200FF.ĐH Ân danh("")50FF.ĐH Vũ Âu(Karlsruhe)20DM.ĐH Đỗ Thị út(H.Lan) 20Guld.ĐH Huệ Lạc(Berlin)50DM.ĐH Lê Việt Thành("")50DM.ĐH Nguyễn Bình Thuận(Lünen) 50DM.ĐH Phạm Văn Gò(Augsburg)100DM.ĐH Nguyễn Ngọc Thanh(Villingen)10DM.ĐH Nguyễn Danh Thắng(Mannheim)40DM.ĐH Lý Ắt(Seevetal) 50DM.ĐH Roãn Thị Luân(Berlin)20DM.ĐH Nhu Lan Võ Thị Huệ(Bỉ)1.000FB.ĐH Phan Thị Nhiêu (H.Lan)20DM.ĐH Tạ Nguyệt Trinh(Heilbronn) 30DM.ĐH Nguyễn Thị Lan(Sweden)50Kr.ĐH Tạ Nhuận(Frankfurt)20DM.ĐH Nguyễn Đạt Lê Quang Thống("")50DM.ĐH Hoàng Hoa Hồng(Leverkusen) 100DM.ĐH Ban Mùi Trường(Schönbrunn)20DM.ĐH Bàng Văn Trọng(Mainhausen)50DM.ĐH Nguyễn Xuân Cầm(London)30Pound.ĐH Lê Hải(Lausanne) 30FS.ĐH Nguyễn Bình Thịnh(Pháp)100FF.ĐH Trần Việt Oanh(Neuss)10DM.ĐH Giảng Ích Tuyền(Geilenkirchen)20DM.ĐH Lương Ngọc Dân (Homburg)10DM.ĐH Nguyễn Văn Bửu(Pháp)100FF. ĐH Hà Thị Lan Anh(Madeisbach)20DM.ĐH Nguyễn Thị Bày(D.Mach)200Kr.ĐH Lê Thái(Krefeld)50 DM.ĐH Lê Thị Hoàng(Konstanz)20DM.ĐH Hồ Ngọc Du(Krefeld)30DM.ĐH Lê Trung Truc(Darmstadt) 20DM.ĐH Trần Vĩnh Cam(Münster)50DM.ĐH Trần Mỹ Huệ("")10DM.ĐH Trần Hải Song(Norden)30DM. ĐH Phùng Kim Liên(Norway)100Kr.ĐH Nguyễn Thị Tu(Sindelfingen)30DM.ĐH Văn Hồng Đức("") 10DM.ĐH Trần Thúc Hiền("")20DM.ĐH Hứa Xuân Vinh("")20DM.ĐH Du Thu Lan("")10DM.ĐH Dương Kim("")10DM.ĐH Mrs. Thái Grieves(USA)10US. ĐH Du Bửu(Sweden)200Kr.ĐH Tôn Thất Bình (Berlin)50DM.ĐH Nguyễn Thanh Tung(Konstanz) 25DM.ĐH Koumarasy Kien(Pforzheim)10DM.ĐH Hà Văn Tu(Aachen)50DM.ĐH Huỳnh Thị Xuân Hương(Wiesbaden)50DM.ĐH Huỳnh Thị Thủy(Lan. shut)20DM.ĐH Nguyễn Hữu Hoà(Canada)50Can. ĐH Nguyễn Thị Tiên(Hannover)50DM.ĐH Nguyễn Thị Thè(Münster)20DM.ĐH Martin Follert (Köln)20DM.ĐH Nguyễn Thành Các(Úc)500ckim. ĐH Nguyễn Ngọc Hạnh(Bỉ)100DM.ĐH Lê Văn Thành (Bỉ)500FB.ĐH Trần Thị Lệ Na(D.Mach)100Kr.ĐH Đức Tú Johnson(Texas)20US.HHLLĐH Nguyễn Thị TST.ĐH Tiêu Chí Chung (St. Ingbert)30DM.ĐH Nguyễn Khắc Cầm(München)50DM.ĐH Quách Hữu Thành(Hamburg)20DM.ĐH Trương Hoa("")20DM.ĐH Lương Anh("")20DM.ĐH Tăng Quý Hào("")50DM.ĐH Lưu Thị Mười("")30DM.ĐH Lê Chàng(Düsseldorf) 20DM.ĐH Dương Xuân Quý(Wiesbaden)20DM.ĐH Huỳnh Ba Thúc(USA)20US.ĐH Châu Thị Châm (Darmstadt)20DM.ĐH Trần Sáng(Würzburg)50DM ĐH Lương Thị Tuyền Nga(Sigmaringen)50DM.ĐH Nguyễn Thị Hoàng Liên(Aachen)20DM.ĐH Lê + Trần(Javensburg)100DM.ĐH Nguyễn Thị Nhiếp (Essen)40DM. ĐH Văn Minh(Steinfurt)50DM.ĐH Lê Thị Tu(Koblenz)30DM.ĐH Phạm Lạc("")20DM. ĐH Tôn Quốc Vinh(Saarbrücken)30DM.ĐH Ngô Thị Thanh Nguyễn(Weil Baltingen)20DM.ĐH Lê Hồng Tái(Grenzsch-Wyhlen)30DM.ĐH Hứa TST Giao(H.Lan)15Guld.ĐH Phan Thị Thinh(Weil am Rhein)30DM.

Trại Tặng

ĐH Võ Thị Mông Hoa(Bad Soden)40DM.ĐH Trần Thị Ba(Pforzheim)20DM.ĐH Lê Nguyệt Phần("") 10DM.ĐH Lê Nguyệt Thuýn("")20DM.ĐH Lê Thế Hùng("")20DM.ĐH Lê Nguyệt Nga("")10DM.ĐH Lê Nguyệt Lệ("")10DM.ĐH Huỳnh Diệu Hải(Spaichingen) 50DM.ĐH Diệu Hiền(Laetzen)30DM.ĐH Đào Trong Hiếu(Karlsruhe)20DM.ĐH Trần Hải Hoa(Spaichingen)20DM.ĐH Minh Ân(Pháp)200FF.ĐH Bướm Lạc(Berlin)50DM.ĐH Thiên Hồng Nguyễn Văn Lê (Neu-Ula)50DM.

Ấn Tống Thiên Môn Nhật Tung

Trần Văn Nam(Pforzheim) 60DM/5c. ĐH Trần Sơn Sơn(Bad Homburg)50DM/42c. ĐH Nguyễn Trí & Nguyễn Túc(Klein Ostheim) 40DM/3c. ĐH Hồ Trương Hùng(Berlin)120DM/10c. ĐH Nguyễn Hữu Thu Ngọc("")120DM/10c.ĐH Phạm Thị Khai (Lausanne)100DM/9c.HHLLĐH Phạm Thị Yê Pd Nhựt Hoa.ĐH Nguyễn Thị Lan(Sweden)50Kr.

Ấn Tống Kinh Sách

BH Quảng Thịnh & Diệu Đạt(Canada)40Can. BH Đỗ Thị Ngọc Hiền(USA)300US/BYTC. BH Lê Văn Sanh(USA)10US. BH Diệu Thành Trần Thị Hương(Canada)50Can. BH Như(")50Can. BH Cúc(")50Can

Báo Viên Giác

BH Phạm Thị Minh Nguyệt(Scheidg)50DM. BH Tôn Thất Phương(Pháp)50DM. BH Phạm Văn Hùng (E)500FB. BH Dương Văn Ngươn(Wetzlar)20DM. BH Đăng Doanh(Canada)30US. BH Nguyễn Thành Tâm(Merzig)50DM. BH Diệu Hiền Trương Thị Diệu(Laatzten)50DM. BH Nguyễn Thị Tuốt(USA)20US. BH Liên Phát(Kaufbeuren)10DM. BH Trương Thị Sự(Mainnshaft)20DM. BH Giang Bình(Hanno ver)20DM. BH Quảng Tín(Hamburg)5DM. BH Lê Mỹ Dung(Canada)50US. BH Nguyễn Kỳ Thương(Lünen)20DM. BH Trần Phúc Thịnh(Canada)20Can. BH Nguyễn Thanh Trung(Barntrup)50DM. BH Lâm Minh Đức(Filderstadt)50DM. BH Trần Văn Dân (Konstanz)50DM. BH Diệu Quảng(USA)40US. BH Nguyễn Văn Sĩ(")20US. BH Diệu Thanh Trần Thị Hương(Canada)50Can. BH Như(")50Can. BH Cúc(")50Can. BH Hồ Chí Hoa(Pháp)200FF. BH Trần Văn Mươi(Pháp)200FF. BH Ân danh(Tüttingen)20DM. BH Lâm Vĩnh Phong(Schneifurt)100DM. BH Ân danh 100DM. BH Danielle Beyschlag(München)100DM. BH Nguyễn Thị Hương(Krefeld)30DM. BH Nguyễn Tiên Hùng(Passau)20DM. BH Trinh Thị Hồng(Bad Kreuznach)20DM. BH Lê Quý Kỳ(Krefeld)20DM. BH Tô Trinh Túng(Würzburg)20DM. BH Trần Văn Huyền(Reutlingen)50DM. BH Dương Ngọc Phát(T. ST)20DM. BH Nguyễn Ngọc Châu (Pháp)300FF. BH Hồ Công Mẫn(Dornagen)20DM. BH Nguyễn Thị Thuý(Idar Oberstein)20DM. BH Đoàn Mậu Cấn(Reutlingen)10DM. BH Đặng Ngọc Hà (Speyer)100DM. BH Nguyễn Roanh(Lünen)50DM. BH Ân danh(Ravensburg)20DM. BH Lương Thị Liên(Frankfurt)20DM. BH Nguyễn Văn Trí(Langencargen)100DM. BH Lưu Đại Huy(Düsseldorf)20DM. BH Hoàng Thị Phương Tú(Bergkamen)20DM. BH Trần Văn Nhung(Canada)20US. BH Roan Tài Luân (Berlin)20DM. BH Phạm Thị Bích Tiên(Canada)30Can. BH Phạm Thị Loan(H.Lan)70Guld. BH Lê Thị Hương(Canada)50Can. BH Hoa Trần(USA)50US. BH Phạm(Essen)30DM. BH Hồ Minh Hoàng (Oberhausen)10DM. BH Phan Ba(Dortmund)30DM. BH Trịnh Văn Hy(Idar Oberstein)20DM. BH Lê Thị Thanh(Úc)50DM. BH Huỳnh Văn Tôn (Viersen)50DM. BH Phạm Văn Thức(Hameln)50DM. BH Hàng Văn Lương(Pháp)200FF. BH Tiết Quốc Kiệt (H.Lan)100Guld. BH Kiều Thanh Luân(Stuttgart)20DM. BH Trần Hữu Hòa(Spaichingen)20DM. BH Thái Trí Vi(Bruchsal)100DM. BH Nguyễn Văn Minh(Köln)50DM. BH Nguyễn Xuân Huê(USA)200 FF. BH Đặng Anh Dũng(Aachen)20DM. BH Lưu Phạm(Viersen)30DM. BH Nguyễn Thị Lan(Sweden)50Kr. BH Nguyễn Thành Kiệt(München)50DM. BH Thiên Nam(Krueeth)10DM. BH Trần Việt Oanh (Neuss)20DM. BH Trần Đình Thắng(Heidelberg)5DM. BH Trần Nhị Song(Norden)30DM. BH Tô Thanh Hoa(Berlin)20DM. BH Nguyễn Ngọc Hạnh(Bí)50DM. BH Thiên Hồng Nguyễn Văn Lễ(Neu Uim)100DM. BH Lê Thị Tâm(München)100DM. BH Trần Thiện Thào(Paderborn)50DM. BH Lê Bảo Đức(Pforzheim)20DM. BH Tôn Quốc Vinh(Saarbrücken)20DM

Một Thước Đất Xây Chùa

BH Huỳnh Văn Lý(Witten-Annen) 135DM/1m2. BH Tô Anh(Grenzach-Wyhlen)1.090DM/8m2. BH Lê Văn Sanh(USA)90US. BH Nguyễn Thành Tùng(Konstanz)135DM/1m2.

Xây Chùa

BH Châu Nhuận Tương(Laatzten)200DM. BH Võ Văn Mai(Norddeutsch)200US. BH Trinh Văn(Idar Oberstein)50DM. BH Darune Müller(Frankfurt)400 DM. BH Darno Kruger(")30DM. BH Ân danh(")100 DM. BH Roland Berthold 100DM. GDBH Hà Văn Thành(Frankfurt)600DM. BH Hà Toàn Vinh(M' Gladbach)500DM. BH Dr. T. Văn Kiên(Pháp)200FF. BH Phạm Văn Thịnh(München)800DM. BH Minh Ân Nguyễn Thị Long(Pháp)500FF. BH Dương Đổng (Augsburg)100DM. BH Thiên Tinh & Giác An (Berlin)1.000DM. BH Quan Miêu Hưng(M' Gladbach)20DM. BH Quan Miêu Linh(")20DM. BH Dr. Phan Quang Bân(USA)150DM. BH Huệ Tâm Trang Thị Phước(Pháp)500FF. BH Nguyễn Văn Hiền

(Cuxhaven)100DM. BH Günter Häfele(Berlin) 100DM. BH Khuê Thị Him(Babenhausen)50DM. BH Nguyễn Thị Mỹ Hoa(Regensburg)20DM. BH Robert Sändig(Frankfurt)1.000DM. BH Ân danh(Sindelfingen)500DM. BH Nguyễn Xuân Quang(Gütersloh)200DM. BH Bùi Quang Hột(USA)20US. BH Phan Hữu Phước(Berg.Gladbach)200DM. BH Huỳnh Văn Văn(Bí)1.000FB. BH Lương Thị Liên(Frankfurt) 50DM. BH Trương Quan Phước(Maschheim)1.000DM. BH Thảo(Canada)500 Can. BH Nguyễn Văn Thu(") 200Can. BH Nguyễn Văn Minh(")100DM. BH Vũ Ngọc Hoat & Việt Việt Hoa(USA)500FF. BH Ng. Khoa Tuấn(B.Mach)200Kr. BH Trần Quốc Thiên (Pháp)1.000FF. BH Ân danh(")500FF. BH Minh Nhân(")200FF. BH Ân danh(")200FF. BH Nguyễn Ngọc Châu(")86.96DM. BH Trần Diệu Huyền (Ravensburg)200DM. BH Quan Báo Cầu(Anh) 20 Anhkin. BH Nguyễn Thị Đào(Úc)30DM. BH Christa Lenz(Münster)100DM. BH Diệu Hâu(Dortmund) 800DM. BH Ân danh(Pháp)700FF. BH Nguyễn Thị Lan(Sweden)50Kr. BH Xu Sich Lương(Stadt-hagen)1.000DM. BH Nguyễn Văn Kiên(Pháp) 500FF. BH Trần Quốc Thiên(")500FF. BH Lê Thị Tâm(München)500DM. Quý DH Lê Minh Hoàng + Kim Ngọc + Kim Chi + Ngọc Diệp + Kim Huyền (Düsseldorf)500DM.

Báo Viên Giác (Xây Chùa)

BH Phan Thị Lan(Weil an Rhein) 200DM. BH Nguyễn Thị Xuân Lang(Craillsheim)200DM. BH Huỳnh Trọng Hiếu(Würzburg)20DM. BH Phương Thị Đại(Klein Osthelm)200DM. BH Nguyễn Hữu Mùng Chi(Oberhausen)200DM. BH Ngô Văn Lý (T.ST)200DM. BH Thiện Hạnh Võ Thị Mỹ(Nürnberg)200DM. BH Hoàng Xuân Diệu(Aschaffenburg)200DM. BH Trương Văn Tào(Erlangen) 200DM. BH Lê Giao(H.Lan)200Guld. BH Tâm Lý Hoàng Thị Thuận(Göttingen)100DM. BH Trang Văn Huy(Eislingen)200DM. BH Lý Thanh(Sweden) 200DM. BH Minh Lạc(Anh)80Anhkin. BH Hà Ngọc Du(Krefeld)200DM. BH Phan Công Đô(Laatzten) 200DM. BH Nguyễn Thị Xuân Lan(Craillsheim) 200DM. BH Nguyễn Văn Quyền(Landsbat)200DM. BH Huỳnh Văn Văn(Liege)1.000FB. BH Lê Văn Thành(Bí)1.000FB. BH Huỳnh Thu Hồng(Pháp) 144.93DM.

Hội Thiện (Xây Chùa)

BH Diệu Tánh Võ Thị Lập(H.Lan)1.000Guld. BH Tống Văn Hùng(Huppertal)50DM/dợt. BH Trương Phát & Châu Thị Nguyễn(VN)1.000DM/T.T.Lúc. BH Huỳnh Tường Hoàn(Berlin)200DM/dợt II. BH Phạm Thị Biên(Merzig)200DM/dợt II. BH Võ Thị Lợi(Erding)1.000DM. BH Nguyễn Thành Liêm (München)1.000DM. BH Trần Hồng Yến(")2.000DM. BH Nguyễn Bạch Ngọc(Kaufbeuren)1.000DM. BH Võ Thị Hoa(")1.000DM. BH Kang Quay(München) 1.000DM. BH Nguyễn Tấn Hà(")1.000DM. BH Nguyễn Văn Đô(")1.000DM. BH Thiện Hạnh Võ Thị Mỹ (Nürnberg)1.000DM. BH Lâm Thị Báo(Münster) 1.000DM. BH Qiu zun Wei(")1.000DM. BH Trương Thị Hằng(")1.000DM. BH Lý Chấn Lợi(Hannover) 5.000DM/5. BH Huỳnh Tường Hoàn(Berlin) 200DM /dợt 3. BH ThiệnGiác Hồ Vinh Giang(Hannover) 1.000DM.

Hương Linh Kỷ Tự (Xây Chùa)

BH Dương Nương Anh(M'Gladbach)600DM. HL Trương Siêu & HL Dương Lâm Thị. BH Diệu Giác(Berlin)500DM. HL Phạm Quang Điem pd Thiên Tài & HL Triệu Thị Ty pd Diệu Nhật. BH Phạm Bình(Bad Iburg)300DM. HL Lâm Hương. GDBH Quảng Ngộ(Laatzten)300DM. Chư HL quá vàng. BH Phan Thị Khai(Lausanne)300DM. HL Võ Văn Trinh. BH Trần Thị Tháp(Nordhorn)300DM. HL Nguyễn Văn Bé. BH Tô Thanh Hoa(Berlin) 300 DM. HL Trương Thị Lý.

Mua Hậu Cho Người Sống (Xây Chùa)

BH Huỳnh Đăng Sơn(Stade)1.000DM. BH Huỳnh (Hành). BH Quảng Phước(Minden)1.000DM

Mua Hậu Cho Người Quá Vãng (Xây Chùa)

BH Cao Thị Yên(Berlin)800DM. HL Cao Văn Tân. GDBH Thái Thị Long & Trần Thị Liên (Aarhus B. Mach)1.500DM. mua hậu & KT các HL quá vãng. BH Nguyễn Hữu Kha(Emden)1.200DM. HL Prof. Dr. Nguyễn Văn Thành.

Trại Ty Nạn

Saigon Store(Trier)100DM. BH Trương Văn Đô (")50DM. BH Trương Tấn Lộc(Laatzten)40DM. BH Võ Thị Mộng Hoa(Bad Soden)200DM. CHPTVNTN tại Wiesbaden 300DM. BH Võ Ngọc Khải(Neuss) 20DM. BH Đặng Ngọc Hà(Speyer)50DM. BH Võ Thị Mỹ(Nürnberg)30DM. BH Diệu Hải(Spaichingen) 20DM. BH Phan Thị Lan(Weil an Rhein)50DM. BH Lê Thị Mỹ Hạnh(Tübingen)50DM. BH Nguyễn Xuân Duc(")30DM. BH Phạm Văn Phú(")50DM. BH Hoàng Đan Trinh(")60DM. BH Trinh Minh Tú(")30DM. BH Trương Phước Dương(")20DM. BH Trần Đình Mỹ(") 50DM. BH Quang Thành(")20DM. BH Nguyễn Văn Du(")50DM. BH Hồ Bèo(Daussylingen)20DM. BH Nguyễn Ngọc Sơn(")30DM. BH Lương Chí Dũng(") 20DM. BH Đặng Văn Đoàn(")20DM. BH Đỗ Văn Tín (")10DM. BH Đỗ Thị Sơn Lam (")10DM. BH Nguyễn Tiên Hoa(Reutlingen)50DM. BH Võ Ngọc Giđ(") 8DM. BH Cổ Kim Trường(")20DM. BH Trần Văn Sanh(")10DM. BH Nguyễn Thị Tuyết(")5DM. BH Phùng Đức Luân(")40DM. BH Nguyễn Văn Cúc (") 20DM. BH Trần Hữu Nhiu(")20DM. BH Võ Danh (")20DM. BH Nguyễn Thị Lan(")12DM. BH Võ Danh(")10DM. BH Bùi Thị Phú(")5DM. BH Ô Kim Phụng(")20DM. BH Nguyễn Thị Quang Hoa(Tuttlingen) 20DM. BH Nguyễn Đình Thuộc(Reutlingen)20DM. BH Nguyễn Trọng Lương(")10DM. BH Nguyễn Thị Sầm(")10DM. BH Nguyễn Thị Hải(")10DM. BH Võ Văn Cường(")20DM. BH Huỳnh Kim Hui(")10DM. BH Bùi Văn Mai(")10DM. BH Võ Văn Song(")5DM. BH Nguyễn Thị Vũ(")20DM. BH Dương Tường(")10DM. BH Châu Văn Sang(")10DM. BH Đỗ Văn Nho(") 20DM. BH Nguyễn Thị Sơn(Tübingen)30DM. BH Cao Tuyên Khiêm(")20DM. BH Cẩm Văn Lung (Reutlingen)30DM. BH Trinh Thị Yến(Hamburg) 10DM. BH Đỗ Thị Bạch Yến(")10DM. BH Ân danh (") 50DM. BH Diệu Anh(")50DM. Mrs Thai Grieves(USA)20US. Tết cả số tiền trên đã chuyển qua Cô Từ Ngọc tại Hải Lan để giúp cho trại Banthad và trại Site II ngày 20.8.89. (TC:1.985DM)

Các Chùa Việt Nam

Võ Ngọc Khải(Neuss)15DM. BH Đỗ Thị Ngọc Yến (Hamburg)20DM. BH Trần Thị Kim Quy Diệu Hoa (Berlin)100DM. Chùa Viên Giác Hannover 2.400DM. Chùa Báo Quang(Hamburg)600DM. Cô Diệu Niên(Hannover)600DM. BH Giác Phổ & Thiên Lý(Berlin)100DM. BH Diệu Anh(Hamburg)50DM. BH Ân danh(")50DM. BH Hải PT(Berlin)1.040DM. Cô Diệu Như(")50DM. Chủ Lê Tấn(B. Mach)50DM. Cô Diệu Thái(Hannover)50DM. Cô Diệu Hiền(") 50DM. BH Lê Quang Tường 50DM.

Trại Cùi, Trại Mù

BH Võ Ngọc Hải(Neuss)20DM. BH Đặng Ngọc Hà (Speyer)100DM. BH Mỹ Liên(Hamburg) 50DM. BH Đỗ Thị Bạch Yến(")10DM.

XÂY HỒ SEN và TÔN TƯỢNG QUAN ÂM

BH Diệu Hải(Spaichingen)150DM. Nhà Hàng Minh Phát(Mühlacker)500DM.

Định Kỳ Hằng Tháng Xây Chùa Viên Giác

Sơ tinh tài ủng hộ định kỳ xây chùa Viên Giác của Quý vị qua ngân hàng bằng lối chuyển Dauerauftrag hoặc Lastschrift cũng như tiền mặt, chúng tôi sẽ lần lượt đăng tải danh sách của Quý vị để Quý vị để theo dõi. Đồng thời để đơn giản hóa vấn đề giấy tờ chúng tôi xin được phép chỉ đăng tải tên của Quý vị chỉ một lần trong suốt thời gian hồ trí xây chùa. Vay kính mong Quý vị thông cảm cho. Tiếp theo Viên Giác số 41+42+43+44 +45+46+47+48+49+50+51)

1040 Nguyễn Thị Long	500FF	5/89
1041 Nguyễn Thị Chính	20DM	7/89
1042 Phan Châu Thành	20DM	7/89
1043 Bà Phước Thàn	10DM	7/89
1044 Kiều Thanh Luân	10DM	9/89
1045 Nguyễn Thị Chính	20DM	8/89

Chúng tôi thành tâm kêu gọi Quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần hỗ trợ chùa bằng cách đóng định kỳ hàng tháng qua ngân hàng 101 Dauer-auftrag để việc thực hiện xây chùa có thể khả quan hơn.

Khi chuyển tiền tài cúng chùa, xin Quý vị vui lòng ghi vào nơi (Verwendungszweck = mục đích chuyển cho mục gì) để văn phòng dễ làm việc.

Quý vị ở xa ngoài nước Đức cũng có thể gửi tiền mặt hoặc Check trong thư, có thể gửi thường hoặc bảo đảm về chùa. Riêng Quý vị tại Pháp, xin gửi Mandat hoặc tiền mặt thì tiện hơn. Vì Check của Pháp không nhận ở Ngoại Quốc một cách dễ dàng được. Kính mong Quý vị lưu tâm cho.

Tất cả mọi sự cúng dường định kỳ hay bất thường hoặc những lễ lạc khác cho chùa. Quý vị đều có thể lấy giấy khai thuế lại (bằng tiếng Đức) để cuối năm Quý vị có thể khai khấu trừ thuế với chính phủ. Quý vị nào cần, xin liên lạc về chùa bằng thư hoặc bằng điện thoại, chúng tôi sẽ gửi giấy trên đến Quý vị.

Quý vị chuyển tiền tài việc xây chùa xin chuyển vào số Konto như sau :

Congr. d. Verein. Vietn. Buddh. Kirche e.V
Konto Nr. 865 74 70 01. BLZ 250 700 70
Deutsche Bank Hannover.

Quý vị chuyển về chùa trong những mục khác, xin chuyển về một trong 2 số Konto sau đây:
Congr. d. Verein. Vietn. Buddh. Kirche e.V
Konto Nr. 865 74 70. BLZ 250 700 70
Deutsche Bank Hannover.

Hoặc :

Pagode Vien Giac : Konto Nr. 865 02 28
BLZ 250 700 70. Deutsche Bank Hannover
Ngôi chùa thành tựu và phát triển được hay không vẫn nhờ vào sự hỗ trợ từ vật lực cũng như tinh thần của Quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần. Vì thế chúng tôi xin kêu gọi Quý vị hoan hỷ đóng góp phần mình vào việc chung trên, để ước nguyện của chúng ta sớm thành tựu.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát.

CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi xin chân thành cảm tạ Thầy trụ trì Thích Như Điển Hannover và quý Ông Bà, thân bằng quyến thuộc, thân hữu xa gần đã điện thoại chia buồn, thăm viếng, phúng điếu, giúp đỡ, hiệp ý cầu nguyện lễ an táng chôn và cha chúng tôi là ông

MAI VĂN PHÚC

mất ngày 27.5.1989 dl. hưởng thọ 67 tuổi và tiến đưa đến nơi an nghỉ cuối cùng ngày 31.5.1989dl Trong lúc tang gia bối rối không tránh khỏi nhiều sơ xuất, kính xin Quý vị niệm tình tha thứ.

Hà thị Hai - Vợ
Mai Kim Mỹ - Con
Mai thị Còn - Chị
Mai thị Nữ - Em
Nguyễn Văn Hiếu - Em rể
Nguyễn Hiếu Hoàng - Cháu
Nguyễn thị Kim Oanh - Cháu
Vóm Huy Quang

Đồng cảm tạ

PHÂN ƯU

Được tin thân phụ anh
Nguyễn Ích Hiến là

Cụ ông NGUYỄN ÍCH QUANG

đã tạ thế tại Oberhausen (Tây Đức) vào ngày 16.6.1989 hưởng thọ 80 tuổi. Chúng tôi thành thật chia buồn cùng tang quyến anh chị Nguyễn Ích Hiến và xin nguyên cầu hương linh Cụ Ông sớm siêu thoát về cõi Phật.

Nguyễn Hữu Thị Mừng Chi
và toàn gia quyến ho hàng
Oberhausen.

PHÂN ƯU

Được tin thứ nữ của ông bà
Trần Quang Trung là cháu

TRẦN THỊ NGỌC ANH

đã thất lạc tại Oberhausen (Tây Đức) ngày 24.5.1989, hưởng dương 20 tuổi.

Chúng tôi, toàn thể bà con cư ngụ tại tỉnh Oberhausen xin chân thành chia buồn cùng ông bà Trần Quang Trung và tang quyến.

Nguyễn cầu hương hồn cháu sớm vãng sanh về miền Cực Lạc.

Hội NVTNCS/Oberhausen
Hội Trưởng Nguyễn Ích Hiến

CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi xin chân thành cảm tạ

- Đại Đức Thích Minh Phú, trụ trì chùa Thiên Hòa Mönchengladbach.

- Sư Cô Thích Nữ Diệu Hạnh, trụ trì Niệm Phật Đường Phật Bảo Bartrup.

- Công Đồng Người Việt ty nạn tại Uelzen và vùng phụ cận.

- Quý Ông Bà, quý Cô Bác, cùng bạn hữu, thân bằng quyến thuộc gần xa đã điện thoại, chia buồn phúng điếu cũng như đã tiến đưa hương linh của chúng, cha, ông chúng tôi là

ĐỖ VĂN CHÁNH

Pháp danh Minh Chánh

mất phần ngày 13.06 dl.1989 đến nơi an nghỉ cuối cùng. Trong lúc tang gia bối rối có điều chi sơ sót, kính mong quý vị niệm tình tha thứ.

Gia đình Đỗ thị Rớt
Uelzen

PHÂN ƯU

Được tin buồn:

Cụ Bà Maria Nguyễn Thị Hào
nhũ danh Nguyễn Xuân Tông

Nhạc mẩu của Anh Dương Tấn Thành, "Hội Trưởng Hội NVTN tại Wiesbaden & Trưởng Nhóm Hướng Việt", vừa thất lạc tại Wiesbaden vào ngày 2.8.89, hưởng thọ 63 tuổi.

Xin thành thật chia buồn cùng Anh Chị Thành và quý quyến, nguyên cầu linh hồn Cụ Bà Maria sớm được hưởng nhan Thánh Chúa.

Liên Minh Dân Chủ Việt Nam
Khu Bộ Đức

PHÂN ƯU

Chúng tôi được tin buồn:

Chị Trần Thiên Thảo
nhũ danh Trang Thị Nhung
Tạ thế ngày 3.8.89 tại Paderborn
hưởng dương 42 tuổi

Chúng tôi xin thành thật phân ưu và thành kính cầu nguyện hương linh Chị sớm siêu sanh lạc quốc.

Toàn thể bạn hữu tại
Paderborn

PHÂN ƯU

Được tin buồn

Cụ Bà Quả Phụ **ỪNG TRAO**
nhũ danh Madalena **HỒ THỊ NGUYỆT**

thân mẫu của Bà Bùi Hạnh Nghi đã mệnh chung ngày 8.7.1989 tại Hoa Kỳ.

Chúng tôi xin thành thật chia buồn cùng Bà Bùi Hạnh Nghi và cầu nguyện cho linh hồn Cụ Bà sớm về nước Chúa.

Chi Hội PTVNTN tại Frankfurt.

PHÂN ƯU

Được tin

ÔNG ĐỖ VĂN CHÁNH

tự trần ngày 15.7.89 tại thành phố Uelzen, Tây Đức. Hưởng dương 59 tuổi.

Chúng tôi xin nói lên sự thương tiếc và thành thật chia buồn cùng gia đình người quá cố, và nguyên cầu hương hồn Cụ Ông sớm siêu diêu nơi miền Cực Lạc.

Công Đoàn người Việt ty nạn
tại Uelzen và các bạn hữu

CÁO PHÓ

Chúng tôi vô cùng đau đớn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc, thân mẫu, nhạc mẫu, bà nội, bà ngoại, nội tổ, ngoại tổ chúng tôi là

Cụ Bà Quả Phụ **ỦNG TRẠO**
Nhũ danh Madalena **HỒ THI NGUYỆT**

đã mệnh chung hồi 18 giờ 15 ngày thứ bảy 8 tháng 7 năm 1989 tại San Jose - California, hưởng thọ 100 tuổi. Lễ Quy Lăng sẽ cử hành tại nhà thờ St. Patrick lúc 10 giờ ngày thứ sáu 7 tháng 7 năm 1989 và sau đó sẽ an táng tại nghĩa trang Gate of Heaven.

Xin quý vị chung lời cầu nguyện cho linh hồn Madalena chóng hưởng Nhan Thánh Chúa.

Các con :

Nữ tu Claudia Công Tăng Tôn Nữ Thị Luyện
Công Tăng Tôn Nữ Thị Uyên, chồng Nguyễn Văn An và các con, các cháu

Bầu Thiệu, vợ Hồng Thị Tường Anh và con cùng các cháu

Công Tăng Tôn Nữ Như Xuân

Nữ tu Raphael Công Tăng Tôn Nữ Tuyệt Diệu

Công Tăng Tôn Nữ Ngọc Khuê, chồng Ngô Thế Linh và các con, các cháu

Công Tăng Tôn Nữ Như Tuyết

Bầu Sao, và các con cháu

Công Tăng Tôn Nữ Thị Duân, chồng Nguyễn Chính và các con, các cháu

Công Tăng Tôn Nữ Tiểu Diện, chồng Bùi Hạnh Nghi và các con, cháu.

Cáo phó này thay thế thiệp tang

CÁO PHÓ

Chúng tôi vô cùng đau đớn báo tin cùng quyến thuộc và thân hữu.

Bà Sương Phu **TRINH HÙNG NGẦU**
Nhũ danh Bà Nguyễn Thị Tốt
Pháp danh Diệu Quang

Thân mẫu, bà nội, bà ngoại và bà cố của chúng tôi, vừa mới tạ thế ngày 26.6.89 dương lịch (ngày 23.5.89 năm Kỷ Ty), hồi 1 giờ 20 phút tại nhà 7105 Northeast Dr. Austin, Tx. Hưởng thọ 79 tuổi (80 tuổi V.)

Tang lễ được cử hành tại nhà quàng Davis Chapel, hồi 1 giờ trưa ngày 27.6.89 tại nhà quàng Cook-Walden Funeral Home, Lamar. Hòa táng ngày 27.6.89 hồi 3 giờ trưa tại nghĩa trang Memory Memorials ở Austin, Tx.

Bà Sương Phu **TRINH DỤC TỬ** và hai con (Austin, Tx.)

Bà **TRINH TỐ NGA**, chồng, hai con, rể và cháu ngoại (Austin Tx.)

Cháu nội **TRINH THANH LONG** (San Jose, CA).

Rể **LÊ KIM SA** và 2 con (Austin, Tx.)

Đồng khắp báo

CẢM TẠ

Chúng tôi xin chân thành cảm tạ

- Đại Đức Thích Minh Phú, trụ trì chùa Thiên Hòa.

- Ông Chủ Tịch LMDCVN khu bộ Tây Đức.

- Ông Chủ Tịch và Phó CT Hội NVTNCS/ESSEN, Đại Diện 11 Hội Đoàn vùng Rhein Rhur.

- Ông D. Henry, đại diện Công Đoàn hãng Milchhof Niederrhein. Cùng toàn thể bà con tỉnh Oberhausen và thân bằng quyến thuộc bạn hữu các nơi đã điện thoại, đến dâng hoa chia buồn và dự lễ hỏa thiêu thân phụ của chúng tôi là

Cụ **NGUYỄN ÍCH QUANG**

Thế thế ngày 13.5 Kỷ Ty, hưởng thọ 80 tuổi.

Trong lúc tang gia bối rối nếu có điều chi sơ sót kính mong chư tôn và quý vị niệm tình tha thứ.

Con trai: Nguyễn Ích Hiến

Con dâu: Nguyễn Thị Minh

Cháu nội: Nguyễn Song Hoài Châu

Nguyễn Ích Bảo Sơn

Nguyễn Bình Phương Lan

Đồng kính bái

CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi xin chân thành cảm tạ,

- Thượng Toa Thích Như Điển
- Đại Đức Thích Hạnh Tuấn
- Quý đồng hương và thân bằng quyến thuộc gần xa đã điện thoại, gửi thiệp chia buồn, phúng điếu cũng như đã hộ niệm, cầu nguyện cho hương linh của Vợ và Mẹ chúng tôi là :

Bà **Trang Thị Nhung**

Sanh ngày 4.1.1947

Tạ thế ngày 3.8.1989

hưởng dương 42 tuổi

Trong lúc tang gia bối rối có điều chi sơ sót, kính mong quý vị niệm tình hy thứ cho.

Gia Đình Trần Thiện Thảo

PHẢN Ứ

Được tin buồn

Ông **NGUYỄN ÍCH QUANG**

thân phụ của ban **NGUYỄN ÍCH HIẾN** Chủ tịch Cộng Đồng Người Việt Ty Nạn tỉnh Oberhausen, đã tạ thế ngày 16.6.1989 tại Oberhausen (Tây Đức), hưởng thọ 80 tuổi.

Xin thành thật chia buồn cùng bạn Nguyễn Ích Hiến và tang quyến, nguyện cầu hương hồn người quá vãng sớm được siêu diêu nơi miền Cực Lạc.

-Liên Minh Dân Chủ Việt Nam/Khu Bộ Đức.

-Cộng Đồng Người Việt Ty Nạn tỉnh Essen.

-Thân hữu :

GD Bùi Như Sơn (M'Gladbach)

GD Nguyễn Văn Thịnh (Essen)

GD Dương Văn Phương (Essen)

GD Ma Văn Lợi (Krefeld)

GD Phạm Văn Nam (Wiesbaden)

GD Trần Hữu Phúc (Stuttgart)



NHÃN TIN

Để có dịp gặp gỡ chia sẻ vui buồn, giúp đỡ nhau trong cuộc sống ly hương và ôn lại những kỷ niệm dưới mái trường xưa, các bạn cựu sinh viên Sĩ quan trường Võ bị Quốc gia Việt Nam từ khóa 1 đến khóa 31 hiện đang tụ nện tại Cộng Hòa Liên Bang Đức, xin liên lạc về các địa chỉ sau đây : * Nguyễn Thanh Nam Hohenheimerstr.34, 7000 Stuttgart 1, Tel. 0711.244927; * Mai Ngọc Sáng, Julis Wolffstr.2, 3250 Hameln 1, Tel. 05151-25284. * Ngô Văn Phát, Pestalozzistr.11 3014 Laatzen 1- Tel 0511-824671

TÌM THÂN NHÂN

TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG con ông Trương Minh Hiệp trước ở quận 6, Sài Gòn, Việt Nam. Nay định cư tại Tây Đức - Vorstadtstr.57/1, 7060 Schorndorf. Tel. 07181-69896, muốn tìm chỉ tên là "Chị HAI LIÊN" trước ở Nha Trang. Nay ở đâu, xin liên lạc về địa chỉ trên.

HỘP THƯ TÒA SOẠN

Trong thời gian qua, Viên Giác đã nhận được những thư tín, tin tức, tài liệu và bài vở của quý vị và tổ chức hội đoàn dưới đây. Viên Giác xin chân thành cảm tạ. Riêng những sáng tác của Văn, Thi Hữu gửi về, chúng tôi đã chuyển đến Ban đọc và chọn đăng. Xin cảm ơn và mong đón nhận thêm những sáng tác mới.

Nguyễn Hòa(Hamburg), Đoàn Thị Thuận(Thụy Sĩ), Thích Hạnh Tuấn(USA), Nguyễn Sĩ Long(Áo), Nguyễn Hữu Mừng Chi(Oberhausen), Lê Đình Vỹ (Berlin), Lê Thị Bích Nga(Canada), Phúc Thịnh(Frankfurt), Ủy Ban Âu Châu Vận Động Cứu Ngụy Người Tỵ Nạn Đông Dương(Pháp), Thái Nguyệt Cầu(Koblentz), Martin Follert(Köln), Lê Thị Thanh Trang(Nordhorn) Phạm Thị Điện(Merzig/Saar), Châu Bảo Chương(Bayreuth), Thích Tâm Quang(USA) Trần Nghi Hoàng(USA), Politik - Information aus Bonn (Đức), Lê Thị Bích Tiên(München), Nguyễn Hữu Huân(Hamburg), Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyễn(Úc), Ban Hà(Reutlingen), Văn Phòng Việt Nam Tín Dụng(Eimelding-en), Đỗ Cao(Thụy Sĩ), Bùi Văn Hán(Hongkong), Phạm Thăng(Canada), Dr. Nguyễn Văn Thịnh(Bonn), Tổ Chức VN Tự Do(Kirchheim), Phạm Hồng Sáu(Lingen/Ems), Hồng Nhiên(Lingen/

Ems), Kinh Văn Diêu(Ban Mạch), Tâm Hoan(Pháp), Huỳnh Thanh Hà(Nettetal), Quang Phan(Hagen), Nguyễn Quý Đại(München), Vũ Nam(Giemarzen) Trung Tâm Đức Lập(Stuttgart), Nguyễn Văn Báu(Köln), Bao La Cư Sĩ(Pháp), Nguyễn Ang Ca(Bỉ), T.T Thích Trí Chơn(USA), Nhất Chính(Mỹ) Nguyễn Thanh Khiết(München).

Ngoài ra trong thời gian qua, chùa Viên Giác đã nhận được những kinh, sách, báo chí của các chùa, các tổ chức, hội đoàn khắp nơi gửi về biểu. Viên Giác xin thành thật cảm tạ và xin trân trọng giới thiệu đến quý độc giả xa gần.

Tây Đức: Việt Nam Diêm Báo số 1/89 Development and Cooperation số 3/89, Nhân Quyền số 21/22, Diên Đàm, Măng Non số 38, Sinh Hoạt Cộng Đồng số 6, Tibetisches - Zentrum - Nachrichten số 3/89, Bản Tin Tây Đức số 6/89, Diên Hồng số 2+3, Hương Việt số 7, Wochen Bundestag số 11, Informationsmaterial Südostasien-Flüchtlinge, Entwicklung und Zusammenarbeit số 6/89, Tây Đức Kiểu Báo số 191, Wochen Bundestag số 12, Sinh Hoạt Cộng Đồng số 7/89, Dân Chúa số 84, Politik số 3/89, Kháng Chiến số 89, VIDIThông Tin số 5-6/7, Đức Lập số 6-7/89, Entwicklung und Zusammenarbeit số 7, Bản Tin Tây Đức 7/89, Das Beste 8/89, Rundbrief Helf 11/89, Development and Cooperation số 3/89, Tinh Tâm số 12, Cao Đài Giáo Lý số 12, Dân Chúa số 85, Diêm Báo số 1/89, Sinh Hoạt Cộng Đồng 8/89.

Pháp: Nhân Bản số 147, Thông Luận số 17, Ai Hữu số 82, Ai Hữu số 83, Khánh Anh(Bản tin bổ túc) số 7/89,

Nhân Bản số 148, Thông Luận số 18, Quê Mẹ số 101, Développement et Coopération số 4/89, Hoàng Pháp số 55.

Hoa Kỳ: Hoa Sen số 7, Nguồn Đạo số 21, Minh Tâm số 38, Chân Trời Mới số 32, Biên Bản và Đề Án Tổ Chức ĐHTGDPTVN tại Hoa Kỳ, Ch'an New letter số 72, Việt Nam Nguyệt San số 62, Phật Giáo Thống Nhất số 4, Indochina Journal số 1/89, Tự Do Dân Bản số 41, Ch'an Magazin số 3/89, Chân Trời Mới số 33, Tạp Chí Dân Tộc số 1.

Canada: Hóa Đạo số 2, Sen Trắng số 7, Liên Hội số 29, Pháp Âm số 25, Quân Hành số 2+3.

Hòa Lan: Việt Nam Nguyệt San số 62. Bỉ: Vượt Sóng số 78, Vượt Sóng số 79. Úc: Bản Tin Vạn Hạnh, Pháp Báo số 24. Đài Loan: Trung Ngoại số 396, Thế Giới Tăng Già số 2, Cosmorama số 397, Hiện Đại Phật Giáo số 99. Thụy Sĩ: Muc Vù số 80. Nhật: Sen Trắng số 8, Khuông Việt số 44/45.

Kinh Sách

Trúc Lâm Thiên phái tại Huế (Hoa Kỳ), Đạo Phật Nói Gì Sau Khi Chết (Pháp), Bích Nham Lục (Một trăm công án thiền tông), Đức Phật Ngồi Yên, Huyền Không Tạp Ghi do H.T Thích Mãn Giác dịch - 2 sách trên do chùa VN, Trung Tâm Văn Hóa PGVN tại Hoa Kỳ phát hành, Thơ Tình của Bằng Bá Lân(Canada), Đêm Huyền Nghĩa - Thích Trí Đức(HoàKỳ), Thiên Bì Yếu Pháp - H.T Thích Trung Quán (Pháp), Cao Đài Giáo Lý Đại Cương (Đức), Kinh Phật Bản Hạnh Tập -H.T Thích Trung Quán(Pháp).

CHÚC MỪNG

Được hồng thiệp của Ông Bà Vũ Ngọc Tuấn (Tây Đức) báo tin lễ vu quy cho

*Thứ Nữ Vũ Thị Bích Nga
đẹp duyên cùng Nguyễn Chức
thứ nam của Ông Bà Nguyễn Thắng(Tuy Hòa-Phú
Khánh-Việt Nam).*

Hôn lễ cử hành tại Reutlingen vào ngày 22.07.1989.

Được hồng thiệp của Ông Bà Hoàng Đôn Thịnh(Tây Đức) báo tin lễ vu quy cho

*Cô Hoàng Diệu Thụy
đẹp duyên cùng Anh Trần Đức Thành
em của Ông Bà Phạm Viết Huỳnh
Hôn lễ cử hành tại München-Allach vào ngày
29.07.1989 Chúng tôi có lời chúc mừng hai họ và mến
chúc đôi vợ chồng trẻ hạnh phúc trọn đời.*

*Chi hội PTVN Tỵ Nạn tại
Reutlingen và vùng phụ cận.*

THÀNH KÍNH

TRẦN NHẬT THÀNH

Lạy mẹ Đức Quan Thế Âm Bồ Tát . Xin
mẹ từ bi cứu độ chúng con . Đêm nay ngoài
kia gió bão bùng . Thế gian quai đau khổ điêu
linh . Lạy mẹ Đức Quan Thế Âm Bồ Tát . Đoái nhìn
lời con con khẩn cầu thiết tha . Tính mẹ nguồn
vui cao quý vô vân . Cúi xin lạy mẹ chúng cho lời
con . Nguyên nguyên Nam Mô Đại Từ Đại Bi cứu
khổ Quan Thế Âm Bồ Tát . Nguyên nguyên cầu
cho đất nước hoà bình người người hết thương đau lầm than
Lạy mẹ Đức Quan Thế Âm Bồ Tát . Tháng
ngày lòng con vẫn hằng ước mơ . Đêm nay về
dây dưới bóng mẹ hiền . Cúi xin lạy
mẹ xót thương đời con

MẸ HIỀN QUÁN ÂM

Trích từ tuyển tập 99 bài ca sinh hoạt Gia Đình Phật Tử do Hàn Lệ Nhân sáng tác và sưu tập, chùa Khánh Anh Paris xuất bản năm 1982 - Phật Lịch 2526 -